NĂM THỨ TÁM • #91 • NOVEMBER 1996

# THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

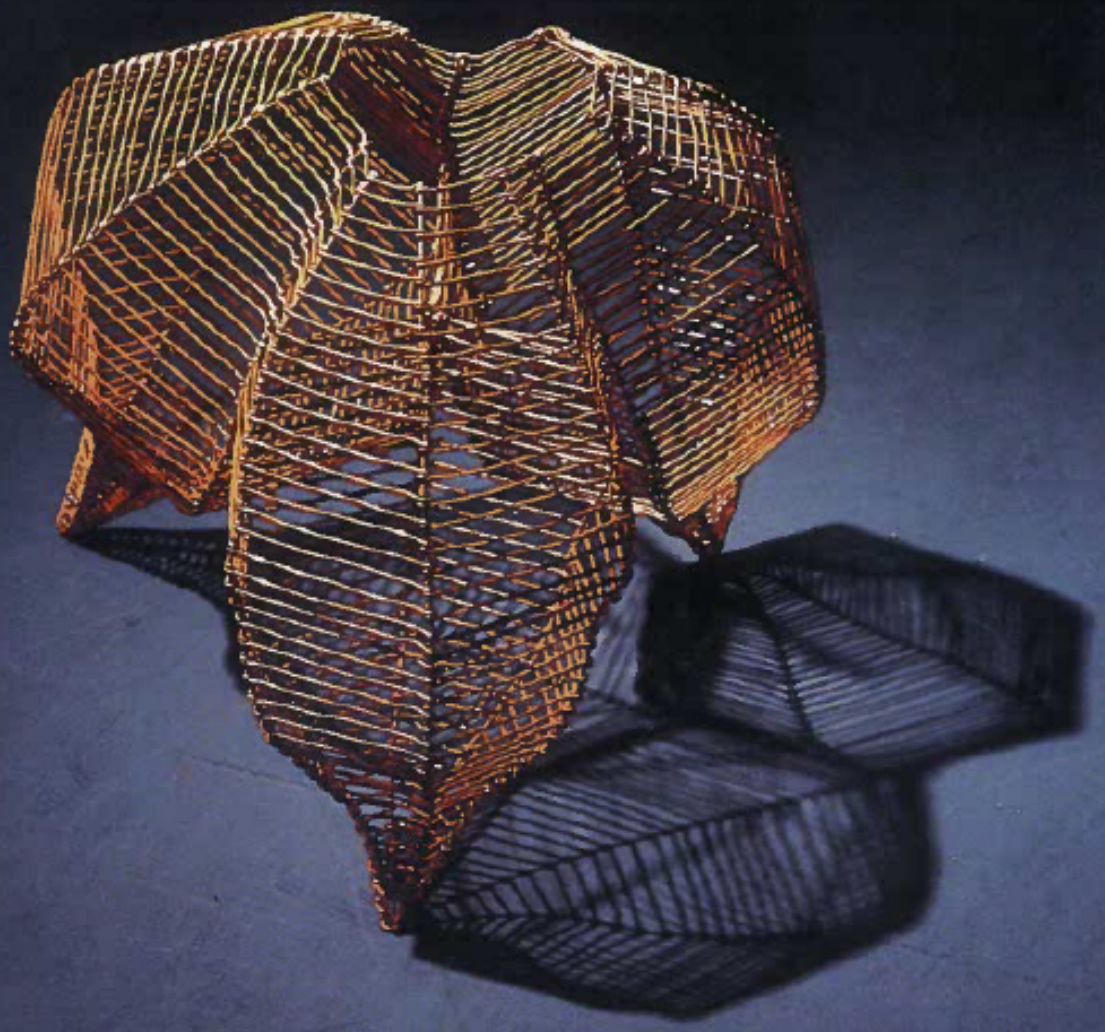

## NHƯ VƯỜN SAU NHÀ WAINSCOTT
**LÊ TẤT ĐIỀU**

## TRẦN QUÝ CÁP VÀ BẢN ÁN MẠC TU HỮU
**TRẦN GIA PHỤNG**

## NGẬM NGẢI TÌM TRẦM
**TRẦN DOÃN NHO**

BẠN ĐANG SỐNG TRONG MỘT THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC
VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

*Hãy nhớ đến*

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ PHÁT ÂM

**ĐỪNG BỎ LỠ CƠ HỘI!**
**Một máy bằng 3 máy cộng lại mà chỉ tốn nửa số tiền.**

# GOLDEN Thế Kỷ VEC-888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM.

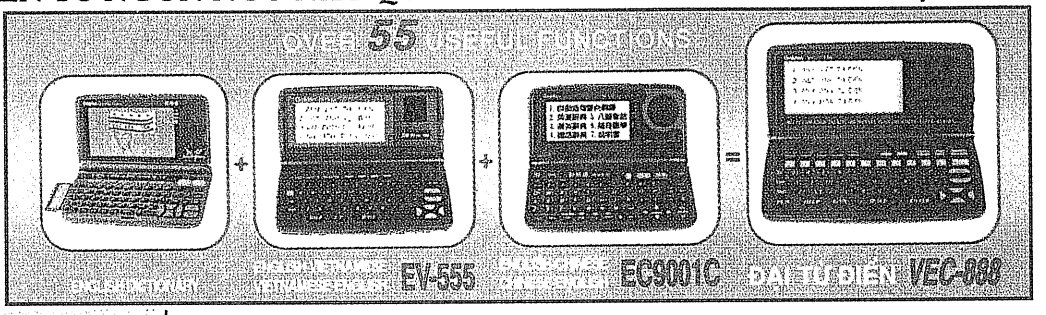


- *Anh-Anh* Từ Điển
- *Anh-Việt* Từ Điển
- *Việt-Anh* Từ Điển
- Từ điển *Đồng Nghĩa*
- Từ điển *Phản Nghĩa*
- *Đàm Thoại* thông dụng trong hàng chục lãnh vực
- *Vạn Dụng* Từ Điển để dùng riêng trong 35 lãnh vực khác nhau
- Sổ ghi *Điện Thoại*, Sổ Hẹn, *Sổ Ghi Nhớ* có sức chứa gấp đôi máy thường
- *Máy Tính:* Làm đủ các phép tính thông thường
- Đổi đơn vị đo lường
- Đổi hối suất tiền tệ quốc tế
- Xem giờ như đồng hồ biết giờ khắp năm châu
- Tra cứu thông minh chỉ cần ghi vào một phần hay một mẫu tự cái
- Tìm ngày tháng Âm Dương Lịch
- Chuông báo giờ nhắc mọi hoạt động

- **Anh-Anh Từ Điển (American Heritage Concised Dictionary)**
- **Anh-Việt, Việt-Anh của máy Thế Kỷ EV-555**
- **Anh-Hoa, Hoa-Anh của máy EC-900 1C**

**Và 10 khả năng vô địch tất cả các máy khác hiện nay không thể có được:**

1. *5 bộ từ điển ngôn ngữ Anh, Việt và Hoa trong một máy.*
2. *Màn ảnh có thể hiện lên bằng 1 trong 3 ngôn ngữ trên.*
3. *Tra cứu tuần hoàn, chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia ngay lập tức và không giới hạn (máy mới nhất của người Hoa chỉ cho tra 5 lần).*
4. *Có 16 bài văn phạm với đầy đủ câu ví dụ.*
5. *Trên 30,000 câu dẫn chứng cho các từ tiếng Anh.*
6. *Phát âm tiếng Anh nguyên giọng Mỹ của Đại Học Berkeley (có bản quyền).*
7. *Phát âm tiếng Hoa hai giọng Quảng Đông và Bắc Kinh, đúng giọng địa phương (có bản quyền).*
8. *Bộ nhớ của VEC-888 lớn nhất, kho chứa trữ liệu lớn nhất.*
9. *Luyện thi Nhập Tịch theo tài liệu hình thức của Sở Di Trú có phát âm.*
10. *Thay đổi màn ảnh, tra cứu các từ, đổi công dụng, chuyển ngôn ngữ, tìm câu dẫn chứng cho mỗi từ...chỉ bấm 1 nút.*

Chỉ cần Anh-Việt hãy dùng
**Từ Điển Điện Tử Phát Âm Thế Kỷ EV-555**
với trên 40 công dụng

**Chúng tôi phân phối đi khắp thế giới**

**TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ VÀ CANADA**
**GOLDEN MATE INC.**
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
**Tel: (818) 279-9898**
**Fax: (818) 279-9899**
Nhận Order: **1-800-243-3948**

**THẾ KỶ NEW YORK**
36-26 145 Place, Flushing, NY 11354
Tel: (718) 353-9116 * Fax: (718) 353-0294

**LITTLE SAIGON**
9200 Bolsa Ave., # 226
Tel: (714) 897-9808

**MONTERY PARK**
127 N. Garfield Ave
Tel: (818) 571-6598

**FELICITY CO.**
861 N. Spring St., # 110, LA.
Tel: (213) 617-2283

**NHÀ SÁCH THĂNG LONG**
767 N. Hills St., # 102, LA., CA 90012
(trong khu Interstate Bank)
Tel: (213) 626-1644

**CHINATOWN (LA)**
727 N. Broadway # 128
Tel: (213) 625-8609

*Sau những thành công vang dội của tuyệt phẩm Paris by Night 29 (Las Vegas I),*
*Thúy Nga hân hạnh được Caesar's Palace Casino*
*mời tái ngộ cùng quý khán giả bốn phương trong một show ca vũ nhạc tuyệt vời*

# PARIS BY NIGHT 37 LAS VEGAS II

*Điều khiển chương trình:*
**NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN**

*Bởi số ghế của Caesar's Palace có giới hạn nên trong 10 khán giả muốn mua vé tham dự, chỉ có một người mua được chỗ.*
*Để tạ lỗi và cảm ơn sự ủng hộ nồng nhiệt của quý khách, Thúy Nga cố gắng mang lại cho quý vị thưởng thức tại gia*
*VIDEO CA VŨ NHẠC THẬT ĐỘC ĐÁO VÀ XUẤT SẮC*
*với sự góp mặt của các nghệ sĩ:*

**- Khánh Hà - Ái Vân - Họa Mi - Hương Lan - Thanh Lan**
**- Thanh Hà - Bảo Hân - Mỹ Huyền - Hoàng Lan - Châu Ngọc**
**- Lynda Trang Đài - Don Hồ - Long Hồ - Thái Châu - Thế Sơn**
**- Nguyễn Hưng - Philip Huy - Tommy Ngô - Joseph Hiếu**
**- Phương Loan - Chí Tài - Chí Tài Brothers Band**

*Mới Phát Hành: Băng đọc truyện dài thật hấp dẫn của Nhà Văn* **NGUYỄN NGỌC NGẠN**
*"Đếm Những Mảnh Tình"* **(Audio Book số 31)**

**GIÁ $28 1/BỘ**

Xin liên lạc: **THÚY NGA**
**MỸ & CANADA:** P.O. Box 2174 • Westminster, CA 92683 - USA • Tel.: (714) 893-2860 • Fax (714) 891-9673
**ÂU CHÂU:** 44 Ave D'Ivry - 75013 • Paris, France • Tel.: 45-83-34-30
**ÚC:** 323 Chapel Rd. • Bankstown - N.S.W. 2200 • Australia - Tel.: (02) 796-722

*tìm đọc tạp chí*

# VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

- ☑ **phát hành liên tục từ 1985 đến nay**
- ☑ ***nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ***
- ☑ **đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới**

Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 5/1995 mua dài hạn được bộ nhà xuất bản Văn Nghệ An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

**ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC**
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

**PHIẾU DÀI HẠN**
*SUBSCRIPTION FORM*

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

| | | | |
|---|---|---|---|
| Gửi Bulk Rate | □ 6 tháng / *6 months* | □ 1 năm / *1 year* US$40.00 | □ 2 năm / *2 years* US$75.00 |
| Gửi First Class: | | □ 1 năm / *1 year* US$52.00 | □ 2 năm / *2 years* US$96.00 |
| Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) | CANADA | □ 1 năm / *1 year* US$56.00 | □ 2 năm / *2 years* US$113.00 |
| | ÂU CHÂU / *EUROPE* | □ *1 năm / 1 year* US$76.00 | □ 2 năm / *2 years* US$140.00 |
| | Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA* | □ *1 năm / 1 year* US$86.00 | □ 2 năm / *2 years* US$160.00 |

**GHI CHÚ / *NOTES:***

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

# L. ANDRÉ LÂM

Liên lạc:

**DIAMOND BÍCH NGỌC**

10221 Slater Avenue, Suite #211
Fountain Valley, CA 92708

**(714) 965-9715** (trong giờ làm việc)
**1-(800) 695-7144** (ngoài giờ làm việc)
**(714) 663-4314** (Beeper)

**Chuyên lo bồi thường tai nạn xe cộ**

*LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI:*

**14.99%**

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra Văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ:

- **Di Trú (Immigration)**
- **Khánh Tận Tài Sản (Bankruptcy)**
- **Ly Dị Cấp Dưỡng (Family Law)**
- **Luật Thương Mại (Business Litigation)**
- **Hình Luật: Trộm Cắp và Tội Đại Hình**
- **Tai Nạn Nghề Nghiệp (Workers' Comp.)**

**ĐÓN NGHE! ĐÓN NGHE! ĐÓN NGHE!**

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP PHỔ THÔNG DO VĂN PHÒNG LUẬT SƯ ANDRÉ LÂM PHỤ TRÁCH VÀ DIAMOND BÍCH NGỌC THỰC HIỆN HÀNG TUẦN MỖI CHIỀU THỨ BA TRÊN ĐÀI VNCR — LÀN SÓNG **106.3 FM** — TỪ 2:15 PM ĐẾN 3:15 PM

VÀ

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP HAI TUẦN MỘT LẦN CHIỀU THỨ BẢY TRÊN ĐÀI VĂN NGHỆ TRUYỀN THANH — LÀN SÓNG **96.7 FM** — TỪ 2:00 PM ĐẾN 3:00 PM

*TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO*

## Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

# KICON

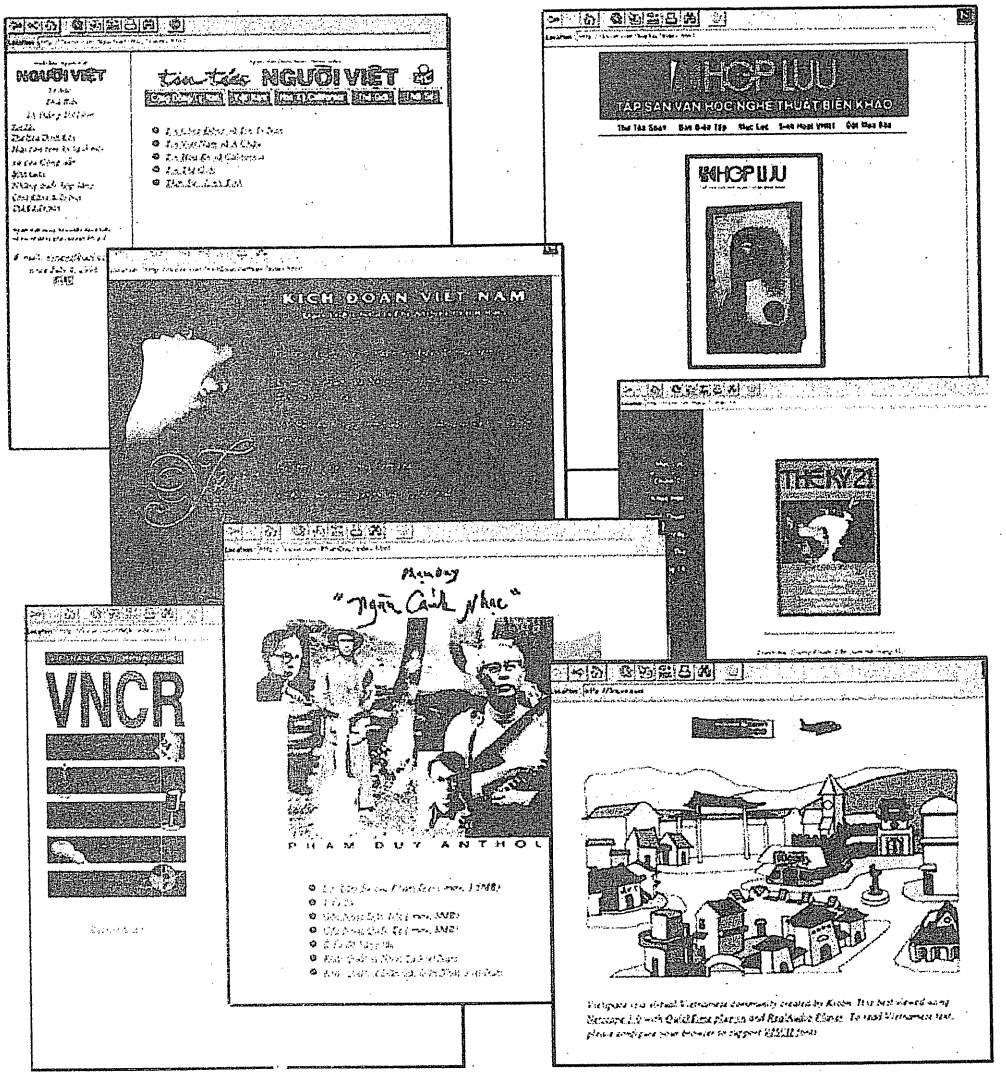


**Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.**

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

# http://kicon.com

# NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
# NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

**14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643**

*(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)*

# (714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

## NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

**GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ¤ CHỦ NHẬT NGHỈ**

*CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải*

# Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

**Trung Tâm Nhãn Khoa**
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
**Tel: (714) 839-9996**

## Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

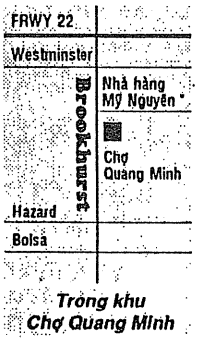


- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

Orange County, California, USA

# Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City,
CA 92655

## TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA,USA.
*Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991+1992+1993 +1994+1995, CA, USA..
* Aesthetics Congress 1991+1992+1993 +1994+1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beaty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.

THUH ☆ BEAUTY
Orange County, California, USA

## GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

**Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.**
**Giải phẫu:**
*Mắt, mũi, cằm, ngực, da mặt, da trán, hút mỡ. Lấy da và mỡ bụng. Chữa trị các hình thức Silicone. Giải phẫu bàn tay Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.*

*Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển*

Tel. & Fax:
**(714) 8-949-949**

## CHUYÊN MÔN:

* Facial
* Lột da mặt
* Dầu thơm Pháp
* Dưỡng Da
* Xâm Thẩm Mỹ
* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Trang điểm cô dâu, dạ hội
* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.
* Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

**Bp: (714) 218-6262**

**Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng**

Tranh bìa: **Hoàng Vũ** (xem bài trang 93)
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày ruột: **Lê Tam Ca**
Minh họa: **Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Quỳnh**
Hí họa: **Babui Mamburao**
Ảnh: **Bùi Duy Thuyết, Lê Tam Ca, Lý Kiến Trúc, Nguyễn Châu, Phạm Duy Anthology, Phạm Phú Minh, Trần Quán Niệm, Trần Đại Lộc, báo Thế Giới Ngày Nay**

# MỤC LỤC

**Số 91 • Tháng Mười Một 1996**


## CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ

**13** Cơn sốt nhân quyền trong một thế giới bá đạo —**Lâm Lễ Trinh**
**16** Guồng máy hành chính và những thách thức trong tương lai— **Võ Xuân Quang**
**20** Giải Nobel về kinh tế 1996 —**Vương Hữu Bột**
**24** Ngăn ngừa tai hại sinh môi tại đồng bằng sông Cửu Long
**46** Dương Thu Hương trả lời phỏng vấn báo Pháp
**85** Ý niệm toàn cầu hóa trong lĩnh vực kinh tế —**Vũ Quốc Thúc**

## KHOA HỌC - LỊCH SỬ

**31** Tâm não và tâm*(tiếp theo)* — **Nguyễn Kết**
**37** Máy từ điển điện tử EV-96
**38** Trần Quý Cáp và bản án Mạc Tu Hữu —**Trần Gia Phụng**
**106** On quantum and other notions —**Nguyễn Hùng Vũ**

## NGHỆ THUẬT

**43** Xem tuyển tập tranh và tiểu luận Thái Tuấn —**Phan Thị Đỗ Quyên**
**49** Lê Thương - người nhạc sĩ dân tộc (1913-1996)— **Đặng Mĩ Lộc**
**98** Perpendicular Style in Nguyễn Du— **Dr. Nguyễn Quỳnh**
**102** Thái Tuấn's essays— **Nguyễn Ngọc Bích** *translated*

## VĂN

**45** Nhà văn trong tù— **Joseph Brodsky (Đặng Hoàng** *dịch)*
**51** Một khoảng trời xanh —**Hoài Cẩm Lê Văn Hưng**
**54** Như vườn sau nhà Wainscott —**Lê Tất Điều**
**59** Trời mùa mưa Singapore *(tiếp theo)*— **Nhung Uyên**
**66** Ngậm ngải tìm trầm —**Trần Doãn Nho**
**76** Người được bạc *(tiếp theo)*— **Phạm Nguyên Lương**

## THƠ

**53.** Giữa nước và núi: một khúc hoài— **Thường Quán. 57.** Ngợi ca khi cảm thấy mình xấu dở — **Wiswalsa Szymborska (D.H.** *dịch*). **61.** Nhìn lại — **Hồ Trường An. 62.** Một ngày đông — **swd. 69.** Hư không — **Nguyễn Đăng Ngọc. 72.** Chiều bên sông cũ — **Nguyễn Hòa Hiệp. 74.** Biển trăng — **Cổ Ngư. 107.** Like pinewind singing —**Lê Đức Vương Minh**

## MỤC THƯỜNG LỆ

**8** Thư trong tháng — **Vương Hữu Bột**
**9** Bạn đọc viết
**10** Tòa soạn và bạn đọc —**Phạm Phú Minh**
**11** Hộp thư trị sự —**Phan Mỹ Sương**
**26** Sổ tay — **TK 21**
**84** Khách trong tháng —**Lê Đình Điểu** *ghi*
**90** Vòng chân trời văn học nghệ thuật —**Lê Tam Ca**
**94** Sách báo trong tháng— **Phạm Xuân Đài** ■

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

**11022 Acacia Pkwy #A**
**Garden Grove CA 92840 USA**
**Tel: (714) 638-9510**
**Fax: (714) 638-1944**
E-mail:
**75504.3510@compuserve.com**

WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

**Nhóm chủ trương:**
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô

**Chủ nhiệm:**
*Lê Đình Điểu*
**Chủ bút:**
*Vương Hữu Bột*
**Tổng Thư Ký Tòa Soạn:**
*Phạm Phú Minh*

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn.

**Trị sự:**
Văn phòng trưởng:
*Vũ Duy Tự*
Quảng cáo & phát hành:
*Phan Mỹ Sương*
Ngân phiếu đề: THE KY 21

**Đại diện phát hành:**
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
**Pháp:**
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
**Đức:** *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
**Canada:** *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
**Western Australia:** *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

**ISSN 1056-4640**

## THƯ THÁNG MƯỜI MỘT

# BỐN NGƯỜI CON CỦA BÀ TƯ

## VƯƠNG HỮU BỘT

Tháng này, quý vị ở các xứ ôn đới, mạn bắc của Bắc bán cầu, đã được ngắm cảnh cây lá đổi mầu. Thiên nhiên đang thay áo. Nếu chúng ta vẫn có tấm lòng bình yên như Đinh Hùng, người ở Canada cũng muốn hỏi thăm người ở Nhật Bản:

*Thu về, em đã gặp thu chưa?*

Nghe gọi tên Mùa Thu như tên một người bạn cũ, lâu ngày mới gặp lại, người nọ nhắn người kia, khắp khởi báo tin mừng. Thuở đó thi sĩ sống với thiên nhiên cũng như sống với loài người. Cây cỏ, sông núi, với con người cùng cảm khái:

*Rừng gấm thu nghiêng cánh lụa vàng*
*Lòng ơi còn gợn sóng Đà Giang*

Cũng trong tháng này, quý vị ở Nam bán cầu đang gặp mùa xuân trở lại, cây lá đang đâm chồi nẩy lộc. Xin được san sẻ cùng quý vị nỗi hân hoan mừng rỡ.

Người Việt Nam sống ở hải ngoại bây giờ, mỗi khi viết có thể hình dung độc giả đang sống trong đủ bốn mùa, đủ các múi giờ, thở hít bao nhiêu nền văn hóa khác nhau. Có vị giờ này đang vẽ tranh bên bờ Địa Trung Hải, có người đang làm vườn trong nhà mình ở Úc châu. Người ở Mỹ đang nghe các ứng cử viên tổng thống tranh luận. Người ở Việt Nam đang uốn lượn giữa dòng xe gắn máy tấp nập. Người ở Paris, Praha, đang tất tả nhập vào dòng nhân loại chui xuống xe điện hầm, khi chui lên nếu để lòng ngắm nghĩ, sẽ thấy lịch sử trên các lề đường lát đá. Chưa bao giờ không gian và thời gian đối với chúng ta lại phong phú như vậy.

Nhà văn đang ngắm lá vàng tại Bergen, Na Uy, muốn viết cho *Thế Kỷ 21* một tùy bút. Còn cô sinh viên đại học Sophia, hỏi "thế ở Tokyo người ta có ngắm mùa thu đang trở về trong thành phố hay không?" Mùa thu gợi nhớ đến quê hương. Ngắm cảnh mặt trời lặn, nhớ quê, ngày xưa Nguyễn Du viết:

*Cố quốc san hà khan lạc nhật*
*Tha hương thân thế thác phù vân*

Nguyễn Du ở cách làng mình mấy trăm cây số, từ Hà Tĩnh vào Quảng Bình, xa cách chưa tới ba năm, mà đã "gửi thân thế cho đám mây trôi." Chúng ta may mắn, sống xa nhà nửa vòng trái đất hàng chục năm trời, vẫn cảm thấy gần gũi. Lòng còn gửi áng mây Hàng, nhưng thân thế không đến nỗi nổi trôi vô định.

Như khi chúng ta nghe tin nhạc sĩ Lê Thương tạ thế ở Sài Gòn. Ông mất vào đúng lúc mọi người ở Bắc bán cầu chờ đón tết Trung Thu. Không ai bảo ai, người Việt ở khắp mặt trái đất cùng hát bài *Bóng trăng trắng ngà, có cây đa to...* để cảm ơn người nghệ sĩ. Hàng triệu người, vòng quanh hoàn vũ, chung một nhịp ca, chia sẻ cùng một niềm hoài cảm. *Qua Thiên San, kìa ai tiễn rượu vừa tàn.* Thấm thoát mà đã nửa thế kỷ. Những người đi ngoài vạn lý quan san, nhiều người không bao giờ trở lại. *Ngày nào tròn trăng lại nhớ đến tích xưa...* Một tích xưa để nhớ là chuyện bốn người con của bà Tư.

Nhiều người còn nhớ bài "Bà Tư Bán Hàng" của Lê Thương. *Bà Tư Bán Hàng có bốn người con. Thằng anh đã lớn, ba em hãy còn học trong các trường, nhưng đã thành khôn. Năm Độc Lập kia trên nước Việt Nam,...* Bài hát bình dị, thiết tha kể chuyện bốn người con của bà Tư đã "lên đường theo chí người dân." Bốn người con của Bà Tư đã bất tử trong lòng người dân Sài Gòn.

Tôi được nghe bài hát cũ này, do một ông già 70 tuổi hát lên, khi đang đi trên con đường Bolsa ở góc miền Tây Bắc Mỹ. Bỗng được sống hai không gian, hai thời gian khác nhau. Ông bạn già chưa quen biết mà đã là tri kỷ, vì cùng nhau tưởng nhớ mấy người con của bà Tư. Biết đâu ông chẳng là một người con của bà Tư, may mắn còn sống sót? Những người năm mươi năm cũ, hồn ở đâu bây giờ?■

## Xem tranh Thái Tuấn

Tranh của ông Thái Tuấn có ma lực mời gọi đầu óc người thưởng ngoạn phải làm việc để "giao hưởng" với tiếng lòng của tác giả. Thí dụ như khi ngắm bức tranh *Chim* vẽ năm 1992, ta chỉ thấy một đôi guốc mộc, một giải khab lụa trắng vắt hờ hững trên cành, một con chim đậu trên ngọn cây. Có thế thôi, mà sao càng nhìn ngắm, càng suy cảm ra như nghe được tiếng gió đang phất phơ thì thào trong không; tiếng suối reo, nước chảy, và hình dung ra được nhiều nét đẹp thiên nhiên khác của quê hương. Con chim đậu quay đầu ra ngoài có thể là một chọn lựa tình cờ, nhưng tôi nhìn thấy như là cố ý, nó đứng với tư thế sẵn sàng báo động, trong nhiệm vụ canh phòng cho cái *thế giới thần tiên* của họa sĩ.

Như vậy họa sĩ Thái Tuấn đã mang thơ và nhạc vào tranh của ông, và mỗi bức tranh là một bản "tình ca" ca ngợi một hcủ đề yêu quê hương riêng. Ngay cả trong một vài họa phẩm đã được dùng bối cảnh ở nước ngoài, những vóc dáng, đường nét đặc thù của dân tộc cũng nổi bật nhất. Toàn bộ tuyển tập Tranh và Tiểu luận Thái Tuấn đã cho người yêu tranh tìm được một bầu không khí quen thuộc, ấm cúng, đậm đà: *hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.*

Đường cọ của họa sĩ thật là độc đáo, tài tình! Giá trị nghệ thuật của Tuyển Tập này đã chiếm cho họa sĩ Thái Tuấn một chỗ đứng rất đẹp trong hội họa Việt Nam, và sẵn sàng góp mặt trong cộng đồng quốc tế.

**Nguyễn Hưng Quảng** *(Connecticut)*

## Giữa đường thấy chuyện bất bằng...

Tôi sống trong vùng quận Cam nhưng vì bận việc, rất tiếc không đến dự buổi mạn đàm về sông Mê Kông do *Thế Kỷ 21* tổ chức ngày 5 tháng Mười vừa qua được. Tuy nhiên sau đó tôi có đọc và nghe tường thuật trên nhật báo và đài phát thanh, và rất vui mừng thấy buổi mạn đàm đã đi đến được một bước cụ thể là thành lập được một ủy ban vận động để bảo vệ con sông và vùng đồng bằng của chúng ta.

Vẫn biết với tư cách người tị nạn, chúng ta không dễ dàng thực hiện điều đó, nhưng nếu cố gắng và tích cực thì tôi nghĩ cũng có thể đạt được một số kết quả. Hiện nay những hội đoàn bảo vệ sinh môi trên thế giới hoạt động rất mạnh và có ảnh hưởng lớn, tôi nghĩ ủy ban nên cố liên lạc với họ, trình bày chuyện của mình và nhờ họ lên tiếng giúp thì sẽ chóng có kết quả hơn. Tôi thấy các hội đoàn ấy như là những hiệp sĩ của thời đại, họ xem trái đất là của chung cần phải bảo vệ, nên hễ thấy "bất bằng" thì chắc là họ "chẳng tha" đâu.

Ngoài ra tôi thiết tha mong ủy ban mới thành lập, khi có tài liệu hoặc hoạt động gì mới về sông Mê Kông thì nên công bố cho bà con biết, tôi nghĩ những việc hữu ích lâu dài cho quê nhà như thế thì ai cũng muốn biết và ủng hộ. Xin cám ơn và chúc quý vị nhiều may mắn.

**Đinh Văn Hùng** *(Orange, CA)*

## Lại chuyện tạp chí

Thỉnh thoảng khi đọc báo gặp được những cái thú vị nho nhỏ (thú vị nhỏ đôi khi thích hơn thú vị lớn!). Như câu chuyện "tạp chí, tạp hóa" trong mục *Bạn Đọc Viết*, báo *Thế Kỷ 21* số 89. Người đặt vấn đề cũng hay và người giải vấn đề cũng hay. Tôi cũng có lúc như ông B.Kh., bỗng nhìn thấy chữ nghĩa đầy vẻ kỳ cục. Đó là những lúc tâm trí mình bỗng đi ra khỏi cái dòng chảy thường nhật của ngôn ngữ, ra khỏi thói quen, nhìn một chữ đứng độc lập, thấy nó hiện ra khác hẳn, trần trụi, không mang ý nghĩa và linh hồn như nó vẫn có. Nên tôi rất thông cảm chữ "tạp" mà ông B.Kh. nói đến, chắc ông cũng trong lúc "xuất thần," thấy nó đầy vẻ tạp nhạp, tạp hóa, nghĩa là rất... tạp. Một cái tên như vậy mà dùng để gọi tờ báo văn chương chữ nghĩa thì... chịu sao nổi!

Nhưng phần trả lời của quý báo tôi thấy cũng rất hay, vừa từ chương mà lại vừa linh hoạt, đúng các nhà văn nhà báo là những người điêu luyện với chữ nghĩa thật. Đọc phần trả lời ấy thì tôi thấy mọi chuyện lại đi vào cái dòng của nó, và không còn thấy cái "tạp" ấy là "tạp" nữa. "Tạp chí" lại xuất hiện như một toàn thể, một âm thanh đầy vẻ văn chương chữ nghĩa, chứ không còn *lộn xộn, jack of all trades* như trước. Tôi nghĩ phần tra cứu về từ nguyên của câu trả lời rất quan trọng, nó khẳng định lại những gì mơ hồ nhiều chất cảm tính vì chưa hiểu biết rõ, và khi hiểu rõ thì cái cảm giác "lộn xộn" biến mất.

Những cái nho nhỏ như thế giúp ích chúng tôi nhiều lắm. Xin cám ơn cả hai đàng.

**Trần Công Chính** *(Portland, Oregon)*

## Hựu hay Hữu?

Vừa rồi tôi được đọc tập kỷ yếu kỷ niệm 100 năm trường Quốc Học *Tiếng Sông Hương*, thấy đó là một tập san có nhiều bài vở giá trị, nhất là các tài liệu về trường Quốc Học và xứ Huế. Tuy nhiên, tôi gặp trong đó một cái tên lạ mà trước đến giờ tôi chưa có dịp nghe trong các tên gọi của đất cố đô: Thiên Hữu Học Đường. Đó cũng là nhan đề của một bài do tiến sĩ Phan Văn Thính chuyển ngữ từ bài "*L'Institut de la Providence à Hue*" của linh mục G. Lefas MEP.

Trường Providence ở Huế thì chắc ai cũng biết, và cũng biết luôn tên Hán Việt của nó là "Thiên Hựu Học Đường," thường gọi là trường Thiên Hựu. Theo bài nói trên thì tên Hán Việt ấy (Thiên Hữu Học Đường) là do linh mục

Nguyễn Văn Thích, một vị đại nho, đặt từ buổi đầu thành lập trường.

Vậy tên Hán Việt đúng của cơ sở giáo dục ấy là Thiên **Hựu** như thường gọi, hay Thiên **Hữu** như bài viết trong *Tiếng Sông Hương*?

**Phạm Thị Bích Giang** *(Tustin, CA)*

*Chúng tôi cũng thường nghe là Thiên Hựu. Vậy xin chuyển thắc mắc này nhờ* Tiếng Sông Hương *hoặc vị nào biết rõ vấn đề giải thích hộ.*

## Nổ

Tôi xin có ý kiến với *Thế Kỷ 21* số 86, tháng Sáu 1996 về bài viết Tưởng niệm Chu Tử của Nguyễn Quang An.

Việc tổ chức tưởng niệm các văn nhân đã bỏ mình dưới chế độ cộng sản là một việc làm rất hay, nên làm, tôi đồng ý điểm này một trăm phần trăm.

Nhưng tôi không đồng ý, nói chung rất nhiều người viết bài, tuyên bố, thiếu kiểm chứng, phân tích, nên ưa *"nổ"* bậy, chuyện này đã làm phiền nhiều người đọc.

Trong bài tưởng niệm Chu Tử, ông Đỗ Quý Toàn đã "nổ": "Từ thời niên thiếu Chu Tử là một người cực kỳ thông minh, Chu Tử đậu bằng cử nhân Luật năm ngoài 20 tuổi."

Tôi phân tích câu trên:

Theo như bài viết, ông Đỗ Quý Toàn "là người đã có một thời gian làm việc với Chu Tử trong tuần báo *Đời*." Vậy ĐQT chỉ biết Chu Tử lúc làm báo, còn thời "niên thiếu" không biết Chu Tử. Nhưng nếu có biết Chu Tử vào thời niên thiếu cũng không chắc biết Chu Tử *cực kỳ* thông minh. Sở dĩ ĐQT cho Chu Tử "cực kỳ thông minh" là vì Chu Tử "đậu luật khoa ngoài 20 tuổi."

Ngoài 20 tuổi, có thể 21, 22, 23, 24..., như vậy chưa xác định được tuổi khi đậu cử nhân. Nhưng thời trước, cần kiểm chứng lại, chương trình học như Y khoa ngắn hạn hơn bây giờ, hoặc các ngành khác cũng ngắn hơn (các ngành khác cần kiểm chứng lại số năm học) và dĩ nhiên chương trình ngắn thì tuổi ra trường sẽ nhỏ hơn.

Tôi thí dụ ở miền Bắc, chương trình trung học 10 năm, nếu học xong đại học chỉ có 22 tuổi, những người học sớm hơn có thể ra trường 21 tuổi, và nếu sửa tuổi để hoãn đi nghĩa vụ thì ra trường 19, 20 tuổi. Như vậy ở miền Bắc các cô cậu đều "cực kỳ thông minh!"

Nhưng tôi đặt vấn đề chính là chúng ta có biết Chu Tử "cực kỳ thông minh" không? Bởi, nghề chính của ông (Luật) không có gì, nghề dạy Pháp văn thì ai dạy chả được, còn nghề viết văn làm báo, ông không hơn các nhà văn khác, ông chỉ có một điểm là làm "khác" người ta, nhưng khác không phải là "cực kỳ thông minh."

**Nguyễn Võ** *(Redmond, WA)*

*Trước hết chúng tôi xin cám ơn ông đã nhắc nhở về vấn đề "nổ." "Nổ" tức là nói quá đáng, cường điệu xa sự thật rất nhiều, hoặc nói một cách khẳng định những điều mình chưa biết rõ. Cách nói như thế rõ ràng là chúng ta nên tránh, vì đúng như ông nói, làm phiền người khác lắm.*

*Về ông Chu Tử, sau khi hỏi lại những bạn bè cùng lứa với ông, chúng tôi được biết:*

*Thời niên thiếu, tự học ở bậc trung học, thi đậu tú tài toàn phần (Baccalauréat Métropolitain) với tư cách thí sinh tự do năm 17 tuổi. Ông tốt nghiệp Cử nhân Luật Đại học Hà Nội năm 21 tuổi. Thời gian học cử nhân luật là ba năm, có thể thêm một năm học Hán văn và Dân Luật Bắc kỳ hoặc Dân Luật Trung kỳ nếu muốn thi vào ngạch quan lại.*

*Chu Tử học xong luật không đi vào quan trường mà thi vào ngạch Tư pháp, làm Lục sự Tòa Tây Án (Commis greffier). Tòa Tây Án là tòa án của người Pháp, khác với Tòa Nam Án là của triều đình Huế. Chu Tử làm lục sự tòa án Vinh từ năm 1942 đến 1945. Từ năm 1947 đến 1950 ông làm Chánh án Tòa án Liên khu 3. Từ 1951 đến 1954 ông mở một tư thục tại Hải Phòng. Từ 1945 ông vào Nam, dạy học, viết văn, làm báo như chúng ta đã biết.*

*Những người cùng thời với Chu Tử đều cho rằng ông thông minh hơn người. Cũng trong buổi tưởng niệm Chu Tử ấy, nhà văn Võ Phiến cho biết: "Đất Bắc vốn là đất văn học, người học giỏi nhiều, nhưng giỏi như cậu Bình thì quả thật là hiếm, đến độ khắp vùng Sơn Tây, khi khuyên bảo con cháu học hành, người ta mang ông Cử Bình ra làm ví dụ. Bởi vì học nhảy tới ba năm để thi tú tài như Chu Tử thì hầu như thời đó toàn cõi Đông Dương chỉ có một người."*

*Thời trước (ở đây chúng ta đang nói về thời Chu Tử đi học đại học, thập niên 30, thời Pháp thuộc) chương trình đại học không ngắn hơn bây giờ ("bây giờ" là tiếng tạm dùng để chỉ thời Việt Nam Cộng Hòa, tại miền Nam trước 1975). Như ta vừa thấy ở trên, chương trình học cử nhân luật thời Pháp thuộc từ ba đến bốn năm, thời VNCH cho đến đầu thập niên 70 cử nhân luật vẫn là ba năm, sau tăng thêm một năm. Chương trình Y khoa đào tạo bác sĩ trước và sau bằng nhau, bảy năm. Các ngành khác số năm cũng đều tương đương nhau. Còn hệ thống giáo dục của cộng sản miền Bắc là chuyện khác hẳn, dùng làm hình tượng ví von thì được, chứ không nên đem so sánh về giá trị.*

*Một lần nữa xin cám ơn ông Nguyễn Võ đã cho chúng tôi cơ hội để rà xét lại việc làm của mình đồng thời tìm hiểu và chia sẻ với bạn đọc thêm một số vấn đề. Việc làm có khi sơ sót, và ý kiến của bạn đọc luôn luôn là một tấm gương để chúng tôi soi vào đấy mà tự đánh giá mình.*

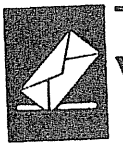

## TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của tác giả sau: Lê tất Điều, Trần Mộng Tú, Vũ Thụy Hoàng, Nguyễn Đại Bằng, Nguyễn Trung Dũng, Bửu Sao, Jason Gibbs, Nguyễn Đăng Ngọc, Nguyễn Hưng Quảng, Đặng Mĩ Lộc, Minh Hân, Huỳnh Liễu Ngạn, Nguyễn Văn Cường, Viên

Phong, Hồ Trường An, Đỗ Xuân Trúc, Hà Giang, Mai Nguyên, Hồng Khắc Kim Mai, Phạm Trọng Chánh, Thường Quán, Babui.

**Hồ Minh Dũng** *(Atlanta, Georgia)*: Mong anh đã ổn định, cảm thấy vui và nhiều hứng thú văn chương trên vùng đất mới. Đất của bà Margaret Mitchell hẳn là đất văn học, chắc thế nào anh cũng "được" *cuốn theo chiều gió* truyền thống văn học ở đó. Rất cám ơn anh đã để ý đến việc phổ biến các tạp chí Việt ngữ, trong đó có Thế Kỷ 21, tại Atlanta, hy vọng sẽ nhờ gió đưa đi nhanh khắp nơi. Thân.

**Nguyễn Hùng Vũ** *(Chino Hills, CA)*: Rất cám ơn ông đã nêu những thắc mắc trong thư của ông, cũng như những cảm tình và sự tin cậy ông dành cho Thế Kỷ 21. Chúng tôi biết đó là loạt bài rất khó, và những điểm còn gây thắc mắc thì tốt hơn hết là nhờ chính tác giả giải thích. Chúng tôi đã làm việc đó, và sẽ liên lạc với ông sau. Thư ông rất tiếc không ghi địa chỉ người gửi, nhưng chúng tôi hy vọng sẽ tìm thấy địa chỉ của ông trong danh sách độc giả dài hạn. Thân kính.

**Đỗ Xuân Trúc** *(Tulsa, OK)*: Đang đọc GTQ. Thành thật xin lỗi việc đã hứa gửi tài liệu mà rồi lại không làm. Mà thật ra tổ chức đó hoạt động thì có, còn tài liệu thì quả thật chưa có gì. Anh em có ý định soạn một số tài liệu căn bản (khi hứa gửi chính là gửi tài-liệu-đang-dự-định-soạn ấy đấy), nhưng ngày qua ngày, công việc lu bu, chưa trang nào được viết cả. Dù sao trong tháng Mười Một này sẽ có một sinh hoạt rất hào hứng. Bạn qua chơi được thì hay quá.

**Bùi Duy Thuyết** *(San Jose, CA)*: Đã nhận đầy đủ thư và các thứ ông gửi. Đồng ý với cụ Kh. là thiếu phần khảo cứu cổ học, xin sẽ cố gắng làm cho đầy đủ hơn. Loại đó cũng hiếm như đồ cổ, và cũng khó chọn lựa như đồ cổ thứ thiệt. Nhờ ông giúp cho một tay nhé. Chúc vui.

**Nhắn tin:** TÌM BẠN

Anh HUỲNH TẤN, hiện ở Úc, xin cho địa chỉ và số điện thoại.

Bạn cũ (hiện ở Mỹ):

- Hồng Sơn, Tel (310) 805-5524.
- Như Phong, Tel (714) 775-5830 (c/o Thái).

# Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

**Độc giả gia hạn và độc giả mới:**

Hoa Nguyễn (Garden Grove CA), Nga Jongen (BELGIUM), Trần Q. Cường (Hayward CA), Nguyễn Ngọc-Anh (North Hills CA), Nguyễn Ngọc Danh (Sacramento CA), Đoàn Ngọc Đa (Santa Ana CA), Vũ Thụy Hoàng (Springfield VA), Nguyễn Văn Trung (CANADA), Trần Ngọc Mỹ (Glendale CA), Phạm Trọng Lệ (Fairfax VA), Lê Thị Thẩm Vân (Milpitas CA), Phạm Cao Củng (Plymouth FL), Lộc Huỳnh (San Diego CA), Nghiêm Xuân Khuyến (Irvine CA), Nguyễn Trường (Arcacia CA), Phạm Bạch Lài (W Hollywood CA), Phạm Thu Hương (South San Gabriel CA), Lam N. Nguyễn (Elgin IL), Khanh Bùi (Upland CA), Phạm Đỗ Chí (Potomac MD), Trần Chấn Giang (Temple City CA), Văn Thúc Cung (Mesquite TX), Nguyễn Hoàng Hùng (AUSTRALIA), Khương Phương Lan (Vienna VA), Khanh Huỳnh (St Louis MO), Nguyễn Công Thuần (Vestal NY), Nguyễn Văn Huân (GERMANY), Võ D Nguyễn (Olympia WA), Nguyễn Hữu Thanh Lãng (Honolulu HI), Trịnh Ngọc Bằng (Irving TX), Lê Văn Xe (JAPAN), Nguyễn Đức Lũy (Sparks NV), Phạm Văn Thông (Harvey LA), Hoàng Tổng (San Diego CA), Peter Dương (San Jose CA), Trần Phiên (Austin TX), Nguyễn Thị Thanh Phương (Simpson Ville SC), Trần Thị Anh Đào (El Cajon CA), Nguyễn Cao Hoàng (Pasadena CA), Nguyễn Tấn Vinh (NORWAY), Trần Thị Trầm (Pacifica CA), Phùng Nguyễn (Bakersfield CA), Huân Phạm (Agoura CA), Pomona Public Library (Pomona CA), Thái Thị Mai (Tampa FL), Trần Minh Điền (Santa Ana CA), Lê Thị Tường Giang (Houston TX), Bùi Hồng Nhậm (San Jose CA), Đỗ Duy Thẩm (Garden Grove CA), Nguyễn Hữu Khánh (Milpitas CA), Vũ Ngọc Hạ (Petaluma CA), Đặng Hiếu Kính (Herndon VA), Đỗ Cường (Fresno CA), Ngô Thị Mai Hương (San Jose CA), Trần Ngọc Kỳ (San Diego CA), Nguyễn Thị Ngọc Thu (Chicago IL), Lê Lam Anh (Tucson AZ).

**Lisa Le** *(Los Angeles CA)*: Web page mới của TK là http://kicon.com/theky21.

**Kim Định** *(Carthage MO)*: Toà soạn đã gởi đến cụ những quyển sách cụ đặt mua, riêng quyển *Kinh Dịch* của nhà chí sĩ Phan Bội Châu thì chưa tìm ra, xin cụ vui lòng chờ đợi. Kính chúc cụ vui, khoẻ.

**Trần Hương** *(St Louis MO)*: Chúng tôi đã gửi cuốn "Tuyển Tập Tranh và Tiểu Luận Thái Tuấn" bằng Express Mail đến ông và một cuốn nữa đến ông CHN ở Florida. Cám ơn ông đã có lời khen ngợi. Chúc ông luôn vui.

**Nguyễn Văn Huân** *(GERMANY)*: Đã điều chỉnh số báo gia hạn của ông đến #96. Chúc vui. Kính.

**Bà Trần Ngọc Hạnh** *(Milpitas CA)*: Chúng tôi đã chuyển những thắc mắc của bà sang bên Kí Con (ở ngay bên cạnh tòa báo TK) để nhờ giải đáp các thắc mắc kỹ thuật bà nêu ra trong thư. Các băng phỏng vấn bà đặt, chúng tôi sẽ gửi trong vài ngày tới, vì độc giả yêu cầu bài nào thì mới sang bài ấy chứ không sản xuất hàng loạt để phát hành rộng rãi. Kính.

**Nguyễn Công Thuần** *(Vestal NY)*: Rất vui khi được biết tận trong rừng sâu mà vẫn có người nghe VNCR và đọc TK 21, riêng buồn vì có người sống nơi thành thị nên không biết cảnh rừng thay màu lá ra sao (?!). Đã gởi đến ông 14 băng *Báo Nói*. Xin cảm ơn lời chúc tốt đẹp của ông dành cho VNCR và TK 21. Thân kính.

**Đan Đình Cận** *(Winnetka CA)*: Đã gởi gấp đến ông báo số Tháng Mười (#90). Chúc vui. Kính.■

# Bạn muốn có một tập "HÙNG SỬ CA,"

ỦY BAN THANH NIÊN
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

## HÙNG SỬ CA

HOÀNG QUÝ • HOÀNG THI THƠ • HÙNG LÂN • LÊ THƯƠNG • LƯU HỮU PHƯỚC • LƯU QUANG THUẬN • NGUYỄN HIỀN • PHẠM DUY • THANH THOẠI • THẨM OANH • VÕ ĐỨC THU

với 18 bản nhạc hùng về những đề tài lịch sử Việt Nam, của các tác giả nổi tiếng? Xin gửi **họ, tên và địa chỉ** của bạn về **Hội VAALA**. Hội sẽ gửi **tặng** bạn một tập. Bạn có thể tặng lại Hội một ngân khoản tùy hỉ, để Hội có phương tiện hoạt động. Tiền tặng này được khai để trừ thuế cuối năm.

**Gửi về: VAALA, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840.**

*Liên lạc để biết thêm chi tiết: (714) 638-9510; 534-9430 (hỏi ông Ngô Mạnh Thu).*

# CƠN SỐT NHÂN QUYỀN TRONG MỘT THẾ GIỚI BÁ ĐẠO

LÂM LỄ TRINH

*Không giải quyết những thách đố trọng đại trong thế kỷ này thì sẽ không có thế kỷ sắp đến.*

*André Malraux*

Trong thế giới hiện đại, nhân quyền là đề tài được công luận và báo giới nói đến hằng ngày và phê bình sôi nổi đến mức nhàm tai. Một số câu hỏi về nhân quyền vẫn gây thắc mắc trong tâm tư của quần chúng: Nhân quyền thật ra gồm có những quyền gì? Cuộc đấu tranh cho nhân quyền bắt đầu trong trường hợp nào và từ lúc nào? Các quốc gia và tổ chức quốc tế bảo vệ nhân quyền ra sao? Lý do nào khiến nhân quyền bị chà đạp dài dài dù được Liên Hiệp Quốc công khai bênh vực? Có thể chấp nhận các đại cường lợi dụng nhân quyền để áp lực các nước đối nghịch hay không? Có phương pháp hữu hiệu nào để buộc các chính phủ chuyên chế tôn trọng nhân quyền? ...v..v...

## Lịch sử nhân quyền

Người đầu tiên nêu ra một cách nghiêm chỉnh ý niệm nhân quyền (dưới cụm từ *"quyền của xã hội nhân loại"*) là một nhà ngoại giao kiêm luật gia Hòa Lan tên Grotius hay Hugo de Groot - được giới học giả tặng cho biệt danh *"người cha đẻ của nhân quyền"* - trong tác phẩm *"De jure belli oc pocls,* Bàn về quyền chiến tranh và hòa bình," xuất bản năm 1625. Tuy nhiên, lịch sử nhân quyền chỉ thật sự tiến mạnh trong giai đoạn cận đại. Đúng vậy, phải đợi sau Đệ nhị Thế chiến mới được thấy các nhân quyền trứ danh ghi công khai vào một bản tuyên ngôn quốc tế.

Trước đó, trong thế kỷ 19, các sách luật Tây phương cũng đã nghiên cứu phần nào "quyền của nhân loại, droit de l'humanité" và một số hiệp ước hòa bình sau Đệ nhất Thế chiến có điều khoản liên hệ đến các thiểu số về sắc tộc, ngôn ngữ hay tôn giáo đặt dưới sự che chở yếu ớt của Hội Quốc Liên.

Những hành vi sát nhân của chính quyền phát xít Đức quốc xã trong các trại Buchenwald và Auschewitz đã làm cho thế giới kinh hoàng và phẫn nộ. Hiến chương San Francisco đặt nền móng cho tổ chức Liên Hiệp Quốc. Đồng thời, một ủy ban chuyên môn lãnh trách vụ thảo Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Sau ba tháng ráo riết làm việc, Ủy ban trình dự án cho Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc biểu quyết chấp nhận ngày 10.12.1948. Trong 56 quốc gia hiện diện, có sáu nước thuộc khối Cống Sản chống đối và hai chính phủ bỏ thăm trắng: Nam Phi và Arabie Séoudite.

Bản Tuyên Ngôn nói trên tự giới thiệu như *"một lý tưởng cần thực hiện,* un idéal à atteindre" nên không có một tầm pháp lý ép buộc đối với các nước ký vào văn kiện. Những quyền ghi trong Tuyên ngôn chỉ có thể đem đối kháng với hội viên tham gia bằng hai cách: 1. Hoặc các quyền ấy đã thụ đắc một hiệu lực cổ truyền, thí dụ: quyền không bị thủ tiêu bất công, không bị đối xử tàn nhẫn, bất nhân hay nhục nhã... 2. Hoặc vì các quyền vừa nói đã được ghi vào một hiệp ước mà những chính phủ tham dự phải tuân hành. Trong trường hợp này - trường hợp đa số - các quyền có một hiệu lực pháp lý bắt buộc, căn cứ vào lời giao kết.

Nhiều hiệp định địa phương về nhân quyền đã được ký: Hiệp định Âu Châu năm 1960, Hiệp định Lục địa Mỹ tại Costa Rica 1969, Hiến chương Phi châu tại Nairobi 1981, Tuyên ngôn Hồi giáo Quốc tế về nhân quyền tại Paris 1981, bản Tuyên bố về trách vụ căn bản của các Dân tộc và Quốc gia Á châu tại Djakarta 1983... Và sau đó, hai hiệp định thư trứ danh do Liên Hiệp Quốc đề xướng năm 1966 với 130 quốc gia tham dự, văn kiện đầu liên hệ đến các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, văn kiện thứ hai nói về quyền dân sự và chính trị. Lần đầu tiên, một cơ chế quốc tế được đặt ra để bảo vệ nhân quyền. Ngoài kho văn tự này, nên kể thêm một số hiệp ước khác nhằm mục tiêu ngăn chặn sự vi phạm *vài nhân quyền riêng biệt* như hiệp ước chống mọi hình thức kỳ thị chủng tộc (năm 1965), cấm tra tấn hay đối xử tàn bạo, bất nhân và nhục nhã (1984)... Cũng có những hiệp ước bảo vệ *lớp người đặc biệt*: phụ nữ bị kỳ thị vì phái tính (1971), trẻ nít bị lợi dụng lao công (1981), thường dân ngoài quân đội trong thời chiến (Genève, 1949)... Nói tóm tắt, thế giới đã nhiệt tình chứng minh sự chú ý đến nhân quyền dưới mọi hình thức. Từ một cơn sốt chính trị trên địa cầu, Nhân quyền trở nên một vấn đề thời trang.

## Những trở ngại để thi hành Nhân quyền

Có khá nhiều lý do, phần lớn rất phức tạp. Xin thử liệt kê sau đây vài lý do chính:

1. Ngạn ngữ La Tinh *"Homo homini lupus"* ngụ ý: con người nếu không làm chuyện thiện thì có thể hành động không khác chó sói đối với đồng chủng. *Bẩm tính ích kỷ,* trong một thế giới

dụng vũ lực để đạt mục tiêu. Các giá trị cổ truyền hiện suy đồi; danh dự, lời giao kết, tinh thần trách nhiệm, lòng vị tha... bị gác vào một xó. Không có gì đáng ngạc nhiên nếu đem ra áp dụng những nguyên tắc hành động tồi tệ này trên bình diện một nước và một chính quyền.

2. Càng vi phạm mạnh nhân quyền, các quốc gia càng viện cớ *"bảo vệ chủ quyền đất nước." Công cuộc vận động nhân quyền vì thế bị xem như chiến thuật mới của Tây phương để xen vào nội bộ nước khác. Trên lý thuyết, mọi người đều tuyên bố hoanh nghênh nhân quyền nhưng thật sự, rất ít chính phủ thành tâm tôn trọng nhân phẩm khi 'quyền lợi tối cao của tổ quốc' liên hệ. Các tranh chấp ảnh hưởng và quyền lợi giữa ba khối: tự do, xã hội chủ nghĩa và Đệ tam giới không giúp giải quyết dễ dàng những mâu thuẫn về nhân quyền và lắm khi kết thúc bằng thỏa hiệp tạm thời và vá víu. Nhân loại sống trong cảnh giả nhân giả nghĩa. Có lẽ còn lâu mới xây dựng được một trật tự toàn cầu mới trong đó nhân quyền được bảo đảm toàn vẹn.*

3. Cách đây gần một thập niên, khi chủ thuyết Mác xít tan rã tại Đông Âu, dư luận quốc tế đã hăng tiết cổ võ cho *quyền can thiệp,* droit d'ingérence, cho phép Liên Hiệp Quốc và các đại cường xua quân sát phạt những chế độ coi thường nhân quyền. Mùa hè 1993 tại Hội nghị Vienne, nhiều quốc gia do Trung Hoa dẫn đầu, cực lực lên án khuynh hướng này, viện lẽ nhân quyền là chuyện nội bộ riêng của mỗi xứ.

4. Một vấn đề lý thuyết cốt yếu vẫn chia đến nay thành viên cộng đồng quốc tế: *Loại nhân quyền nào đáng được bảo vệ ưu tiên?* Phe cấp tiến chủ trương phải tôn trọng vào hàng đầu các quyền dân sự và chính trị vì đây là những quyền thiên nhiên, droits naturels. Trái lại, cánh Mác xít quả quyết các quyền kinh tế và xã hội mới là quan trọng vì cần thiết để thiết lập một thế giới đại đồng bình đẳng. Mặt khác, việc đối chiếu quyền đại chúng, droits collectifs, và quyền cá nhân, droits individuels, cũng gây tranh luận sôi nổi. Với sự thúc đẩy của Xô Viết và đồng thuận của Hoa Kỳ Liên Hiệp Quốc đã cho ghi vào bản *Hiến chương,* nơi điều 1, khoản 2, nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc thế giới về quyền lợi và "quyền tự quyết" của mỗi quốc gia. Quyền tự quyết này, droit à l'autodétermination, là căn bản pháp lý của công cuộc đấu tranh giải phóng thuộc địa, décolonisation, giấc mơ ấp ủ của Lénine từ 1915. Mạc Tư Khoa và chư hầu đã khôn ngoan khai thác Điều 1 và giải thích theo nghĩa rộng quyền dân tộc tự quyết như quyền của các nước nhược tiểu chọn thể chế chính trị của mình, xứ ngoài không được phép can thiệp, ngay cả trong trường hợp đàn áp tàn bạo đối phương và vi phạm nghiêm trọng nhân quyền.

5. Hai khối Xã hội chủ nghĩa và Đệ tam Quốc gia đã thành công vận động với Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc cho thông qua một số nghị quyết bất lợi cho vấn đề tranh thủ nhân quyền. Quyết định 36/103 ngày 9.12.1981 là thí dụ điển hình. Văn kiện này khuyến cáo các nước hội viên *"không được khai thác và lợi dụng nhân quyền để xen vào nội bộ xứ khác... không được dùng chương trình viện trợ kinh tế của mình để ngăn một quốc gia phát triển tự do về chính trị, kinh tế hay xã hội... không được áp dụng biện pháp cấm vận kinh tế, hoặc đơn độc, hoặc với trợ lực của đồng minh" (sic).*

6. Gần đây, nhân quyền vấp thêm một thử thách vô cùng nghiêm trọng liên hệ đến *những tranh chấp về sắc tộc,* ethnic conflicts. Quyết nghị 47/135 ngày 18.12.1992 của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc mệnh danh "bản Tuyên bố về quyền của các thiểu số quốc gia hay sắc tộc, ngôn ngữ hay tôn giáo" cho phép những thành phần vừa nói lập hội, tiếp xúc ngoài biên giới nơi cư ngụ, nhân danh cá nhân hay cộng đồng của của họ, với người đồng chủng hay cùng chung một tín ngưỡng. Hành vi càn quét chủng tộc, ethnic cleansing, bị Liên Hiệp Quốc lên án nặng nề. Tuy nhiên, rối rắm tiếp tục nổ lớn tại Đông Âu (Bosnia-Heizegovina, Serbia, Karabokh...), Phi Châu (Somalie, Cabinda...), Á Châu (Sri Lanka, Cachemire...), vùng Thái Bình Dương (Papouasie, Salomon...), Úc Châu (New Zealand...), và luôn cả Tây Âu (Corse, Pays Bosque, Bắc Ái Nhĩ Lan...)

## Biện pháp chế tài vi phạm nhân quyền

Trên nguyên tắc, việc chế tài vi phạm nhân quyền hiện được mọi người đồng ý.

Vấn đề gay go là phương cách áp dụng các biện pháp.

Lybie, Iran, Irak, Syrie, Cuba, Serbia, Rwanda... nằm trong danh sách những quốc gia bị chế tài. Mỗi xứ theo hình thức khác nhau. Dư luận cho rằng phương pháp thi hành bất công và không thích hợp. Bởi lý do chính trị, các chế độ chuyên chế tàn bạo Nam Dương (đàn áp dân Timor), Miến Điện (bỏ tù đối lập), Việt Nam (khủng bố tôn giáo và trí thức), Cam Bốt (khóa miệng báo chí), Maroc (diệt chống đối ở Sahara) và một số chính phủ thuộc Châu Mỹ La Tinh chỉ nhận khuyến cáo hay lời cảnh cáo suông. Sự cấm vận toàn diện Irak gây khốn khổ cho dân chúng vô tội.

Chế tài không đạt mục đích vì không đánh thẳng vào chính phạm là các lãnh tụ đầu sỏ. Họ vẫn bình chân như vại. Tại Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc, sự phủ quyết của một trong năm Đại cường đủ vô hiệu hóa mọi quyết định trừng phạt. Cần nghiên cứu những biện pháp thiết thực như truy bố dù khiếm diện các can phạm về nhân quyền trước Tòa án Hình sự, sai áp tài sản của chúng tại ngoại quốc, cấm vận vũ khí bán cho chính phủ bị truy cứu, giúp phương tiện để tổ chức tin tức xác thực về tình trạng nhân quyền trong quốc gia bị chỉ trích v.v... Nếu phải thi hành biện pháp mạnh thì nên điều nghiên kỹ để tránh, nhân danh nhân quyền, vi phạm quá đáng quyền lợi của dân lành. Châm ngôn *"Summum jus, summa injuria.* Công lý tối đa gây hậu quả tối nặng" là kim chỉ nam khi quyết định.

Kinh nghiệm cho thấy trên bình diện địa phương, chế tài đem lại kết quả tốt hơn, sánh với Liên Hiệp quốc vì yếu tố "thể diện quốc gia" bớt gay gắt. Mặt khác, trong tổ chức địa phương, các xứ hội viên có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa, kinh tế... Thực tâm đoàn kết giúp giải tỏa gay cấn. Nghị hội Âu Châu là một gương điển hình. Đến nay, tổ chức này thi hành tương đối đúng đắn bản Tuyên ngôn nhân quyền của mình với một Hội đồng đặc nhiệm và một Tòa án có trách vụ theo dõi những vi phạm.

## Kết luận.

Thuyết phục và áp buộc thế giới tôn trọng nhân quyền là một việc làm có tính cách "đội đá vá trời" trong hoàn cảnh hiện tại nhưng không vì thế mà có thể buông xuôi. Cùng với Môi sinh, Nhân quyền là một thách đố trọng đại nhân loại phải giải quyết nếu muốn thế kỷ 21 vững tiến.

Trên phương diện quốc tế, trước hết nên kiên nhẫn *hoàn thiện cơ chế sẵn có*: hiện nay, tất cả hội viên Liên Hiệp Quốc chưa công nhận thẩm quyền bắt buộc Ủy Ban Nhân Quyền thiết lập bởi Hợp ước 1966. Cơ quan này thụ lý để điều tra các đơn khiếu nại vi phạm nhân quyền và quyết định biện pháp chế tài. Hội đồng Bảo An (và Đại Hội Đồng LHQ, một cách bổ trợ) có trách vụ thi hành chế tài kinh tế đối với nước vi phạm. Mối liên hệ giữa cơ chế tư pháp (judiciary) và cơ chế trừng phạt (repression) rất lỏng lẻo. Những vi phạm xác nhận bởi Ủy ban Nhân quyền thường không bị Hội đồng Bảo an chế tài. Ngược lại, lắm khi Hội đồng Bảo an chế tài. Ngược lại, lắm khi Hội đồng Bảo an chế tài trước khi Ủy ban hoàn tất thủ tục thụ lý.

Để giải quyết cảnh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược này, thiển nghĩ cần tìm biện pháp thích đáng. Một số chuyên viên quốc tế trứ danh, gồm có Giáo sư S. Marcus Helmons (Đại học Louvain), GS O.Pave (đại học Bruxelles và St Louis) và TS Morton E. Winston, Chủ tịch Ân xá Quốc tế Hoa Kỳ, đưa ra đề nghị *toàn cầu hóa chế độ pháp trị*, mondalisation de l'État de droit, và tiến tới việc thiết lập một *quốc tịch thế giới* (citoyenneté mondiale), đồng thời đưa Nhân quyền vào chương trình giáo dục tại học đường.

Một vấn đề cần nghiên cứu giải tỏa khẩn thiết là những dị biệt dựa vào văn hóa giữa các chính giới Đông và Tây phương về quan niệm nhân quyền. Nhiều thập niên về trước, trong tác phẩm giả tưởng *"Le melleur des mondes"*, văn hào A. Huxley có mô tả những kinh hoàng xảy ra cho một nhân loại vô pháp. Viễn ảnh này có cơ thành sự thật nếu thế giới dửng dưng. Thời xưa, theo chủ trương của nhà hiền triết Cổ Hy Solon, luật pháp có sẵn trước khi cộng đồng tiến hóa. Đời nay, luật pháp là sản phẩm của cộng đồng.

Xây hệ thống quốc tế để bảo vệ nhân quyền không khác nào kiến trúc một đền thờ. Một số trụ cột đã dựng xong: các nhân quyền căn bản đã được nhận định và che chở tuy chưa đúng theo ý muốn. Đến lúc cần tìm ra cách để gắn một mặt tiền, nối liền các cột trụ của ngôi đền. Mặt tiền này là việc toàn cầu hóa chế độ pháp trị nói trên. Nhiệt tình của các người thợ xây chưa đủ. Sáng kiến và trí tưởng tượng phong phú của giới kiến trúc sư là yếu tố dẫn đến thành công.■

*Thúy Hoa Trang, CA*
*31.8.1996*

## Tài liệu tham khảo


1. E. Hamburger "Droits de l' homme et relations internationales." Recueil des cours de l'Académie de droit international, vol.97 1969 pp.293-429.

2. Grotius. Le droit de la guerre et de la paix. Livre II, chapitre XXV, no 2 (trad. Paris, Guillaum 1867, p 597).

3. Le manifeste du Parti communiste, Paris, coll, "10/18", 1965 pp. 39-40.

4. Nolasco. P. "Les droits des minorités," coll. GRIP informations, Octobre 1995, pp. 139-142.

5. S. Marcus Helmors, "Le cheminement des droits de l' homme depuis Auschwitz," Revue politique. 1996. No. 1. Bruxelles.

6. O. Paye "Les droits de l'homme après Auschwitz: Un édifice en quête d'achèvement," Revue politique, No. 1, Bruxelles.

7. Morton E. Winston, "The case for universality". Human rights standards applied to all cultures. Amnesty International USA. ■

# GUỒNG MÁY HÀNH CHÍNH VÀ NHỮNG THÁCH THỨC TRONG TƯƠNG LAI

VÕ XUÂN QUANG

Khi đọc bản tin của Reuters và của các thông tấn xã quốc tế khác về cuộc tọa đàm Cải cách Hành chính (CCHC) được tổ chức trong ba ngày từ 24 đến 26 tháng Chín 1996 vừa qua tại Hà Nội, nhiều người đã rất ngạc nhiên.

Chính quyền CSVN đã tổ chức cuộc tọa đàm này với sự hỗ trợ của cơ quan Phát triển của Liên Hiệp Quốc [UNDP]. Theo các bản tin trên thì cuộc tọa đàm này được tổ chức lần đầu tại Việt Nam, có hơn 20 nước và tổ chức quốc tế đã đến tham dự. Các cơ quan quốc tế như UNDP, Ngân Hàng Thế giới [World Bank] v.v... đều khuyến cáo Việt Nam mạnh mẽ cải cách hành chính, nếu không sẽ có rất nhiều trở ngại trong công cuộc phát triển của Việt Nam. Hơn 30 bản báo cáo đã được đọc. Các ý kiến quan trọng về cải cách hành chính đều được nêu lên trong cuộc tọa đàm này, nhất là kinh nghiệm tại các nước khác. Các đại diện Việt Nam trong cuộc tọa đàm này cũng cho là guồng máy chính quyền hiện nay là lỗi thời, là một cản trở cho việc phát triển.

Vừa qua, khi đọc diễn văn khai mạc phiên họp Quốc hội CSVN, vào trung tuần tháng Mười 1996, TT Võ Văn Kiệt đã bi quan nêu lên nhiều khó khăn của Việt Nam, kể cả việc "bất tài" trong guồng máy công chức nhà nước.

Càng mở ra làm ăn với phía ngoài (mỗi năm xuất khẩu gần US$4 tỉ và nhận hơn US$2 tỉ đầu tư) thì càng thấy guồng máy hành chính hiện nay không hợp thời và là một cản trở cho công cuộc phát triển. Trong tọa đàm, các chuyên gia quốc tế đã mách nước cho Việt Nam về quy trình chuyển tiếp qua kinh tế thị trường: guồng máy hành chính phải tổ chức, nhân sự phải thay đổi ra sao... để cho phù hợp với môi trường mới.

## I. Nền hành chính cộng sản

1. Trong thời kỳ "bao cấp" [thời kỳ trước 1989] — kinh tế kế hoạch hóa tập trung, không thể phân biệt quản lý nhà nước và quản lý kinh doanh. Nhà nước vừa là chủ sở hữu tài nguyên vừa làm quản lý thay mặt cho dân. Nhà nước phát triển kinh tế quốc doanh, bao cấp cho kinh tế tập thể... Trong thực tế *quan hệ hành chính đã thay quan hệ thị trường (1).*

Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và các cơ quan nhà nước dựa vào nhau trong những mối quan hệ rất phức tạp về lợi ích và quyền lực. Thị trường và người tiêu thụ không có tiếng nói, do đó các cơ quan nhà nước là người quyết định quan trọng đối với doanh nghiệp.

2. Trong nền kinh tế CS, tất cả quan hệ kinh tế, giá cả, buôn bán, sản xuất đều là quan hệ hành chính do nhà nước quyết định. Đất, nhà máy, cơ sở sản xuất v.v... là do chính phủ quản lý, mọi quan hệ kinh tế như vậy rất là thô sơ. Năm 1975 khi chiếm miền Nam, họ đã bắt tất cả quan hệ kinh tế đều nằm trong khuôn khổ "hành chính" này. Họ đã quốc hữu hóa các cơ sở sản xuất.

3. Bài tường trình buổi tọa đàm có ba vấn đề nêu lên được chú ý:

- Cải cách thể chế;
- Cải cách cơ cấu;
- Cải cách trong lãnh vực công vụ.

Theo bài này thì cải cách thể chế nhằm vào bảy lãnh vực có quan hệ trực tiếp với nhu cầu tổ chức, nhân dân, và đầu tư nước ngoài. Về cơ cấu thì CSVN đã ban hành pháp lệnh phân rõ thẩm quyền trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Nhân dân và Hội đồng Nhân dân các cấp; ngoài ra đã thu gọn cơ cấu chính phủ từ 27 xuống còn 22 bộ, từ trên 30 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh xuống còn dưới 20 cơ quan, và từ 20 cơ quan cấp huyện xuống còn 10. Ngoài ra họ rêu rao là trên 10,000 cán bộ, công chức được bồi dưỡng về hành chính qua các trường hành chính.

4. Sự thật guồng máy hành chính hiện nay được tổ chức ra sao? Các bộ, các nha, guồng máy chính quyền địa phương v.v. hoạt động thế nào?

Như đã nói ở trên, trong nhà nước XHCN không có sự phân biệt giữa nhà nước và đảng. Vì không có sự phân biệt ấy nên không có sự phân biệt giữa cán bộ đảng và công chức hiểu theo nghĩa các nước dân chủ Tây phương. Đảng và nhà nước lẫn lộn. Công chức trong chế độ CS không cần phải có chuyên môn, không cần thi, mà chỉ cần có học lực và có lý lịch "tốt" là được nhận vào làm "công chức." Do đó họ không có kiến thức tối thiểu về tổ chức nhà nước, về hành chánh (theo kiểu tân tiến) và khả năng vận dụng làm cho guồng máy của một nhà nước tân tiến chạy.

Nếu có cái gọi là "đào tạo công chức" thì là do các trường như trường Ngoại giao, ngoại ngữ, Đại học chuyên môn, trường đảng, chứ không có trường Hành Chính.

Các bộ là chỗ "quản lý" các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) nhiều hơn là làm nghiệp vụ chuyên môn [ví dụ bộ Nông Nghiệp quản lý vài trăm xí nghiệp]. Các chính sách chuyên môn

(như nông nghiệp) là do đảng quyết định. Nhà nước chỉ là công cụ thi hành.

5. Từ khi "đổi mới" và để xây dựng một nhà nước pháp quyền, VN đã lập Hiến pháp 1992. Nhưng một điều quan trọng là trong HP này việc phân quyền giữa ba ngành (Tam quyền phân lập) Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp không được rõ ràng đã mang lại nhiều trắc trở trong việc thi hành pháp luật. Việc đại diện quyền lực nhà nước tại trung ương là Quốc hội và các Hội đồng Nhân dân đại diện quyền lực nhà nước tại địa phương gây nhiều bất trắc. Làm sao HĐND làm đại diện quyền lực nhà nước tại địa phương được? Nhiều lắm họ chỉ đại diện cho những quyền lợi địa phương mà thôi.

6. Để đào tạo các công chức kiểu mới, một Viện Hành Chính Quốc Gia (HCQG) được lập tại trung ương (tại Hà Nội và một chi nhánh ở Sài Gòn), ngoài ra còn có các trường hành chính địa phương tại các tỉnh. Viện HCQG và các trường này hoạt động ra sao?

Các "công chức" được tuyển tại địa phương theo các nhu cầu hành chính tại địa phương (với sự chấp thuận của Ban Tổ chức chính phủ). Họ được đào tạo ít tháng hay ít tuần rồi cho về phục vụ. Các trường địa phương có một ban giảng huấn gồm 5 đến 10 "giáo sư/giảng sư" hành chính là những người đã được huấn luyện về triết lý Mác-Lê, về kinh tế - chính trị theo kiểu XHCN, về lịch sử của đảng, về luật và quản lý nhà nước. Các trường địa phương này dạy năm môn chính cho khóa sinh, và sau đó họ được cấp bằng hành chính. Ngoài ra còn có các trường đại học tại chức học buổi tối trong một số tháng trong năm (sáu tháng), rồi sau hai hay ba năm thì ra trường. Như vậy nội dung đào tạo "công chức" còn theo lối "dã chiến," chưa đúng tiêu chuẩn quốc tế. Các kỳ thi tuyển dụng nhân sự mới bắt đầu được tổ chức và có sự chênh lệch phẩm chất giữa công chức tỉnh này và tỉnh khác. Việc đánh giá công chức cũng chưa có căn bản kỹ thuật lành mạnh, còn dựa trên chính trị nhiều hơn kỹ thuật.

Khi những người "công chức" này làm việc được một thời gian thì họ được gửi đi tu nghiệp tại Viện HCQG. Như vậy, Viện HCQG là một trung tâm tái đào tạo cho công chức nhiều hơn là một trường chuyên nghiệp về hành chính như Học viện Quốc gia Hành chánh của VNCH trước đây. Hiện nay Viện HCQG còn tổ chức khóa cao học hành chính kéo dài hai năm.

7. Như vậy guồng máy hành chính CSVN được đặt trên một căn bản luật pháp chưa rõ ràng. Chưa có quy chế công chức và sự phân biệt giữa cán bộ và công chức. Việc đào tạo còn "dã chiến," và người ta cũng dễ hiểu tại sao các công ty ngoại quốc đầu tư tại VN vẫn than phiền vì các liên hệ hành chính còn là các liên hệ "cửa quyền," và VN còn gặp khó khăn dài dài trong liên hệ kinh doanh với nước ngoài.

## II. Hành chính và phát triển

1. Trong nền kinh tế thị trường, có sự phân định rõ giữa nhà nước và các hoạt động kinh doanh. Nhà nước định mục tiêu, tổ chức, hỗ trợ, hướng dẫn, tạo môi trường kinh tế và pháp luật thuận lợi cho kinh doanh. Quan hệ giữa nhà nước, công dân và việc kinh doanh nằm trong khuôn khổ luật pháp.

2. Trong nền kinh tế thị trường, tất cả quan hệ kinh tế, giá cả, buôn bán, sản xuất đều là do thị trường điều tiết. Đất, nhà máy, cơ sở sản xuất... là của tư nhân hay doanh nghiệp nhà nước đều dựa trên khung khổ luật pháp rõ ràng (luật thương mại, hành chính, tố tụng, dân sự v.v...) Công cuộc CCHC nhằm vào nền kinh tế thị trường cho thấy nó nhằm vào bảy lĩnh vực có quan hệ trực tiếp với nhu cầu tổ chức, nhân dân, và đầu tư nước ngoài (giảm thủ tục rườm rà, kỹ cương xã hội, giảm thủ tục trong việc xuất nhập v.v.). Về cơ cấu thì CSVN đã ban hành pháp lệnh phân biệt thẩm quyền trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Nhân dân và Hội đồng Nhân dân các cấp (sự phân biệt còn khá mập mờ trong Hiến pháp 1992). Ngoài ra có việc thu gọn cơ cấu chính phủ (như vừa nói ở trên), việc trên 10,000 cán bộ, công chức trung và cao cấp được bồi dưỡng qua các trường hành chính và hầu hết các đại biểu HĐND ở tỉnh hay huyện đã được bồi dưỡng về kiến thức mới về hành chính và nhà nước.

3. Trong thời Đệ nhị Cộng Hòa của Miền Nam, mặc dù là quân đội lấn áp rất nhiều guồng

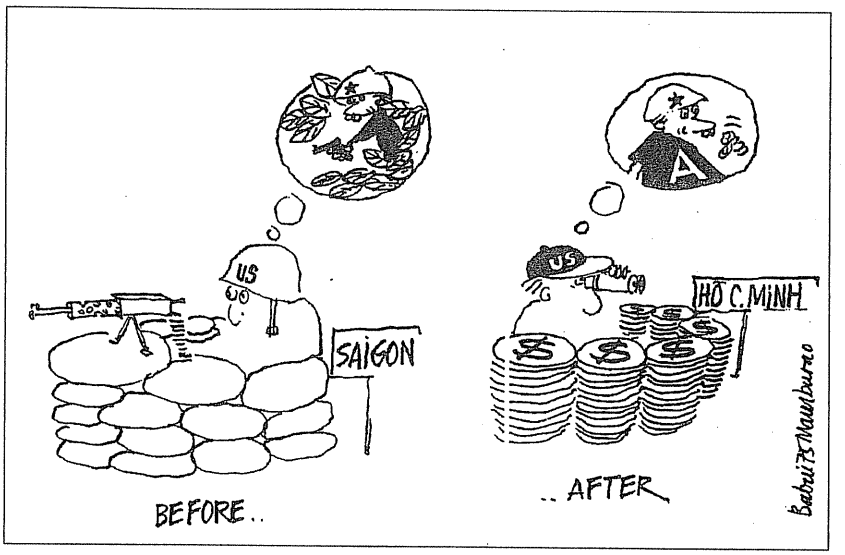

máy hành chính (các tỉnh trưởng phần đông là sĩ quan quân đội - ít am hiểu về hành chính), nhưng nền hành chính miền Nam vẫn được đặt trên một căn bản luật pháp vững chắc. VNCH có một khung khổ luật pháp rõ ràng, có luật dân sự, hành chính, tố tụng, có một hệ thống toà án - chưa lý tưởng - nhưng tạm ổn và trên hết nhân sự được đào tạo và có căn bản luật pháp, hành chính và tổ chức - quản lý và làm việc có quy củ.

Nhân sự trong công vụ được đào tạo tại các Đại học Luật và nhất là tại Viện Quốc Gia Hành Chính (VQGHC). Nhân sự có quy chế công chức rõ ràng và được luật bảo vệ, được tuyển qua các kỳ thi toàn quốc và được bổ nhiệm đi làm trên toàn quốc. Công vụ VNCH rất có căn bản.

4. CSVN đang muốn thay đổi đất nước, đi vào kinh tế thị trường. Các đường hướng công cuộc thay đổi theo nghị quyết Đại Hội đảng kỳ 8 là: (i) giữ vững mục tiêu độc lập; (ii) kết hợp Đổi mới kinh tế với Đổi mới chính trị; (iii) Kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường; (iv) mở rộng đại đoàn kết; (v) tranh thủ đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, ....

Mục tiêu kinh tế đến năm 2000 là GDP gấp đôi năm 1990, nhịp độ tăng trưởng khoảng 9-10%.Muốn thực hiện các mục tiêu trên thì phải làm gì? Nhân sự cần có những chuyên môn nào và phải được đào tạo ra sao? Họ phải được trả lương và thăng thưởng ra sao? Theo những tiêu chuẩn nào? Cách tổ chức nhà nước và tổ chức các cơ quan chuyên môn phải ra sao mới đạt được kết quả hữu hiệu và đạt được những mục tiêu trên?

5. Kinh nghiệm thế giới cho thấy, qua tài liệu nghiên cứu về sự thành công của các "con rồng" Á châu (2) là các nước này có một nền công vụ có phẩm chất. Căn bản của việc phối hợp trong phát triển là yếu tố Công vụ. Các nước này có một nền công vụ nhỏ, không tham nhũng và có khả năng chuyên môn cao.

Vậy muốn thực hiện các mục tiêu phát triển trên thì VN phải làm sao? Cải cách tổ chức nhân sự, cải cách tổ chức nhà nước phải thế nào để đạt được kết quả trên? Mục đích chính là nhà nước thi hành việc "quản lý nhà nước," do đó:

- Phải chọn ưu tiên;
- Sắp xếp lại nhân sự (đào tạo - tổ chức - sử dụng);

* Ở phi trường, loa gọi hành khách đi La Mã. Một đôi du khách đứng lên sửa soạn. Bỗng bà vợ kêu lên:

"Trời ơi, em quên mang theo cái đàn piano!"

Người chồng sửng sốt:

"Em nói đùa hay sao?"

"Em đâu có đùa! Em để vé máy bay trên cái đàn mà!"

5.1. *Chọn cái nào là ưu tiên để chú trọng cải cách trong các lĩnh vực đó*

CCHC là việc rất lớn do đó đầu tiên là phải chọn một số lĩnh vực ưu tiên để có thể tập trung đủ tài nguyên, nhân sự để chú ý một cách đặc biệt công cuộc cải cách nghiệp vụ chuyên môn.

Ví dụ nếu chọn công nghiệp làm ưu tiên thì phải thay đổi cơ cấu, guồng máy, chính sách và nhân sự ra sao để công nghiệp có thể đạt được các mục tiêu tăng trưởng từ 13 đến 14%? Phải tái tổ chức hệ thống Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) [nắm 75% tổng tài sản cố định của quốc gia nhưng chỉ đóng góp có 44% tổng giá trị sản phẩm quốc gia], tổ chức quản lý vốn, tài sản và nhân sự ra sao để cho các DNNN làm ăn có hiệu quả? Phải tổ chức các luật lệ ra sao hay phải làm với những dịch vụ công trong công nghiệp ?

Kinh nghiệm các nước ngoài cho thấy là không phải là dịch vụ nào nhà nước cũng nên làm và đối với các dịch vụ công thì xu hướng là giải tư. Giải tư là một trong nhiều phương thức để có thể đạt các mục tiêu phát triển. Ngoài ra còn nhiều phương thức khác nữa để bớt sự can thiệp của nhà nước vào công nghiệp như việc ký hợp đồng khung, hợp đồng quản lý, v.v...

Phải thay đổi khung khổ luật lệ gì để cho công nghiệp có thể phát triển nhanh chóng được? Hiện nay rất khó được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (một tờ giấy cho phép doanh nghiệp đi thế chấp đất vay tiền). Việc này là một cản trợ lớn cho việc phát triển khu vực tư và việc "thu hút một số lao động qua khu vực tư" giảm nạn thất nghiệp trầm trọng tại VN. Tình trạng này rất có lợi cho các DNNN vì họ được cấp đất mà không phải trả tiền nhưng đây là một bất công trong một nền kinh tế nhiều thành phần và việc khuyến khích khu vực tư đầu tư vào công nghiệp. Hiến Pháp có công nhận kinh tế nhiều thành phần nhưng vẫn thiếu các luật áp dụng và thi hành việc này.

Một ví dụ khác: vì thiếu phương tiện, các tỉnh không thể kịp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông dân để làm ruộng hay rừng (một tờ giấy cho phép đi thế chấp đất vay tiền tại ngân hàng nông nghiệp). Việc không có giấy sử dụng đất không khuyến khích nông dân bảo vệ rừng và môi trường do đó gây lụt lội nhiều. Tình trạng này không có lợi cho dân sống ở đồng bằng vì hay bị lụt trong mùa mưa.

Nếu có tranh chấp trong khi thi hành luật lệ thì toà án nào có thẩm quyền để giải quyết các khó khăn cho dân? Nếu dân tranh chấp với nhà nước thì toà hành chính phải được sử dụng nhưng nếu không có toà hành chính thì sao? (tòa hành chính mới được thiết lập tại VN). Nhân sự trong toà án phải có trình độ, có chuyên môn về luật (việc này không thể coi là dĩ nhiên vì nhà nước pháp quyền là một khái niệm rất mới tại VN) mới giải quyết tốt các vấn đề tranh chấp cho dân.

5.2. *Sắp xếp nhân sự*

Việc sắp xếp nhân sự phải ra sao? Công chức hay cán bộ phải chuyên và được đào tạo hoặc về

hành chánh hoặc về chính trị. Việt Nam có khoảng 1.2 triệu công chức/cán bộ và họ phải có một quy chế rõ ràng. Công chức/cán bộ sẽ có quy chế lương bổng và hưu bổng. Ngạch trật trong khu vực công cũng sẽ phải được giải quyết. Đối với DNNN thì họ không còn quy chế công vụ nữa nhưng trên thực tế họ vẫn được nhiều ân huệ mà khu vực tư thì làm sao cho họ có một quy chế mới?.

Muốn công chức làm việc hữu hiệu thì họ phải được đào tạo về hành chính và chuyên môn. Với một con số to lớn như vậy thì ai sẽ phải được đào tạo trước về những nghiệp vụ chuyên môn về:

- Xây dựng và bảo đảm khung khổ pháp luật; - Xây dựng bộ máy hành chính; - Quản lý sự phát triển kinh tế, xã hội;

Làm sao quản lý việc thay đổi cơ cấu (management of change), thay đổi guồng máy và thay đổi nhân sự? Làm sao đào tạo các công chức cao cấp để họ có thể dẫn đầu và quản lý viêc thay đổi guồng máy hành chính một cách êm thấm?

Làm sao đặt nền tảng cho các cơ sở đào tạo (Viện HCQG và các trường HC) để có thể đáp ứng với nhu cầu thay đổi nhân sự và bắt kịp các nước ASEAN? Làm sao cho các ban giảng huấn của các trường đạt được một trình độ nào đó? Nội dung các chương trình giảng dậy về hành chính phải được thay đổi thế nào để có chất lượng và bảo đảm là nhân sự sẽ được đào tạo tốt và có căn bản?

Nhân sự được tuyển theo kiểu nào - thi cử toàn quốc hay địa phương? Ngạch trật và lương bổng ra sao? Khen thưởng được đặt trên nền móng gì? Đó là một số thách thức trong việc thay đổi cơ cấu hành chính, tổ chức cho tương lai.

5. Con người và xã hội đều biến đổi thường xuyên. Hành chính cũng vậy. Khả năng và hiểu biết của cá nhân, nhất là trong một xã hội bị kiểm soát về thông tin và tư tưởng, có giới hạn. Trong thế giới mà thông tin đi rất nhanh, trong thế kỷ mạng lưới thông tin và internet, thách thức chính cho VN là làm thế nào đào tạo được một đội ngũ công chức vừa có trình độ chuyên môn kỹ thuật, vừa hiểu biết về luật pháp, có khả năng quản lý và thi hành tất các chính sách phát triển và xã hội?

Trên thế giới không có nền hành chính nào lý tưởng (do đó các nền hành chính của các nước tân tiến đều phải cải tổ thường xuyên), có thể giải quyết mọi vấn đề mà VN có thể dùng làm mô hình cho mình. Có nhiều kinh nghiệm của các nền hành chính nhưng phải chọn kỹ càng. Trong giai đoạn này, *VN nên có một nền hành chính nặng về phát triển và chuyên môn, được xây dựng có quy củ trên một nền tảng pháp luật.*

Việc xây dựng/tái lập một lớp người có văn hoá, có chuyên môn, có kiến thức về luật, kinh tế, kỹ thuật để giúp phát triển và theo kịp trào lưu tiến hoá và hành chính của thế giới là một việc khó khăn và lâu dài, cần nhiều thời gian và đây là một việc mà các cộng đồng VN trên thế giới có thể giúp.

## Kết luận

Chính sách phát triển của VN đòi hỏi một đội ngũ công chức cao cấp có trình độ để phối hợp và thi hành các chính sách phát triển của nhà nước. Vì công cuộc Đổi Mới, thay đổi cơ chế theo thị trường, đầu tư nước ngoài, phát triển nông thôn để gây nhiều việc làm, nay VN mới thấy sự cần thiết của CCHC để có guồng máy và nhân sự có hiệu năng hơn. Đội ngũ công chức CS không có trình độ do đó phải làm từ đầu, phải cải cách hệ thống và khung khổ luật lệ (luật, luật áp dụng và guồng máy toà án). VN đang dần dần hiểu sự cần thiết của một đội ngũ công chức chuyên nghiệp và công cuộc cải cách hành chính. Cuộc tọa đàm tháng 9 vừa qua, diễn văn của VVKiệt và các nhà lãnh đạo khác đã cho thấy là CSVN không có một nền công vụ chuyên môn. Không có một nền công vụ chuyên môn và có kỹ thuật cao thì sẽ khó thay đổi guồng máy và thi hành các chính sách phát triển. Các cuộc trao đổi nhân dịp tọa đàm quốc tế về hành chính đã cho thấy là nhân sự của guồng máy CSVN yếu kém, được đào tạo theo kiểu XHCN lỗi thời và không phù hợp với tình trạng hiện hữu.

Ai cũng thấy sự yếu kém của nhân sự và guồng máy hành chính tại VN. Guồng máy hành chính sẽ phải thay đổi vì nếu không được thay đổi và nhân sự không được tái đào tạo thì công cuộc phát triển kinh tế - xã hội sẽ gặp nhiều khó khăn và trì trệ.

Đại diện Liên Hiệp Quốc (3) tại Hà Nội đã ví là VN đang ở trong tình trạng giữ thăng bằng của một người đi xe đạp. Nếu đứng lại thì mất thăng bằng và té, nếu đạp mau hơn thì sẽ tiến. Ông ta đã khuyến cáo VN phải đạp nhanh (thay đổi nhanh hơn) và mạnh hơn. Liệu CSVN có chịu nghe và thay đổi không?■

## Chú thích:

(1) Lê Đăng Doanh, *Cải cách thiết yếu trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường*, Tọa đàm Q.T. 1996, tr. 2.

(2) *The East Asian Miracle*, World Bank, Washington DC, 1993.

(3) R.D. Morey UNDP, Tọa đàm Quốc tế về Hành chính, Hà Nội, tháng Chín 1996.■

* Toto ở bẩn đến nỗi ba má nó thỉnh thoảng phải đẩy nó vào dưới vòi nước hoa sen bắt nó tắm. Ngày kia thầy giáo chợt để ý đến nó:

"Ô, Toto, lúc này trông trò lớn thấy rõ đấy."

Toto trả lời liền:

"Thưa thầy, con được tưới luôn đấy ạ."

* Tôi uống chúc mừng sức khỏe của nàng nhiều quá đến nỗi sức khỏe của tôi tiêu luôn.

# GIẢI NOBEL VỀ KINH TẾ 1996

VƯƠNG HỮU BỘT

Năm ngoái giáo sư Robert Lucas, đại học Chicago, được giải Nobel về kinh tế. Hàn Lâm Viện Thụy Điển tuyên dương đóng góp của ông về thuyết "Kỳ vọng thuần lý" (Rational Expectation), được rất nhiều người khai triển, áp dụng. Các phương pháp toán học dùng trong lý thuyết của ông rất phức tạp, nhưng ý nghĩa rất giản dị. Các chính sách tiền tệ của nhà nước thường ít hiệu quả, vì người dân, sản xuất hay tiêu thụ, bao giờ cũng quyết định theo các "kỳ vọng," ước đoán, suy tính của họ, về phản ứng của mọi người trước các chính sách đó. Chữ "thuần lý" chỉ có nghĩa là họ sẽ tính toán hoàn toàn dựa trên lợi hại, không có ảo tưởng nào khác! Do đó, các chính sách tiền tệ của nhà nước thường không có hiệu quả bao nhiêu, vì người dân đã đoán trước cả rồi! Lý thuyết "Kỳ vọng thuần lý" được các nhà nghiên cứu kinh tế sử dụng nhiều nhất trong kinh tế vĩ mô, quả là một khai phá quan trọng. Nhưng công chúng chẳng mấy ai hiểu được, nó chuyên môn quá. Năm nay các người được giải cũng có công khai phá ra các lối nghiên cứu kinh tế mới mẻ, nhưng công chúng có thể hiểu được họ dễ dàng hơn.

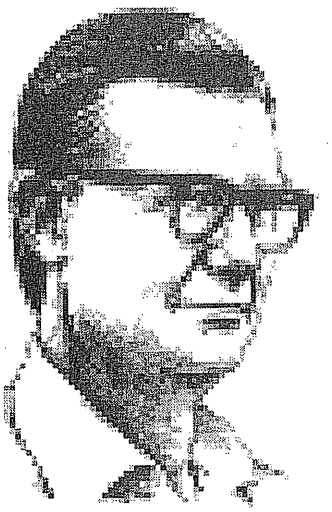

Giáo sư James Mirrlees

Năm nay giải Nobel được chia đôi, cho William Vickrey, người Canada, giáo sư đại học Columbia, New York, và giáo sư James Mirrlees ở Anh quốc, trước dậy Oxford, mới đổi sang Cambridge. Lâu lắm mới có một người không ở Mỹ mà được giải kinh tế! Năm nay, trước khi giải Nobel được công bố, nhiều người nghĩ giáo sư Edmond Malivaud, thuộc viện INSEE CREST ở Pháp cũng có nhiều triển vọng. Ông Malinvaud, 73 tuổi đã đóng góp nhiều trong lãnh vực phương pháp kinh toán học (econometrics).

## Tin tức bất cân đối, và thuế thu nhập

Các nhật báo đều loan tin giáo sư William Vickrey tạ thế, ba ngày sau khi ông được trao giải Nobel về kinh tế. Ông bị đứng tim khi đang lái xe, trên đường đi họp ở Boston. Đã 82 tuổi nhưng còn rất hoạt động, cái chết của ông cũng quá bất ngờ. Ngoài một thiểu số các nhà kinh tế học, rất ít người biết đến ông. Ngay sau khi ông được giải, trong một cuộc phỏng vấn với nhà báo, ông nói chính phủ Mỹ đừng lo sợ chuyện cân bằng ngân sách. Năm nay ngân sách khiếm hụt có 126 tỷ là ít, nên khiếm hụt thêm, lên 500 tỷ là vừa.

Lời tuyên bố của ông khiến Chủ tịch Hạ viện Mỹ, vốn là một giáo sư đại học, dậy Sử chính trị, nổi giận. Ông Newt Gringrich, đảng Cộng Hòa, nói giáo sư Vickrey đúng là loại người "theo chủ nghĩa xã hội, đáng lẽ đã tiêu vong cùng với bức tường Berlin rồi!" Đảng Cộng Hòa đang chủ trương phải tu chính Hiến pháp nước Mỹ, buộc các chính phủ phải cân bằng ngân sách. Đây là một đề nghị bị nhiều nhà kinh tế cho là không sáng suốt, vì sẽ làm phát triển chậm đi. Nhưng các chính trị gia không quan tâm đến lý thuyết kinh tế!

Tình trạng không biết gì về kinh tế học lại rất nặng nề trong giới nhà báo. Một vị chủ biên báo Forbes, cô Gretchen Morgenson, nguyên tùy viên báo chí của ứng cử viên tổng thống (hụt) Steve Forbes trong đảng Cộng Hòa ở Mỹ, mới viết một bài trên Wall Street Journal than phiền tình trạng "mù chữ" về kinh tế học (và về các nhà kinh tế học) của các ký giả khác. Cô lấy thí dụ hai nhà báo trên tờ New York Times viết bài chống chủ trương cắt thuế của ông Bob Dole, họ nói: "Phần lớn các nhà kinh tế đồng ý rằng cắt giảm thuế không làm kinh tế tăng trưởng bằng cân bằng ngân sách..." Nói vậy là sai hai lần, cô Morgenson nói. "Thứ nhất, 'phần lớn' các nhà kinh tế không bao giờ đồng ý với nhau cả. Thứ hai, phần lớn các nhà kinh tế nói gì cũng sai, đừng có tin!" Cô Morgenson là một ký giả chuyên về kinh tế, tài chánh, cô cũng được huấn luyện về kinh tế học!

Cô Morgenson nói quá đáng. Khi cụ Vickrey được giải thưởng Nobel kinh tế, "phần lớn các nhà kinh tế" đều hoan hỉ cho là phải. Mà họ hoan hỉ là có lý.

Đóng góp của Vickrey và Mirrlees cho kinh tế học, được Hàn Lâm Viện Thụy Điển nêu lên như thành tích để trao giải Nobel, là các nghiên cứu của hai ông về "Khích lệ (INCENTIVE) trong tình trạng Tin Tức bất cân đối." (Asymmetric Information). Nếu quí vị đọc các bài viết về vấn đề này thì chắc đa số phải chịu, thà mù chữ còn hơn, vì nó rất chuyên môn, đầy các công

thức toán và chữ Hy Lạp. Nhưng nếu hiểu các ông nói chuyện gì thì chúng ta thấy quả thật họ chỉ nói chuyện đời sống hàng ngày.

Vickrey là người đầu tiên nêu vấn đề Tin tức bất cân đối Năm 1945 ông nghiên cứu về "suất thuế tối ưu." (Quốc hội ở Việt Nam đang bàn ba đạo luật về thuế Trị giá gia tăng, Thuế thu nhập công ty, và thuế thu nhập cá nhân, nên đọc hai ông Vickrey và Mirrlees).

Trong bài in năm 1945, Vickrey giả thiết nhà nước định suất thế với hai mục tiêu. Thứ nhất là tạo công bằng trong xã hội, thu thuế người giầu nhiều hơn người nghèo để tái phân lợi nhuận. Thứ hai, suất thuế phải khích lệ, thúc đẩy người ta làm việc nhiều hơn, cho nền kinh tế chung phát triển, mà hậu quả là nhà nước sẽ thu được thuế nhiều hơn.

Hai mục tiêu đó xung khắc với nhau. Nếu một người có thể sản xuất thêm, mà lợi tức kiếm thêm bị đánh thuế cao quá thì người đó sẽ chán không muốn làm việc. Như vậy là tiến về mặt công bằng, thoái về mặt khích lệ sản xuất.

Nếu có một nhà nước toàn tri và toàn năng, biết các công dân ai có khả năng sản xuất cao nhất, thì nhà nước chỉ cần hoạch định ai phải làm việc gì, dùng hết tiềm năng của các người giỏi nhất, rồi đánh thuế họ, là đạt được cả hai mục tiêu. Nhưng thực tế là nhà nước không biết tiềm năng của người ta, chỉ có tin tức về lợi nhuận của họ mà thôi. Người dân thì biết nhiều hơn về tiềm năng sản xuất của họ. Đó gọi là "tin tức bất cân đối."

Giáo sư William S. Vickrey

Vậy phải vẽ ra hệ thống thuế khóa cách nào có thể khích lệ người ta làm việc nhiều hơn mà vẫn đạt được mục tiêu công bằng xã hội? Giáo sư Mirrlees đặt ra vấn đề một hệ thống thuế khóa có khích lệ phù hợp (incentive compatible).

Ông Mirrlees cũng được coi là một nhà kinh tế khuynh tả, ông là một cố vấn cho đảng Lao Động ở Anh. Năm 1971 ông in một báo cáo khoa học về thuế. Ông đặt hai mục tiêu công bằng và hiệu năng, giống như Vickrey. Ông đặt ra các giả thuyết về khả năng kiếm tiền của mọi người, và thử tính coi ảnh hưởng các suất thuế trên sự "khích lệ làm việc" của mọi người. Ông dùng các phương pháp toán học rất tinh vi và phức tạp, để coi "suất thuế biên tế" nào đánh trên người có lợi tức cao nhất nước thì coi là tối ưu. Suất thuế biên tế nghĩa là tỷ số phải đóng thuế trên đồng bạc sau cùng người ta kiếm được thêm.

Lúc đó suất thuế biên tế ở Anh là 83%. Ở Mỹ là 70%. Máy điện toán tính theo các công thức của Mirrlees, và kết quả là suất thuế tối ưu không nên quá 20%! Đó là một kết quả bất ngờ đối với một người thiên tả. Nhưng một nhà khoa học thì tôn trọng sự thật, kết quả vẫn được công bố.

Một kết quả bất ngờ khác là suất thuế biên tế dưới 20% này nên đánh trên tất cả các mức thu nhập. Đó là lối tính "Thuế bình quân" (Flat Tax) mà ông Forbes đã cổ động khi còn tranh cử tổng thống Mỹ. Chính ông Mirrlees ngạc nhiên trước kết quả này. Ông vẫn nghĩ người thu nhập cao thì phải đánh thuế cao hơn. Ông Vickrey cũng phải nhận rằng rất bối rối. Nhưng khoa học là khoa học!

Năm 1964, trong cuốn "Microstatics", Vickrey nêu ra một lý luận rất độc đáo. Kinh tế học vi mô thường mô tả con người lựa chọn một trong hai cách dùng thời giờ: đi làm để kiếm thêm tiền, hay ngồi chơi hưởng nhàn. Ông thấy người đi làm cực khổ thì phải đóng thuế, trong khi người lựa chọn hưởng nhàn, cũng có thú vui của nó, thì lại chẳng phải đóng đồng thuế nào trên cái thú vui nhàn tản đó cả. Kết luận là chế độ thuế khóa hiện nay khuyến khích người ta... lười! Trong cuốn Bách khoa Từ Điển về Kinh tế do Palgrave xuất bản, ông Vickrey phụ trách mục thuế má. Ông nói người có khả năng kiếm tiền cao nhất thì đồng tiền cuối cùng kiếm được của ông (bà) ta nên có suất thuế là số không! Vì "không có lý do gì ngăn cản ông ta kiếm đồng bạc chót đó, vì nếu ông ta không làm việc thêm thì tổng sản lượng quốc dân cũng không có đồng bạc đó!"

## Đấu giá và kẹt xe

Vấn đề Tin tức bất cân đối được nghiên cứu theo lối "Lý Thuyết về trò chơi" (Game Theory), xét chiến lược của mỗi bên trong việc trao đổi kinh tế, bên này đoán bên kia sẽ đi nước cờ nào. Hiện nay có một phương pháp đấu giá tên là Vickrey. Phương pháp này đã được áp dụng, như khi chính phủ đấu thầu cho khai thác tài nguyên quốc gia, bán công khố phiếu, v.v. Ông Vickrey nghiên cứu việc đấu thầu kín bằng bao thơ. Người bán không biết các người mua nghĩ rằng vật đem bán có giá trị lớn hay nhỏ - đó là tình trạng Tin tức bất cân đối. Vậy phải làm sao đặt ra "luật đấu" để chính họ tiết lộ giá trị mà họ gán cho vật đem bán.

Thí dụ nhà nước cho thầu khai thác một mỏ dầu. Người đấu thầu đã tính toán trả giá cao mức nào thì họ vẫn kiếm đủ tiền lời, bõ công làm ăn. Mỗi người đấu giá có tính toán riêng. Tất nhiên người nào có thể trả giá cao nhất thì cũng là người có khả năng làm ăn giỏi, có hiệu năng nhất. Nếu người đó trúng thầu thì tài nguyên xã hội đã được trao cho tay làm ăn giỏi nhất. Đó chính là mục tiêu "phân bố tài nguyên hữu

hiệu."

Nhưng nhà nước không biết ý nghĩ trong đầu mọi người là giá bao nhiêu thì đúng như họ ước tính. Tin tức bất cân đối như vậy. Vậy dùng cách nào khích lệ họ hiến đúng giá cao nhất mà họ có thể trả? Vickrey bày ra cách khi người đấu thầu hiến giá trong bao thư kín. Khi mở bao thư ra, người hiến giá cao nhất sẽ được quyền mua, nhưng giá tiền mà người đó trả là giá hiến cao thứ nhì. Người hiến giá cao thứ nhì không được mua.

Thể thức này "Khích lệ" người mua hiến giá gần nhất với con số mà người đó đánh giá vật đem đấu thầu. Nếu hiến giá hơi cao hơn một chút thì khi thắng, sẽ chỉ phải trả giá bằng giá trị mà người đó nghĩ là đáng thôi. Còn nếu hiến giá thấp hơn một chút thì có khi không mua được, mà cái giá mà người trúng thầu phải trả có khi cũng bằng giá trị mà mình tính đáng trả. Do đó, chiến lược tối ưu của người xin thầu là đã tính đáng giá bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Sau đó nếu trúng thầu thì trả đúng giá trị mà mình nghĩ là đáng, còn không trúng cũng không ân hận, vì người trúng phải trả giá cao hơn mình tính.

Gần đây, Ủy Ban Truyền thông của chính phủ Liên bang Hoa Kỳ dùng phương pháp này cho thầu quyền sử dụng các làn sóng phát thanh và truyền hình. Làn sóng điện là một của công, giống như đất đai, rừng, biển. Ủy Ban đã bán quyền sử dụng theo phương pháp Vickrey, và chắc chắn là công quĩ thâu được nhiều hơn nhờ phép đấu giá này. Nghĩa là làn sóng được sử dụng với hiệu quả cao nhất.

Giáo sư Vickrey còn đóng góp nhiều chuyện cụ thể khác, thí dụ trong lý thuyết gọi là "định giá kẹt xe" (Congestion Pricing), ông viết năm 1963. Ông nhận xét là khi bắt các người đi xe bus giờ nào cũng trả cùng một giá là phản kinh tế, và bất công. Người sử dụng xe bus vào giờ đi làm thì việc dùng xe có giá trị hơn, họ sẵn lòng trả giá cao hơn. Theo đề nghị của ông, người lái xe sử dụng xa lộ hay người đi xe bus, xe điện hầm vào giờ tan sở nên trả giá cao hơn người đi vào lúc đường vắng.

Đề nghị đó ông gửi cho Công quản Chuyên chở Công cộng ở New York, mà đến nay họ vẫn chưa theo, vì nhiều lý do chính trị khác. Nhưng nhiều nơi khác đã theo, như ở nhiều xa lộ tại Orange County, California. Có đường riêng cho các xe đã trả tiền đi, họ không bị kẹt. Chính Vickrey đề nghị dùng một bộ phận điện tử để kiểm soát các xe có trả tiền.

Lý thuyết trên được áp dụng ở nhiều lĩnh vực khác, thí dụ cách tính tiền điện thoại, giá điện, nước, v.v. Người sử dụng điện thoại vào lúc "ít kẹt" vì ít người dùng, thì trả giá thấp hơn. Như vậy vào giờ làm việc đường dây đỡ bị kẹt. Khi người sản xuất, cung cấp dịch vụ được tự do tính giá như vậy, cả nền kinh tế có lợi. Khi tính giá tự do, người bán được khích lệ sản xuất, cung cấp thứ mà người tiêu thụ cần. Người tiêu thụ nào thấy dịch vụ hay hàng hóa tạo ích lợi cho mình nhiều nhất thì mua được. Còn người khác không dùng thì đỡ tốn của cải chung. Ai chỉ tính đi chơi thì không đi xe bus vào giờ tan sở chẳng hạn, chen chỗ của người đi làm.

## Xe cũ, bảo hiểm, tuyển mộ

Tin tức bất đối xứng là đề tài được các nhà kinh tế khác khai triển trong vòng mấy chục năm gần đây. Hiện tượng tin tức bất cân đối và thiếu khích lệ, khó kiểm tra không những làm công việc hoạch định chỉ huy của các chế độ xã hội chủ nghĩa thất bại, mà còn có thể làm các thị trường thành bất lực (market failure).

Một thí dụ là thị trường bán xe cũ. Người bán xe biết giá trị thật xe của mình, người mua thì không. Người bán có nói, người mua cũng không dám tin vì rõ ràng người bán không có động lực tự nhiên để nói thật. Cứ như thế thì chẳng còn ai mua hay bán xe cũ nữa. Vậy có cách nào người bán "thông tin" (signal) cho người mua biết giá trị chiếc xe, mà tín hiệu đó đáng tin? Một tín hiệu là "bảo đảm sẽ chịu phí tổn sửa xe, trong một thời gian." Hiển nhiên là người dám bảo đảm dài hạn hơn thì lời nói về giá trị chiếc xe đáng tin hơn. Thị trường có luật pháp bảo đảm sẽ giải quyết phần nào vấn đề Tin tức bất cân như vậy. Họ tự động tìm ra cách thông tin để người nói có khích lệ tự nhiên, phù hợp với quyền lợi của mình, nên sẽ nói sự thật. Mà người nhận tin tức cũng thấy tin được, vì biết có động lực tự nhiên.

Nghiên cứu về tín hiệu (signaling) đã mở ra bao nhiêu cánh cửa, cho người ta nghiên cứu về thị trường tài chánh (người cho vay không biết rõ về người đi vay), về việc tuyển mộ nhân viên (người xin việc biết về mình nhiều hơn người tuyển), và về bảo hiểm, một lãnh vực mà giáo sư Mirrlees đã nghiên cứu, phát triển.

Trong ngành bảo hiểm, có tình trạng gọi là "moral hazard" (ỷ y làm liều): Người mua bảo hiểm xe biết là có bảo hiểm rồi, thì có thể lái xe hơi ẩu hơn một chút - đằng nào cũng có hãng bảo hiểm trả tiền sửa xe. Hãng bảo hiểm không thể biết được trong cùng một loại khách hàng giống nhau, ai là người sẽ có tính lái ẩu hơn các người khác. Cũng giống như trường hợp bán xe cũ, hay chuyện tuyển nhân viên, hay khi một xí nghiệp đi vay nợ. Một bên biết rõ giá trị về phía mình mà bên kia không biết, bất cân đối.

Cũng như trong thị trường xe cũ, thị trường bảo hiểm tạo ra một cách khích lệ phù hợp. Người mua bảo hiểm chịu trả mấy trăm đầu khi sửa xe vì tai nạn, cao hơn số đó hãng bảo hiểm mới trả. Số tiền khấu trừ đó cũng là một tín hiệu cho biết người lái xe thông tin mình có tính cẩn thận như thế nào. Quí vị độc giả thử suy nghĩ trong thị trường vay vốn, thị trường nhân dụng, người ta có thể tạo ra khích lệ phù hợp như thế nào. Không cần chuyên môn cũng có thể nghĩ ra được.

Tình trạng Tin tức bất cân xẩy ra trong hầu hết các sinh hoạt kinh tế. Giải quyết các vấn đề đó đòi hỏi tìm ra những khích lệ phù hợp, để người có tin riêng có thể thông báo sự thật, và thông báo đó khả tín, vì nói dối thì chính họ bị thiệt. Đó là đề tài mà hai ông Vickrey và

Mirrlees có công khai phá.

Nhưng muốn cho các khích lệ phù hợp có công hiệu thì cần vài điều kiện. Nhà kinh tế giả thiết rằng khi quyết định ai cũng tính đến lợi. Có nhiều người thánh thiện tất nhiên không nghĩ đến lợi, họ bao giờ cũng nói thật. Hoặc có người cho rằng nếu dân, nhất là cán bộ được giáo dục (hoặc cải tạo) tốt thì xã hội sẽ tốt đẹp hơn. Nhưng khi nghĩ chung cho cả loài người thì hãy cứ giả thiết họ có đầu óc vị lợi vẫn an toàn hơn. Như Hàn Phi Tử viết "Kẻ lo việc cai trị dùng số đông mà bỏ số ít, cho nên không lo chuyện 'đức' mà lo chuyện pháp luật." (Thiên 50)

Một điều kiện khác để tạo ra được khích lệ thích hợp, là có pháp luật bảo đảm rằng các hợp đồng sẽ được thi hành. Nếu người bán xe cũ có thể bỏ qua lời hứa trả tiền sửa xe, thì giấy bảo đảm vô giá trị. Do đó, một chế độ pháp trị là yếu tố cơ bản của thị trường. Người ta phải có lòng tin nhau, dân vô tín bất lập. Không có luật pháp thì không có lòng tin. Mà chính phủ nói dối nhiều quá thì sau cùng dân không tin, họ sẽ quyết định theo "kỳ vọng thuần lý" của họ, là họ cũng nói dối. Các nhà quyết định chính sách kinh tế, tài chánh ở nước ta nên thử suy nghĩ lối kinh tế học cho quen. Thí dụ luật lệ thuế khóa mà phức tạp và khe khắt quá thì thế nào nạn trốn thuế và hối lộ cũng tăng.

Giáo sư Vickrey là người thiên tả, ông thường nghiên cứu các vấn đề đô thị, đã làm việc ở Ấn Độ và Argentine. Ông tốt nghiệp về Toán ở đại học Yale và Kinh tế ở đại học Columbia, nơi ông dậy học sau này. Một người suy nghĩ độc lập, không thành kiến, không cố chấp, đó là hình ảnh của Vickrey. Trong thời Đại chiến Thứ hai, Vickrey từ chối nhập ngũ vì phản đối chiến tranh. Thay vì ra trận, ông nhận đi làm việc ở Porto Rico: nghiên cứu cách đánh thuế di sản. Nhà kinh tế rất thực tế này, ngay trong chuyện lái xe đi làm mỗi ngày cũng tính toán để chọn con đường đỡ tốn thời giờ nhất (20 phút). Khi còn ở gần trường, ông thường tới lớp dạy học bằng trượt "pa tanh" có bánh xe (roller skates), trên đầu đội các học cụ mà ông sắp dùng để thuyết trình.

Ông Mirrlees cũng thiên tả. Ông đã làm cố vấn cho các chính phủ Ấn Độ, Swaziland, và Pakistan. Ông tốt nghiệp đại học Cambridge, đã dậy nhiều năm ở Oxford, cũng từng dậy ở đại học MIT, Berkeley, và Yale bên Mỹ. Máy trả lời điện thoại tự động của ông, nếu bạn gọi đến, sẽ chơi bản nhạc "Frère Jacques" cho nghe trước khi nhận lời nhắn!

Khi hai nhà kinh tế có lập trường chính trị thiên tả mà vẫn đưa ra các kết luận về thuế khóa ngược lại với chủ trương chính trị của họ, thì đó là điều đáng mừng cho kinh tế học. Điều đó chứng tỏ kinh tế học có tính chất khoa học, và nhà kinh tế rất tôn trọng sự thật.■


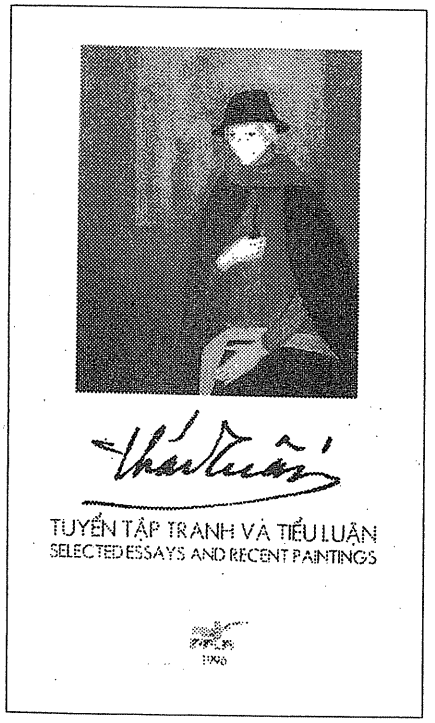


# RA MẮT ALBUM THÁI TUẤN

gồm 30 bức tranh in lọc màu trên giấy trắng mịn, 20 bài Thái Tuấn viết về nghệ thuật tạo hình và phong cách thưởng ngoạn nghệ thuật, trong đó có năm bài dịch sang tiếng Anh (do Nguyễn Ngọc Bích), bài giới thiệu của Huỳnh Hữu Ủy, bài góp ý của Nguyễn Đồng, nhạc cảm đề của Lê Uyên Phương, và vài dòng cảm nghĩ của nhà văn Võ Phiến.

(Hội VAALA xuất bản. Giá một cuốn: US$32.00)

• **Tại WASHINGTON DC**

6 giờ chiều thứ Sáu 13 tháng Chín 1996

tại Viet Arts Center 7403 Windy Hill, Mc Lean VA 22102.

• **Tại CALIFORNIA**

11 giờ sáng thứ Bảy mùng 5 tháng Mười 1996

tại VAALA 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840.

## • Và tại PARIS, PHÁP QUỐC:

Buổi Ra Mắt Sách sẽ được tổ chức vào hồi 15 giờ ngày Chủ Nhật 15 tháng Mười Hai 1996 tại Hội trường số 43 rue Boileau, Paris 16.

Ban tổ chức gồm:

Câu Lạc Bộ Bưởi Chu Văn An và Thân Hữu Paris (Pháp quốc) ■ Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (Hoa Kỳ) ■ và các bạn hữu của họa sĩ Thái Tuấn

# VẬN ĐỘNG 1000 CHỮ KÝ NGĂN NGỪA TAI HẠI SINH MÔI TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Tiến sĩ Phạm Văn Hải, Kỹ sư Phạm Phan Long và Giáo sư Đỗ Quý Toàn, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt.

Dự án phát triển lưu vực sông Mekong đã gây mối quan tâm của nhiều người Việt Nam tại hải ngoại. Một phong trào vận động thêm sự quan tâm của thế giới đã phát khởi tại Little Sài Gòn, qua buổi một hội thảo do Nhóm Bạn Cửu Long phụ trách, mà mục tiêu là có ít nhất một ngàn chữ ký vào một bản tuyên cáo kêu gọi các nước trong vùng tạm đình hoãn các kế hoạch thủy điện cho tới khi việc nghiên cứu về sinh môi cung cấp đủ dữ kiện về hậu quả trên đời sống của người dân ở đồng bằng sông Cửu Long.

Cách đây ba tháng, báo *Thế Kỷ 21* đăng một bài của Nhóm Bạn Cửu Long do Phạm Phan Long (1) ký tên. Bài báo cáo nhan đề *Người Việt và kế hoạch khai thác sông Mê Kông của Liên Hiệp Quốc* (*Thế Kỷ 21*, số 87, tháng Bảy 1996). Vì bài báo đề cập đến các hiểm họa đối với đồng bằng sông Cửu Long nếu các nước ở thượng nguồn triệt để khai thác con sông này về mặt thủy điện theo như một kế hoạch của Liên Hiệp Quốc, nhiều người đọc báo xong rất lo ngại. Quý vị đó đã gợi ý người Việt Nam tại hải ngoại nên có hành động để ngăn những hậu quả không hay sẽ xảy ra cho nước ta.

Vào chiều ngày 5 tháng Mười 1996, báo *Thế Kỷ 21* đã tổ chức một buổi mạn đàm về đề tài sông Cửu Long tại phòng sinh hoạt Người Việt, thành phố Westminster, California, quy tụ khoảng 30 người quan tâm đến vấn đề. Trong số người tham dự có ký giả Như Phong Lê Văn Tiến, bác sĩ Huỳnh Hữu Cửu, ông Nguyễn văn Châu, kiến trúc sư Nguyễn Tường Quý, v.v...

Ông Phạm Phan Long, tác giả bài báo, và ông Phạm Văn Hải, trong Nhóm Bạn Cửu Long, đã trình bày với số liệu khoa học những tác hại đối với Việt Nam nếu những nước như Thái Lan, Lào xây nhiều đập thủy điện và lấy nước từ sông Mekong chảy vào ruộng đất của họ. Hai diễn giả cho biết Quỹ phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) là cơ quan chính thúc đẩy việc xây đập với lý do phát triển cho các nước trong lưu vực sông Me kong, vì đó là một đầu tư có lợi lớn cho ngân hàng tài trợ như World Bank hay Asian Development Bank và các nước tiền tiến có những công ty chuyên xây cất đập. Nhưng việc xây đập sẽ gây ra nhiều thiệt hại cho Việt Nam. Việt Nam là nước ở hạ lưu con sông, nếu hàng loạt đập được xây tại các nước thượng nguồn thì đồng bằng sông Cửu Long sẽ chịu những hậu quả như: cá không xuống hạ lưu được, số lượng cá ở đây có thể sẽ giảm 80%; lưu lượng nước tại hạ lưu sẽ giảm hẳn, nước mặn từ biển sẽ dâng cao, có thể lấn vào nước ngầm đến tận đồng bằng các tỉnh Vĩnh Long, Cần Thơ, việc sản xuất lúa gạo sẽ bị ảnh hưởng nặng nề; có nhiều điện, các nước thượng nguồn sẽ phát triển nhà máy kỹ nghệ ven sông, chất phế thải dơ bẩn độc hại sẽ đổ vào sông và Việt Nam sẽ phải hứng chịu tất cả. Tóm lại hậu quả chính mà Việt Nam phải chịu là sẽ bị sút giảm trầm trọng về ngư nghiệp và nông nghiệp, và ô nhiễm môi trường.

Diễn giả cho biết tiếp trước đây nếu một nước trong lưu vực sông Mekong định làm một dự án liên quan đến con sông mà bị một nước khác trong nhóm phản đối thì dự án sẽ không được thi

hành. Nhưng vào tháng Tư 1995, nhà cầm quyền Việt Nam vừa ký một hiệp ước cùng với các nước Thái Lan, Lào, Campuchia, trong đó điều kiện này đã không được đề cập đến một cách rõ ràng, và đây là điều rất nguy hiểm cho Việt Nam. Trong khi đó, chín dự án xây đập đã được Liên Hiệp Quốc khuyến khích thực hiện. Trước một nguy cơ rõ ràng như thế, người Việt Nam phải làm gì?

Tiến sĩ kỹ sư Phạm Văn Hải đã góp mặt trình bày thêm về các tác hại của thủy điện nói chung và cho rằng bài của Nhóm Bạn Cửu Long nên được phổ biến trong nước cho dân chúng biết đến. Phần thảo luận tiếp theo đó rất sôi nổi, đặc biệt với ý kiến của các ông Nguyễn Văn Châu nhóm Đặc san *Tiền Giang*, kỹ sư Ngô Minh Triết, kiến trúc sư Nguyễn Tường Quý, ký giả Như Phong, v.v... Các người tham dự thấy cần phân tích kỹ hậu quả pháp lý của hiệp ước mà các nước trong lưu vực sông Mekong vừa ký kết năm ngoái. Hơn nữa, cần thành lập ngay một nhóm để kêu gọi thêm nhiều người tham gia, cùng vận động cơ quan Liên Hiệp Quốc, các chính phủ, các hội đoàn bảo vệ sinh môi trên thế giới để kịp thời ngăn chặn việc xây đập. Ông Hoàng Ngọc Tuệ, đại diện Hội Đồng Quản trị báo *Thế Kỷ 21*, nói rằng đây là việc nhằm đóng góp cho tương lai của đất nước. Hành động này sẽ thu hút được sự tham gia của giới trẻ hơn khuynh hướng nhìn về quá khứ. Ông cũng lưu ý cử tọa về việc sử dụng hệ thống Internet để truyền bá cuộc vận động này.

Kết quả, một Nhóm Vận Động đã được thành lập, với ông Phạm Phan Long là người điều hợp và liên lạc, để xúc tiến các việc đã bàn. Nhóm kêu gọi sự tiếp sức của tất cả mọi người để góp thêm ý kiến vào một bản Tuyên cáo hay khuyến nghị sẽ gửi đến Ngân Hàng Thế Giới, Ngân Hàng Phát Triển Á châu, Liên Hiệp Quốc, và các chính phủ trong vùng. Khi bản tuyên cáo thành hình sẽ gửi đi xin chữ ký của người Việt và người ngoại quốc khắp thế giới. Cho đến khi một ban vận động thành hình, mọi liên lạc tạm thời qua Tòa soạn báo *Thế Kỷ 21*, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92840, USA. Điện thoại (714) 638-9510. ■

Kỹ sư Phạm Phan Long

(1) Ông Phạm Phan Long, tốt nghiệp kỹ sư cơ khí năm 1976 tại University of Auckland, Tân Tây Lan, First Class Honors, sáng lập và là Chủ tịch Công ty Cố vấn Kỹ nghệ Moraes/Pham & Associate. Ông đã được trao Engineer of The Year và Facilities Management Excellent Awards của American Institute of Plant Engineers 1986.


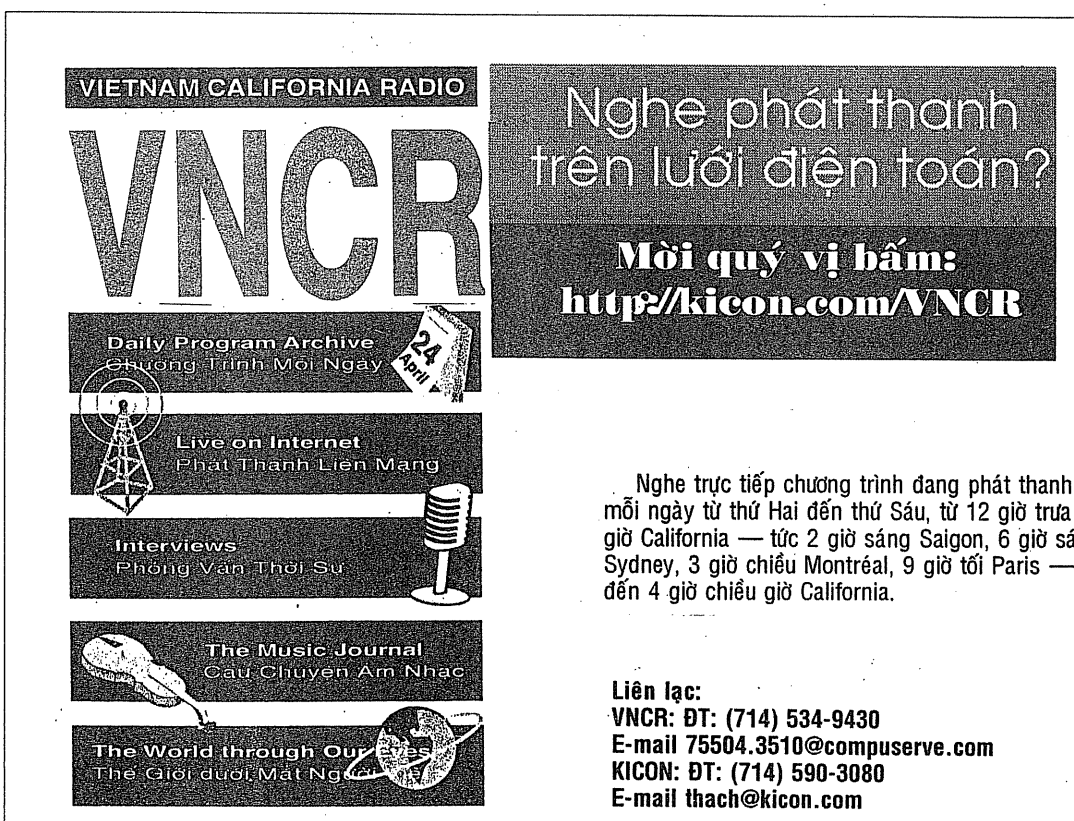

# KIỆN VÀ SỢ BỊ KIỆN

Một xã hội pháp trị là điều kiện không thể thiếu nếu muốn sống trong thể chế dân chủ. Nhưng một xã hội trong đó lúc nào người ta cũng sợ bị kiện và phải đề phòng bằng cách ra tay đi kiện người khác trước, thì quả thật khó sống. Có thể nói là không sống như con người.

Ở Mỹ hiện đang bầy ra nhiều tình trạng như vậy. Một bức hí họa vẽ cảnh trong văn phòng có cái tủ sắt lớn đổ, đè lên một nhân viên. Một nhân viên khác đứng bên kêu cứu: "Hãy gọi ngay một luật sư!" Trong một hoạt họa khác, cô giáo hỏi một nhóm học trò sáu, bảy tuổi, một câu, có em bé viện dẫn quyền hiến định của em để nói: "Thưa cô, em chỉ trả lời cô nếu có luật sư của em hiện diện." Nhưng chuyện một học sinh nhờ luật sư đưa tới trường vừa mới diễn ra thật.

Tháng trước, một cậu bé sáu tuổi ở North Carolina bị đuổi học, vì hôn lên má một bạn cùng lớp. Nhà trường buộc chú bé vào tội danh "sách nhiễu tình dục" (*sexual harassement*). Một chú bé khác ở New York, bẩy tuổi, bị bắt nghỉ học về tội"sách nhiễu tình dục," cũng vì hôn trên má một cô bạn. Dịch là "sách nhiễu" hơi nặng, gọi là "quấy nhiễu" có lẽ đúng hơn.

Tại sao ban giám hiệu của các trường tiểu học lại quá khắt khe về chuyện trẻ con hôn má nhau như vậy? Phải chăng họ muốn chứng tỏ họ lo bảo vệ đạo đức hơn cả các nhà tu hành?

Có hai lý do chính khiến họ phải khắt khe. Một là trong xã hội Mỹ bây giờ, các vụ sách nhiễu tình dục nhiều và có thật. Hai là họ sợ bị kiện thưa, rắc rối và tốn kém.

Trong xã hội nào cũng có người quyền thế dùng địa vị của mình ve vãn, ép uổng người khác phái. Như vậy khi ở xã hội này người yếu thế có khả năng thưa kiện, đòi bồi thường, thì cũng đáng mừng. Kẻ sách nhiễu càng nhiều tiền hay quyền thế càng cao, thì số tiền đòi bồi thường càng lớn. Pháp luật là một phương thuốc trị và ngăn ngừa tật sách nhiễu này. Còn ở các nước không tôn trọng luật pháp thì người ta chỉ trông nhờ vào đạo đức, vào "thiện chí" của kẻ quyền thế. Sống trong pháp luật thì, như Hàn Phi Tử viết "...không cậy ở chỗ người ta tử tế với mình, mà dùng cái thế khiến người ta không thể làm điều sai." (Thiên 50)

Tháng trước tòa án ở California xử cho một cô gái 14 tuổi được nhà trường bồi thường 500 ngàn mỹ kim vì cô tố giác là bị sách nhiễu tình dục. Câu chuyện bắt đầu mấy năm trước, khi còn 11, 12 tuổi, cô bị bạn trai bình phẩm, chọc ghẹo về thân hình sớm phát triển của cô. Chuyện diễn ra suốt mấy tháng, cô đã thưa với nhà trường xin can thiệp, nhưng nhà trường coi là truyện trẻ con, kẻ "sách nhiễu" không bị phạt. Vì thế cô gái thưa kiện ông hiệu trưởng, đòi bồi thường.

Không hiểu quan tòa lấy lý do nào đã bắt nhà trường đền cô gái 500 ngàn mỹ kim? Có thể món tiền quá lớn đó khuyến khích các luật sư đi làm "thầy kiện," họ hứa chỉ nhận thù lao bằng một số phần trăm tiền bồi thường nếu thắng kiện.

Trước tấm gương đó, lo tới lượt mình sẽ bị thưa kiện, nhiều trường học đã ra lệnh cấm học sinh không được cầm tay nhau trong phạm vi nhà trường. Chỉ vì lo bị kiện nên trường học đã phạt một chú bé sáu, bẩy tuổi chỉ vì hôn má người bạn.

Đạo luật cải tổ y tế ở Mỹ có khoản giới hạn số tiền bồi thường khi bệnh nhân kiện y sĩ chữa bệnh nhầm. Đạo luật này hi vọng sẽ giảm số tiền bác sĩ phải đóng bảo hiểm, do đó sẽ hạ thấp cả chi phí về y tế. Bệnh kiện cáo làm cho bao nhiêu chi phí tăng lên!

Sau chuyện sách nhiễu tình dục, đến chuyện ma túy. Một trường trung học ở Ohio đã phạt một cô gái 14 tuổi vì tội "bán ma túy." Thuốc ma túy cô bé đã tặng cho một cô bạn chỉ là thứ thuốc rất phổ thông để trị đau khi phụ nữ đến kỳ, hiệu Midol. Thứ thuốc này có thể mua không cần toa bác sĩ. Nhưng vì hành động giúp bạn đó, cô gái bị đuổi tạm thời, và phải đi học lớp hướng dẫn về ma túy!

Chuyện ma túy cũng là một mối nguy có thật ở trường học, không khác gì chuyện sách nhiễu tình dục trong xã hội. Nhà trường cũng chỉ lo có ngày bị thưa kiện vì để cho những kẻ bán ma túy hoạt động trong trường. Phản ứng của họ cũng vì sợ mà sinh ra.

Nhưng lo bị kiện đến nỗi phản ứng quá khắt khe như trên thì cũng chỉ tạo cơ hội để bị kiện ngược lại. Cô gái "bán ma túy" ở Ohio đã đứng ra kiện nhà trường về tội "kỳ thị mầu da." Theo cô thì hình phạt đối với cô nặng nề như vậy chỉ vì cô là người da đen. Cô đã ngồi xe tới trường học, với một luật sư đi kèm, để yêu cầu nhà trường phải nhận cô vào lớp. Còn cậu bé sáu tuổi ở Ohio, gia đình cậu cũng dọa sẽ đâu đơn thưa kiện, nhà trường chịu thua, phải nhận cậu vào lớp. Ở New York, nhà trường cũng hứa sẽ thay đổi chính sách.

# CHA MẸ KIỆN CON

Những vụ kiện thưa trên cho thấy luật pháp đã được sử dụng thái quá. Một xã hội có luật pháp, đối sử với nhau bằng luật pháp là điều tốt. Vì trước pháp luật mọi người đều bình đẳng như nhau. Ưu điểm của chế độ pháp trị chính là tính cách khách quan, coi "mọi người đều xa lạ như nhau", không ràng buộc tình cảm nào có thể

chi phối xét đoán của pháp luật, theo châm ngôn "Pháp bất vị thân." Nhưng khi luật pháp được sử dụng nhiều quá, nhất là khi có những mối tương quan giữa người với người cần phải dựa trên tình cảm, mà người ta vẫn đem nhau ra trước pháp luật, thì chúng ta phải lo ngại về nền tảng của cả xã hội.

Hãy lấy thí dụ ở Singapore, một nước đa số là người Hoa, lấy đạo Khổng làm đạo lý xã hội. Ngày 1 tháng Sáu năm nay, đạo luật mà quốc hội Singapore đã thông qua, buộc các con phải trợ cấp nuôi cha mẹ bắt đầu có hiệu lực. Trong bốn tháng có 100 vụ cha mẹ kiện con cái và anh em kiện nhau. Tòa án ngạc nhiên!

Cụ Vương, 71 tuổi, và cụ bà 67 tuổi đầu đơn ngay trong ngày đầu tiên. Họ có bảy người con, mỗi tháng chỉ có chừng 350 mỹ kim không đủ sống. Trong khi con gái cụ ở nhà cao cửa rộng, có người làm, nuôi ba con chó.

Một vụ khác, một người con gái nuôi mẹ già kiện anh và em trai là không cấp dưỡng đủ cho mẹ. Một người làm phó hiệu trưởng một trường tư giàu có, một người làm quản lý ngân hàng. Họ góp cho mẹ 350 mỹ kim một tháng, trong khi bà con gái đòi họ góp mỗi người 550 mỹ kim mới đủ. Bà mẹ thì già, không hiểu chuyện gì đang xảy ra.

Trong một trường hợp khác, mấy người con của đời vợ sau kiện các con đời vợ trước là đã bỏ bê không phụng dưỡng cha già. Nhưng theo luật thì các người con có quyền từ chối giúp cha mẹ nếu chứng minh được rằng thủa nhỏ đã bị cha mẹ bỏ bê! Những rắc rối gia đình đó, nay sẽ được mang ra trước công chúng! Nói về lý thì rất đúng, rất hợp pháp. Nhưng về tình thì tất cả đều mất mát. Nhiều người ở Singapore bây giờ mua quà gì cho bố mẹ cũng giữ hóa đơn để để phòng có lúc bị kiện thưa! Tình nghĩa tính làm sao?

Người Á Đông vốn trọng tình nhiều hơn lý. Đó cũng là một nhược điểm nên sửa đổi. Trong việc sắp xếp xã hội, chúng ta cần chú ý đến mặt lý hơn, phải tập tổ chức xã hội bằng luật lệ nhiều hơn. Nhưng chúng ta cũng tự hỏi nên dùng lý và luật đến mức nào thì vừa đủ? Chúng ta có thể tiến từ mức độ "chưa đủ" (bất cập) sang thái cực khác là dùng lý "thái quá." Đây là một vấn đề mà thế hệ chúng ta, và thế hệ sắp tới phải giải quyết, để đạt được mức "trung dung."

Sống trong sợ hãi và nghi ngờ thì người ta không thể hạnh phúc. Nó cũng làm người ta mất cả phẩm giá. Những người đã sống dưới các chế độ công an trị, khiến hàng xóm dò xét nhau, đều biết như vậy. Khi nỗi sợ hãi và lòng nghi ngờ lại do tinh thần pháp trị tạo ra thì chúng ta có thể mất cả niềm tin. Làm sao chúng ta còn tin được vào khả năng loài người sống hòa thuận và hạnh phúc với nhau nếu các vụ kiện thưa làm cho ai cũng nghi ngờ và lo sợ?

## BÀI NGOẠI VỀ KINH TẾ

Bài ngoại là một tâm lý rất dễ hiểu, dù xã hội văn minh thì không thể chấp nhận. Nhưng khi làm kinh tế thì không nên để tinh thần bài ngoại can dự. Chính phủ Trung Quốc cũng đang lớn tiếng hô hào bài ngoại, chống Tây Phương, trong nghị quyết của khóa họp Trung ương vừa rồi. Nhưng trong chính sách kinh tế thì họ lại chiều đãi, tôn trọng quyền lợi các nhà đầu tư ngoại quốc.

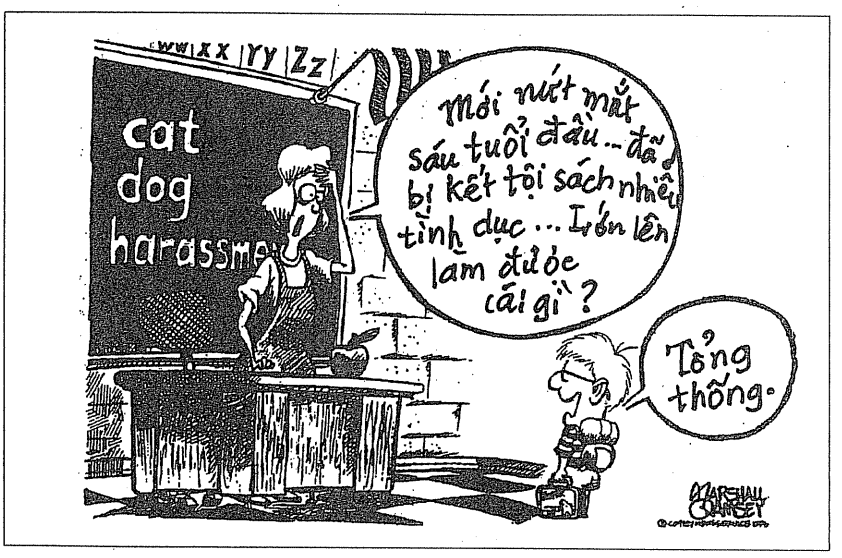


Còn ở Việt Nam thì khác. Trong đám lãnh đạo ít người có đầu óc làm ăn theo kiểu người Trung Hoa. Không những họ làm người ngoại quốc lo sợ, họ còn làm cho người ta tốn tiền nữa! Đối với nhà đầu tư thì chửi người ta không làm người ta giận bằng đụng đến túi tiền của người ta.

Lúc đầu là chửi. Báo *Quân Đội Nhân Dân* đã viết bài cảnh cáo dân chúng, coi mọi người ngoại quốc đến Việt Nam đều là kẻ thù nguy hiểm. Đầu năm nay là chiến dịch bôi xóa các bảng hiệu có chữ ngoại quốc. Cái đó nằm trong chiến dịch chống "văn hóa đồi trụy" do ông bộ trưởng Trần Hoàn chủ trì. Xóa cái tên Coca Cola (đồi trụy?), rồi thay bằng cái gì? "Khả khẩu khả lạc," theo đường lối Trung Quốc? Hay Việt hóa thành Cô Ca Cô La? (Phụ nữ còn ai dám uống thứ nước ngọt "lắm mồm" như vậy?) Ông bộ trưởng Văn hóa - sắp ra đi - làm nhiều xí nghiệp ngoại quốc tốn tiền sơn bảng - một lần xóa, rồi một lần viết lại sau khi chính sách được lẳng lặng bỏ qua!

Đầu tháng Mười, bộ Tài chánh - với ông bộ

trưởng Hồ Tế cũng sắp khăn gói ra đi - tăng gấp đôi thuế thu nhập của các chủ nhà cho người ngoại quốc thuê. Theo luật cung cầu, tiền thuê nhà sẽ phải tăng theo. Phải chăng hai ông bộ trưởng sắp về vườn cố ý gây khó khăn cho những người còn được ngồi lại nắm quyền?

Bây giờ, ông Hồ Tế đưa ra Quốc hội ba dự luật về thuế. Nếu luật về thuế thu nhập cá nhân quả thật bắt các công ty ngoại quốc đóng 100 ngàn một năm cho nhân viên, khi nhân viên lãnh số lương 2.000 mỹ kim một tháng, thì họ lại càng làm cho người ngoại quốc nản lòng không muốn đầu tư thêm nữa. Người ta đầu tư vào các nước nghèo vì lương nhân công rẻ. Nếu tăng chi phí về nhân dụng thì thà rằng người ta đi xứ khác làm ăn.

Ông Bộ trưởng Lê Xuân Trinh mới tuyên bố phải khích lệ xuất cảng, để bù vào khiếm hụt cán cân chi phó. Trong tám tháng đầu năm 1996, Việt Nam khiếm hụt 3,57 tỷ mỹ kim. Trong suốt năm 1995, chỉ khiếm hụt 2,29 tỷ. Vì thế mà có tin Ngân hàng Nhà nước sẽ phá giá đồng bạc Việt Nam để hàng xuất cảng dễ cạnh tranh hơn. Nhưng ông Thống đốc Cao Sĩ Kiêm đã cải chính, giải thích sẽ chỉ điều chỉnh hối suất mà thôi.

Cán cân chi phó thiếu hụt không phải là điều đáng lo quá. Nếu số tiền chi ra để mua máy móc, thiết bị. Nhưng tiền thâu vô của Việt Nam hiện giờ chủ yếu là nhờ tiền đầu tư của người ngoại quốc. Đại diện Ngân hàng Thế giới ở Hà Nội, ông Bradley Babson nói Việt Nam còn cần rất nhiều tiền vô. Nếu kỳ thị các người đầu tư quá, chỉ tính đường "vắt sữa" cho đã, không lo cho con bò ăn cỏ, thì có ngày con bò cũng... đi đầu tư nước khác. Một khó khăn của nền kinh tế là do sự cạnh tranh giữa các bộ, các cơ quan nhà nước. Một bên muốn thu hút tiền ở ngoài vào, bên kia thì làm đủ chuyện để đuổi tiền đi.

# KINH TẾ NƯỚC ĐỤC

Luật thuế thu nhập mới không phải là hiện tượng duy nhất làm nản lòng giới đầu tư ngoại quốc. Vụ Nguyễn Trung Trực, đại diện một công ty Úc ở Sài Gòn bị giữ hộ chiếu và tịch thâu các hồ sơ của công ty, đã làm cho các nhà đầu tư rất lo ngại đến số phận của họ. Họ lo rằng sau khi họ bỏ tiền vào chung vốn, bất cứ lúc nào họ cũng có thể bị tước đoạt tài sản. Hệ thống luật pháp lỏng lẻo ở Việt Nam không giúp cho người đầu tư an tâm.

Đạo luật đầu tư sắp được mang ra sửa lần nữa trong khóa họp Quốc hội tháng này, cho nhà nước "quyền bãi bỏ các dự án đầu tư ngoại quốc, nếu vi phạm luật pháp." Nhưng hệ luật pháp nào? Các thứ luật thì mơ hồ, tòa án không độc lập, tòa chưa xử báo nhà nước đã chửi rồi, luật sư ngoại quốc thì không được cãi về các luật bản xứ, tất cả làm cho người đầu tư như cá nằm trên thớt. Nhất là khi có một dự án liên doanh, thì phía người Việt Nam góp vốn toàn là những người hay cơ quan có thế lực. Nghĩa là những người đó, nếu muốn hất chân người ngoại quốc để chiếm lấy tài sản, thì có thể dùng hệ thống luật lệ mập mờ và thế lực của họ. Ai dám làm ăn trong cảnh như vậy? Có, những kẻ nghĩ rằng họ có thể gian lận, hối lộ.

Gần đây các nhân vật cao cấp và báo của đảng còn cổ động việc thành lập các chi bộ đảng Cộng Sản trong các xí nghiệp ngoại quốc. Nhiều hãng ngoại quốc lo rằng các chi bộ này trở thành gián điệp kinh tế. Bổn phận của họ đối với đảng sẽ mạnh hơn lòng trung thành với xí nghiệp. Trả lời một bài báo nêu vấn đề này trên tờ *San Jose Mercury News*, bộ Kế Hoạch và Đầu Tư nói "Lập chi bộ trong các xí nghiệp ngoại quốc không có gì đáng để họ lo ngại." Lối nói đó là nói để cho trong đảng nghe với nhau.

Theo báo cáo của bộ Kế Hoạch và Đầu Tư thì cho đến tháng Tám năm nay, số đầu tư ngoại quốc đăng ký giảm 38% so với những tháng năm ngoái. Trong số khoảng 22 tỷ đăng ký chỉ có 25% được thực hiện. Một lý do sút giảm vì Đại hội Tám. Người ta không biết các ông sẽ tính đường lối nào, chờ coi sao. Sau đại hội, vẫn còn cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược, chứng tỏ các tranh chấp nội bộ chưa ngã ngũ, người ta sẽ phải chờ thêm. Không biết bao giờ.

Khi người ngoại quốc rụt rè không đầu tư thì các người lãnh đạo ở Việt Nam có lo ngại không? Có thể là không. Một doanh nhân ngoại quốc ở Việt Nam nói với phóng viên Knight-Rider rằng "Các ông lớn đã ních đầy túi rồi, đổi mới thêm hay không thì cũng vậy."

Trong số các nước đầu tư, Đài Loan vẫn đứng đầu, Mỹ hàng thứ sáu. Theo các nhà đầu tư gốc Hoa thì họ rất quen thuộc với lối làm ăn ở một xứ làm gì cũng phải hối lộ, và luật lệ thất thường. Họ nói "Chúng tôi chỉ quan tâm đến lợi nhuận. Còn làm cách nào để có lợi nhuận, không cần biết."

Nếu như nhà nước nhất định tăng thuế lợi nhuận cá nhân và phụ thu về xã hội của người Việt làm cho hãng ngoại quốc, thì các xí nghiệp ngoại quốc chỉ cần khai bớt lương đi, sẽ đỡ tốn. Tiền thuê nhà cũng có thể trả "dưới gầm bàn." Phương pháp bảo đảm nhất vẫn là hối lộ các viên chức có quyền.

Người Tây phương không quen với lối làm ăn đó. Người Mỹ, theo luật của Mỹ, có thể bị truy tố nếu hối lộ, dù hối lộ quan chức người nước ngoài. Họ sẽ không cạnh tranh nổi với người Đài Loan.

Một nhà kinh tế nhận xét rằng "Giới đầu tư Tây phương giống như loài cá sống ở nước trong. Các nhà đầu tư Á Đông như cá quen sống ở nước đục. **Mà ở Việt Nam thì nước rất đục...** Chỉ bao giờ người Đài Loan, người Đại Hàn, người Singapore bắt đầu bớt đầu tư, hay rút đi nơi khác, nhà nước mới chú ý. Khi đó, may ra họ thấy cần thay đổi." Nhận xét trên đây gợi lại một câu nói của Mao Trạch Đông, do bác sĩ Lý Chí Tuy thuật lại. Khi có người than rằng trong đảng nạn hối lộ còn nặng quá, Mao trả lời "Nước phải đục thì cá mới sống được, nước trong thì cá chết hết!" Chủ nghĩa nước đục của Mao đang được áp dụng ở nước ta, trong vũng nước đục đó nhiều đảng viên sống được.

Trong khi chờ đợi, tất nhiên chỉ có dân chúng bị thiệt. Không thêm đầu tư thì không tạo thêm công ăn việc làm. Mỗi năm nước ta cần một triệu công việc mới cho một triệu người gia nhập lần đầu vào thị trường nhân dụng.

# NƯỚC CỜ MỚI Ở MIẾN ĐIỆN

Bà Aung San Suu Kyi, lãnh tụ đối lập ở Miến Điện (Myanmar) nhận xét những tướng cầm quyền ở nước bà giống như những tay chơi cờ chỉ biết tính một, hai nước. Họ là những nhà quân phiệt tự xưng là Hội Đồng Nhà Nước Tái Lập Luật Pháp và Ổn Định - viết tắt theo tiếng Anh là SLORC.

Năm 1990 Hội đồng SLORC phải tổ chức bầu cử, vì áp lực quốc tế chỉ chích chế độ của họ vi phạm nhân quyền sau khi họ đàn áp dã man các học sinh và tăng ni biểu tình đòi dân chủ. Trong cuộc bầu cử đó, không ngờ phe đối lập chiếm đa số. Liên Minh Dân Tộc Tranh Đấu cho Dân Chủ của bà Suu Kyi thắng 392 trên tổng số 485 ghế dân biểu. Nhóm quân nhân SLORC cai trị xứ Miến mấy chục năm mà không đọc được lòng dân! Trước thất bại thảm thê đó, họ đi một nước cờ khác: Bắt giam các dân biểu đối lập, quản thúc bà Suu Kyi.

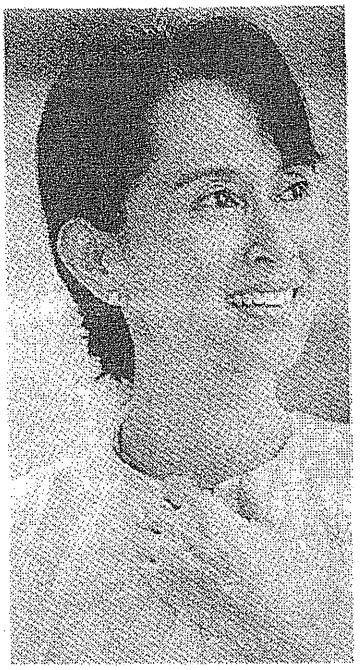

Bà Aung San Suu Kyi

Trong năm năm trời chế độ quân phiệt bị cả thế giới lên án. Bà Suu Kyi được trao giải Nobel Hòa Bình. Bị quản thúc nhưng bà vẫn viết bài gửi ra nước ngoài, trình bầy quan điểm của người Miến về dân chủ và nhân quyền. Bà trở thành tiếng nói của lương tâm dân tộc Miến Điện.

Các quốc gia dân chủ trên thế giới đòi trả tự do cho bà Suu Kyi. Các người đã lãnh giải Nobel Hòa Bình họp nhau tính đến thăm bà nhưng bị nhóm quân phiệt từ chối không cho nhập cảnh. Trước sự chống đối của dư luận Tây phương, Hội Đồng SLORC tìm cách xin gia nhập khối ASEAN, trong đó có nhiều nước độc tài sẵn sàng tiếp đón họ. Nhưng Nhật đã rút một số dự án đầu tư và ngưng nhiều món viện trợ. Thái Lan và Phi Luật Tân bắt đầu tỏ ý không sẵn sàng nhận Miến Điện vào ASEAN. Các công ty quốc tế như Heineken, Carlsberg (rượu bia), Levi Strauss (quần áo) cũng rút khỏi các vụ đầu tư ở Miến. Hãng dầu Unocal ở Los Angeles đang phân phân không biết có rút khỏi dự án khai thác dầu ở ngoài khơi hay không.

Tháng Bẩy năm ngoái, trước áp lực quốc tế, SLORC trả tự do cho bà Suu Kyi và nhiều người đối lập. Bà Suu Kyi đã biến ngôi nhà bà cư ngụ, ở thủ đô Yangon thành một diễn đàn chính trị tự do. Thái độ chính trị ôn hòa, bất bạo động của bà được cả thế giới ngưỡng mộ. Bà sẵn sàng đối thoại với nhóm cầm quyền, nhưng chính nội bộ SLORC không nhất trí phải đối xử với bà ra sao.

Tháng Năm năm 1996, bà Suu Kyi triệu tập một phiên họp của Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ. Nhà cầm quyền đã phải đi nước cờ đối phó: bắt giam 250 dân biểu thuộc liên minh. Nhưng hội nghị của Liên Minh vẫn diễn ra, với 400 người trong đó có 18 dân biểu. Hàng chục ngàn người đến trước cửa nhà bà Suu Kyi để hoan nghênh hội nghị. Họ họp, bàn, soạn chính sách, ra nghị quyết, họp báo, nghiễm nhiên như một đảng chính trị bình thường.

Liên Minh quyết định sẽ soạn một bản Hiến pháp mới cho Miến Điện, song song với bản hiến pháp mà SLORC còn đang thảo luận từ ba năm chưa xong. Nhóm cầm quyền phải đi nước cờ khác: Họ ra đạo luật phạt tù 20 năm những ai soạn hiến pháp mà không có giấy phép.

Cuộc đấu trí vẫn tiếp tục. Nếu dân Miến Điện phải xuống đường, phải chịu đổ máu một lần nữa, thì dư âm của phong trào đòi dân chủ của họ sẽ vang động các nước chung quanh, trong đó có Indonesia và Việt Nam.

Điều đáng lo ngại là, các ông tướng SLORC không những không biết tính nước cờ, mà họ còn là những kẻ chơi cờ xấu tính. Kẻ chơi cờ kém và xấu tính khi biết mình sắp thua thì lật đổ bàn cờ, có khi còn cầm cả quân cờ và bàn cờ đập lên đầu đối thủ. Đối thủ của họ không phải là mình bà Suu Kyi mà là toàn thể dân Miến Điện.

# BÀ AUNG SAN QUÊ Ở YANGON

Nếu cuộc vận động dân chủ của bà Aung San Suu Kyi thành công, đưa nước Miến Điện tới một chế độ dân chủ tự do, bà sẽ được dân Miến sau này nhớ đến như một nữ anh hùng. Có thể so sánh với "Bà Trưng quê ở Châu Phong" trong lịch sử dân Việt.

Bà Aung San Suu Kyi không dòng dõi lạc tướng, nhưng cũng là con gái một vị anh hùng lập quốc ở Miến. Trong thời gian Thế chiến thứ hai, Tướng Aung San và "Ba mươi Đồng Chí" đã thành lập đạo quân, lúc đầu chiến đấu bên quân đội Nhật để giải phóng nước ông khỏi chế độ thuộc địa Anh. Khi quân Nhật sắp bại trận, đạo quân này liên minh với quân Anh để đánh Nhật, đổi lấy nền độc lập cho Miến Điện. Ông

Aung San đã bị ám sát trước khi nước ông chính thức tuyên bố độc lập.

Nhờ uy tín đó, khi bà Aung San Suu Kyi trở về nước lãnh đạo phe đối lập ở Miến, Liên Minh Dân Tộc vì Dân Chủ đã thu hút được đa số dân Miến Điện ủng hộ.

Bà Suu Kyi đã tiếp nhận nền giáo dục tại Anh, một quốc gia dân chủ lâu đời. Cuộc sống lâu năm ở nước ngoài cũng giúp bà nhìn thấy tương lai của Miến Điện phải là một xã hội biết sống hòa hài trong thể chế dân chủ.

Bà Suu Kyi cũng thấm nhuần văn hóa truyền thống của đa số dân Miến, là Phật Giáo. Trong một bài báo trên tờ *Journal of Democracy*, bà đã trình bầy mười qui tắc sống của đạo Phật, phù hợp với tinh thần dân chủ. Trong đó có quy tắc Bất Hại - ahimsa - mà người ta thường dịch là Bất bạo động, theo tiếng Anh, Nonviolence.

Khi Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ tuyên bố họp thảo luận một bản hiến pháp thì nhóm lãnh tụ cầm quyền bắt giam 500 người và ngăn cản các con đường đến nhà bà Suu Kyi, cũng là trụ sở đảng. Họ còn cắt đường dây điện thoại đến nhà bà. Họ đã tính được một nước cờ.

Nhưng phản ứng của thế giới đã làm các người cầm quyền nhụt chí. Chính phủ Mỹ đã ký luật cấm các người cầm quyền ở Miến và thân nhân họ vào nước Mỹ. Một đạo luật cấm doanh nhân Mỹ đầu tư vào Miến Điện đang chờ tổng thống Clinton ký ban hành. Ngoại trưởng Nhật tuyên bố nước Nhật không thể làm ngơ trước các hành động phản dân chủ ở Miến Điện. Thái Lan và Phi Luật Tân tuyên bố sẽ khó khăn trong việc nhận Miến Điện vào ASEAN. Một tuần sau, trước áp lực của thế giới văn minh, nhóm tướng cầm quyền lại tháo bỏ các rào cản trên đường đi đến nhà bà Suu Kyi. Bà tuyên bố sẽ tiếp tục các buổi nói chuyện cuối tuần với dân thủ đô Yangon.

Ai cũng phải đặt câu hỏi tại sao các nhà độc tài cai trị xứ Miến Điện lại kém như vậy? Ông Ulf Sundhausen, một giáo sư ở Đại Học Queensland, Úc châu, giải thích rằng cái chết của ông Aung San đã làm mất đi cả truyền thống của những người trí thức trong quân đội Miến Điện. Khi quân đội Miến cướp chính quyền năm 1962 họ đã mất hết lớp lãnh đạo có tầm nhìn xa, có óc suy nghĩ độc lập, những người có học vấn.

Hoàn cảnh đó khiến cho những người cầm quyền ở Yangon hoàn toàn chỉ biết dùng sức mạnh của công an và quân đội. Họ không hiểu được dân chúng của họ, không thể hiểu phản ứng của thế giới văn minh bên ngoài.

Trong một chế độ độc tài, chỉ những người trung thành với cấp trên được thăng tiến. Người có khả năng, có học thức thế nào cũng bị bọn xu nịnh chen lấn bật ra ngoài. Sau 30 năm dưới chế độ độc tài, khi ông Newin trao quyền cho lớp tướng trẻ thì bọn họ là một lớp người thiếu học, không có kiến thức, không có tầm nhìn rộng rãi, không có thói quen suy nghĩ.

Khi nhóm tướng SLORC mở cửa đón nhận mậu dịch và đầu tư nước ngoài thì họ vẫn chưa bỏ được thói quen suy nghĩ của một băng đảng khép kín. Họ nghi ngờ từ giới trí thức, tăng sĩ, đến người ngoại quốc. Ngay trong lãnh vực kinh tế, họ cũng không biết dùng các nhà chuyên môn, như tướng Suharto ở Indonesia vẫn làm.

Nếu bà Suu Kyi còn ở trong nước, bà còn là một nguồn hy vọng, một sức tác động cho phong trào dân chủ ở Miến Điện. Nếu họ cưỡng bách bà ra đi, sống lưu vong như Đức Đạt Lai Lạt Ma, thì phong trào dân chủ sẽ mất một kiện tướng. Ở Mỹ, đạo luật đang chờ Clinton ký ghi rõ sẽ cấm các công ty Mỹ đầu tư nếu chính quyền Miến "bắt giam, làm thương tổn hay bắt bà Suu Kyi sống lưu đầy, hoặc nếu họ tiếp tục đàn áp phong trào dân chủ." Có người nghĩ rằng ngăn cấm đầu tư thì có hại cho dân Miến. Nhưng ngược lại, tiếp tục đầu tư thì chỉ kéo dài thêm cho chế độ độc tài lạc hậu. Bà Suu Kyi hiện là hy vọng lớn nhất của Miến Điện.■


**Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?**

**AV TRAVEL & NETWORK**
**10900 Westminster Ave., Suite 9**
**Garden Grove, CA 92643**
**(714) 537-2200**
**FAX (714) 741-2900**

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

**Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200**

# TÂM NÃO VÀ TÂM

## Chuyện Bên lề tâm học thế kỷ 21

NGUYỄN KẾT

*(tiếp theo)*

### 6. Tính Khoa học và Phật giáo

Những tương đồng, trùng hợp nhận thức như nêu trên hiển nhiên đáng lưu ý vì chúng khó mà nói là ngẫu nhiên, tình cờ hoặc loại suy và càng không thể là trùng hợp văn tự thuần túy. Một tương đồng khác, tổng quát hơn, điều người ta có thể thấy trong bài thuyết trình khai mạc hội nghị Mind Science của Dalai Lama là tính khoa học của khái niệm phật giáo về tâm.

Bị sử dụng rất rộng rãi đến độ có lạm dụng, từ "khoa học," là một tên gọi nhiều bộ phận trí thức còn phải tiến xa hơn nữa. Như đã đề cập ở trên, ngay một số lí thuyết của nhà khoa học, dù chúng đầy tràn với hệ thức, lí luận toán học cũng còn phải tiến xa mới xứng đáng.

Để nói cụ thể, một lí thuyết hay tri thức khoa học trước hết phải thuần lí, tức "thuộc về, có tính cách, hoặc đặt căn bản trên lí trí hay suy luận." Tính cách này rất quen thuộc với Phật giáo, ngay cả ở mức độ "bác bỏ những điều không lí luận hoặc thử nghiệm được trong tông giáo và tập dục." (22) Kinh sách về luận lí học của Phật giáo nói đến hai nguồn hiểu biết hay nhận thức vững chắc *(pramana),* đó là tri giác trực tiếp *(pratyaksha; direct perception)* và suy luận *(anumana; inference).* Theo đó chỉ điều nào được nhận thức vững chãi, có thể kinh nghiệm và lí luận được, thì mới được xem như một **hiện hữu.**

Thái độ thuần lí của Phật và tăng đoàn được thấy cụ thể và rất nhiều lần trong kinh điển thuộc lệ Agama và Nikaya ('Ahàm' và 'Pali'). Phương châm tu học của người phật giáo Đại thừa (Ấn độ và Tây tạng) là phát biểu này của Phật: "Này các tu sĩ! Những lời dạy của ta được người có học chấp nhận, không do lòng tôn kính, mà do đã phân tích chúng [kĩ lưỡng], như thể vàng được công nhận sau khi được đốt, cắt và chà xát." Hiểu phát biểu này theo nghĩa hiểu biết chân chánh về giáo lí của Phật và theo đó Giác ngộ không thể thiếu khảo sát thuần lí (23), Phật giáo Trung đạo từ hai ngàn năm qua đã đưa vào sự học hiểu giáo lí cũng như trong thiền tập một dạng 'Phân tích Phản chứng' đặc biệt, có tính phê phán cao độ. Mục đích căn bản của phương pháp này là đẩy người học đến chỗ nhìn thấy và phá vỡ từng hệ luận phi lí *(prasanga)* của niềm tin, hiểu biết và nhận thức bẩm sinh của họ về sự vật. (24)

Một điểm làm tính thuần lí trong Phật giáo càng giống với sự thuần lí nơi các lí thuyết khoa học, là tính chất ngắn gọn và đơn giản trong lí thuyết. Giữa các mô tả khoa học cho cùng một lãnh vực thì mô tả nào có đặc điểm này sẽ được chọn (cho dù nó gặp những khó khăn, về mặt siêu hình học, như trường hợp thuyên giải vật lí của Niels Bohr so với khoảng 10 thuyên giải khác). Điều này cũng có thể thấy trong sự tu học và lịch sử hình thành triết học phật giáo. Trường hợp nổi bật là triết học Trung đạo: phong phú về phương pháp đến độ làm người ta choáng váng nhưng chính thuyết Trung đạo thì đơn giản đến độ có thể trình bày trong nửa trang giấy, ngắn gọn đến độ đem giản lược sẽ biến thành triết học hư vô ('chấp không') hoặc duy hữu ('chấp có') (25). Phật thì dù uyển chuyển, độ lượng trong việc truyền giáo và thừa nhận sự khả dụng của các hệ thống tư tưởng và tông giáo đương thời, nhưng đã có thái độ không thỏa hiệp. Thái độ đó chắc chắn làm mất cảm tình của nhiều người khi Phật nhất quyết không nhắc đến những ý niệm, rất phổ biến nhưng thừa, không có vai trò gì đáng kể cho sự thành tựu các lí tưởng luân lí và tâm linh, chẳng hạn các ý niệm về Tạo vật chủ, tự ngã v.v...

Các đặc tính về 'hiện hữu' nêu trên cũng gián tiếp cho thấy rằng sự thuần lí trong Phật giáo cũng giống, trên nguyên tắc, như các lí thuyết hay tri thức khoa học. Đó là lí thuyết phải phù hợp với, hoặc được thiết lập trên thực nghiệm, chứ không phải do tính mạch lạc, nhất quán hay cái đẹp của lí luận thuần túy, dựa và hoặc biện minh cho những niềm tin tiên nghiệm, không thể kiểm chứng được. Nhiều người ngày nay vẫn bị đánh lừa bởi những bề ngoài hào nhoáng này. Phật nói rằng những điều này tự chúng không giúp biết vấn đề được thảo luận "là đúng hay sai, hoặc có hay không liên hệ gì đến chân lí."

Do đó Phật thường giới hạn các giảng giải của ngài trong các phát biểu mà ngày nay được gọi là xác minh được *(verifiable),* tức có thể làm sáng tỏ hay chứng thực bằng thực tế hay kinh nghiệm. Trong 14 vấn đề mà Phật "trả lời bằng sự im lặng cao quí," có những điều mà nếu ngài có trả lời thế nào đi nữa thì quả thật người hỏi cũng không có cách nào xác minh. Phép 'Phân tích Phản chứng' của các nhà Trung đạo được nhắc ở trên, các hệ luận mà nó dẫn tới thường trở nên phi lí chỉ vì đối chiếu với kinh nghiệm.

Người Phật giáo còn đi xa hơn nữa. Tính thuần lí và tính xác minh của lí thuyết, chuyện một lí thuyết dựa trên kinh nghiệm và có thể

cung cấp một giải thích hợp lí cho các kinh nghiệm, vẫn không phải là một bảo đảm vững chắc cho giá trị của lí thuyết đó. Đây đúng là điểm mà ngay một số khoa học gia, tư tưởng gia hiện nay vẫn vô tình hay cố ý vấp phải khi họ thuyết phục người khác. Chẳng hạn nói rằng giả thuyết superstring phải đúng vì nó đẹp, (dù chưa hoàn chỉnh và trên nguyên tắc không thể chứng minh trực tiếp nhưng) nó giải thích thông suốt những sự kiện thực nghiệm sẵn có. Như *triết học Trung đạo khẳng định,* có muôn ngàn cách giải thích cho cùng một kinh nghiệm (một trong các minh họa thích hợp là trường hợp của trên 10 trường phái vật lí lượng tử khác nhau), và *bất kì cặp khái niệm đối đãi nào cũng tạo nên một lí thuyết/giải thích nhất quán vì chúng bổ khuyết cho nhau.* Một lí thuyết và có thể xác minh, do đó vẫn có thể thuộc về loại mà Phật phê phán là "trơn tuột như lươn," "giải thích mọi sự mà không giải thích gì cả," "hí luận," vì chúng dễ rơi vào sự ngụy biện cho chuyện-đã-rồi. Mỗi khi lí thuyết bị đe dọa bởi một sự kiện thực nghiệm, ta chỉ cần đưa vào một khái niệm mới, bằng cách đó vấn đề được 'giải quyết'; và lí thuyết của chúng ta càng bị thách thức như thế lại càng trở nên phong phú, có thể nói xuôi hay ngược gì cũng được! (26)

Như Karl Popper, một danh gia về lí thuyết khoa học (hay triết khoa học) của thế kỉ này đã lí luận, để tránh tình trạng này, các phát biểu, tiên đoán của một lí thuyết khoa học phải minh bạch, xác định, không hàm chứa lí luận xoay vòng. Cách giải thích phải có thể thực chứng và không thể khỏa lấp, chối cãi quanh co để cứu vãn lí thuyết, nếu có các dữ kiện nói ngược lại nó. Tính cách này gọi là 'nghiệm giả' *(falsifiability),* và nó tạo ra sự phân biệt rõ rệt các lí thuyết khoa học và phi khoa học. Một lí thuyết khoa học nhờ thế giải thích các dữ kiện thực nghiệm, và mở cửa cho sự cải biến, hoặc bị thay thế bằng một lí thuyết khác thích hợp hơn, tiến bộ hơn.

Trong Phật giáo các khái niệm và phát biểu nghiệm giả cũng có, và có rất nhiều. Ví dụ Phật đã nói cụ thể về các phương pháp thiền tập, rằng ngoài các kết quả tâm linh chúng còn nâng cao đời sống tâm lí, gia tăng sức khỏe và một số thì có tác dụng ngừa và chữa bệnh, kể cả một vài chứng bệnh có nguồn gốc sinh lí (27). Trong các trước tác về sau (ở Ấn, Tích Lan, Tây Tạng, Trung Hoa v.v...) người ta cũng thấy có những chú giải rất chi tiết về các biểu hiện tâm và sinh lí mà Phật nói đến. Tính cách *nghiệm giả* hiển nhiên là, sự cụ thể, minh bạch trong phát biểu (của Phật cũng như trong các công trình chú giải) khiến người ta không thể biện hộ gì được nếu khi thử nghiệm những kết quả như thế không xảy ra. Đối với hàng tín đồ qua các thời, sự hiện diện và tác phong của các bậc Thầy là bằng chứng cho sự đúng đắn của lời Phật nói. Và sự nghiên cứu định lượng, 'nhìn từ ngoài' của khoa học tây phương từ cuối thập niên 50 đến nay cũng lần lượt xác nhận rằng sự thiền tập quả thật có đưa đến các biểu hiện *khác thường,* hoặc bất ngờ đối với khung lí thuyết hiện có của tây phương (28).

Việc kiểm nghiệm các giáo lí và phương pháp phật giáo hiển nhiên đòi hỏi phải theo phương pháp của chính Phật giáo (như sự kiểm nghiệm một lý thuyết tâm lý thì không thể chỉ sử dụng phương pháp của vật lý hay sinh học). Tuy nhiên theo mô hình thân-tâm của đạo Phật thì một tâm thức tiến bộ sẽ không bị điều kiện hóa quá nhiều bởi lớp thân xác thô phù; nói cách khác, ngoài nhân cách viên mãn, sự phát triển về tâm linh trên nguyên tắc có thể xét nghiệm được phần nào qua các biểu hiện tâm và sinh lí. Do đó, nếu các biểu hiện này không xảy ra hoặc xảy ra nhưng có thể giải thích thỏa đáng bằng khoa học duy vật thì khái niệm phật giáo về tâm — một thực tại phi vật *trên bình diện chân lí công ước/tương đối* — sẽ thừa.

Nhưng để thảo luận nghiêm chỉnh thì trước tiên không thể không nói đến tín niệm căn bản rằng **tâm học** phật giáo, như là công cụ để thành tựu lí tưởng luân lí và tâm linh của đạo Phật, là "tri thức được định hướng/dẫn dắt theo các nguyên lí khách quan, liên hệ đến sự quan sát và thử nghiệm một cách hệ thống." Nói cách khác, nó không chỉ gần gũi với, mà còn là một khoa học như các nhà khoa học *tự nhiên* hiểu (29). Lí do là, nếu **tâm học** phật giáo không là một khoa học, thì những kinh nghiệm có ý nghĩa để nói về một **tâm thức phi vật** mà người Phật giáo vẫn nói có thể có mà cũng có thể chỉ là sự thêu dệt. Và nếu chúng có, thì do bản chất của kinh nghiệm nội tâm chủ quan, chúng cũng có thể chỉ là ảo giác, ảo tưởng của các hành giả phật giáo, hoặc có thể tình cờ mà có, hoặc chỉ là những 'trục trặc sinh học', v.v... Thứ hai, các sự kiện dị thường của thiền tập, lạ thường đối với khung khái niệm khoa học tây phương hiện nay, tự chúng không phải là bằng chứng về sự yếu kém của khung khái niệm này, vì hôm nay không giải thích được không có nghĩa là ngày mai cũng không tìm ra cách giải thích hoặc/và vì các sự kiện này không nằm trong lãnh vực khảo sát của môn khoa học đang dùng để khảo sát, v.v...

Thế nên không có tiêu chuẩn nào thật sự có ý nghĩa để phân định hai quan niệm tâm-do-vật của khoa học (vốn đặt căn bản trên hiểu biết thực nghiệm vững chắc) và tâm-phi-vật của tôn giáo, trừ phi cái sau cũng là một dạng quan niệm khoa học — so sánh gươm ta và gươm tây thì chắc chắn có ý nghĩa hơn là phân định hơn kém giữa bàn và ghế (cả hai đều có bốn chân!)

Tất nhiên niềm tin này trông có vẻ trái lẽ thường và đối nghịch với hiểu biết khoa học.

* Khi một nữ diễn viên điện ảnh mà sống độc thân thì có nghĩa là nàng đang ở giữa hai cuộc hôn nhân.

* Cuối cùng thì ông ta đi du lịch trăng mật có một mình. Ông ta không tin là mình có thể ngủ với một người đàn bà có chồng.

Tâm học phật giáo có sự mô tả hiện tượng một cách hệ thống (30), nếu không thì không thể mô tả cực kì chi li về tâm lí. Vấn đề là ý niệm khảo sát *khách quan* các hiện tượng nội tâm *chủ quan*, biến hiện vô chừng, với ý thức như công cụ khảo sát. Các khoa học gia từ lâu đã không muốn tin vào sự nội quán. Thứ nhất, vì chúng ta thông thường phải đầu hàng trước sự lấn áp của kinh nghiệm nội tâm (như cơn giận hoặc một ham muốn, đòi hỏi tính dục v.v...), nên không thể bình tĩnh khảo sát chúng. Thứ hai, nếu khó khăn này có vượt qua được, thì sự quan sát cũng *sẽ làm biến đổi trạng thái mà ta muốn khảo sát đó.* Tuy nhiên cả hai vấn đề đều đã được người phật giáo ý thức rõ với quan niệm duyên sinh của họ. Chẳng hạn về chướng ngại thứ hai, một vấn đề có tính nguyên tắc, đáng kể nhất, thì Kinh Kim Cương, thuộc kinh hệ Bát Nhã, xuất hiện vào khoảng thế kỉ III trước TL có ghi lại một Phật ngôn rất cụ thể: "...các hiện tượng tâm lí quá khứ thì không thể nắm bắt, các hiện tượng tâm lí hiện tại thì không thể nắm bắt, và các hiện tượng tâm lí tương lai thì cũng không thể nắm bắt được." Do đó, không có gì lạ khi người Phật giáo sử dụng chính khó khăn này như một lợi khí để hóa giải các trạng thái nhận thức và tình cảm tiêu cực. Chẳng hạn làm tiêu tan dần trạng thái 'tôi đang giận' chỉ bằng cách thiết lập trạng thái 'tôi đang khảo sát trạng thái tôi giận', tức là chỉ việc nhìn ngắm hoặc phân tích để chuyển hóa! Điều cần thiết là xem thử 'khoa học phật giáo' là gì.

## 7. Khoa học Phật giáo

Có nhiều lí do để nói về sự vững chắc và phong phú thực nghiệm của tâm học phật giáo. Một *sự kiện* đã được thừa nhận khá rộng rãi là tâm học phật giáo chứa đựng nhiều yếu tố quan trọng của các trường phái tâm lí tây phương, từ trường phái duy vật khoa học nhất, đến trường phái suy biện *(speculative)* nhất. Do đó nó chắc chắn phải có những hiệu dụng thuộc lãnh vực của các tâm lí học này.

Xa hơn, trong khi tâm lí học (và nói chung khoa học tây phương) chuyên nghiên cứu quan hệ và tác năng của các hiện tượng, và như thế trên nguyên tắc chỉ có thể giải quyết vấn đề mà đạo Phật gọi là hạnh phúc trong đời sống *(abhyudaya)*, thì tâm học phật giáo lại không tự giới hạn mình trong mục tiêu này, mà còn nhắm đến việc giúp người tu học thể hiện chân lí nơi chính mình. Khác biệt này có nghĩa là tâm học phật giáo, do tính thuần lí, xác minh và do đó có những hiểu biết khác-nhưng-không-đối-nghịch khoa học tây phương, rất có thể có những kết quả nằm ngoài phạm vi và khả năng giải thích của khoa học tây phương hiện nay.

Suy đoán này được hỗ trợ với thực trạng của việc nghiên cứu thiền tập từ quan điểm khoa học tây phương. Dù đưa đến một số kết quả khả quan (xem chú thích 28), sự quan tâm của một số cá nhân đã trở thành một định chế mới trong khoa học tây phương, nhưng (như đã được một chuyên gia khẳng định trong báo cáo đọc tại hội nghị "Đạo Phật và Tâm lí học" do British Psychological Society tổ chức vào năm 1983), đường hướng nghiên cứu của các nhà khoa học cho thấy giới hạn của chính nó nhiều hơn là giúp hiểu bản chất của thiền tập, và những điều sự thật xảy ra trong nội tâm của các hành giả (31).

Nó cũng đã được minh họa cụ thể bởi những công trình trong đó các hệ thống tâm học phật giáo được trình bày theo ngôn ngữ/phương cách quen thuộc với nhà khoa học. Tuy có một vài


Sau **VIẾT CHO MẸ VÀ QUỐC HỘI**
**của NGUYỄN VĂN TRẤN**

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ mời bạn đọc

**TỬ TÙ TỰ XỬ LÝ**

Hồi ký của TRẦN THƯ

**Năm 1967, là một Thiếu Tá QĐND, TRẦN THƯ ở trong số hàng trăm người bị phe Lê Duẩn - Lê Đức Thọ bắt giam, tù đày trong vụ Xét lại - Chống đảng cùng với Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang.**

**Phần Phụ Lục gồm nhiều văn thư, tài liệu do chính các nhân vật liên hệ trong vụ án và gia đình họ cung cấp. Đọc Tử Tù Tự Xử Lý để biết rõ chính sách tàn bạo kinh khiếp của các lãnh tụ Cộng Sản đối xử với chính các đồng chí của họ.**

**Sách dày 340 trang.**
**Giá 15 MK, ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK.**

**Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ**
**P.O. Box 2301**
**Westminster CA 92683**
**Tel. (714) 527-5761**

*"...Nói đúng ra thì bây giờ tôi cũng chẳng chống đảng. Tôi chỉ chán đảng thôi, chán phè."*
*"...Con X bảo em, nó định giới thiệu em vào đảng. Em bảo nó: - Xin lỗi chị, khi vào đảng béo bở, các chị chẳng nhớ đến em. Bây giờ người ta sắp lôi đảng viên ra hỏi tội, các chị mới bảo em vào, em chả dám."*

khuyết điểm lí thuyết (đôi khi nghiêm trọng nhìn từ lập trường phật giáo) nhưng các công trình này như thế có/sẽ có ảnh hưởng quan trọng, nhất là công trình vừa mới phổ biến của Peter Fenner, một nhà phật học thuộc 'thế hệ mới' (thuộc lớp trẻ và không chỉ nghiên cứu Phật giáo mà còn là một hành giả có quá trình tu tập lâu dài). Trong công trình này, tâm lí học Trung đạo Ấn-Tạng được chuyển dịch sang ngôn ngữ của thuyết hệ thống và *cybernetics*. Một số các thành tựu có-thể-có nơi nội tâm các hành giả Trung đạo lần đầu tiên được mô tả bằng sự mô phỏng qua computer *(computer simulation) (32)*.

Do đó chúng ta có thể đi sang nguyên tắc khảo sát của khoa học phật giáo về tâm thức.

Như đã nói, đạo Phật xem mọi kinh nghiệm mà chúng ta có như bị qui định, khuôn nắn bởi điều kiện nhận thức và như thế không tự có ý nghĩa và có giá trị cố định. Nhiều kinh nghiệm tông giáo mà người khác xem như linh thánh, cao quí nhất, do đó cũng bị xem như do niềm tin mà có và có thể có tác dụng ngăn chận sự tiếp tục thăng tiến trên đường tâm linh. Như sẽ nói, sự dính mắc vào chúng quá đáng cũng là một dạng nghiện ngập nguy hiểm. Nền tảng thực nghiệm của tâm học phật giáo vì thế không do tìm kiếm (và hài lòng, sùng bái) kinh nghiệm, mà do nỗ lực hiểu thấu thực tính của chúng, để buông bỏ, vượt qua, giải thoát khỏi vòng kềm tỏa của mọi kinh nghiệm và đạt được tự do vô điều kiện (Niết bàn). Nỗ lực này được gọi là tu tập hay phát triển bát nhã ('trí độ'), giải quyết được vấn đề khảo sát khách quan các hiện tượng nội tâm chủ quan (chẳng hạn Phật nói trong Kinh Kim Cương rằng nhờ có được Bát nhã — tức bát nhã trong dạng thành tựu viên mãn — mà ngài hiểu biết thực tính mọi hiện tượng tâm thức).

Bát nhã là một dạng sâu thẳm hơn của cái vẫn thường gọi là lí trí hay trí tuệ, cũng *có do sự phân tích, suy nghiệm* (analytical insight) nhưng sự phân tích ở đây *nhắm vào sự khảo sát thể tính hay vị thế bản thể của hiện tượng* chứ không mấy quan tâm đến chuyện mô tả chính hiện tượng như 'thế gian trí' mà khoa học tây phương là cao điểm (33). Sự phát triển bát nhã được mô tả như gồm ba bước: văn, tư, tu. Trước tiên là 'lắng nghe', học hỏi *(văn)*, kế đến là suy tư, phân tích chân lí học được *(tư)*. Điều này có một thể hiện đáng nói trong Phật giáo Trung đạo, nơi các người tu học được hướng dẫn — ngay từ giai đoạn nhập môn, lúc còn là những chú, cô bé ham chơi — để có thể 'cãi lí' với nhau, bắt bẻ nhau về mọi vấn đề giáo lí và triết lí trừu tượng. Và để có thể thật sự khảo sát thể tính chân lí và thể hiện chân lí này nơi chính mình, thì người ta phải *tu*. Thực hành thiền quán, cũng là quan sát, phân tích, nhưng tương quan mật thiết với việc thiền định và trên nền tảng của sự hành trì giới luật. Dạng phân tích được người phật giáo Trung đạo sử dụng trong các cuộc 'đấu lí' và trong thiền quán là 'Phân tích Phản chứng' đầy tinh thần phê phán đã đề cập ở trên.

Giới không phải chỉ là kỉ luật hay các mẫu mực luân lí và xã hội (mà một số có thể không còn hợp thời) mà còn có rất nhiều yếu tố tâm lí học hành vi và do đó, có khả năng định hướng ở tận tiềm thức (ở tâm hành). Sự hành trì giới luật nhắm đến việc thường trực đặt hành giả vào tư thế thích hợp nhất cho sự tiến bộ tâm linh, trong đó gồm cả sự khảo sát khách quan. Nếu có cân nhắc sự kiện này thì một vài công trình về việc áp dụng thiền tập phật giáo và tâm lí học tây phương đã trở nên cân xứng và vững chắc hơn trong lí luận. Thiền định (hay thiền chỉ; *shamatha; stabilizing meditaton)* gồm hai dạng, nói chung là các dạng ý hay tâm thức vi tế có sự tập trung tâm ý vào một đối tượng, đến mức độ chủ thể và đối tượng trở thành như một và trong một thời gian như ý muốn (đủ để thiền giả có thể ẩn tu trong ba tháng hoặc ba năm hoặc ba mươi năm mà không buồn chán!)

Thiền quán *(vipashyana; analytical meditation)* chính yếu là các trạng thái quán chiếu, *chứng kiến* và tích cực phân tích các hiện tượng nội tâm. Thành tựu căn bản của thiền quán là *xả*, 'vô lượng tâm' thứ tư (ba vô lượng tâm khác là từ, bi và hỉ), trạng thái trong đó hành giả không còn bị lệ thuộc, dính mắc vào các hiện tượng, như thể chúng xảy ra cho người khác, không liên hệ gì đến mình. Tâm lí học hiện đại không có một ý niệm nào về thành tựu này, nhưng nếu được như thế thì hiển nhiên đây là bước đầu của khả năng hiểu thấu thực tại như-nó-là. Trong tương quan này sự cần thiết của dạng thiền quán thứ hai, quán tưởng, trở nên nổi bật. Trong quán tưởng người ta nỗ lực đánh thức những phẩm tính, tiềm năng tốt đẹp, thâm sâu nhất của mình, chẳng hạn bằng cách nghĩ tưởng rằng mình có tâm từ bi và trí tuệ vô lượng của Phật, Bồ tát, hoặc, trong trường hợp Mật tông, chính mình là Phật, Bố tát v.v... Hiệu dụng của dạng thiền quán này có thể thấy một phần qua sự áp dụng vào y học, chẳng hạn sự quán tưởng khả năng tự trị liệu (của các cơ quan, tế bào, v.v...) được thấy là giúp những người bị bệnh bất trị kéo dài thọ mạng và gia tăng phẩm tính đời sống của họ.

Thiền định và thiền quán được khẳng định như hai phương thức bổ sung. Trước hết, hai phương thức này bên ngoài rõ ràng mâu thuẫn nhau. Sự thực hành thiền định hay nỗ lực 'xác định vị trí của hiện tượng trong thế giới nội tâm' khiến khó mà phân tích, khó thấy các điều kiện hình thành, cường độ và các hậu quả của hiện tượng v.v... Ngược lại, sự phân tích, khảo sát những điều này sẽ làm chính hiện tượng trở thành như có như không, điều này có giá trị tâm lí trị liệu hiển nhiên (tôi quên mất cơn giận!) nhưng đồng thời cũng có nghĩa là sự suy giảm định lực. Thứ hai, dù không thể đồng thời đi đôi với nhau nhưng thành tựu của hai phương thức này lại đều cần sự nghiêm giữ giới luật) thì thành tựu thiền định vẫn có, như các đo lường của khoa học tây phương cũng cho thấy ở các thành quả đầu tiên, nhưng đó không phải là chánh định, chẳng những không đưa đến Giác ngộ mà còn là trở lực cho sự thăng tín tâm linh và có thể tai hại cho luân lí đạo đức. Còn thiếu

định lực có nghĩa là không thâm nhập được vào các lớp ý thức vi tế để vận dụng năng lực mà lớp ý thức thông thường không có, và như thế sự khảo sát, phân tích dễ đem đến sự mất quân bình thân-tâm chứ chắc chắn không thể là phân tích vào thể tính của hiện tượng. Quả thật các thói tật lạ thường của người chuyên về 'thế gian trí,' chẳng hạn các khoa học gia, không phải là minh họa duy nhất cho luận điểm này.

Do đó, giống như các nhà vật lí của thế kỉ XX với các mô tả, phương cách khảo sát bổ sung của họ, các thiền giả Trung đạo tông trong hàng ngàn năm qua cũng cứ xoay chuyển giữa tu quán và tu chỉ: khi định lực trong thiền quán suy giảm thì họ quay sang việc rèn luyện thiền định, và khi sự phân tích trong thiền định không còn thì bắt đầu lại với thiền quán; cứ thế mãi cho đến khi trình độ quán-trong-định cũng thâm sâu như quán-không-định.

Nếu 'cái biết' và vận động tư duy trong chúng ta lúc nào cũng có, trong trạng thái hỗn loạn và mù lòa, ngẫu nhiên trong trường hợp ý thức không tham dự, thì sự phát triển bát nhã như phác họa ở đây nhìn chung là sự thừa nhận rằng mọi tiến bộ đều có sự tham dự của trí tuệ hay lí trí (34) và nói riêng là nỗ lực định hướng dòng cuồng lưu này theo khuôn khổ thích hợp nhất cho sự phát triển tâm linh; để mượn lời Daniel Goleman, chuyên gia lừng danh trong lãnh vực nghiên cứu tâm lí học phật giáo từ xuất phát điểm khoa học tây phương, nó là "sự sửa đổi chính tiến trình tư duy chứ không chỉ nội dung tư duy như tâm lí học tây phương" *(MindScience tr.). Và hiển nhiên, cùng với tính nghiệm giả trong tâm học phật giáo, sự phát triển bát nhã là yếu tố quyết định để có thể nói về một cốt lõi khoa học trong đạo Phật. Hiển nhiên là càng trung thành với quan điểm thuần lí về bát nhã thì một hệ thống tâm học phật giáo càng có nhiều sắc thái khoa học (35).*

Dù sao thì niềm tin chung của người phật giáo cũng là, bằng cách đó mà các thành tựu tâm linh được *chứng* đắc, và vượt qua, cho đến khi có sự kết hợp hài hòa giữa chỉ và quán, lúc nhà khoa học phật giáo nhận biết thể tính tối hậu của hiện tượng, hoặc nếu muốn, nhận biết nó ở mức độ khách quan nhất. Theo giáo lí Trung đạo, chỉ lúc đó người ta mới bắt đầu có thể nói đến Bát nhã hay bát nhã đã thành tựu đến mức viên mãn, sự chấm dứt của vô minh hay sai lầm bẩm sinh trong vận động tư duy — như Shantideva (khoảng thế kỉ IIX) nói trong *Dẫn nhập vào Bồ tát đạo* IX. 111, "Khi đối tượng của sự khảo sát đã được phân tích rốt ráo // thì điểm tựa cho sự khảo sát cũng bị lấy mất // Khi điểm tựa của sự khảo sát không còn thì [sự tiếp tục phân tích] không thể phát khởi // Và điều này như thế có thể gọi là tự do vô điều kiện (Niết bàn) (36).

Thành tựu được nói đến ở đây là Giác ngộ, chưa phải là Vô thượng Chánh đẳng giác của Phật, mà là giác ngộ về thể tính bình đẳng, vô phân biệt của hiện tượng, hay tánh Không, 'nơi' mà Bát nhã Tâm Kinh (kinh 'Tinh yếu của Bát nhã'; *prajnahrdaya)* mô tả là "không có [các thành phần thân-tâm là] hình thể, cảm thụ, tri giác, tâm hành và tâm thức; không có [những điểm tựa cho các thành phần tâm thức là] mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có [những đối tượng của các thành phần tâm thức là] hình thể, âm thanh, hương, vị, xúc, các hiện tượng nội tâm... "Trong các kinh điển được ghi chép lại sớm nhất, Phật còn nói rõ hơn nữa khi ngài đề cập đến Diệt tận định hay Diệt tưởng thụ định, trạng thái vắng bặt mọi tri giác (tưởng) và cảm thục (thụ) và như thế hiển nhiên là một mức độ rất cao của giác ngộ về tánh Không: "Một tì khưu khi chết... thì tuổi thọ đã mãn, các tạo tác thân xác chấm dứt, đình chỉ, sự sống đã bị tận dụng, thân nhiệt chìm xuống, và các khả năng của người ấy bị diệt mất. Còn một tì khưu khi thâm nhập Diệt tận định thì tạo tác thân xác [cũng] chấm dứt, đình chỉ, tạo tác ngôn ngữ chấm dứt, đình chỉ, [nhưng] sự sống của người ấy chưa hết, thân nhiệt chưa chưa chìm lắng, các khả năng hoàn toàn nguyên vẹn." (37)

Người có thành tựu về tánh Không như thế giống như chết nhưng không phải là chết trong lúc ông/bà ta đang trụ trong kinh nghiệm này. Theo đó ở một mức độ của sự giác ngộ về tánh Không, hành giả dù có ngồi trong lửa thì cũng không cảm thấy đau đớn, dù sau đó ông/bà ta sẽ chết như bao nhiêu người khác; như Dalai Lama cũng giải thích khi trả lời một câu hỏi liên quan đến đến bài giảng của ngài về 'Phật pháp — Một Thảo luận Hàn lâm về Triết học Phật giáo' tại Viện Văn Nghĩa học Ấn Độ (Institut for Indisk Philologi), Đại học Copenhagen, "...Nếu có kẻ đến và đánh vào người đang trụ trong tánh Không, thì do trạng thái tâm thức cao đẳng này, người ấy sẽ không cảm thấy đau đớn gì cả *ngay lúc ấy...*" (38).

Do đó mà tánh Không không là một khái niệm, một tín niệm trừu tượng siêu hình không chứng minh được như nhiều nhà tông giáo học hiểu lầm. Nó là kinh nghiệm siêu việt mọi kinh nghiệm bị điều kiện hóa hay 'kinh nghiệm tích cực', có những biểu hiện sinh lí xác định thích hợp cho cả sự kiểm nghiệm 'khách quan từ ngoài' chứ không là cái chỉ diễn ra trong tâm tưởng của hành giả mà thôi.

*(Còn tiếp)*

## Chú thích

(22) Xem mục từ "rational" trong *Concise Oxford Dictionary*, Oxford Univ. Press & AND Software 1993. Một nghĩa khác nữa của thuần lí — "uyển chuyển, chừng mực; không ngây ngô, phi lí hay cực đoan..." — cũng có trong đạo Phật, không bàn vì quen thuộc và dễ thấy từ định nghĩa của Phật về thế giới.

(23) Nguyên văn Sankrit của Phật ngôn trên có thể hiểu theo hai cách; trong Phật giáo Ấn-Tạng, nó trở thành "Này các tu sĩ và học giả! Lời dạy của ta *nên* được chấp nhận không vì sự tôn kính mà sau khi..."

(24) Dạng phân tích này được Nagarjuna công thức hóa trong tác phẩm triết học chính của ngài. 'Trung Luận' hay 'Luận giải Căn bản về Trung đạo'. Tác phẩm này có nhiều bản dịch ra Anh, Đan và Ý văn v.v... và được giới thiệu, giải thích kĩ lưỡng. Một công trình như thế vẫn rất cần

phải có trong tiếng Việt, một phần vì các bản 'đọc sao dịch vậy' hiện nay thì chỉ có người có hiểu biết hệ thống và đủ sâu rộng về các hệ thống triết và tâm lí học Abhidharma (Atidàm) — đối tượng của Nagarjuna khi viết 'Trung Luận' — mới may ra có thể lãnh hội được.

(25) Tín niệm cổ truyền này đã được lí luận đầy đủ bởi đại sư Tây tạng Tsong Khapa (khoảng thế kỉ XIX), một trong những hành giả và triết gia ngoại hạng của Trung đạo tông, và được minh họa cụ thể với chính sự nghiên cứu triết học Trung đạo của học giới tây phương hiện nay; xem Elizabeth Napper, *Dependent-Arising and Emptiness* (Wisdom, London 1989).

(26) Một thảo luận rốt ráo (với dẫn chứng kĩ lưỡng) về tính thuần lí và xác minh trong Phật giáo sơ kì là tác phẩm nguyên là luận án tiến sĩ của Gunapala Dharmasiri, A Buddhist Critique of the Christian Concept of God (Golden Leaves, 1988), đặc biệt các chươgn VI, VII, và IIX. (Tác phẩm này đã được dịch ra ra tiếng Việt và theo dự tính thì đã phải xuất bản ngay từ cuối năm trước, nhưng tình trạng tông giáo cho đến nay vẫn quá căng thẳng, chưa thích hợp).

(26) Một thảo luận rốt ráo (với dẫn chứng kĩ lưỡng) về tính thuần lí và xác minh trong Phật giáo sơ kì là tác phẩm nguyên là luận án tiến sĩ của Gunapala Dharmasiri, *A Buddhist Critique of the Christian Concept of God* (Golden Leaves, 1988), đặc biệt các chương VI, VII và IIX. (Tác phẩm này đã được dịch ra tiếng Việt và theo dự tính thì đã phải xuất bản ngay từ cuối năm trước, nhưng tình trạng tông giáo cho đến nay vẫn quá căng thẳng, chưa thích hợp.

(27) Xem *The Healing Buddha, chương I và phục lục A, sđd. ở chú thích 17.*

(28) Có một thay đổi đặc thù nơi mô thức hoạt động của não bộ ngay khi một người bắt đầu ngồi yên và tập trung tâm ý (vào một hình tượng Phật, hơi thở, một bộ phận trong thân thể, hoặc một mantra hay ý niệm. Người tập thiền đều đặn trong một thời gian lâu dài thì khi nhập định, họ ở trong một trạng thái buông lỏng, thư giãn cao độ, giống như ngủ say nhưng thật ra hoàn toàn tỉnh táo. Sự tiêu thục dưỡng khí, nhịp tim và huyết áp cũng được biết là giảm xuống rõ rệt trong trạng thái này. So với người không hoặc mới tập thiền, các chức năng tự trị này phản ứng nhanh chóng trước các áp lực ngoại tại và cũng nhanh chóng trở về trạng thái bình thường. Sự thiền tập cũng có ảnh hưởng tích cực trên hệ thống miễn nhiễm, một điều thật sự đã làm kinh ngạc các chuyên gia về bệnh truyền nhiễm và đã mở ra cho họ một lãnh vực nghiên cứu hoàn toàn mới mẻ. Điểm bất ngờ thật sự đối với người phật giáo là ảnh hưởng của tâm ý lại có thể vận dụng để chế tạo máy móc: một dụng dụ hoạt động mỗi khi sóng não bộ thay đổi do sự thư giãn tập trung tâm ý vừa được một khoa học gia người Úc chế tạo cho những người tàn tật — có thể xem *NewScientist số 2028, 4/5-96.*

(29) Xem từ 'science' trong *Concise Oxford Dictionary.*

(30) Xem thêm trình bày của Dalai Lama trong phần đầu của 'Giao điểm giữa Phật triết và khoa học tự nhiên' (Niels Bohr Instituttet, Nguyễn Kết dịch), *Thế Kỉ 21,* số 62 và 63.

(31) Michael A. West, 'Meditation: Psychology and Humane Experience', trg. *Beyond Therapy,* sđd., tr. 243-67. Xem thêm Guy Claxton, 'Therapy and Beyond: Concluding Thoughts', sđd, tr. 311-25.

(32) Peter Fenner, *Reasoning into Reality: A System-Cybernetics Model and Therapeutic Interpretation of Buddhist Middle Path Analysis,* Wisdom Publications, Boston 1995.

(33) Sự thăm dò, khảo sát quan hệ giữa các hiện tượng Đại thừa Trung đạo Ấn-Tạng sử dụng như một phương cách thâm nhập thể tính thực tại ('tùng tướng nhập tánh'). Nhưng các nhà Trung đạo khẳng định rằng hành giả chỉ bắt đầu với Mật tông sau khi đã tương đối thành thuộc trong sự học tập tánh Không, không thì sẽ lạc lối.

(34) Người đề cao các hình thức trực giác huyền bí (do vẫn xem thường lí trí hoặc do sự chấn động vì khám phá khoa học rằng tư duy không do ý thức tạo ra v.v...) có thể không đồng ý với nhận định này. Nhưng 'trực giác' chắc chắn là khi đúng khi sai, bị điều kiện hóa, dẫn dắt bởi tư tưởng: nhà vật lí có 'trực giác' về một vấn đề vật lí chỉ vì ông/bà ta suy tưởng nhiều về nó (cả khi ý thức không biết đến!) và được rèn luyện cả 20 năm về vật lí; 'trực giác' của nhà thơ cũng do việc quen suy tư nhiều về thiên nhiên và các vấn đề nhân sinh; và 'trực giác' của một đứa bé trước sự kiện khói đen bốc lên ở nhà bếp thì chắc chắn không giống cảm giác hãi sợ cuống cuồng của người lớn (vốn đã quen, dù có thể không ý thức rõ với 'chân lí' ở đâu có khói thì ở đấy có thể xảy ra hỏa hoạn), vân vân.

(35) Như chúng ta biết, một hai tông phái Phật giáo Á đông chỉ đề cập đến Bát nhã — bát nhã nơi những bậc Giác ngộ, hay Vô phân biệt trí. Đây là sự ngăn chặn, ngay từ căn bản lí thuyết, việc rèn luyện hay phát triển bát nhã một cách cụ thể. Các hệ thống tâm học phật giáo theo lập trường như thế vẫn có tính cách thực nghiệm do có chung cơ sở với các hệ thống thuần lí hơn, nhưng chúng có phần giống như kĩ thuật học, cho đến các thập niên đầu của thế kỉ này, khi vật lí lí thuyết chưa thật sự là một bộ môn độc lập. Do đó, một 'tam tạng pháp sư' nổi tiếng của Phật giáo Trung hoa hiện đại đã nói, trong một tác phẩm phổ thông, rằng truyền thống này chưa hề có sự áp dụng Trung đạo và Duy thức vào sự tu tập, dù tư tưởng của hai hệ thống tâm học này thường xuyên được nói đến.

(36) Dựa theo bản Đan văn của Christian Lindtner trong *To Buddhistiske Laeredigte* (:hai bài thơ triết về Phật pháp [một của Nagarjuna giảng cho một vi vua về cách sống lợi mình lợi người; một của Shantideva về sự thực hành Bồ tát đạo]), Institut for Indisk Filologi, Copenhagen 1982. Trong bản Anh văn dẫn theo *Reasoning into Reality đd., tr. 31, thì câu cuối là "Điều này như thế gọi là tự do vô điều kiện (Niết bàn)". Shantideva nói như thế là để trả lời một phê bình rằng 'Phân tích Phản chứng' của các nhà Trung đạo không thể giúp thiết lập các định đề họ sử dụng trong lập luận (mahahetu)* của mình, vì phân tích này theo định nghĩa cũng có thể phải đạp nát chính các định đề này. Định đề căn bản của Trung đạo là Phân tích Phản chứng đến Giải thoát. Do đây là một trường hợp đặc biệt của niềm tin vào khả năng định hướng, chuyển hóa niệm tưởng của sự phát triển bát nhã nên trích dẫn của tôi chắc là không 'cưỡng từ đoạt lí' hay 'ngoài bối cảnh'.

(37) *Majjhima Nikaya* (Trung Bộ Kinh), I, tr.296, dẫn theo *A Buddhist Critique..., tr. 171.*

(38) His Holiness Tenzin Gyatso, Dalai Lam XIV, *Dalai Lama i Danmark* (Dansk Selskab for Tibetansk Kultur, Copenhagen 1989), tr. 77. Nhấn mạnh là của người viết. Về sự tu tập bát nhã hay tánh Không theo truyền thống Trung đạo Ấn-Tạng, xem các tác phẩm bằng Anh ngữ của các bậc thầy như Dalai Lama v.v... và Emptiness Yoga (Snow Llon, Ithaca, N.Y. 1987) và *Meditation on Emptiness* (Wisdom, London 1983) của Jeffrey Hopskin, cùng *Dependent-Arising and Emptiness* của E. Napper, đd. Ba công trình sau thuộc loại khó đọc nhưng cần thiết để hiểu tường tận tính cách bác học của truyền thống này.■

# MÁY TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ HOÀN MỸ EV-96

**Bộ Từ điển Anh Việt lớn nhất**

Trong các nỗ lực cung cấp dịch vụ, có lẽ ngành từ điển điện tử là nơi tranh đua đáng kể nhất. Khởi từ những năm 94, kéo dài đến nay gần ba năm trời, các hãng sản xuất từ điển điện tử đã không ngừng biến cải với nhiều kiểu, nhiều màu sắc và nhất là chất lượng được gia tăng một cách đáng kể để cung ứng thị trường của người Việt Nam khắp nơi.

Tại hãng Golden Mate ở El Monte, công việc chuẩn bị tung ra sản phẩm mới trong thời gian này đã trở nên sôi động. Món hàng đến với tay khách kể từ nay sẽ là máy Hoàn Mỹ EV-96, được công bố là chiếc máy đơn giản nhưng lại chứa nội dung đáng kể nhất về từ điển Anh-Việt Việt-Anh.

**Rút kinh nghiệm Máy VEC 888**

Với ba ngôn ngữ, bộ tự điển VEC-888 rất tốn kém nhưng được coi là máy hoàn chỉnh nhất và ổn định nhất từ trước tới giờ được ra đời trong năm qua. Tất cả những gì hay nhất của bộ VEC này đều được lưu giữ hoặc cải tiến mạnh mẽ và bộ máy điện tử mới mang tên Hoàn Mỹ EV-96 được ra đời đã nói lên cố gắng này.

**Hoàn Mỹ EV-96: Tự Điển Anh-Việt thông dụng và tổng hợp kỹ thuật.**

Việc nâng số lượng từ của chiếc VEC-888 lên là một chương trình nghiên cứu và chuẩn bị công phu. Cách gọn gàng nhất là kết hợp thêm rất nhiều từ chuyên môn cho các giới vào chung trong một bộ, khỏi phải kiếm tìm nhiều ngành riêng. Với số vốn sẵn của VEC-888 trên 120,000 từ chính gốc, Bộ Tự Điển Tổng Hợp Kỹ Thuật đem thêm 40,000 từ nữa khiến cho bộ mới Hoàn Mỹ EV-96 phải dùng tới sức chứa khá lớn.

Các ngành mới, với rất nhiều từ chuyên môn sẽ có mặt trong Hoàn Mỹ EV-96 là những ngành nào? Bộ Từ Điển Tổng Hợp Kỹ Thuật đem vào thêm các ngành Toán Học, Vật Lý, Thiên Văn, Hóa Học, Địa Chất, Khoáng Chất, Vô Tuyến, Tin Học (Điện Toán), Kiến Trúc và Giao Thông Vận Tải, Kỹ Nghệ, Nông Nghiệp... Phần gia tăng này là một kho tài liệu lớn đáp ứng nhu cầu người sử dụng ở mọi địa hạt.

**Hoàn Mỹ EV-96: Điều hành giản dị tối đa**

Bộ máy mới dùng hết sức chứa của mình để nhắm vào tiện ích căn bản của người dùng từ điển nhưng đã được lồng chung vào nhau để tiện dụng cho mọi người. Ngay từ việc thiết kế, máy Hoàn Mỹ EV-96 cũng đã được làm gọn nhỏ và còn nhẹ hơn máy VEC-888.

Trong từ điển điện tử Hoàn Mỹ EV-96, chỉ cần vào phần từ điển Anh Việt (khỏi vào từng phần chuyên môn) là tìm thấy ngay từ của tất cả mọi ngành. Đó là sự giản dị của máy này.

**Hoàn Mỹ EV-96: Tăng cường đàm thoại lên gấp đôi, đàm thoại có thể tra theo từ đơn.**

Các câu nói chuyện thường dùng của phần đàm thoại trong từ điển Hoàn Mỹ EV-96 cũng đã được tăng cường lớn gấp đôi VEC-888. Đó là trọng tâm tăng cường và tu sửa để làm thành từ điển Hoàn Mỹ EV-96.

Phần chi tiết kỹ thuật vận hành của Đàm Thoại cũng được cải tiến hoàn toàn trong cách tra cứu: người dùng còn có thể tìm ra câu đàm thoại từ một câu đơn. Với cách tra cứu này, khi vào phần Đàm Thoại, bấm vào một từ đơn thì lập tức cả câu đàm thoại liên hệ tới từ đó hiện lên màn ảnh. Và lại hiện lên cùng một lần với câu dẫn chứng hay câu ví dụ của từ ngữ đó! Vậy là tra một từ, người sử dụng Hoàn Mỹ EV-96 sẽ được cả câu ví dụ lẫn câu đàm thoại có chứa từ đó! Một cải tiến đáng kể về mặt kỹ thuật và cả về mặt nội dung tiện và lợi cho người dùng.

**Hoàn Mỹ EV-96 giữ đủ các chức năng thường dùng**

Các chức năng thường dùng từ phần Sổ tay, Sổ Hẹn, Luyện Thi Nhập Tịch, Các Phép Tính, Tìm Lịch Âm Dương, Giờ địa phương và quốc tế... Nghĩa là không thiếu một thứ gì mà mọi người thường thấy, và chức năng nào cũng hoàn hảo với bộ nhớ rộng rãi để chứa hồ sơ cần thiết.

**Hạ bớt giá thành**

Và để chứng tỏ sự nhẫn nại cung cấp máy điện tử cho khách hàng vẫn tin tưởng vào Golden Mate từ trước tới nay, máy Hoàn Mỹ EV-96 được bán ra với giá thấp hơn giá chính thức $279 (+tax), chỉ còn có $249 (+tax) một máy cho những người đặt hàng trước.

**Liên lạc**

Để biết rõ về chiếc máy này cũng như để đặt mua hàng hoạt, xin gọi ngay Golden Mate ở El Monte, California. Điện thoại 1-800-248-3948 hoặc 818-279-9898, bảy ngày trong tuần hoặc gọi tới các Trung Tâm, Đại Lý Bán Lẻ gần nơi quí vị ở hiện nay. ■

**SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM (PARIS)**

Phát hành trong tháng Bảy, 1996

- MỘT BÔNG HỒNG CHO CHA
  Tù y Bú t của VÕ HỒNG
- MÙA XUÂN VÀ NHỮNG CON DÃ TRÀNG
  Truyện của PHAN T. TRỌNG TUYẾN
- EM ƠI BIẾT ĐÂU TÌM
  Truyện của KIỆT TẤN

VĂN NGHỆ PHÁT HÀNH
PO Box 2301 Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

# TRẦN QUÝ CÁP VÀ BẢN ÁN MẠC TU HỮU

TRẦN GIA PHỤNG

*1. Trần Quý Cáp, một chiến sĩ duy tân.*

Trần Quý Cáp tên thật là Trần Nghị, tự Dã Hàng và Thích Phu, hiệu Thai Xuyên, người thôn Thai-La, (1) làng Bất Nhị, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, sinh năm 1870 (Canh Ngọ), gia đình nghèo khó. Trần Quý Cáp học giỏi nổi tiếng nhưng thi hỏng kỳ thi hương năm 1903. Ông về Quảng Nam thi trúng thượng hạng kỳ khảo hạch học sinh trong tỉnh nên được giới thiệu đi thi hội năm 1904, đỗ thứ nhì sau cụ Huỳnh Thúc Kháng, vào thi đình cũng đỗ thứ nhì nhưng trước Huỳnh Thúc Kháng. (2)

Trong thời gian đi học và đi thi, Trần Quý Cáp quen thân với Phạm Liệu, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, Nguyễn Đình Hiến, Phan Bội Châu. Lúc đó, Phan Bội Châu có làm bài thơ tặng Trần Quý Cáp trong đó có hai câu:

*"... Túy tình ngã bối song cuồng nhãn,*
*Đắc táng nhân gian nhất cuộc kỳ..."*
(Bọn ta say tỉnh hai tròng mắt,
Cờ thế hơn thua một cuộc xoay) (3)

Cùng với Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, cụ Trần đọc được rất sớm những tân thư của các tác giả như Montesquieu (1689-1755), Voltaire (1694-1778), Rousseau (1712-1778), Khang Hữu Vi (1858-1927), Lương Khải Siêu (1873-1929)... du nhập từ nước ngoài vào những năm đầu thế kỷ 20 và nhất là bộ *"Thời vụ sách"* cũng như *"Thiên hạ đại thế luận"* của Kỳ Am Nguyễn Lộ Trạch (1843-1898).

Nguyễn Lộ Trạch, người Thừa Thiên, nhiều lần trình lên vua Tự Đức (trị vì 1847-1883) các bản *Thời vụ sách* ghi lại các phương sách canh tân đất nước nhưng không được triều đình chấp nhận. Năm 1892, đề thi văn sách kỳ thi đình tại kinh đô Huế hỏi về thời thế, đầu đề là: *"Thiên hạ đại thế nhi dĩ hỹ."* Tuy không dự thi, nhưng nhân đề tài này, Nguyễn Lộ Trạch viết *"Thiên hạ đại thế luận"* theo đó ông đề nghị chấn chỉnh chánh giáo, duy tân đất nước, chấn hưng nông nghiệp, công nghệ, thương mại, truyền bá khoa học kỹ thuật Âu tây. (4)

Không thấy sách vở nào nói rõ việc lúc đầu Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đã bàn bạc những gì và như thế nào để quyết định mở lại công cuộc vận động duy tân theo gương Nguyễn Lộ Trạch, chỉ biết rằng sau khi học hành đỗ đạt, cụ Huỳnh dứt khoát không ra làm quan, cụ Trần ngần ngừ chưa ra làm quan, còn cụ Phan ra làm quan rồi lại từ quan. Cả ba họp lại và mở cuộc Nam du năm 1905 để thăm dò tình hình và vận động duy tân. Trong cuộc Nam du nầy, ngoài ba cụ Phan, Huỳnh, Trần, còn có người học trò của cụ Trần là Huỳnh Phác Chất đi theo. (5)

Khi đi ngang qua Bình Định, tại đây có mở kỳ khảo hạch học sinh trong tỉnh, đầu đề bài thơ là *"Chí thành thông thánh"* và bài phú là *"Danh sơn lương ngọc"* lấy vận là *"Cầu lương ngọc tất danh sơn."* Cụ Phan làm bài thơ *"Chí thành thông thánh"* còn hai cụ Huỳnh, Trần làm bài phú *"Danh sơn lương ngọc"* đều ký tên chung là Đào Mộng Giác, (6) đả kích lối học khoa cử, lên án chế độ bảo hộ và chính quyền thực dân Pháp, kêu gọi lòng yêu nước của sĩ phu. Quan giám khảo đọc hai bài nầy sợ quá trình viên công sứ Pháp và cho truy tầm tác giả nhưng không có kết quả.

Điểm đặc biệt là hai bài nầy đã được ban giám khảo niêm kín cất kỹ nhưng vẫn được phổ biến rộng rãi trong giới thí sinh làm cho cả trường thi bàng hoàng. Giới thí sinh là giới trí thức trong tỉnh nên việc phổ biến hai bài thơ và phú tại trường thi Bình Định đã gây một tiếng vang rất lớn. *Đây là một kỹ thuật tuyên truyền hoàn toàn mới mẻ trong suốt gần một ngàn năm lịch sử khoa cử Nho học của nước ta* trước khi có chuyện bãi khóa bãi thi của thời tân học sau này.

Hai bài *"Chí thành thông thánh thi"* và *"Danh sơn lương ngọc phú"* có thể được xem là *bản tuyên ngôn đầu tiên của những người chủ xúy phong trào duy tân* chẳng những gởi đến học giới mà còn gởi cho toàn thể quốc dân. Sự tiết lộ hai bài nầy không biết có phải lúc đầu do từ người học trò của cụ Trần đi theo trong cuộc Nam du là Huỳnh Phác Chất hay không? Gần đây, có chứng liệu cho biết rằng người phổ biến hai bài này cũng là một thí sinh của trường Bình Định tên Nguyễn Quý Anh. (7) Nguyễn Quý Anh là con của Nguyễn Thông (1827-1884), em của Nguyễn Trọng Lội, người Phan Thiết (Bình Thuận) nên đã đưa ba cụ Phan, Huỳnh, Trần về Phan Thiết gặp anh mình và các nhân sĩ Phan Thiết. Ba cụ ở lại nhà cụ Hồ Tá Bang (1874-1943). Một tháng sau, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp trở về Quảng Nam trước, còn Phan Chu Trinh ở lại thêm sáu tháng để chữa bệnh. Bệnh của cụ Phan có thể chỉ là bệnh thời sự vì chính trong thời gian này cụ Phan đã giúp các nhân sĩ Phan Thiết thành lập công ty Liên Thành, trường Dục Thanh và các hoạt động Duy Tân khác.

Trong khi Phan Chu Trinh tiếp tục bôn ba khắp nước hô hào, vận động duy tân thì các cụ Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp ở lại Quảng Nam kêu gọi mở trường học, thành lập thương hội, xây dựng nông hội. Các cụ làm thơ, sáng tác những bài hát nói, những câu vè để tuyên truyền đường lối của mình như bài "Khuyến nông ca" sau đây của Trần Quý Cáp:

*"Phú quý nhược tùng lưu thủy khứ,*
*Công danh giai thị đẳng phù vân,*
*Úy thôi thôi phủi trớt ánh hồng trần,*
*Ngày thong thả dạo chơi miền nam mẫu.*
*Tớ nọ một đôi thằng, ruộng kia năm bảy mẫu,*
*Mặc dù ta nông phố vẫn phong lưu.*
*Xuân rồi hạ, hạ rồi thu,*
*Mía đương tơ, dâu đứng cái, lúa con gái, bắp chưng chàng.*
*Lấy ba giá nhuộm chơi màu thanh tú,*
*Việc nầy hỏi có ai hơn rứa hử?*
*Về mụ nhà khuyên điểm lấy ông bay,*
*Hoách chân dựa lấy chuôi cày,*
*Vỗ tay hát khúc Nam Sơn, ừ cũng thú.*
*Nói chi nữa đến ngày hoa vụ,*
*Gà lộn, cu quay, xôi vò, rượu hũ,*
*Vui cùng nhau ăn cơm mới, nói chuyện xưa,*
*Khi Lịch Sơn, lúc Tân Giả cày bừa,*
*Nghĩ cho hết biết bao nhiêu mùi kinh tế.*
*Việc xử thế phải sạch câu hành chí,*
*Muốn làm chi những thú mây mưa,*
*Kìa kìa gió sớm trăng khuya!" (8)*

Năm 1906, Trần Quý Cáp được bổ làm giáo thọ phủ Thăng Bình, Quảng Nam. Cụ không muốn đi nhưng vì nhà nghèo, còn mẹ già phải nuôi nên mọi người khuyên đi làm để giải quyết sinh kế gia đình. Hơn nữa, nhu cầu của phong trào duy tân cũng cần có người đi vào ngành học chánh để hướng dẫn tư tưởng thanh niên. Khi vào Thăng Bình, Trần Quý Cáp mở mang trường ốc, mời thầy về dạy thêm chữ quốc ngữ và chữ Pháp cho học sinh, tuyên truyền chống lối học từ chương cũ trong các lần khảo hạch, đả kích những người theo tân học nhưng muốn vọng ngoại "... Cụ có sức cảm hóa rất mạnh, vì thế trong dịp tân cựu xung đột, cụ đã thành cái đinh trước mắt các nhà đương cuộc cả Nam và Pháp..." Vì những hoạt động duy tân mạnh mẽ, chính quyền đã thuyên chuyển Trần Quý Cáp vào làm giáo thọ huyện Tân Định, phủ Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, nhằm tách cụ ra khỏi căn cứ địa duy tân tỉnh Quảng Nam. (9)

Cuối năm 1907, Trần Quý Cáp vào Tân Định. Tại đây, Trần Quý Cáp vẫn tiếp tục hô hào phát triển tân học, cổ võ công cuộc vận động duy tân. Vào đầu năm 1908, tại Quảng Nam xảy ra nhiều cuộc biểu tình đòi giảm sưu thuế, lan tràn dần dần qua các tỉnh phía bắc và phía nam, truyền đến Phú Yên vào giữa tháng 5-1908. Pháp ra lệnh bắt tất cả những nhà lãnh đạo phong trào Duy Tân. Huỳnh Thúc Kháng bị bắt tại Quảng Nam cuối tháng 3-1908, Phan Chu Trinh bị bắt ở Hà Nội đầu tháng Tư và Trần Quý Cáp bị bắt ngày 14-6-1908 tại Khánh Hòa và bị giết ở Diên Khánh (Khánh Hòa) ngày 15-6-1908. (10)

*2. Bản án Mạc Tu Hữu*

Sử sách nhà Tống (Trung Hoa) kể rằng: năm 1141, Tần Cối muốn hại danh tướng Nhạc Phi (1105-1141) lúc đó đang làm nguyên soái cầm quân ngoài biên ải chống người Kim, nhân danh vua Cao Tông (trị vì 1127-1162) cho người gọi Nhạc Phi về triều đình rồi bắt giết. Có người hỏi Cối: "Nhạc Phi phạm tội gì mà bị giết?" Cối trả lời: "Mạc tu hữu." (Mạc: không, tu: cần, hữu: có, nghĩa là chẳng cần có tội, muốn giết thì giết). Phan Chu Trinh và các nhân sĩ đương thời đã dùng chữ này để gọi bản án Trần Quý Cáp.

Theo Phan Chu Trinh, nhân việc toàn quyền Beau (toàn quyền Đông Dương từ tháng Mười 1902 đến tháng Hai 1908) khuyến khích việc mở trường học, bố chánh Phạm Ngọc Quát muốn lấy công với thượng cấp đã ủy cho Trần Quý Cáp đứng lo công việc này. Nhưng khi dân biến xảy ra, các trường học bị đóng cửa, các nhân sĩ bị bắt, Phạm Ngọc Quát hốt hoảng tìm mọi cách đổ tội cho Trần Quý Cáp và kiếm cách giết gấp. (11)

Theo Đặng Đoàn Bằng trong Việt Nam Nghĩa Liệt Sử, khi đổi Trần Quý Cáp Từ Quảng Nam vào Khánh Hòa, Pháp còn cử thêm Phạm Ngọc Quát đi theo vào Khánh Hòa làm bố chánh để ngầm theo dõi và kiểm soát hành vi Trần Quý Cáp. (12) Nếu phát giác của tài liệu này là đúng thì Quát hành động như thế để giăng bẫy hãm hại Trần Quý Cáp hơn là lấy điểm với thượng cấp trong việc mở trường học như Phan Chu Trinh đã viết.

Tài liệu thứ ba cũng khá quan trọng về việc này là quyển tiểu sử Trần Quý Cáp do Lam Giang biên soạn theo tài liệu của người con của cụ là ông Trần Thuyên kèm thêm tài liệu do Huỳnh Thúc kháng soạn. Tài liệu này hoàn toàn không đề cập đến các chi tiết trên, chỉ xác định rõ ràng người hãm hại Trần Quý Cáp là Phạm Ngọc Quát. (13)

Tài liệu thứ tư mới được trình bày rất sơ lược là những phát giác của ông Hồ Tá Khanh. Theo tài liệu này, Phạm Ngọc Quát tham gia hùn vốn vào công ty Liên Thành của phong trào duy tân. Khi vụ kháng thuế Trung Kỳ bị đàn áp, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng bị bắt, Quát sợ bị liên lụy, bắt ngay bạn (?) của mình là Trần Quý Cáp lúc bấy giờ đang làm đốc học ở Khánh Hòa, "tiền trảm hậu tấu" để tránh tiết lộ làm hại cho hoạn lộ của ông. Rất tiếc là tài liệu này chưa được công bố đầy đủ để dễ xác minh. (14)

Lý do việc bắt bớ và kết tội Trần Quý Cáp cũng có vài điểm khác nhau. Theo Đặng Đoàn Bằng, khi vụ kháng thuế ở Quảng Nam xảy ra,

* "Tôi bị một chứng nhức đầu dai dẳng."
"Ô, tôi đâu có biết là anh đã lấy vợ rồi!"

* Tôi gửi vợ tôi đi nghỉ ở một vùng biển, và thế là tôi có một kỳ nghỉ thật là tuyệt diệu.

Trần Quý Cáp tiếp được thư nhà báo tin, mừng rỡ lấy bút ghi vào sau thư bảy chữ: "Ngô dân thử cử khoái khoái khoái." (dân ta làm thế, sướng, sướng, sướng) Phạm Ngọc Quát chụp được lá thư này trình lên thượng cấp xin chém đầu Trần Quý Cáp. (15)

Theo ông Nguyễn Văn Xuân trong sách Phong Trào Duy Tân, sự việc có hơi khác: ở Quảng Nam, viên tri phủ Điện Bàn Trần Văn Thống, sau khi bị dân làm nhục, tức giận dẫn lính đi lục soát nhà cử nhân Phan Thúc Duyện ở Phong Thử, người điều khiển thương hội lớn nhất Quảng Nam, bắt được lá thư của Trần Quý Cáp mới gởi về, trong đó có câu: "Cận văn ngô châu thử cử, khoái thậm, khoái thậm." (mới nghe xứ ta làm thế, sướng lắm, sướng lắm). Thống liền trình lên thượng cấp, gởi vào Khánh Hòa buộc tội Trần Quý Cáp. (16)

Hai tài liệu trên có thể cùng một xuất xứ mà ra rồi dần dần mỗi nơi truyền một cách khác hoặc có thể hai tài liệu này bổ túc cho nhau: Trần Quý Cáp nhận được thư nhà phê vào đó rồi viết thư cho Phan Thúc Duyện nhắc lại ý phê.

Tài liệu của gia đình Trần Quý Cáp có thêm một chi tiết đáng kể: Trần Quý Cáp làm giáo thọ Tân Định. Tri huyện Tân Định là Hồ Sĩ tạo (17) là bạn đồng khoa tiến sĩ với Trần Qý Cáp nên cụ Trần nhờ địa chỉ của Hồ Sĩ Tạo để liên lạc thư từ ngoài Quảng Nam gởi vào nhằm tránh việc người Pháp theo dõi. Lúc dân biến xảy ra, Hồ Sĩ Tạo về Bình Định thọ tang mẹ và mắc kẹt trong vụ dân biến ở Bình Định. Ông Phan Bá Hoành được tỉnh cử làm quyền tri huyện. Phan Bá Hoành không biết việc Trần Quý Cáp mượn địa chỉ của Hồ Sĩ Tạo nên lấy thư mới gởi từ Quảng Nam vào Tân Định ra xem trong đó có một thư của những người tổ chức biểu tình ở Quảng Nam muốn hỏi ý kiến Trần Quý Cáp về dân biến. Lo sợ, Phan Bá Hoành báo cho tri phủ Ninh Hòa là Lê Bá Cẩn. Không thể giấu nhẹm được, một mặt Lê Bá Cẩn trình báo lên thượng cấp, một mặt ông tin cho Trần Quý Cáp biết để thủ tiêu những tài liệu quan trọng. Khi tỉnh đường phái lính đến bắt Trần Quý Cáp và lục soát trong nhà thì không tìm được gì ngoài một tấm bản đồ treo lên tường và một quyển Hải Ngoại Huyết Thư của Phan Bội Châu. Dựa vào hai chứng liệu này, Phạm Ngọc Quát kết án:

"... Gia trung quải địa đồ nhất bức ý dục hà vi? Sương nội tàng Hải ngoại huyết thư, kỳ tình khả kiến! Tuy bạn trạng vị hình nhi phản tâm dĩ súc hỷ..."

(dịch nghĩa: "... Trong nhà treo một bức địa đồ, ý muốn làm gì đây? Trong rương có một quyển sách Hải Ngoại Huyết Thư, tình có thể thấy rõ. Tuy hiện trạng phản loạn chưa thành hình nhưng can phạm đã nuôi cái tâm phản nghịch vậy...) (18)

Đáng chú ý hơn nữa là Trần Quý Cáp bị bắt, chỉ không đầy 24 giờ đồng hồ, ông bị đem đi


**MỜI ĐỌC**

**THƠ, V.V... và V.V...**

**Nguyễn Hưng Quốc**

"Bình luận về thơ ở ngoài nước hiện giờ chúng ta có một tài viết thông minh và xuất sắc: đó là Nguyễn Hưng Quốc". (Mai Thảo)

"Nguyễn Hưng Quốc là người có khiếu thẩm thức đặc biệt về thơ. Ông đọc nhiều, và đọc thơ ai, ông cũng nắm bắt được cái thần của thơ từng người. Ông cảm thơ với một tâm hồn thơ, nhạy bén nhận ra đâu là thơ, đâu không là thơ. Sau đó, bằng một kiến thức quảng bác, Nguyễn Hưng Quốc tìm hiểu, giải thích đến ngọn ngành 'cái cảm được' của mình. Vẫn bằng một giọng rất đỗi thơ". (Nguyễn Mộng Giác)

"Người xứ An Nam ta chưa có nhà lý luận văn học nào mà viết đẹp như Nguyễn Hưng Quốc". (Võ Phiến)

"[Với Nguyễn Hưng Quốc - qua loạt bài chung quanh 'Thơ Con Cóc' in trong tập *Thơ, v.v... và v.v...* này] có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam có một lý thuyết mới về thơ mang tính sáng tạo, chứ không chỉ là việc lập lại ý kiến của người trước". (*Hợp Lưu*)

Sách dày 294 trang.
Giá bán 14 MK, ngoài nước Mỹ 16 MK.

**Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ**
**P.O. Box 2301**
**Westminster CA 92683**
**Tel. (714) 527-5761**

xử tử tàn bạo bằng cực hình yêu trảm. (19) Khi thi hành án tử hình thì có người nhà đi theo, nhưng khi chém xong thì không cho người nhà nhận xác và bắt người nhà giải về Quảng Nam ngay lập tức. Một giờ sau khi Trần Quý Cáp bị chém, tỉnh Khánh Hòa nhận được điện tín của phủ toàn quyền Đông Dương ra lệnh giải Trần Quý Cáp đày đi Côn Lôn. Trong vụ án án nầy, Phan Chu Trinh đã nêu ra tám điều oan ức và kết luận rằng vụ án ẩn chứa nhiều điều gian dối. (20)

Vấn đề còn tồn nghi là vì sao Trần Quý Cáp bị hãm hại thảm khốc nhanh chóng như vậy? Theo cụ Phan Chu Trinh và theo tài liệu của cụ Hồ Tá Khanh, Phạm Ngọc Quát muốn giết Trần Quý Cáp để bịt miệng. Nhưng mở trường học là việc làm công khai có nhiều người biết chứ đâu phải một mình Trần Quý Cáp mà bịt miệng được. Hơn nữa, Trần Quý Cáp lại làm việc ở huyện Tân Định trong khi Quát lám bố chánh tỉnh Khánh Hòa. Còn vụ công ty Liên Thành, tuy Trần Quý Cáp hoạt động trong phong trào Duy Tân nhưng không phải là người chủ chốt của công ty Liên Thành. Lãnh đạo công ty Liên Thành gồm nhiều người, chẳng ai bị hề hấn gì sau vụ dân biến này.

Đáng chú ý là dưới chế độ quân chủ, các bản án tử hình đều do triều đình hay đúng hơn là vua quyết định. Thời Pháp thuộc, để bảo đảm công việc cai trị và bảo vệ an ninh, các công sứ Pháp tại các tỉnh tuy không được quyền nhưng trên thực tế họ vẫn quyết định các bản án tử hình tại chỗ. Ngược lại, các quan tổng đốc, tuần vũ Việt Nam hoàn toàn không có quyền này huống gì là Quát chỉ là một viên bố chánh mà thôi. Vậy ai là người có quyền và thực sự đã ra lệnh giết Trần Quý Cáp? Do đó, những phát giác của Đặng Đoàn Bằng trong Việt Nam Nghĩa Liệt Sử và những tài liệu của Hồ Tá Khanh có thể hữu lý ở chỗ biết đâu Phạm Ngọc Quát được bổ làm bố chánh Khánh Hòa với một nhiệm vụ riêng, rồi từ nhiệm vụ đó, Quát len lỏi vào công ty Liên Thành để dò xét hoạt động của phong trào Duy Tân và trình báo mọi việc lên thượng cấp. Như vậy, tuy Quát hãm hại Trần Quý Cáp nhưng *bản án tử hình của Trần Quý Cáp có thể đã có từ trên và từ trước* tức từ tòa khâm sứ Pháp tại Huế hoặc từ tòa công sứ Pháp ở Khánh Hòa, chỉ đợi thời cơ Quát báo cáo là thực hiện mà thôi.

Trước đó, tại Huế, khi giao tù nhân Phan Chu Trinh cho triều đình Việt Nam nghị xử để tránh tiếng cho người Pháp, viên khâm sứ Pháp có nói: "...tội tên ấy nên chiếu luật mưu bạn dĩ hành xử trảm lập quyết..." (21) Điều này cho thấy lúc đầu Pháp đã quyết định xử tử hình các nhà lãnh đạo phong trào duy tân nhưng khi gặp phản ứng bất lợi về phía hội Nhân Quyền đối với trường hợp Phan Chu Trinh, (22) Pháp sửa đổi án tử hình thành khổ sai chung thân đày Côn Lôn. Án lệnh tử hình chắc chắn tới Khánh Hòa trước. Sau đó việc thay đổi án lệnh từ trung ương có thể tới Khánh Hòa sớm hơn nhưng chính quyền Khánh Hòa lờ đi để giết Trần Quý Cáp xong rồi mới công bố điện tín đến trễ; hoặc cũng có thể tới trễ như Phan chu Trinh đã viết vì lúc ấy viên toàn quyền Beau bị thuyên chuyển, một phụ tá của Beau là Bonhoure lên xử lý thường vụ và đang có sự sắp đặt lại nhân sự ở các cấp lãnh đạo của Pháp ở Đông Dương nên công văn hành chánh có thể bị trễ nãi.

Dù trong trường hợp nào, Pháp cũng đã đạt được mục tiêu là triệt hạ tối đa những nhân vật lãnh đạo phong trào duy tân, nhất là những người mà Pháp cho là nguy hiểm như Trần Quý Cáp. Khi nhận xét về Trần Quý Cáp, Tiểu La Nguyễn Thành (1863-1910), một lãnh tụ Cần Vương tích cực hoạt động chống Pháp, đã nói với Phan Bội Châu: "... Được một người tốt, có đảm thức, hỏi ai? Chỉ có Thai Xuyên..." Một lần khác, Nguyễn Thành nói với Phan Chu Trinh: "... Nếu được đôi người như Thai Xuyên, có việc gì mà chả làm xong..." Nguyễn Thành đã biết như vậy thì chắc chắn người Pháp không thể nào không biết được. (23)

Phan Chu Trinh đã hết sức kêu gào nhiều lần để đòi hỏi công lý cho vụ án này nhưng cả chính quyền Việt Nam và chính phủ bảo hộ Pháp đều hoàn toàn im lặng. Chỉ có hành động tiếp theo của nhà cầm quyền cho thấy thái độ của họ: Pháp đã thưởng công cho Phạm Ngọc Quát, kẻ đã triệt hạ tàn bạo một chiến sĩ duy tân, một anh hùng dân tộc Việt Nam, bằng cách thăng chức cho Quát từ bố chánh Khánh Hòa ra làm tuần vũ Hà Tĩnh. (24)

Cuối cùng, ngày Trần Quý Cáp hy sinh cũng có nhiều tài liệu khác nhau. Theo bài văn tế của Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp chết ngày 13-6-1908 (15-5 Mậu Thân). theo sách của Đặng Đoàn Bằng, Trần Quý Cáp từ trần ngày 3-6-1908 (5-5 Mậu Thân). (25)

Theo tiểu sử Trần Quý Cáp do Huỳnh Thúc Kháng soạn, Trần Quý Cáp mất ngày 15-6-1908 (17-5 Mậu Thân). Con cháu của Trần Quý Cáp hiện dùng ngày này làm ngày giỗ chính thức của cụ. (26)

Vài năm sau khi Trần Quý Cáp từ trần, môn đệ của cụ là Trần Huỳnh Sách đã cùng thân nhân đem di cốt cụ về cải táng tại làng Bất Nhị, Điện Bàn, Quảng Nam. Trần Quý Cáp khi còn sống vốn là một người hào phóng, giao du rộng, bạn bè nhiều nhưng khi nhắm mắt lìa trần, bạn bè ly tán và tù đày mỗi người mỗi ngả, chẳng có ai bên cạnh, cũng thật là an ủi khi hài cốt của cụ được đưa về cố hương, có một người bạn học năm xưa là Nguyễn Đình Hiến đang làm việc tại Bồng Sơn (Bình Định) ra chực đón lạy khóc giữa đường, tiễn đưa vĩnh biệt cố nhân rất cảm động.

* Tuần trăng mật của chúng tôi là một cuộc chiến đấu dài. Vợ tôi muốn đi Bermuda, còn tôi thì muốn đi Niagara Falls. Chúng tôi không nói chuyện với nhau suốt hai tuần lễ, vì nàng ở Bermuda và tôi ở Niagara Falls.

Năm 1924, Trần Quý Cáp được khai phục phẩm hàm giáo thọ. (26) Nhưng điều đó chẳng còn nghĩa lý gì vì lúc ấy Trần Quý Cáp đã vĩnh viễn nằm xuống từ lâu, và nói theo ngôn ngữ của Nguyễn Thái Học, cụ đã THÀNH NHÂN, nếu không là một vĩ nhân thì cũng là một danh nhân cao trọng của dân tộc Việt Nam. ■

## Chú thích:

(1) Thôn Thai La làng Bất Nhị có sông Thu Bồn chảy qua nên Trần Quý Cáp mới lấy hiệu Thai Xuyên.

(2) Thông thường phải đỗ cử nhân mới được đi thi hội, nhưng cũng có trường hợp giáo thụ, tú tài, ấm sinh qua kỳ sát hạch của trường tỉnh, được tỉnh gởi đi thi. Trần Quý Cáp nằm trong trường hợp này. Người xưa còn có câu: "Tiến sĩ hữu dư, cử nhân bất cập" nghĩa là dư sức đỗ tiến sĩ nhưng chưa đủ sức qua cử nhân.

(3) Huỳnh Thúc Kháng, *Tiểu truyện Thai Xuyên Trần Quý Cáp,* đăng trong sách của Lam Giang, *Trần Quý Cáp và tư trào cách mạng dân quyền vào đầu thế kỷ 20,* Đông Á, Sài Gòn 1970, tr.12.

(4) Ngô Thành Nhân, *Nguyễn Lộ Trạch,* Anh Minh, Huế, 1959, tr.48.

(5) Lam Giang, *sđd.* tr.13.

(6) Đào là một họ lớn ở Bình Định (ví dụ Đào Tấn), Mộng Giác là tỉnh mộng nghĩa là người họ Đào tỉnh mộng. *Chí thành thông thánh thi* là bài thơ nói về lòng thành thông suốt đạo thánh. Đây là đầu đề bài thơ của Trình Tử tạ Vương Thuyên cho thuốc. Trình Tử là tên chung người đời sau gọi hai anh em triết gia Trung Hoa đời Tống là Trình Di hiệu Y Xuyên (1033-1107) và Trình Hạo hiệu Minh Đạo (1032-1085) (từ ngữ cửa Khổng sân Trình là để chỉ họ Trình này). *Danh sơn lương ngọc* là muốn tìm ngọc quý phải đến danh sơn, lấy chữ trong bài *"Luận thái cực"* của Thiệu Ung hay Thiệu Khang Tiết (1011-1077), triết gia và lịch pháp gia đời Tống.

(7) Phạm Trọng Chánh, *Hồ Tá Bang (1874-1943),* nguyệt san *Thế Kỷ 21,* Garden Grove, CA., số 72, 4-1995, tr.37.

(8) Bài này do bà Phan Thị Châu Liên, con gái cụ Phan Chu Trinh đọc lại. (Phỏng vấn năm 1972, tại Đà Nẵng).

(9) Huỳnh Thúc Kháng, *Vụ kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908,* do Thái Bạch đăng lại trong *Thi văn quốc cấm thời Pháp thuộc,* Khai Trí, Sài Gòn, 1968, tr.376. Về việc thuyên chuyển này, có một giai thoại: Tại Điện Bàn, mỗi lần viên tri phủ Trần Văn Thống ra khách công đường, trống phủ đánh ba hồi. Thống ra lệnh cho trường Quảng Phước do các tu sĩ công giáo điều khiển chỉ được đánh một hồi để báo hiệu giờ học nhằm phân biệt với trống phủ. Nhân đó Trần Quý Cáp có làm bài thơ "Cái trống":

*"Trống trường, trống phủ, trống lung tung,*
*Trống cũng quan dân, trống lạ lùng,*
*Trống đánh mấy hồi mà lớn tiếng,*
*Dăm mòn, da mỏng cũng như không."*

Thống cho rằng cụ Trần Quý Cáp có ý mỉa mai mình, nhân cơ hội này, xui người Pháp đổi cụ vào Khánh Hòa dù lúc đó cụ đang ở Thăng Bình chứ không ở Điện Bàn.

(10) Lam Giang, *sđd.* tr.15 và tr.209. Theo bài bút ký *"Cây dầu đôi"* của Diên Khánh, nguyệt san *Làng Văn* (Toronto, Canada), số 115, tháng 3-1994, tr.68 thì Trần Quý Cáp bị xử tử tại một địa điểm bên bờ sông Cạn, ở Diên Khánh, gần Nha Trang.

(11) Phan Chu Trinh, *Trung Kỳ dân biến thỉ mạt ký,* Lê Ấm dịch, Nguyễn Quyết Thắng chú thích, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, Sài Gòn, 1973, tr.80.

(12) Đặng Đoàn Bằng, *Việt Nam nghĩa liệt sử,* Tôn Quang Phiệt dịch, Văn Học, Hà Nội, 1972, tr.46.

(13) Lam Giang, *sđd,* tr.210.

(14) Phạm Trọng Chánh, báo *đd.* tr.36. Bác sĩ Hồ Tá Khanh, bộ trưởng Kinh tế chính phủ Trần Trọng Kim năm 1945. Ông là con của cụ Hồ Tá Bang. Cụ Bang là bạn thân của Phan Chu Trinh và là sáng lập viên của công ty Liên Thành.

(15) Đặng Đoàn Bằng, *sđd.* tr.46.

(16) Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy Tân,* Lá Bối, Sài Gòn, 1969, tr.333.

(17) Hồ Sĩ Tạo này người Bình Định, đỗ cử nhân trường thi Bình Định năm 1891, đỗ tiến sĩ năm 1904 khác với Hồ Sĩ Tạo người Nghệ An, đỗ cử nhân trường thi Nghệ An năm 1868 mà ông Trần Quốc Vượng, sử gia Hà Nội đã đề cập đến trong bài *"Lời truyền miệng dân gian về nỗi bất hạnh của một số nhà trí thức Nho gia".* Xin xem Trần Quốc Vượng, *Trong cõi,* Nxb Trăm Hoa, Garden Grove, CA. 1993, tt. 252-259.

(18) Lam Giang, *sđd.* tt-211.

(19) Thế Nguyên *Phan Chu Trinh,* Tân Việt, Sài Gòn, 1956, tr.28.

(20) Phan Chu Trinh, *sđd.* tt 68-75.

(21) Nguyễn Thế Anh, *Phong trào kháng thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân,* Bộ Văn Hóa, Giáo dục và Thanh niên, Sài Gòn 1973, tr.51.

(22) Khi hoạt động ở Hà Nội, Phan Chu Trinh viết bài cho *Đăng Cổ Tùng Báo* do Ernest Babut làm chủ bút. Babut là hội viên của hội Nhân Quyền (Ligue des Droits de l'Homme) đã cùng hội Nhân Quyền can thiệp cho Phan Chu Trinh.

(23) Lam Giang, *sđd.* tr.13

(24) Nguyễn Thế Anh, *sđd.* tr.141.

(25) Lam Giang, sđd. tr.17. Đặng Đoàn Bằng, *sđd.* tr.47.

(26) Lam Giang, sđd. tr.15 và tr.209. ■


**BÍ MẬT CỦA PHAN THIÊN ÂN NGƯỜI GIÀU NHẤT THẾ GIỚI**

Hơn tám ngàn cuốn sách đã được phân phối. MỘT KỶ LỤC. Muốn chia sẻ sự kỳ diệu của một hành trình đầy ý nghĩa, và tìm cho mình một thanh bình trọng tự do và thịnh vượng, hãy thư về:

**PO Box 915**
**Los Alamitos, CA 90720, USA.**

Kèm $5.00/một cuốn, hay xin biếu không nếu không đủ tài chánh.

# XEM TUYỂN TẬP TRANH VÀ TIỂU LUẬN THÁI TUẤN

PHAN THỊ ĐỖ QUYÊN

Tôi được cái diễm phúc thấy tranh họa sĩ Thái Tuấn lúc còn vào tuổi ấu thơ. Trong cuộc sống, gặp được một tâm hồn đẹp, đọc được bài thơ đẹp, thấy được một bức tranh đẹp là một ân sũng. Ngày hôm nay, nhận được cuốn Tuyển Tập tranh và tiểu luận của họa sĩ Thái Tuấn do một người bạn gửi tặng, tôi đã nâng niu cuốn sách như một bảo vật.

Tôi lần giở từng trang sách như người đi tìm lại dấu vết ấu thơ của mình. Nhớ lại ngôi nhà cũ, bức tường xưa, những bức tranh của ông tỏa hồn ra khắp phòng. Bố tôi quen biết ông và ông trẻ hơn bố một tuổi. Trong những năm thập niên 60, lâu lâu ông đến chơi nhà, ngồi hai ba tiếng đồng hồ nói chuyện thơ văn với bố. Hình ảnh tôi còn giữ lại về ông là một người trầm lặng, từ tốn, toát ra một nét quý phái lạ lùng. Dáng người ông khẳng khiu, gò má cao hóp lại trông như một nhà tu khổ hạnh. Ông đi đứng, nói chuyện nhẹ nhàng và yên lặng như gió thoảng. Nếu không chú tâm, có lẽ trong đám đông, người ta dễ dàng quê đi sự hiện diện của ông. Tôi còn nhớ, ông thích hút píp, bố tôi hút thuốc lào. Những lúc tôi bước vào phòng, khói tỏa mù mịt. Câu chuyện xoay quanh câu thơ nào đó của Nguyễn Du hay Chinh Phụ Ngâm hay hội họa và cả hai đắm chìm say sưa như đã khép cánh cửa lại với thế giới bên ngoài. Tôi ngỡ mình bước vào thế giới mờ ảo của giấc mơ, giấc mơ về cái đẹp.

Bố tôi một lần nói với chúng tôi: "Bố treo tranh trong nhà để ngay từ nhỏ các con được nhìn thấy cái đẹp và cho các con có mắt nghệ thuật." Nhờ vậy mà lòng yêu cái đẹp đã đến với tôi qua tranh của họa sĩ Thái Tuấn. Trong nhà tôi, có ba bức tranh của ông. Một bức vẽ chân dung mẹ, một bức vẽ một thiếu nữ và một bức vẽ cảnh hoàng hôn. Tôi còn nhớ một ngày kia, sau khi đi thăm ông, bố trở về nhà háo hức. Bố nói: Bác Thái Tuấn đang vẽ một bức tranh thiếu nữ đẹp lắm. Khi nào xong bố sẽ mang về." Nguyên một tuần lễ, cả nhà hồi hộp, nghe bố tả về bức tranh, đường nét màu sắc sáng tạo mới lạ như thế nào so với các bức tranh trước kia của họa sĩ nhưng vẫn chưa được giáp mặt tác phẩm. Thế rồi, bố đem bức tranh về hớn hở như người chồng đi rước dâu. Bố trân trọng đặt nó trong phòng khách, chờ đợi mấy tháng để nghĩ ra cái khung thích hợp và chỗ treo thích hợp. Trong phòng khách, bố để bình thuốc lào và mỗi lần ra đó hút, bố ngồi trầm ngâm rất lâu ngắm bức tranh. Bức tranh trở thành một vị khách quý trong nhà. Bởi vì nó chưa được yên vị treo lên tường nên chúng tôi vẫn xem nó là một vị khách mới, chưa là một sự hiện diện thân thuộc bị quên lãng trên bức tường. Mỗi lần tôi có dịp đi qua phòng khách, tôi đều dừng lại ngắm bức tranh. Tôi say mê màu tím kỳ ảo của nó. Màu tím thăm thẳm gợi lên cái chiều sâu huyền bí của tâm hồn. Tôi rung động trước vẻ dịu dàng và trong sáng của nàng thiếu nữ trong tranh.

Vài năm sau đó, cũng sau một lần đến thăm họa sĩ Thái Tuấn, bố trở về nhà háo hức như trẻ thơ được quà. Lần này bố lại tấm tắc khen một bức tranh phong cảnh của bác. Tôi không nhớ rõ lúc ấy là năm nào, nhưng có lẽ nó vào khoảng năm 1970. Bức tranh vẽ cảnh hoàng hôn: một khu đồi thoải, khoảng không gian mênh mông, đường chân trời êm nhẹ, vài chú ngựa chấm phá. Màu sắc vẫn rất đặc thù phong thái của ông: những màu xanh đại dương đậm, màu xanh rêu, màu xám với những đốm trắng sáng. Bức tranh Hoàng Hôn này có lẽ là một trong những bức tranh bố yêu quý nhất. Khi bố vẽ kiểu và xây lại nguyên một căn phòng mới, bố đã dành vị trí cao quý nhất cho bức Hoàng Hôn. Tôi vẫn còn nhớ căn phòng này. Từ bàn làm việc nhìn lên bên phải là một bức tường lát gỗ. Bức tranh được treo lên đó. Dưới bức tranh là một ghế divan dài để khách ngồi. Có một lần, một người bạn thân đến thăm tôi, bạn ngồi ở chiếc ghế divan, dưới bức tranh Hoàng

Hôn. Khi nói chuyện với bạn, tôi vẫn ngắm nhìn tranh và cảm thấy sự êm đềm trong tranh tỏa xuống căn phòng. Bây giờ, mỗi khi nghĩ đến bạn, tôi vẫn liên tưởng đến trọn vẹn khung cảnh này: bạn ngồi đó, chiếc ghế divan bọc vải màu xám đậm, bức tường lát gỗ, bức tranh Hoàng Hôn của họa sĩ Thái Tuấn và cái mênh mông êm đềm tỏa ra từ đó.

Ngày hôm nay, hơn 20 năm sau, tôi gặp lại tranh của họa sĩ Thái Tuấn giống như gặp lại mối tình đầu tiếp xúc với cái đẹp. Nhìn bức Rạng Đông, tôi nhớ đến bức Hoàng Hôn. Nhìn bức Để Em Làm Gió in trong Tuyển Tập, tôi nhớ đến bức Thiếu Nữ ở căn nhà xưa. Trong tranh của họa sĩ, tôi thích nhất các điểm sau: sự giản đơn, sự lắng nghe, không gian và tâm hồn. Ông không vẽ chi li, không đi vào chi tiết của nếp áo nhăn hay đường gân lá. Một vài đường nét phác họa giản dị, tiết kiệm nhưng nhờ thế mà người thưởng ngoạn đến gần được với hồn của bức tranh. Không có những màu sắc rực rỡ, những chi tiết rườm rà để thu hút hay chia trí người nhìn. Trong sự giản đơn đó, chỉ còn lại một lối đi duy nhất là đi tìm cái tinh túy, lắng nghe cái tâm hồn. Giống như kẻ ngồi thiền, vứt bỏ đi bao cái rườm rà phiến diện của xung động tình cảm và tư tưởng, chỉ còn đối diện với vài nét đan thanh của tâm hồn.

Tôi cũng thích lắm sự lắng nghe trong tranh của họa sĩ. Mỗi lần ngắm bất cứ bức tranh nào của ông, một cách tự nhiên tôi thấy mình trong tâm trạng thiền. Tôi thầm nghĩ tranh ông tĩnh lặng quá. Dù là tranh tĩnh vật hay phong cảnh hay tranh vẽ thiếu nữ, cái tĩnh lặng ấy luôn bao trùm toàn bộ bức tranh. Dù diễn tả người thiếu nữ đang xối nước tắm, đang bước đi hay trong bất cứ tư thế nào, đứng, ngồi, đội gạo hay trang điểm, nhân vật trong tranh ông vẫn trầm lắng. Nghĩ cho kỹ, tôi không muốn nói rằng tranh của ông tĩnh lặng, chính xác hơn thì tranh của ông lắng nghe. Sự tĩnh lặng không có ý nghĩa gì cả, chỉ là sự tĩnh lặng chết nếu không có sự lắng nghe. Trong sự tĩnh lặng đó, bức tranh của ông lắng nghe, buộc người thưởng ngoạn lắng nghe theo. Bức tranh lắng nghe nỗi niềm hoài hương như trong bức Chim và Quê Người, lắng nghe giấc mơ như trong bức Thiếu Nữ và bức Thiếu Nữ và Quạt. Hoặc màu sắc hài hòa của những mảng màu sáng và đậm lắng nghe âm nhạc trong bức Giao Hưởng.

Có đôi lúc tôi không khỏi liên tưởng rằng tranh của ông là một loại Haiku trong hội họa. Trong sự giản đơn và lắng nghe rất Haiku này, người ta thưởng thức được từng giọt thở của tâm hồn và từng nhịp lung linh của cái đẹp. Sự giản đơn và lắng nghe là một sự trân trọng chuẩn bị đón nhận đóa hoa quỳnh hé mở giữa đêm khuya của giấc mơ nghệ thuật.

Không gian trong tranh họa sĩ Thái Tuấn là cả một sự diễm ảo. Khi tôi nhìn tranh ông và muốn cảm bức tranh thì tôi không chú tâm vào nhân vật hay đề tài chính. Tôi nhìn vào cái không gian bao la và tôi thấm màu sắc của nó. Sự bao la trống không của không gian giúp cho tôi tạo cho mình khoảng trống không tâm hồn để đón nhận cái mới. Màu sắc của phông nói cho tôi nghe về ý nghĩa của giấc mơ gói ghém trong tranh. Trong bức Trạm Nghỉ Chân, cái tính chất nghỉ đã nằm bàng bạc trong khoảng không gian trước khi nó cô đọng trong dáng ngồi của người thôn nữ. Trong bức Thiếu Nữ và Quạt, người thiếu nữ trầm tư điều gì, thả hồn mơ ước điều gì? Giải đáp nằm trong sắc màu tím của không gian bao la sau lưng nàng. Nhân vật và đề tài như thoát ra từ khoảng không gian ấy, mang theo chút đặc tính của nó và mời gọi chúng ta trở về khoảng không gian này để tìm hiểu trọn vẹn. Đường nét và màu sắc phân chia ranh giới giữa người và khoảng không gian đôi khi lu mờ như để nói lên tính chất mẹ con bất phân chia của không gian và đề tài. Hay đề tài chỉ là cái cớ mà không gian kia mới là quan trọng.

Rốt cuộc, sự giản đơn, lắng nghe và không gian trong tranh dẫn người thưởng ngoạn đến với tâm hồn của bức tranh. Mỗi bức tranh là một giấc mơ với những nét hiền dịu, an tịnh, trong sáng và thương yêu. Như họa sĩ đã viết trong bài Nguồn Cội, người nghệ sĩ ngày nay *"đã không có được sự may mắn của những thời xa xưa, của sự an nhàn ngày dài tháng rộng, của yên tĩnh ruộng đồng bát ngát, của trong sáng khi cuộc sống còn đơn giản."* Nhưng may thay, những mất mát đó có thể tìm lại được trong tranh của họa sĩ Thái Tuấn.

Có lúc tôi tự hỏi: "Trên con đường nghệ thuật, họa sĩ đã dõi tìm cái đẹp. Vậy thì nó từ đâu đến?" Chính ông đã viết: *"Người đi tìm cái đẹp không tìm nơi trí tuệ cũng như tình cảm. Hành trang của hắn là một chút trong sáng mang theo, soi sáng cho hắn nhìn thấy cái đẹp trong đêm dài vô tận."* Ông còn nói rõ hơn tấm lòng trong sáng ấy đã cho ông mặc khải những điều gì. *"Cái giúp ta là cái tính bản thiện, chỉ là sự yêu thương, trìu mến con người và cảnh vật và chính từ cõi giới của yêu thương người thưởng ngoạn mới nhìn ra vẻ đẹp, nơi đó mọi ngăn cách đã được xóa bỏ, cái đẹp hình thức và cái đẹp tinh thần chỉ còn là một."*

Trong thế giới ngày hôm nay, trong khi con người vội vã thì họa sĩ Thái Tuấn chậm chạp. Trong khi con người khoác lên mình trăm ngàn vai trò và lớp mặt nạ thì tranh ông giản đơn chân chất. Trong khi con người lo thu góp chất chồng thì tranh ông vứt bỏ đường nét rườm rà thừa thãi. Trong khi con người căng thẳng khổ đau thì tranh ông thương yêu thanh tịnh. Trong khi con người vật vã trong đời sống thực tiễn thì tranh ông ước mơ trong hạnh phúc.

Giấc mơ trong tranh họa sĩ Thái Tuấn quả thực là liều thuốc cho nếp sống đô thị ngày hôm nay. Và phải chăng giấc mơ ấy mới chính là đời sống thật? ■

VAALA
(714) 537-8352

# NHÀ VĂN TRONG TÙ

Tiểu luận của JOSEPH BRODSKY
ĐẶNG HOÀNG dịch

NHÀ TÙ chủ yếu là một sự thiếu không gian được bù đắp bằng một sự thừa thời gian; đối với một người tù, thì cả hai đều là những cái sờ mó thấy được. Tất nhiên rồi, cái tỷ lệ đó — nhắc nhở hoàn cảnh con người trong vũ trụ — là cái đã làm cho sự giam giữ trở thành một ẩn dụ trọn vẹn của siêu hình học Thiên chúa giáo và cũng hầu như là bà mụ đỡ đẻ cho văn học. Nói về văn học, thì điều này, trong một nghĩa nào đó, khá hợp lý, vì văn học trước hết là một sự diễn đạt những chân lý siêu hình qua một ngôn ngữ bản địa.

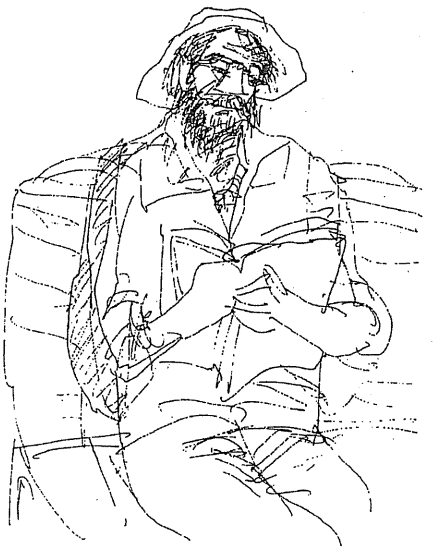

Cách diễn đạt như thế đương nhiên có thể đạt tới mà không cần đến giam giữ, và có lẽ còn chính xác hơn. Tuy nhiên, kể từ [Thánh] Paul trở đi, truyền thống Thiên chúa giáo đã tin tưởng, với một tính nhất quán khá khác thường, vào sự giam giữ như một phương tiện để đạt được trạng thái xuất thần có tính cách thiên khải. Ngày nay các nền văn hóa và văn học căn cứ trên các tín ngưỡng và nguyên lý (nếu có thể nói như thế) khác hơn là Thiên chúa giáo đang ráng hết sức để đuổi kịp đàn anh — hay, trong trường hợp Trung hoa, đàn em — của mình, hy vọng trong tiến trình đó rất có thể sẽ sản sinh ra được những Villon và Dostoyevsky cho riêng mình.

Trong thế kỷ 20 sự bỏ tù các nhà văn hầu như đến với từng lãnh thổ. Người ta khó lòng nêu được tên một ngôn ngữ nào, chứ đừng nói gì một nước nào (Na-uy chăng?), trong đó các nhà văn lại được hoàn toàn miễn khỏi cái chiều hướng này. Có một số ngôn ngữ và quốc gia khá hơn, tất nhiên; có các ngôn ngữ và xứ khác tệ hơn. Nga có vẻ đứng hàng đầu tất cả, thế nhưng, hồi còn là Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết, nó là một đế quốc rất đông dân. Với sự qua đời của nó, trung tâm trọng lực của vấn đề này đã chuyển ra khỏi châu Âu, tới những vùng mênh mông miền đông và miền nam châu Á, tới châu Phi, tới những quần đảo Nam Thái bình dương. Sự việc này cũng chẳng là điều gì mới mẻ, bởi đây cũng là những miền vô cùng đông dân. Khi từ chối không chịu phân biệt, thì địa dư dường như muốn hăm hở bắt cho kịp lịch sử.

Hay có thể rằng chính lịch sử đang bắt kịp với địa dư cũng nên. Nói chung, một nhà văn vô khám vì đã đứng vào một phe trong cuộc tranh luận chính trị, mà tranh luận chính trị là một dấu hiệu đích thực của lịch sử rồi. (Sự thiếu vắng của loại tranh luận ấy cố nhiên là đặc điểm chính yếu của địa lý.) Nhà văn còn có thể thử tự an ủi mình với cái lối giải thích này về cảnh ngộ éo le của mình; lối giải thích như thế giờ đây đã có được cái diện mạo của một truyền thống quí phái rồi đấy. Thế nhưng, giải thích như thế sẽ chẳng làm cho hắn kéo dài được bao lâu trong xà lim; vì nó quá rộng lớn để thấy thoải mái — hay, đúng hơn, để thấy thiếu thoải mái. Bất kể nhà tù muốn rung lên cái chuông lịch sử nào, nó cứ vẫn luôn luôn đánh thức bạn dậy — thường thường lúc 6 giờ sáng — để mà đối diện cái thực tại khó chịu của kỳ hạn mình.

Chẳng phải là nhà tù khiến bạn rũ bỏ những khái niệm trừu tượng của bạn. Trái lại, nó cắt gọt chúng thành những phát biểu ngắn gọn. Nhà tù, quả vậy, là một diễn đạt những siêu hình học, đạo đức học, ý thức về lịch sử và gì gì khác nữa của bạn thành những từ ngữ cô đọng về cách bạn cư xử hàng ngày. Cái chỗ hữu hiệu nhất cho dự diễn đạt ấy tất nhiên là phòng biệt giam, với sự thu nhỏ tất cả vũ trụ nhân sinh vào một hình chữ nhật xi-măng được chiếu sáng thường trực bởi vật thể sáng 60 watt của bóng đèn. Dưới ngọn đèn đó bạn quay tròn đi tìm sự tỉnh táo của mình. Sau đôi ba tháng như thế, thì cả thái dương hệ — không giống như những người thân quen và bầu bạn của bạn, cứ hy vọng như thế — hoàn toàn bị thỏa hiệp, và nếu là một nhà thơ, có thể rốt cuộc bạn sẽ có được vài câu tươm tất cất đi trong bụng. Vì hiếm khi nào người tù có được bút và giấy.

Cho nên tốt hơn hết là vần và nhịp: để làm cho dễ nhớ những gì làm ra, nhất là vì có một số phương pháp thẩm vấn khiến cho phần sau sọ

của bạn thường xuyên không tin cậy được nữa. Nói chung, các nhà thơ trong cảnh biệt giam sáng tác dễ hơn là các nhà viết tiểu thuyết bởi lẽ họ rất ít cần lệ thuộc vào những dụng cụ nghề nghiệp, vì chính những chuyển động đi-đi-lại-lại luôn luôn tái diễn của họ dưới ngọn đèn điện kia thế nào cũng bắt buộc câu thơ phải trở lại. Lại nữa, bởi vì một câu thơ chủ yếu là không có cốt truyện và, không giống như lý do khiến bạn phải nằm tù, một câu thơ phát triển theo cái lôgic nội tại của hòa âm ngữ học.

Thật ra, ta có thể giới thiệu loại viết — hay đúng hơn, sáng tác trong đầu — thơ có niêm luật như một loại phương pháp trị liệu trong khi biệt giam, cùng với môn thể dục hít đất và tắm rửa bằng nước lạnh. Trong phòng giam chung, thì vấn đề có hơi khác, và nói chung thì nhà viết tiểu thuyết sáng tác dễ hơn là nhà thơ. Phải thừa nhận văn xuôi là một nghệ thuật bắt rễ từ quan hệ xã hội, và nhà viết tiểu thuyết tìm ra được một mẫu số chung với các bạn tù của mình nhanh hơn là nhà thơ. Là một người kể truyện, hắn ưa tò mò hầu như theo định nghĩa, và điều này giúp hắn lập được mối quan hệ tốt với các bạn tù mình bằng cách hỏi han về trường hợp và hoàn cảnh của họ cũng như kể cho họ nghe về cốt truyện của chính mình hoặc của các tác giả khác. Cứ như thế rồi dần dà hắn tưởng tượng là hắn đang thâu thập chất liệu cho tác phẩm tương lai của mình, hoặc là được các bạn tù cho là hắn đang làm như thế: mấy vị này đương nhiên là vô cùng mừng rỡ để sẵn sàng ban biếu hắn những bản miêu tả đời mình, rất thường khi cố tình làm hoa mỹ thêm.

Khối lượng lớn những tác phẩm của giới tù nhân rõ ràng thiên vị văn xuôi. Điều này chẳng phải là vì có nhiều tiểu thuyết gia bị giam giữ hơn là nhà thơ (thực ra dường như ngược lại thì phải). Sở dĩ như thế trên hết bởi vì thi ca thấy cái đều đều tẻ nhạt của thực tế hình sự rõ ràng là thù nghịch với bản chất bất ngờ của câu thơ. Chẳng phải là nghệ thuật thi ca từ chối tôn vinh cái thực tại đê tiện của áp bức với những đóa hoa hùng biện, dù rằng ta có thể giải thích như vậy. Chỉ vì bản chất của bất cứ một câu thơ đẹp nào cũng nằm trong sự cô đọng và vận tốc. Điều này đúng đến mức độ là ngay cả khi một nhà thơ quyết định ghi lại kinh nghiệm hình sự của mình, ông ta thế nào cũng phải viện đến văn xuôi. Thơ về nhà tù khó kiếm thấy — ngay cả trong văn học Nga — hơn là tiểu thuyết về nhà tù, chứ đừng nói gì đến hồi ký. Trong tất cả các nghệ thuật, có lẽ thi ca là loại nghệ thuật ít có tính mô phỏng nhất.

Nếu không phải như thế, thì chủ đề mô phỏng của nó hiển nhiên vượt ra ngoài giới hạn và vượt lên trên những bức tường nhà giam tua tủa dây kẽm gai, lính canh, súng máy, vv. Walter Pater nói: tất cả mọi nghệ thuật đều khao khát đạt được cái phận của âm nhạc, và riêng thi ca thì dường như từ chối không chịu để cho nỗi đau khổ của con người làm mê hoặc, kể cả nỗi đau khổ của chính người làm thơ. Kết luận tự nhiên là có những sự việc còn hấp dẫn hơn cả sự yếu đuối của thể xác ta hay nỗi đau đớn của tâm hồn ta. Kết luận đó, của cả công chúng lẫn giới canh chừng công chúng, khiến cho thi ca và, cùng với nó, tất cả mọi nghệ thuật trở thành nguy hiểm. Nói khác đi, cái phó sản vô tình mà có của nghệ thuật là khái niệm cho rằng tiềm năng con người toàn bộ còn lớn hơn rất nhiều cái tiềm năng mà bất cứ một bối cảnh xã hội nào đó có thể sử dụng, không nói gì tới việc có thể phục vụ. Đối với một vài giới, thì thông tin mới này không được hoan nghênh, và các giới đó càng rộng lớn bao nhiêu thì họ càng có khuynh hướng muốn

ĐỌC BÁO BẠN

# DƯƠNG THU HƯƠNG TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA TẬP SAN PHÁP *LES RAISONS DE L'IRE*

**Làm người phụ nữ trong xã hội Việt Nam ngày nay có khó không? Vị trí của họ trong xã hội ra sao?**

DTH - Xã hội Việt Nam cổ truyền vốn có yếu tố dân chủ làng xã, một thứ tinh thần dân chủ tự phát, yếu ớt, mờ nhạt nhưng dai dẳng. Cũng như vậy, người phụ nữ Việt Nam xưa nay vốn không đến nỗi hoàn toàn nô lệ như đàn bà theo đạo Islam hay ở một số nước khác thuộc châu Á. Họ có một chút quyền. Nhưng bù vào đó, họ phải lao động vô cùng cực nhọc. Trong gia đình, người đàn bà Việt Nam vừa là chủ, vừa là đầy tớ. Họ thường phải định đoạt mọi công việc. Ít xứ sở nào người ta thấy những người đàn bà kéo xe bò, đi cấy, đi thồ như ở Việt Nam. Ngược lại, đàn ông Việt Nam nhiều tính nữ. Họ được thừa hưởng căn bệnh sĩ diện của chế độ phong kiến, nhiều khi họ hành động tàn bạo và ngu xuẩn để cứu vớt thứ sĩ diện ảo ảnh đó, nhưng về thực chất, họ là những bản thể yếm thế, yếu mềm và hay mắc chứng bệnh hắc lào tình ái vặt. Sự cần thiết cho cả đôi bên là gia tăng tính nam cho những người đàn ông và bớt gánh nặng trên vai người đàn bà. Tất nhiên, đây chỉ là nhận xét của riêng tôi, rất có thể nó là thiên kiến.

**Chị ước mong một xã hội như thế nào? Theo chị, con em người Việt Nam ước mong một xã hội như thế nào? Chị nghĩ gì về hệ thống giáo dục của Việt Nam?**

nhào nặn một nhà văn theo ý mình bấy nhiêu.

MÀ NÀY, nhà văn nhất định không phải là một con bò thiêng, bất khả xâm phạm, không thể chê trách được: hắn đâu có thể sống bên trên pháp luật hoặc, nếu đã nói về luật, đâu có thể sống bên trên tình trạng vô pháp luật của xã hội mình. Nhà tù hay trại tập trung là phần mở rộng của xã hội đó, chứ đâu phải là lãnh thổ nước ngoài, dù rằng chỉ nội cái chế độ ăn uống của bạn ở đó thôi cũng đủ ám chỉ như thế rồi. Bằng cách nằm trong tù, nhà văn chỉ làm cái công việc là tiếp tục chia sẻ tình trạng éo le với nhân dân mình mà thôi. Dưới mắt họ cũng như dưới chính mắt nhà văn — ta phải hy vọng như thế — hắn có khác gì họ đâu. Thực ra có một yếu tố gì không lương thiện trong việc giúp một nhà văn đào thoát khỏi một trại giam chứa đầy đồng bào của hắn — nghĩa là độc giả và đối tượng của hắn, có thể nói như vậy. Giống như ném một tấm áo cứu đắm duy nhất xuống cho một con thuyền chật ních người đang chìm dần trong biển bất công.

Thế nhưng, phải ném xuống tấm áo cứu đắm đó, bởi lẽ thà cứu được một người còn hơn là không cứu được ai hết, và cũng bởi lẽ, một khi được cứu thoát rồi, người này có thể tung đi một dấu hiệu S O S mạnh mẽ hơn bất cứ ai khác trong con thuyền đang chìm đó. Dù là trên giá sách của ta có rất nhiều cuốn ta sẽ không bao giờ sờ tới, nhưng phải ném một tấm áo cứu đắm cho một nhà văn vì cái lý do đơn giản là rồi đây hắn sẽ có thể lại sản xuất một cuốn sách khác nữa. Càng nhiều sách nằm trên giá bao nhiêu, càng ít người bị đưa vào nhà giam bấy nhiêu. Tất nhiên khi lấy một nhà văn — nhất là một nhà thơ — ra khỏi tù, có lẽ xã hội sẽ tự làm cho mình hụt đi mất một vài khám phá quan trọng về siêu hình học đấy, thế nhưng đông đảo tập thể những thành viên trong xã hội chắc sẽ sẵn sàng đánh đổi cái khám phá quan trọng ấy lấy cái tầm thường của sự an ninh tương đối cho mình, bất cần biết là những chân lý siêu hình tìm được ra bằng cách nào. Nói ngắn đi, thời giờ bỏ ra đọc một cuốn sách là thời giờ giành được của hành động; và trong một thế giới được định cư đông nghịt như thế giới chúng ta thì hành động càng ít càng hay.

NHỮNG TÁC PHẨM viết về ngục tù thường nói tới sự đau khổ và sức chịu đựng. Bởi vậy, chúng được đông đảo quần chúng rất ưa thích như thèm muốn nhục dục - một đông đảo vẫn còn sung sướng ở trong cái vị trí nhận thức sự giam giữ như là một điều bất thường. Chính để làm cho nhận thức này còn được sống sót trong thế giới sắp tới mà ta phải đọc những tác phẩm đó. Bởi lẽ không có gì cám dỗ hơn là nhượng bộ cái quan điểm coi sự giam giữ người ta là chuẩn. Bởi không có gì dễ hơn nhận thức — và thâu được — những cái lợi tinh thần từ chính kinh nghiệm về giam giữ đó.

Con người có cái thói quen tìm nhận ra một mục đích và ý nghĩa cao cả hơn bên trong cái thực tại rõ ràng là vô nghĩa. Hắn có khuynh hướng coi bàn tay của nhà cầm quyền như một dụng cụ, dù là dụng cụ cùn, của Thượng đế. Hiệp lực để cùng tạo ra cái thái độ vừa nói là một ý thức bao quát về tội lỗi và sự trừng phạt xứng đáng sẽ xảy tới sau này, khiến cho hắn trở thành một con mồi dễ bắt, trong khi đó hắn lại luôn luôn tự hào về sự đạt tới được những chiều sâu mới của sự khiêm tốn. Đây là một câu truyện đã cổ, cổ như lịch sử của chính sự áp bức, có nghĩa là cổ như lịch sử của sự phục tòng vậy.

Nhưng cái có thể là một con đường đi lên cho

DTH - Đến ngày hôm nay, tôi vẫn có nguyên một mơ ước cổ lỗ như mơ ước của một bộ phận nhân loại khác từ vài thế kỷ trước: Một xã hội dân chủ, lấy Tự do - Bình đẳng - Bác ái làm nguyên lý, lấy mô hình tam quyền phân lập làm cấu trúc nền tảng.

Con em chúng tôi sống trong một não trạng hoàn toàn khác với cha mẹ chúng. Nếu những người như tôi dấn thân vào cuộc chiến tranh lý tưởng vì danh dự của giống nòi thì thế hệ con em chúng tôi quan sát các bậc phụ huynh với ánh mắt lạnh lẽo, tinh khôn. Chúng thấy các bậc phụ huynh (trừ một số nhỏ được thu nạp trong hệ thống quan chức và có cơ hội giàu sang) từ ánh hào quang của những cuộc chiến tranh lý tưởng đó trở về, tả tơi rách nát, khốn cùng, dù công bố hay im lặng, mặc nhiên chúng xem chúng tôi là những kẻ khờ dại hoặc điên rồ. Giờ đây chúng tìm kiếm mọi cách để chăm sóc bộ da của chúng. Chúa đã chết. Chiếc hộp đen đã mở. Xã hội Việt Nam rồi sẽ phải trải qua một thời gian dài để làm nguội cái dạ dày đói khát. Mai sau, có thể sẽ có một ngày, lớp người trẻ tuổi gạt bụi trên những trang sách cũ để tìm lại những danh từ đã từng chói sáng một thời rồ dại: Ý nghĩa cuộc đời - lý tưởng.

Nền giáo dục của Việt Nam trước đây là một kẻ vừa què cụt, vừa mù. Trong giai đoạn gần đây, nó đang cố gắng mò mẫm tìm lối rẽ vào đại lộ chung của nhân loại.

**Vì sao những tác phẩm của chị khiến chính quyền khó chịu?**

DTH - Bất cứ xã hội toàn trị nào (dù là phong kiến phương Đông cải biên hay mô hình Stalin được sửa đổi) cũng chỉ có hai thái độ sau đây: Khinh bỉ những kẻ tòng phục nó và căm ghét những kẻ chống lại nó. Đương nhiên, tôi thuộc loại thứ hai. Vì ghét tôi nên khó chịu với những tác phẩm của tôi. Dù ít hay nhiều, chúng cũng mang dấu vết của một kẻ ly khai.

*Trích bản dịch của Diễn Đàn số 56 (10.96)*

kẻ hành hương lại là một con dốc trơn tuột cho xã hội. Thế giới sắp tới chắc chắn sẽ đông đúc hơn thế giới này, và ngay chỉ một điều bất thường ở nơi đó cũng sẽ mang những qui mô của một nạn dịch. Ở đó sẽ không có thuốc trụ sinh; phương thuốc duy nhất có thể có sẽ là cách cư xử — làm tại nhà, hoàn toàn cá nhân chủ nghĩa, và mang đặc tính tư chất — của nạn nhân tiềm năng. Bởi vì giới nhà văn, trên hết, và bất kể những niềm tin riêng tư hay vóc dáng thể xác từng người, là những con người cá nhân chủ nghĩa. Họ không hợp ý nhau; họ có những năng khiếu và kỹ thuật văn phong khác nhau; họ cũng là những kẻ đáng khiển trách hơn hầu hết mọi người, vì họ là người đầu tiên cho rằng sự lặp đi lặp lại làm hại ngôn từ. Nói khác đi, nhà văn chính là một ẩn dụ tuyệt vời của thân phận con người. Cho nên, những điều gì hắn nói về sự giam cầm ắt phải mang lại nhiều hứng thú cho những ai tưởng tượng là mình có tự do.

Tối hậu, những điều hắn nói có thể giúp ta xua tan đi phần nào bộ mặt thần bí của nhà tù. Trong trí óc quần chúng, nhà tù là cái chưa từng được biết và do đó được cái lợi thế là sát gần với sự chết, mà sự chết lại là điểm chót tột cùng trong cái chưa từng được biết và trong sự bị tước đoạt tự do. Ít nhất lúc khởi thủy, phòng biệt giam có thể đem ví với, mà không mấy ai do dự, với một áo quan. Trong sự phát biểu bằng lời hay bằng chữ viết về nhà tù, những ám chỉ về âm phủ rất là thông thường trong bất cứ ngôn ngữ bản địa nào — trừ khi sự phát biểu đó bị cấm kỵ.


KICON

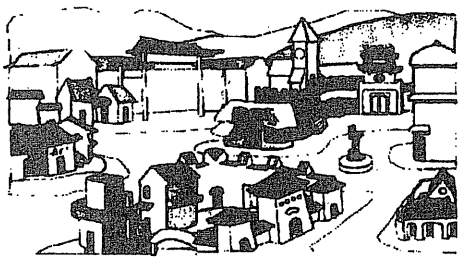

http://kicon.com

12866 Main Street, Suite 101
Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 590-3080
Fax: (714) 590-3084


Bởi lẽ đứng từ vị trí thuận lợi của một thực tại con người tiêu chuẩn, thì nhà tù quả là một kiếp sau, được cấu trúc phức tạp và kiên định giống như bất cứ một bản mô tả nào của giáo hội về vương quốc của tử thần, và nói chung thì nơi đó mang rất nhiều màu sắc xám.

Tuy nhiên, bị tước đoạt tự do bán phần — và đây chính là nhà tù vậy — thì còn tệ hơn là bị tước đoạt tự do tuyệt đối, vì lẽ cái loại mất tự do nói sau này xóa bỏ đi mất khả năng ghi nhớ sự bị tước đoạt rồi. Thêm nữa, bởi vì trong tù bạn đâu có nằm dưới sự điều khiển của bầy ma quỷ nào bạn sờ mó được; bạn nằm trong tay đồng loại của bạn - những bàn tay với một đặc tính xúc giác quá mức. Rất có thể rằng phần lớn những hình tượng về âm phủ trong văn hóa ta bắt nguồn từ chính kinh nghiệm hình sự đấy.

DÙ SAO chăng nữa thì những tác phẩm về ngục tù cũng cho ta thấy rằng địa ngục vừa do con người làm ra lại vừa được bố trí bởi con người. Chính cái triển vọng chịu đựng nó nằm trong điểm vừa nói, bởi vì, dù có tàn nhẫn vì được trả tiền để trở thành như thế, con người ta cẩu thả, có thể bị mua chuộc, lười biếng vân vân. Không một hệ thống nào do con người làm ra lại hoàn hảo, và hệ thống áp bức không là ngoại lệ. Nó dễ bị mệt mỏi, dễ bị rạn nứt, ấy là những điều mà bạn khám phá thấy càng dễ khi hạn kỳ của bạn càng lâu. Nói khác đi, chẳng có lý do nào khiến ta phải làm hòa dịu niềm tin của ta ở phía bên này bức tường tù ngục, bởi vì ta có thể sẽ thấy mình nằm ở phía bên kia không chừng. Nói chung thì nhà tù có thể sống qua được. Dù rằng quả thực hy vọng là thứ gì ta ít cần tới nhất khi vô trong đó; một cục đường có thể hữu ích hơn.■

**Iosif (Joseph) Aleksandrovich Brodsky** (1940-1996), Giải Nobel Văn học 1987, qua đời tháng Giêng năm nay ở Hoa Kỳ. Bài tiểu luận này, in trong Phụ trương Điểm sách của *Nữu Ước Thời Báo*, số ra ngày 13-10-1996, được rút từ lời nói đầu giới thiệu tuyển tập nhan đề *Nhà tù này nơi tôi ở: Hợp tuyển Văn Bút Quốc Tế các nhà văn bị tù* ("This Prison Where I Live: The PEN Anthology of Imprisioned Writers"), chủ biên Siobhan Dowd, sẽ do nhà Cassell xuất bản cuối tháng 10-1996.

Brodsky là một nhà thơ Nga/Mỹ, sáng tác bằng cả hai "tiếng bản địa" ấy (ông đã tự học Anh ngữ). Thường được công nhận là khuôn mặt quan trọng nhất của văn học Nga kể từ Thế chiến II, ông còn là nhà phê bình văn học, viết tiểu luận, và biên dịch. Gốc Do-thái, sinh trưởng tại Thành phố Lênin (nay đã lấy lại tên cũ St. Petersburg, nơi sinh trưởng của Dostoyevsky, Nabokov, v.v...). Công nhân xưởng thợ năm 15 tuổi, làm việc tại nhiều nơi ở Nga Xô. Tự học, đọc rất nhiều. Từ cuối thập kỷ 1950 làm nhiều thơ ở St. Petersburg dưới sự khuyến khích của nhà thơ nữ Anna Akhmatova. Mặc dù thơ ông phi chính trị, nhưng chính vì thế ông đã bị bắt năm 1964 về tội "ăn bám" và kết án 5 năm đầy ải lên một nông trại nhà nước ở vùng Arkhangelsk. Được trả tự do cuối năm 1965 do áp lực quốc tế. Năm 1972 bị trục xuất khỏi Nga Xô và qua HK. Nhập tịch HK năm 1977. Năm 1990, là người đầu tiên không sinh ở Mỹ được Thư viện Quốc hội HK bổ nhiệm làm "Thi sĩ Danh dự" (Poet Laureate).■

# LÊ THƯƠNG - NGƯỜI NHẠC SĨ DÂN TỘC (1913-1996)

ĐẶNG MĨ LỘC

Giới sinh hoạt văn hóa nghệ thuật Việt Nam lại vừa thêm một cái tang: nhạc sĩ Lê Thương Ngô Đình Hộ vừa qua đời hôm 17.9.1996 tại Sài Gòn, hưởng thọ 83 tuổi. Lê Thương là một trong những nhạc sĩ tiên phong của phong trào tân nhạc tại Việt Nam vào những năm 30 của thế kỷ này. Những tên tuổi lớn của thời kì tiên phong này hầu hết đã gần đất xa trời. Trong vài năm gần đây lần lượt mấy khuôn mặt lớn của nền tân nhạc đã ra đi: Nguyễn Xuân Khoát, Văn Cao, Dương Thiệu Tước... Trong số những nhạc sĩ thuộc lớp mở đường này, Lê Thương được ghi nhớ qua những tác phẩm đã gắn bó với tâm tình của xã hội từ hơn bốn thập niên qua.

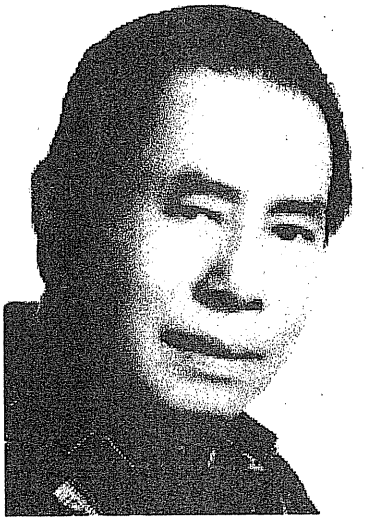

Lê Thương
(Ảnh trích trong Phạm Duy Anthology)

Lê Thương được nhớ đến nhất vì là tác giả của một tổ hợp ba ca khúc ra đời trong khoảng 1946-1948: *Hòn Vọng Phu*. Liên ca khúc này lấy lại đề tài quen thuộc trong văn học: người vợ bồng con đứng đợi chồng. Đó là mẫu hình sáng tác của văn học dân gian (truyện nàng Tô Thị, các phiên bản khác nhau của truyện Đá Vọng Phu), và của văn học viết thời cổ điển (Chinh Phụ Âm bản Hán văn và các dịch bản nôm về sau). Những câu chuyện có thể là khác nhau nhưng cùng chung một mẫu hình sáng tác: người chồng phải ra đi vì một nghịch cảnh nào đó, khiến người vợ phải héo mòn chờ đợi. Nói chung, những tác phẩm văn học vừa kể đều vương vấn nỗi buồn thương của chia li, khắc khoải vì mong đợi. Lê Thương đưa đề tài này vào nhạc mới hẳn cũng chỉ là một hình thức tập cổ quen thuộc trong văn nghệ mà thôi. Nhưng giá trị sáng tạo của liên ca khúc *Hòn Vọng Phu* là ở chỗ tác giả của nó đã chỉ dùng hình tượng kẻ ở người đi để thể hiện một tâm tình của thời đại ông: đất nước loạn li, người con dân lên đường để đáp lại lời sông núi. Kẻ ở lẫn người đi đều có tâm trạng giống nhau là cùng phơi trải nỗi niềm nhớ thương, lẻ loi, trộn lẫn với hào khí của những người con dân không chạy trốn khỏi cuộc đời. Cả ba ca khúc của *Hòn Vọng Phu* đều trau chuốt sang cả mà không sáo, rất cổ kính mà vẫn bình dị và dẫn cảm xúc vào thẳng tâm hồn người. Được thế là nhờ cả hình tượng âm nhạc lẫn lời ca đều đượm dáng vẻ ngạo nghễ một lí tưởng cao cả nhưng vẫn giữ lòng mình ở giữa đời dung dị và có những niềm đau rất thực của một thời loạn lạc. Người nghe nhạc ông không hề vướng bận những hình ảnh trong lời ca vốn chỉ mượn lại trong cổ văn: vua, quan, quân, trống dồn, Thiên San, Man Khê, Tiêu Tương, Vạn Lí, Ải Quan... Chúng chỉ là những hình ảnh biểu tượng của một tâm trạng nào đó mà thôi. Tâm trạng, đó mới là nội dung của hình tượng câu hát (1). Ba bài hát dẫn đưa người nghe đi từ những nỗi háo hức lên đường, rồi nỗi bâng khuân vì chia li mong nhớ, rồi lại đến niềm tin tưởng vào một ngày mai.

*Hòn Vọng Phu* ra đời khi nền tân nhạc mới chập chững được mười năm. Lúc ấy đất nước mới trải qua những năm tháng đầu của độc lập và đang đương đầu một cuộc chiến tranh bảo vệ nền độc lập non trẻ đó. Tác giả của nó cũng chia sẻ tâm trạng hào hùng lẫn nỗi đau của chiến tranh. "*Hòn Vọng Phu* của Lê Thương là khúc nhạc tuyệt vời, đã vươn lên từ những khắc bạc trong cuộc sống, những điêu linh của dân tộc. Trầm hùng, tha thiết khi vút cao, khi sâu lắng. *Hòn Vọng Phu* là những đau thương đã thăng hoa... Tìm về *Hòn Vọng Phu* là để lắng nghe những ấm lạnh, những ngọt bùi, giọt giọt chắt lọc từ cõi-người-ta u minh và bất hạnh." (2)

Nhưng ngày nay nhớ đến Lê Thương còn là nhớ đến một người đã có những cống hiến vào sự hình thành một cuộc vận động đổi mới nghệ thuật âm nhạc vào những năm 30 của thế kỉ. Vào buổi đó, báo *Phong Hóa* và nhóm trí thức trẻ hấp thụ tây học quây quần trong Tự Lực Văn Đoàn đã có những ảnh hưởng lớn trong việc kích động một phong trào đổi mới xã hội: một phong cách suy nghĩ, một nếp sinh hoạt xã hội "theo mới" đã dấy lên một đòi hỏi khác: làm mới nghệ thuật. Từ số 122 (ra ngày 7.8.1938) thì báo *Ngày Nay* của Tự Lực Văn Đoàn đã bắt đầu đăng tải những bài hát đầu tiên của một trong những nhạc sĩ tiền phong thuở ấy là Nguyễn Văn Tuyên.

Lần lượt trên báo này, xuất hiện những bài hát thuộc một loại nhạc mới lạ hoàn toàn đối với truyền thống, và vì vậy có tên là "âm nhạc cải cách." Âm nhạc cải cách - sau này được gọi là *tân nhạc* - là những bài hát hoàn toàn mới về cả giai điệu và lời hát, có tham vọng diễn đạt tâm tình người của thời đại. Về hình thức thì đó là những bài hát được kí âm bằng kỹ thuật âm nhạc tây phương. Trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam lúc đó, khuynh hướng sáng tác nhạc mới khá phổ biến đã là hình thức *ca khúc* trong đó giai điệu và lời hát đều có giá trị ngang nhau. Tại Hà Nội có nhóm nhạc sĩ Myosotis (Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước), nhóm Tricea (Văn Chung, Lê Yên, Dzoãn Mẫn) và Nguyễn Xuân Khoát - một nhạc sĩ độc lập. Tại Hải Phòng có nhóm những nhạc sĩ trẻ Hoàng Quý, Lê Thương, Văn Cao, Hoàng Phú, Phạm Ngữ, Canh Thân... cùng quy tụ lại thành một nhóm sáng tác mà sau này sẽ mang tên là nhóm Đồng Vọng.

Phong trào làm mới âm nhạc Việt Nam thuở ấy chính là một vận động cho nhận thức mới về nghệ thuật âm nhạc. Những người mở đường của phong trào muốn xây dựng một nền nhạc "theo ý nhạc Việt Nam và phải có cảm tưởng thuần túy Á Đông." (3) Hẳn nhiên là cuộc vận động này cũng có những đối chọi về quan điểm sáng tác giữa các nhóm sáng tác. Chẳng hạn, về mặt cơ sở âm giai, có những nhạc sĩ sáng tác theo hệ âm giai bảy bậc của tây phương, có những người khác lại dựa trên âm giai ngũ cung của nhạc phương đông. Về nội dung nhạc phẩm, nhóm Myosotis và Tricea ở Hà Nội có khuynh hướng sáng tác những bài hát mà sau này một người cùng thế hệ với họ đã nhận xét rằng chúng mang đậm "tình cảm tiên nhiên, than mây khóc gió, xưng tụng mùa Xuân, đôi tình nhân nào cũng chỉ muốn bơi trên 'chiếc thuyền tình'..." (4) Trong khi ấy, nhóm Đồng Vọng ở Hải Phòng là những người hoạt động xã hội (thầy giáo, hướng đạo sinh) nên sáng tác của họ phần nhiều có khuynh hướng sáng tác cả xã hội lẫn trữ tình. Lê Thương đã là một trong số những nhạc sĩ đi bước đầu trong cuộc vận động âm nhạc này tại Hải Phòng. Ông đã sớm có những tác phẩm trữ tình thành công trên các sân khấu biểu diễn tại Hà Nội và các tỉnh thành khác. Nhìn lại một thời gọi là "nhạc tiền chiến" ở những buổi đầu đó, Phạm Duy cho là chúng mang xu hướng nhạc tình nhưng là thứ tình không chứa thông điệp nào cả, mà chỉ là những lời than mây khóc gió, tỏ tình với cây cỏ, hoa lá, với thiên nhiên. Và ông gọi đó là nhạc của một thời đại ngây thơ mà chúng ta sẽ mất đi vào những thập niên về sau (5). Trong khung cảnh sinh hoạt như thế, Lê Thương vẫn không rơi xuống những khuôn sáo về đề tài, về hình tượng âm nhạc. Tác phẩm trữ tình của Lê Thương vẫn là những mảnh tâm tình ý nhị, kín đáo nhưng vẫn thanh tao như trong thơ cổ.

Lê Thương đi theo con đường riêng của mình trong địa hạt sáng tác nhạc trữ tình. Ông cũng lại là người đi đầu trong thể truyện ca với bài *Nàng Hà Tiên* (1940) mà sau này ông sẽ còn quay trở lại với *Hoa Thủy Tiên, Lịch Sử Loài Người,* và *Truyền Kỳ Việt Sử* (6). Thế rồi, bước vào những thập niên kế tiếp, cùng với những thúc bách gay gắt của hiện thực đất nước, văn nghệ cũng nổi lên những đợt tranh biện về ý nghĩa của chính nó. Các thế hệ nhạc sĩ dần dà đã định hình cho mình những phương hướng và quan điểm sáng tác. Lê Thương bước vào kháng chiến năm 1946 với ý thức tự hào về đất nước, về "nguồn sử xanh âm thầm vẫn sống" trong mỗi con dân. Nhạc của ông càng về sau càng nghiêng về những khía cạnh tâm tình của xã hội. Liên ca khúc *Hòn Vọng Phu* phản ánh tâm tư người Việt trong một thời chinh chiến. Bài hát *Bà Tư Bán Hàng* là tâm nguyện của người dân về trách nhiệm công dân đối với kháng chiến và đất nước. Bài *Hòa Bình 48* là nỗi băn khoăn ngao ngán của một người kháng chiến. Vào lại thành phố, Lê Thương có những bài hát châm biếm dí dỏm đối với những lố bịch của xã hội "nhiễu nhương": *Liên Hiệp Quốc, Làng Báo Sài Thành, Đốt Hay Không Đốt.* Tâm hồn người nhạc sĩ vẫn dành cho thế hệ trẻ những lời tâm tình thiết tha và những kì vọng về một thế giới tốt đẹp: *Thằng Cuội, Tuổi Thơ, Học Sinh Hành Khúc.* Những bài hát đầy niềm tin yêu của Lê Thương đã phổ biến sâu rộng qua các thế hệ trẻ từ bao năm qua.

Lê Thương để lại cho đời một sự nghiệp không nhiều nhặn gì, nhưng những ấn tượng sâu đậm mà những bài hát Lê Thương để lại cho hậu thế sẽ vẫn bền bỉ. Nửa thế kỉ tân nhạc đã sản sinh cơ man là tác phẩm, nhưng những bài hát còn ở lại trong lòng người thưởng ngoạn thì sẽ không nhiều. Trong số những bài hát còn lại ở lại với thời gian sẽ có những bài hát của Lê Thương. Trên hết cả là thái độ chọn lựa của Lê Thương khi đến với âm nhạc: dù là hát về những tâm tình của cá nhân hay của xã hội thì ông cũng đi vào những tâm tình vui buồn hay đau khổ có thật chứ không phải là những tình cảm vay mượn giả tạo. Người nhạc sĩ dung dị của chúng ta đã hát về những vinh quang và khổ nhục của phận người trong một đất nước bị giằng xé vì những buồn đau không nguôi. Làm được trọn vẹn vai trò đó trên sân khấu nghệ thuật Việt Nam trong thế kỉ XX là một việc không dễ dàng. Có quá nhiều yếu tố khiến cho văn nghệ của chúng ta không ngừng rơi xuống vũng lầy tha hóa. Người nhạc sĩ Lê Thương trong con người nhà giáo Ngô Đình Hộ đã chọn lựa làm một người trung thực.■

(1) Trong câu hát này chẳng hạn: "Bên Man Khê *còn tung gió bụi mịt mùng;* Bên Tiêu Tương *còn thương tiếc nơi nghìn trùng,*" những tiếng then chốt là những chữ được in nghiêng, và chúng diễn tả những tâm trạng khác nhau của những người xa cách vì chiến chinh.

(2) Đặng Tiến "Nhớ cố hương xao xuyến tấc lòng" in *Thông Luận* số 70 (7.94), tr.23.

(3) Phạm Duy "Những bước đầu trong nửa thế kỷ tân nhạc" in *Hợp Lưu* số 18 (8-9.94), tr.85.

(4) Phạm Duy, "Bài đã dẫn", tr.90.

(5) Phạm Duy, "Bài đã dẫn", tr.83.

(6) Phạm Duy "Thời Kỳ Thành Lập - Xu hướng nhạc tình: Lê Thương" in *Văn Học* số 2 (3.1986), tr.89.

# MỘT KHOẢNG TRỜI XANH

HOÀI-CẨM LÊ VĂN HƯNG

Cái nóng và ánh nắng ở đây sao mà khủng khiếp thế! Nóng đến cây cỏ cũng cằn khô, xơ xác, đến chim chóc phải vắng bóng, đến cảnh vật phải lung linh qua làn không khí đang ngùn ngụt bốc lên. Hắn diễn tả cái nóng ấy qua một đoạn trong bài thơ đang viết lở dở để gửi về gia đình hắn còn ở Việt Nam:

*"...Con đang ngồi dưới mây trời nắng lóa,*
*Ngày hôm nay cũng như những ngày qua,*
*Ngồi ở đây mà nhớ mẹ, nhớ cha,*
*Đến bao giờ trở về bờ bến cũ?!*
*Như dòng sông miên man trôi chảy mãi,*
*Mỗi ngày qua thêm một chặng đường xa!..."*

Không thể viết tiếp bài thơ dưới sức nóng cháy da của cánh rừng biên giới Thái Miên này nữa, hắn đành buông bút, cất tờ giấy vào "ba-lô" và dọn cái thùng giấy dùng làm bàn viết vào sát gốc cây sau lưng. Tay phe phẩy mảnh carton cắt ra từ thùng đựng dầu ăn của Liên Hiệp Quốc tiếp tế để cố xua đi cái sức nóng rát da và đưa mắt dõi ra bãi đậu xe của các phái đoàn Y Tế đến giúp đỡ đám dân tỵ nạn. Cứ mỗi ngày vào giờ này hắn lại đứng ngồi không yên vì đó là giờ mà cô y tá người Anh đến thăm các trẻ em suy dinh dưỡng trong trại và sau đó là gặp hắn. Hắn là ai mà quan trọng đến thế? Xin thưa hắn chẳng là ai cả, không là Trưởng trại mà cũng không là Phó trại. Hắn chỉ là một người tỵ nạn đường bộ bình thường vừa chạy thoát khỏi trại tù Nong Chan sau khi bọn Cộng Sản Việt Nam đánh úp vào trại Kháng chiến của Son-sann. Khi chạy đến nơi, trên người hắn chỉ còn có mỗi một bộ quần áo, mà thảm thay cái quần "xà-lỏn" ấy lại được cắt ra từ một cái quần pyjama lượm được tại một đống rác.

Mối quan hệ giữa hắn và cô ấy bắt đầu từ một buổi trưa lúc đám dân tỵ nạn vừa dừng chân tại vùng đất Ang Sila nầy. Hôm ấy hắn đang đi lang thang, len lỏi qua các mái lều của dân tỵ nạn cất tạm bằng đủ thứ vật liệu mà họ lượm được, nào là nylon xanh, nào là cành cây, nào là thùng carton... Đó là một quang cảnh "tả-pí-lù," một bức tranh "lập thể" của những túp lều đủ kích thước, đủ hình dạng, đủ màu sắc. Có người chặt vài nhánh cây gác vào một thân cây rừng có sẵn rồi lấy lá cây phủ xung quanh, trông giống như một cây rơm ở miền Trung hay miền Bắc nước ta. Có người độc thân làm biếng chỉ lấy vài miếng carton kết lại rồi dựa nghiêng nghiêng vào một cái trụ chôn tạm xuống đất, chỉ đủ để che nắng đến khi nắng đổi chiều thì họ lại xoay miếng carton qua phía đối diện quanh cây trụ ấy. Trông thực buồn cười mà cũng thực đáng thương.

Hắn thấy lẫn lộn trong đám dân tỵ nạn một mái tóc nâu và đôi mắt xanh biếc có vẻ như đang tìm kiếm ai. Hắn tiến đến và hỏi bằng mớ vốn liếng tiếng Anh hắn đã góp nhặt được từ những năm học ở Hội Việt Mỹ và Văn Khoa, "Tôi có thể giúp được cô điều gì không?" Cô ấy mắt mở to ngạc nhiên, "Ô may quá, anh nói được tiếng Anh. Nhờ anh chỉ dùm tôi văn phòng của ông Trưởng trại."

"Rất sẵn lòng, xin theo tôi." Hắn đáp.

Quanh co theo các lối đi, cô gái liếng thoắng luôn miệng. Trái lại hắn chỉ trả lời mỗi khi được hỏi mà thôi.

"Tôi thích cái nón của anh."

Hắn hơi đỏ mặt vì biết đó chỉ là câu xã giao, vả lại cái nón hắn đang đội lúc đó trông thật là bèo nhèo. Lấy cái nón ra, hắn nói, "Ô, tôi dùng

để che cho bớt nóng thôi vì tôi mới cạo đầu xong, cô thấy không? Chậc, ở trại nhiều chấy quá!" Hắn vừa nói vừa cười để bớt ngượng vì cái đầu trọc lóc của mình và vì vô tình hắn đã tiết lộ rằng mình có chấy. Cuộc nói chuyện của hai người đúng ra là một cuộc phỏng vấn, mà nguồn tài liệu để khai thác là chính hắn, hắn nghĩ thầm như vậy, tuy nhiên hắn rất vui vì có người để nói chuyện. Cô ta hỏi đủ thứ chuyện về chuyến đi vượt biên của hắn, về Việt Nam, về Cộng Sản... khi sắp đến túp lều của Trưởng trại, cô ta bảo: "Nếu có thể, xin anh hãy viết lại chuyến đi này của anh cho tôi được không?" Hắn gật đầu đồng ý. Cả hai hẹn gặp lại một ngày khác.

Khi gặp lại tuần sau, hắn trao cho cô tờ giấy viết đầy hai mặt kể lại câu chuyện của hắn. Và từ đó hai người hay gặp nhau mỗi khi cô đến trại. Có những lần cô còn đem theo mấy người bạn đến giới thiệu với hắn và những người này đã trở thành bạn chung của hai người. Qua những lần chuyện trò, hỏi han về gia đình của nhau và xem những tấm ảnh gia đình, cũng như thảo luận về tình hình thế giới, về tôn giáo, về vấn đề tỵ nạn, về mơ ước tương lai... hai bên cảm thấy thông cảm và gần gũi nhau hơn, một sự gần gũi tưởng chừng như khó xảy ra giữa một người làm việc thiện nguyện và một kẻ tỵ nạn không nhà.

Cô gái thỉnh thoảng chỉ cho hắn một vài cách dùng chính xác của Anh ngữ, còn hắn thì hướng dẫn cho cô một ít câu tiếng Việt thông dụng. Có những lần cả hai ôm bụng cười đến chảy cả nước mắt vì những cách dùng chữ ngô nghê của nhau.

Ngay hôm dân tỵ nạn được chuyển vào một trại cố định và an toàn hơn, cô gái đã đến tìm hắn và chụp cho ba tấm ảnh. Mới đó mà hai người đã quen nhau gần một năm rồi.

Qua hết mùa khô năm sau khi công tác thiện nguyện bớt căng thẳng vì Cộng sản không thể tràn qua biên giới trong mùa mưa, cô gái xin đi nghỉ phép qua Việt Nam và đã ghé thăm những xóm lao động có những chiếc cầu ván, chụp hình kỷ niệm dưới chân nhà thờ Đức Bà ở Saigon... Cô kể rằng, dân chúng ở Sài Gòn không thích bọn Nga và các chư hầu, và khi biết được điều đó, cô đã viết trên một miếng giấy nhỏ ghim trước ngực áo dòng chữ bằng tiếng Việt, "Tôi không phải người Liên Xô. Tôi là người Anh." Thật là hiệu nghiệm, dân chúng đổi thái độ vui vẻ và vây quanh cô để hỏi chuyện, cho đến khi bọn công an xuất hiện thì mọi người lẳng lặng bỏ đi chỗ khác.

* Trời quá nóng, tôi phải cho mấy con gà tôi nuôi ăn nước đá vụn để ngừa trứng của chúng bị luộc chín trong bụng.

* Trái tim của nàng thuộc về tôi, còn những gì còn lại thì lại thuộc về những gã đàn ông khác.

Lúc về cô cho hắn xem những tấm ảnh ấy. Hắn rưng rưng nhìn lại hình ảnh của quê hương xa vợi nghìn trùng mà linh cảm rằng ngày về đối với hắn sẽ là không tưởng!

Xong hợp đồng làm việc ở biên giới năm đó, cô gái trở về Anh để ký một hợp đồng khác làm việc tại Hồng Kông. Trong suốt thời gian không gặp nhau, thư từ vẫn đều đặn qua lại nhờ các người bạn của cô còn làm tại biên giới. Tuy cô gái có làn da trắng, mái tóc nâu, đôi mắt xanh nhưng lại mang một tâm hồn Đông Á. Những bức thư đến từ Anh hay từ Hồng-Kông, lúc nào bên góc cũng có vài đóa hồng in nổi, lúc thì kèm đôi chiếc lá ép khô, lúc thì một bức họa nhỏ về một chiếc cầu tre, hoặc một món nho nhỏ gì đó tuy không đáng bao nhiêu nhưng đủ nói lên sự tế nhị, ân cần của cô đối với hắn. Điều đó đã làm cho hắn cảm động thực sự.

Đôi khi cô viết thư về gia đình hắn ở Việt Nam và ngỏ ý muốn gởi quà, nhưng cha mẹ hắn nhã nhặn từ chối. Ông bà viết thư qua Trại bảo hắn hãy suy nghĩ kỹ trước khi lập gia đình và nhất là nên chọn người Việt Nam. Họ e ngại rằng hai vợ chồng sẽ khó mà thông cảm nhau trong một hôn nhân dị chủng.

Nhiều đêm nằm nghe gió rừng vi vu qua tấm phên tre, tiếng mưa rơi tầm tã trên mái lá, hắn không dám nghĩ đến tương lai! Mà làm gì có tương lai một khi hắn chưa được một nước nào chấp nhận cho định cư. Hắn có quá đèo bòng hay không? Dù muốn dù không, hắn cũng là một loại đũa bếp mà đòi chèo mâm son. Nếu có ai biết được chắc họ sẽ cười vào mặt hắn mất! Nghĩ đến đó, hắn lại nhớ đến cái vẻ mặt khinh khỉnh của một vài người bạn làm chung với cô gái mỗi khi cô đến gặp hắn. Thật là bực bội! Nhưng nghĩ cho cùng thì muôn sự cũng tại hắn mà ra. Cuộc đời của hắn đã quá bế tắc thì còn đa mang làm gì cho thêm khổ. Sau một thời gian suy nghĩ và giằng xé trong tâm tưởng, hắn quyết định ngưng liên lạc với cô gái ấy, mặc dù biết làm như thế là hắn sẽ đau buồn không ít. Biết làm sao hơn! Cô gái không hiểu được sự suy nghĩ của hắn nên vẫn tiếp tục thư từ, nhưng vì không nhận được thư trả lời, đồng thời những người bạn của hai người cũng lần lượt về nước, nên những thư được gửi đi từ Hồng Kông cũng vắng dần rồi ngưng hẳn.

Mãi hai năm sau, một người bạn chung của hai người lại trở về vùng biên giới, nhưng để làm việc trong một trại Miên gần đó. Cô gái có gửi một thư ngắn với hy vọng là thư sẽ đến tay hắn. Và thư đã đến tay hắn thật. Trong thư cô cho hắn biết rằng cô sẽ kết hôn với một bác sĩ người Hồng Kông và người này cũng có tên hao hao với tên của hắn. Hắn buồn đến mất ăn mất ngủ. Cuối cùng rồi mọi việc cũng phải đến giai đoạn này mà thôi.

Thấm thoát lại đến mùa khô. Mùa của kinh hoàng, của máu lửa nơi vùng biên giới Thái-Miên. Đã có dấu hiệu là Cộng Sản sẽ lại tấn công biên giới nhằm vào các trại Kháng chiến Miên. Trại tỵ nạn Việt Nam nằm trong vùng kiểm soát của Miên nên cũng chịu chung số

phận.

Đêm hôm ấy, bọn Cộng sản pháo kích long trời lở đất vào trại. Mọi người bồng bế, gồng gánh nhau chạy trên con đường độc đạo. Tiếng kêu la vang cả một góc trời. Sáng hôm sau khi kiểm soát lại dân số thì thấy thiếu gần chục người. Ban đại diện Trại cho người liên lạc với Hồng Thập Tự Quốc Tế và trại Miên thì được biết có một số người Việt Nam bị thương đang nằm trong bệnh xá tạm của Miên. Tuy nhiên vẫn còn hai người mất tích. Dân trong trại đổ xô nhau vào các bìa rừng lục soát thì thấy xác hắn và một người nữa nằm dưới gốc một cây đã bị gãy ngang vì đạn pháo. Xác hắn nằm ngửa, mắt trợn tròn nhìn lên khoảng trời xanh do cái cây bị đổ tạo thành, bên cạnh là cái "ba-lô" loang lổ vết máu của hắn. Trong đôi mắt ấy, người ta có cảm tưởng như thấy cả một khoảng trời xanh của quê hương, có nhà thờ Đức Bà, những xóm lao động..., hình ảnh gia đình với những người thân yêu, và thấp thoáng trong đó bóng dáng của một người con gái tóc nâu, mắt xanh giữa một vùng sương mù lãng đãng.

Bạn bè tìm trong "ba-lô" của hắn thấy có những bài thơ viết cho gia đình còn ở Việt Nam và một bài thơ để gặng cho cô gái người Anh có tên H.M.B. Ắt hắn cũng vui lòng cho tôi chép bài thơ đó ra đây:

*Dịu Dàng*
*Chúng tôi nhớ ơn em,*
*Hỡi người con gái nước Anh,*
*Có tên gọi dễ nhớ,*
*Có lòng dịu dàng*
*như hơi thở mùa Xuân.*
*Tôi gặp em*
*Không phải trên đường phố London,*
*hay trong một kinh thành hoa lệ,*
*mà giữa cánh đồng*
*nắng cháy Thái-Miên.*
*- Giản dị làm sao:*
*như cánh hoa Huệ ngoài đồng,*
*Em đã cho chúng tôi*
*niềm tin và hy vọng.*

*Nếu mai này về một chốn bình yên,*
*Không còn tiếng đạn bom đe dọa*
*Tôi sẽ kể:*
*Có người con gái tóc nâu*
*của xứ sở sương mù lạnh lẽo*
*mà lòng thì dịu dàng*
*như buổi sáng mùa Xuân.*

Quả thật bây giờ hắn đã trở về một chốn bình yên, không còn tiếng đạn bom đe dọa nữa, nhưng không còn dịp để kể về người con gái xứ sương mù, có còn chăng là bài thơ trên âm vang mãi trong trí nhớ của những người đọc đến nó! Đôi khi tôi tự hỏi không biết có bao giờ bài thơ đó đến được tay cô gái hay không.■

*Westminster 6/96*

THƯỜNG QUÁN

# GIỮA NƯỚC VÀ NÚI: MỘT KHÚC HOÀI

*tặng nhạc sĩ Trần Đình Quân*

**Vỡ ra từ vòng cung nước:**
**đêm tàn chuyến tàu khói mở ngày**
**mây mất vào trăng, chưa tuyệt lặn**
**một cụm hồng hiên trời đông xám**
**bếp lửa lại nhen ta**

**Núi đen Nước tối**
**một xóm chài mé cồn trơ**
**(thảo nguyên còn xa)**
**biển, những ngọn đồi chưa bóng đổ**
**một ngụm trà tươi um khói**
**bia mộ của mắt nhìn ta**

**mùa đông, những tảng băng sơn trí tưởng xạm**
**con đường thấp**
**rễ bám sâu nỗi cồn, những kẻ nứt**
**cây muôn đời dấu ủ**
**trầm vong và nấy mộng**
**lãng quên và nhớ tưởng, chỗ nằm ta**
**Mấy cụm cỏ lau nổi giữa đồng nước trắng**
**oằn cong thế nào**
**xứ sở của ta?**

**Gió không yên trong mắt mây nổi**
**hoa cúc trắng cho người vắng**
**và những người không thể ngủ**
**Đá đen tiếng guốc khô tháng tám**
**ran lòng đường**
**ai đi về mở cửa một căn phố**
**ngoái đầu ra, chạm một tán lá**
**đặt tay lên một manh áo phơi hàng hiên**
**vuông nắng, bao nhiêu người vắng mặt**
**thơ ấu của một lần cửa nhà ta**
**Tiếng còi rúc âm u ba thân ngựa thồ**
**chở bóng trưa**
**Đi về núi cũ.**

*Hải Vân 95*

# NHƯ VƯỜN SAU NHÀ WAINSCOTT

## LÊ TẤT ĐIỀU

Santee 6-4-96

James Keeran kính mến,

Nhân loại có cái hân hạnh là lâu lâu lại được Thượng Đế chiếu cố, túm một vài người để sai vặt. Kẻ thì thình lình ngộ đạo, mặc khải... người thì bỗng dưng nghe thấy những Sứ điệp thiêng liêng. Tất cả vội vàng bỏ cả đời ra thờ phụng, làm rạng danh Thượng Đế hoặc đi rao giảng ý muốn của Ngài trong Sứ điệp.

Không có bằng cớ cụ thể nào về những vụ ủy nhiệm cao quí ấy. Chỉ thấy thình lình có người khoác áo tu hành, có kẻ bắt đầu phát ngôn những chuyện huyền bí... Người được ơn Thiên Sủng phải công bố rõ thì thiên hạ mới biết. Thế nên hàng giả mạo chắc cũng nhiều mà các vụ nghe lộn, hoặc tưởng lầm là mình được nghe Sứ điệp thiêng liêng chắc cũng không ít. Có một thập niên, nhiều đấng tự nhận biết rõ ý trời, họ bắt nhân loại phải tận thế mỗi năm một lần.

Lại còn cái nạn có những vị cứ nhất định rằng chỉ có mình là chuyên viên điếu đóm chân chính của Thượng Đế, hoan hỉ chèn ép và đôi khi đánh bỏ mẹ mấy chuyên viên điếu đóm của ông Thượng Đế khác!... Cái job hầu hạ đấng Chí Tôn trông đẹp đẽ, cao quí như thế mà cũng ném vào lịch sử loài người nhiều trang đầy máu đổ, thịt rơi.

Đặt chân lên địa cầu hàng ngàn năm sau các đấng Cứu Thế, sống sót qua cuộc chiến Việt Nam và hàng chục lời Tiên Tri Tận Thế, bồi hồi vì những trang sử người nhân danh Thượng Đế để tiêu diệt người... tôi thật không còn tin tưởng mấy ở chuyện sứ điệp, mặc khải này nọ.

Thế mà, có một lần, hình như Thượng Đế đã gửi cho tôi một Sứ điệp, hoặc muốn dạy dỗ tôi một điều gì đó.

Sứ điệp ở đây không đến nỗi huyền bí, tối tăm. Nhưng ý muốn của Thượng Đế khi gửi nó thì tôi không hiểu. Nếu Ngài còn định sai vặt tôi thì thực tình, tôi chịu thua, không đoán nổi là Ngài muốn tôi phải làm cái giống gì.

Chuyện xảy ra vào tháng 6 năm 1984, mười năm sau ngày trái hỏa tiễn làm tan nát căn nhà của em Gấm và hai cháu Linh, cu Tý ở Biên Hòa.

Hồi đó, tôi đang làm cố vấn tìm việc ở một văn phòng thiện nguyện. Văn phòng này đặc trách việc ước định khả năng và kiếm việc làm giúp người tị nạn đến từ Đông Nam Á, Âu Châu, Nam Mỹ.

Một hôm, khi tôi đang sửa soạn thu xếp giấy tờ trên bàn đi ăn trưa thì Sarats, anh bạn đồng nghiệp người Cam Bốt, gọi:

"Ông giúp tôi vụ này. Có một người Cam Bốt nói không rành tiếng Cam Bốt mà hình như lại rất giỏi tiếng Việt. Để tôi gửi anh ta qua văn phòng ông ngay."

Vừa thấy mặt chàng Cam Bốt "không rành tiếng Cam Bốt," tôi đã biết ngay anh ta là người Việt. Cao, gầy, đen đủi, khoảng trên dưới ba mươi, anh ta có vẻ co ro trong cái áo jacket rộng, chắc không phải vì lạnh mà vì quen cử động rụt rè. Theo sau anh ta là một người đàn bà cũng có nhiều vẻ Việt hơn Cam Bốt, bồng trên tây một đứa bé thật khá khỉnh.

Người đàn bà, anh ta giới thiệu là vợ, trẻ hơn anh ta cỡ mười tuổi, có cái vẻ nhanh nhẹn đặc biệt của các cô gái miền quê Nam Việt. Nét mặt cô tươi sáng, khi không cười vẫn thấy nét vui vui. Cô ta kéo cái ghế lùi lại sau ghế của người chồng một chút, nhưng khi ngồi, lại chồm người

# VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
# EDWARD REID

# CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN

- BẤT CỨ TAI NẠN GÂY THƯƠNG TÍCH
- HỒ SƠ ĐƯỢC THEO DÕI THƯỜNG XUYÊN VÀ GIẢI QUYẾT NHANH CHÓNG
- CHỈ NHẬN THÙ LAO SAU KHI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

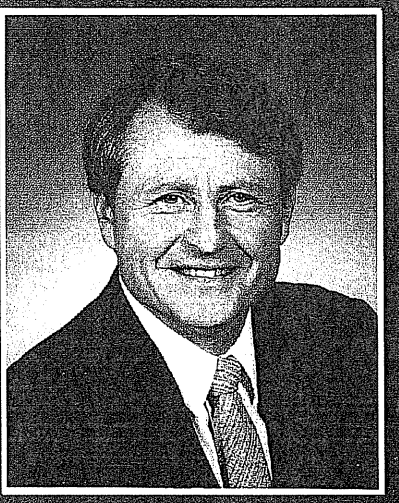

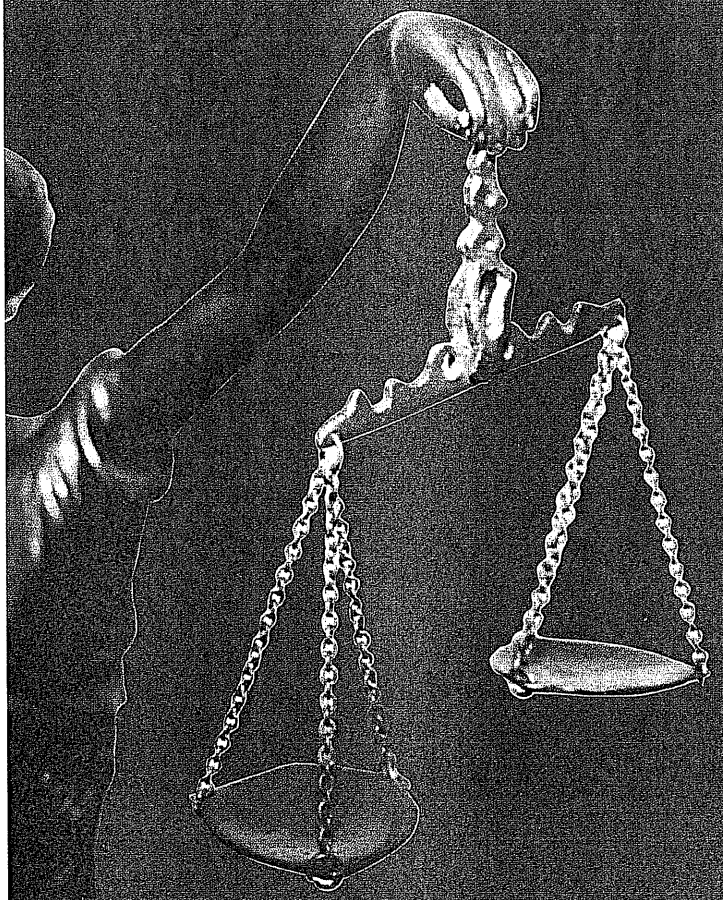

Quý vị cần có một luật sư tận tâm, uy tín. Với rất nhiều năm kinh nghiệm hùng biện trước tòa án, luật sư sẽ bảo vệ quyền lợi tối đa cho thân chủ.

Văn phòng có Cô NHƯ LÂN sẽ hướng dẫn và giúp đỡ quý vị tham khảo trực tiếp với luật sư để giải quyết mọi thắc mắc và khó khăn thiệt hại đến đời sống hằng ngày của quý vị. Khi có tai nạn, xin quý vị trực tiếp liên lạc ngay với văn phòng để bảo đảm được lệ phí luật sư thấp và hợp lý.

ĐỊA ĐIỂM THUẬN LỢI

**ORANGE COUNTY** **(714) 379-8333**

**LOS ANGELES COUNTY** **(310) 434-4421**

*Presenting to your eyes,*
*a colorful feast*
*with a lot of technology.*

*Be your own judge.*

**PRECISION**
COLOR • GRAPHICS • PRINTING
15703 East Valley Blvd. City of Industry, CA 91744
**818.937.6886**

Viet PRODUCTIONS

# Môi nào hãy còn thơm

1. **ru ta ngậm ngùi**
   DIAMOND BÍCH NGỌC
2. **lời nào muốn nói**
   VIỆT DZŨNG
3. **một mai khi trở lại**
   DIAMOND BÍCH NGỌC
4. **lặng lẽ nơi nầy**
   ANH DŨNG
5. **phôi pha**
   DIAMOND BÍCH NGỌC
6. **thu hát cho người**
   DIAMOND BÍCH NGỌC
7. **em vẫn còn thương**
   VIỆT DZŨNG
8. **trả lại thoáng mây bay**
   DIAMOND BÍCH NGỌC
9. **ru đời đã mất**
   ANH DŨNG
10. **em là tặng phẩm từ trời**
    DIAMOND BÍCH NGỌC

hoà âm & thu
**Vũ Tuấn Đức (Soundtech)**
**Vũ Anh Tuấn ( Anh Tuấn)**
**Huỳnh Nhật Tân (Nhật Tân)**
mixed & mastering
**Chí Thiện – CT Audio & Video**
photo by
**Bé Bé Hoàng Anh**
trình bày
**HOÀNG TÂM**

Trung Tâm Phát Hành: **VIỆT PRODUCTION**
14311 FLOWER STREET, GARDEN GROV
Tel: **(714) 839 6517 • (408) 270 0865**

DIAMOND BÍCH NGỌC
VIỆT DZŨNG
ANH DŨNG

về phía trước, như muốn tích cực tham dự vào cuộc phỏng vấn.

Tôi hỏi:

"Anh người Việt hả?"

"Dạ."

"Vùng nào?"

"Dạ. Biên Hòa."

"Tôi không ở Biên Hòa, nhưng bạn bè thân nhân vùng đó khá nhiều."

Anh ta nhìn tôi, mỉm cười, có vẻ cởi mở hơn:

"Gia đình cháu ở khu Tân Mai, gần xưởng cưa."

"Sao lại lưu lạc qua tới Miên? Nghĩa vụ quân sự hả? Mà sao lại có tên Miên, có cả quốc tịch Miên?"

Tôi hỏi hơi dồn dập, hơi nhiều chuyện. Anh ta lưỡng lự như cố gắng sắp xếp thứ tự hợp lý cho câu trả lời... Người đàn bà liếc nhìn chồng, mỉm cười, bất ngờ lên tiếng đáp thay:

"Anh 'vô-lông-te' đó chú."

Chữ "vô-lông-te" cô ta phát âm rất đúng giọng Pháp. Nụ cười, cái nhìn, giọng nói toát ra một vẻ chế giễu nhẹ nhàng. Hình như cái vụ anh ta tình nguyện đi "nghĩa vụ quân sự" có điều gì tức cười, đáng chế giễu lắm.

Câu "tố cáo" nhẹ nhàng của người đàn bà chẳng ngờ có tác dụng tốt. Người đàn ông bỗng linh hoạt hẳn. Khẽ phẩy tay ngăn vợ nói, ngồi thẳng người: "Dạ. Chuyện như vầy..."

Và anh ta kể chuyện một phần đời mình thật rõ ràng, mạch lạc:

Anh ta phiêu lưu sang Cam Bốt đúng theo một kế hoạch lớn của nhà nước Việt Cộng. Hồi ấy, Đảng đang cần một guồng máy để cai trị Cam Bốt một cách hữu hiệu, lâu dài. Chính quyền bù nhìn gồm toàn người Cam Bốt thiết lập cũng dễ. "Tổ chức quần chúng" khó hơn. Gửi cán bộ xuống làng xã nắm các vị trí then chốt trong giai đoạn đầu thì được. Về lâu về dài, cái cảnh cán bộ Việt Nam ngồi lên đầu, lên cổ dân Cam Bốt coi bộ lộ liễu quá. Sự bất mãn, chống đối của dân chúng, dù sao, Hà Nội cũng đủ sức mạnh, mưu lược để đàn áp. Nhưng trước mắt thế giới, Hà Nội khó che giấu được cái tội xâm lăng.

Thanh niên Việt, thành phần có công với Cách Mạng, hoặc thuộc những toán du kích của Mặt trận giải phóng trước đây, được Hà Nội khuyến khích di cư sang Miên sống. Trước khi đi, họ được học tiếng nói, phong tục, tập quán của người Miên. Nhiệm vụ của họ là sẽ làm xã trưởng, ấp trưởng rồi lập gia đình với người địa phương. Họ sẽ biến thành dân Cam Bốt, làm chủ một gia đình Cam Bốt, là lãnh tụ của ấp, xã.

Mai đây, nếu tình hình chính trị đưa đẩy đến việc Hà Nội cần trình diễn một nước Cam Bốt dân chủ, tự do, có bầu cử nghiêm chỉnh do quốc tế giám sát v..v.. Hà Nội sẽ rất sẵn sàng. Những công dân Cam bốt khả kính (gốc Hà Nội, Hải Phòng, Biên Hòa, Châu Đốc, Mộc Hóa v.v...) sẽ long trọng hướng dẫn toàn dân đi bầu cho những chính khách Cam Bốt nào mà đầu, cổ, chân tay đều có móc một sợi dây dài tới những ngón tay của Chính trị bộ Hà Nội. Lúc đó, khỏi cần gian lận gì cho báo cho chí quốc tế eo xèo. Tha hồ bầu cử tự do.

Đợt đầu gồm những người tự nguyện. Và anh chàng này "vô-lông-te," đúng như lời cô vợ tố cáo. Bỏ lại Việt Nam cái tên Nguyễn Văn Bê, bà con kêu là Sáu Bê, anh ta trở thành Vue Seoun, một công dân khả kính của Cam Bốt.

Sáu Bê hơi dài dòng giải thích vụ "vô-lông-te."

Hồi đó, Mặt trận giải phóng miền Nam đã bị dẹp, các toán du kích thực sự của mặt trận được hưởng chung vinh quang với cách mạng một thời gian ngắn rồi bắt đầu cuộc đời lêu bêu. Ngoài một số nhỏ được cán bộ miền Bắc chia cho tí quyền hành để sai vặt, phần lớn bị đẩy ra rìa. Phong trào đi Cam Bốt trở thành thật hấp dẫn. Nó đáp ứng nhu cầu phiêu lưu, hứa hẹn một đời sống đầy đủ, dễ chịu hơn. Chỉ riêng cái khoản nghĩ rằng ở bên kia biên giới có một cô gái Miên đang chờ đợi để làm vợ mình đã đủ khiến Sáu Bê muốn "vô-lông-te" cấp kỳ.

Cuộc Miên du của Sáu Bê diễn ra rất tốt đẹp, theo đúng kế hoạch của Nhà nước. Làm thư ký cho một Cán bộ Xã trưởng hai tháng để học việc, làm Trưởng Ấp ba tháng nữa là Sáu Bê hoàn toàn biến thành ông xã trưởng Vue Seoun. Trên đường hoạn lộ thênh thang, xã trưởng Vue Seoun đang phơi phới bước thì gặp cô Kim Hường.

Kim Hường không phải là cô gái Miên mà Sáu Bê phải cưới theo đúng chính sách của Nhà nước. Cô là con một thương gia Việt, sống sót qua nạn Khờ me đỏ nhờ ông bố sáng suốt. Tám tháng trước khi cuộc chiến Cam Bốt trở nên tàn khốc, ông gửi vợ, hai con gái và cậu út về Châu Đốc. Khờ me Đỏ đến, ông bị chặt đầu, người con trai lớn bị bắt đi mất tích, kể như chết. Rồi Việt Cộng tràn qua Cam Bốt, tình hình tạm yên, Kim Hường theo mẹ và hai em trở lại thành phố cũ. Cơ sở làm ăn, buôn bán bị tàn phá nhiều, nhưng còn đủ để cho mẹ con cô sống dễ chịu và tạo dựng lại dần dần.

Xã trưởng Vue Seoun mê và cưới Kim Hường. Thế là sai chính sách. Nhà nước bắt anh đi Miên để anh thành người Miên, làm chủ một gia đình Miên thuần túy, ít nhất là trên giấy tờ, Nhà nước đâu có tính cho anh qua Miên để làm đông thêm một gia đình Việt Kiều.

Sáu Bê nhận xét rằng tai họa của anh thật ra không ở cái vụ "làm sai chính sách" mà ở sắc đẹp của Kim Hường. Nhiều thanh niên cả Miên lẫn Việt mê cô ta, cán bộ cao cấp, thấp cấp đều có cả. "Tụi nó ghen" Sáu Bê vừa nói vừa mỉm

* Bị cáo bị kết án tử hình, phải lên máy chém. Ông Biện Lý đến gần nói:

"Anh cho phép tôi biếu anh chai Champagne này. Tôi ăn mừng cái đầu thứ một trăm của tôi..."

* Một người gặp bạn ngoài đường:

"Ủa! Tao tưởng mày chết rồi chứ! Nhưng không sao, thôi để lần sau nhé!"

cười. Kim Hường cũng cười bẽn lẽn.

"Tụi ghen" ấy phê bình, kiểm thảo xã trưởng Vue Seoun là có hành động xa rời quần chúng, làm mất quần chúng, mất uy thế lãnh đạo... Chúng xúm lại hành chàng tơi tả.

(Tôi ngờ rằng chính trong thời gian này, Sáu Bê cảm thấy đời khốn khổ quá, than trời, trách đất và nhân tiện sỉ vả cái quyết định "Miên du" của mình là một chọn lựa bậy bạ, sai lầm v...v... nên cái vụ chàng "vồ-lông-te" mới hóa ra chuyện tức cười).

Thấy trước một tương lai "từ chết đến ở tù rục xương," Vue Seoun dắt cô vợ có bầu năm tháng vượt biên đường bộ qua Thái Lan. Từ trại tị nạn cho đến khi vào Mỹ, Sáu Bê, Kim Hường đều tự nhận, và có giấy tờ chứng minh, mình là dân tị nạn gốc Cam Bốt.

Chuyện đời Sáu Bê khá hấp dẫn. Nhưng lúc đó, cái chi tiết hấp dẫn tôi nhất là Sáu Bê một thời đã từng hoạt động, đánh du kích ở vùng Biên Hòa.

Tôi hỏi:

"Hồi ở Biên Hòa, anh đụng trận nhiều không?"

"Có đánh trực diện hồi nào đâu. Tụi cháu du kích xã, cắc ké mờ. Bộ đội chính quy thấy cho ít hỏa tiễn, súng cối, ngày chôn dấu, đêm đêm rình bắn vô Quân đoàn, phi trường, tiểu khu."

"'Tiêu diệt' được nhiều 'ngụy quân' không?"

Khi hỏi câu này, tôi mỉm cười để Sáu Bê hiểu là chuyện quá khứ chẳng còn gì quan trọng nữa.

Sáu Bê cũng mỉm cười:

"Trúng gì mấy! Câu trật vô nhà dân đều đều."

"Sao biết trúng nhà dân?"

"Dạ. Nghe ra dô."

Sáu Bê giải thích thêm về lý do bắn trật:

"Một tổ hai đứa. Bắn tối đa ba trái rồi dông lẹ. Lạng quạng chun vô hầm không kịp là tiêu. Trực thăng Ngụy... (Sáu Bê khựng lại, sửa chữ dùng), trực thăng bên quốc gia lên lẹ lắm, rồi còn bị phản pháo! Thêm cái vụ "bắn phối hợp" mới là "căng." Hai ba tổ hẹn nhau bắn cùng giờ, dông cùng lúc. Rồi có khi mình ra địa điểm chậm, có khi đồng hồ của một tổ khác chạy hơi lẹ. Có bữa tới địa điểm, đặt súng xuống, mới kéo xong ba cái càng chống ra là nghe tổ khác nổ cái đùng. Vầy là rồi rồi. Còn nhắm nhó cái gì nữa. Lo bắn đại cho xong rồi dzọt..."

...Khoảng gần 12 giờ 30 tôi mới hoàn tất thủ tục giấy tờ phỏng vấn Sáu Bê. Vừa định cho vợ chồng anh về thì Bob, chuyên viên liên lạc với các hãng xưởng hấp tấp bước vào, báo tin mừng:

"Hãng làm khung hình F.W. ở Miramar cần chín thợ, làm toàn thời gian. Tôi đã dành cho phòng mình bốn chỗ. Việc không đòi hỏi thạo Anh ngữ."

Nghe tôi dịch lại lời Bob, Sáu Bê "vồ-lông-te" ngay:

"Cháu có chút nghề thợ mộc. Cháu làm được."

Cô vợ can thiệp:

"Thôi mà, để thủng thẳng học Anh văn một thời gian cho khỏe..."

Sáu Bê lắc đầu:

"Ơ không hoài chịu hết nổi."

Kim Hường quay sang tôi:

"Công việc xưởng mộc nhiều đồ nặng. Ảnh kham không nổi đâu chú. Người coi vậy mà đau bịnh rề rề. Chân trái ảnh đạp mìn, mất nửa bàn chân, bắp chân cũng teo luôn, còn cái sẹo dài cả gang tay..."

"Biết gì mà nói! - Sáu Bê lại phẩy tay về phía vợ - xưởng mộc Mỹ đâu có như xưởng mộc mình. Cắt ráp ba cái khung hình thì nặng nhọc nỗi gì."

Để cho Kim Hường khỏi có cảm tưởng lời nói của cô bị hắt hủi, coi thường, tôi nhìn chân trái Sáu Bê:

"Đạp mìn ở đâu? Hồi nào?"

Sáu Bê miễn cưỡng kéo ống quần lên, chưa kịp trả lời thì cô vợ lại liếc nhìn chồng, mỉm cười:

"Mìn mấy ảnh gài!"

Nụ cười, giọng nói mang vẻ giễu cợt giống hệt cái vụ "vồ-lông-te."

Tôi mời đi ăn trưa, họ từ chối, Kim Hường mở cái giỏ, trưng ra lý do: một bọc xôi nấu theo kiểu người Lào, thơm lừng. "Ảnh đau dạ dày, chỉ có ăn xôi là hạp." Kim Hường giải thích.

Ăn trưa xong, Sáu Bê và tôi lên xe của Bob đến hãng F.W. xin việc. Kim Hường xin đi theo, bị từ chối vì xe Bob không có ghế đặc biệt cho bế-bi. Kim Hường bồng con lẽo đẽo theo tôi, lải nhải dặn dò:

"Nhờ chú nhằm chừng giùm. Việc nặng quá chú đừng cho ảnh làm. Nhe chú! Chú nhắm chừng giùm con. Tánh tình ảnh chướng lắm. Việc cực mấy cũng ráng rồi đổ bệnh. Ảnh chịu lạnh dở. Ảnh trúng gió hoài! v.v..."

Sau đó, xế trưa hôm ấy, là một cuộc tụ họp dị kỳ trên cái xe của anh chàng Bob.

Sáu Bê, kẻ tôi tin là thủ phạm hoặc ít nhất có liên hệ chặt chẽ đến trái hỏa tiễn làm tan nát nhà em Gấm mười năm trước, ngồi thoải mái ở băng ghế sau. Tôi, anh ruột nạn nhân, cựu sĩ quan quân đội miền Nam, ngồi ghế trước. Còn cựu chiến binh Mỹ Bob thì lái xe.

Ông cựu chiến binh Mỹ và ông cựu trung úy quân lực Việt Nam Cộng Hòa đang hoan hỉ đưa ông cựu du kích Việt Cộng đi bắt job ở xưởng đóng khung hình.

James Keeran kính mến,

Tôi tin chắc Sáu Bê là kẻ bắn trái hỏa tiễn ác nghiệt vì tôi tin Thượng Đế có óc hài hước, châm biếm và thỉnh thoảng khoái trêu chọc mấy đứa bướng bỉnh, không chịu tuyệt đối tin tưởng ở Ngài.

* Người ta lúc nào cũng phải ngửng cao đầu. Nhưng điều trước tiên là phải có một cái đầu.

* "Anh đã uống cái gì cho cơn nhức đầu của anh?"

"Rượu mạnh, đêm hôm qua."

Đã mất công xếp đặt cho Sáu Bê lưu lạc qua Cam Bốt, biến thành xã trưởng Vue Seoun, dắt cô vợ mang bầu băng rừng, lội suối rồi cuối cùng ngồi co ro trước bàn giấy của tôi... không lẽ Thượng Đế lại chọn lầm người.

Nhưng Ngài dàn xếp cho chúng tôi gặp nhau để làm gì? Muốn thử thách lòng kiên nhẫn, đo lường tính khoan dung của tôi chăng? Muốn thấy tôi làm cái việc điền rồ, lố bịch là chồm qua bàn bóp cổ Sáu Bê chăng? Sức mấy mà có vụ đó. Hành động trả thù tàn khốc nhất trong hoàn cảnh này chỉ là giở trò bần tiện, không tìm cho Sáu Bê một job thơm. Chấm hết.

Vả lại, tuy mười năm qua, thỉnh thoảng có nghĩ tới, hình dung ra kẻ bắn hỏa tiễn, tôi không bao giờ oán hận hắn. Một chiếc xe gây tai nạn, mình giận dữ, oán trách kẻ lái chứ ngu đần gì mà đi hận thù ba cái bánh xe.

Và, như đã nói ở đầu thư, tôi hoàn toàn mù tịt về ý muốn của Thượng Đế. Ngài định dạy dỗ tôi điều gì? Gửi tôi sứ điệp nào? Muốn sai vặt tôi chuyện gì? Tôi đoán không ra.

Dù sao, tôi cũng biết ơn Thượng Đế đã cho tôi sống một cuộc hội ngộ hi hữu nhất trên đời.

Tôi đinh ninh đã được Thượng Đế biệt đãi, chắc mẩm rằng một cuộc hội ngộ của mình ly kỳ, độc đáo... mất mười một năm sau đó.

Cho đến buổi trưa ngày 2 tháng Bảy năm 1995.

Như ông đã biết, trong tuần lễ đầu tháng Bảy đó chúng tôi tổ chức cuộc tái ngộ lớn của các gia đình tị nạn đầu tiên đến thành phố đôi Normal-Bloamington và các gia đình bảo trợ họ. Cuộc tụ họp sau hai mươi năm, phần lớn diễn ra trong vườn sau nhà ông bà Wainscott.

Gần trưa hôm đó ông đến, lại để phỏng vấn tôi và viết bài cho The Daily Pantagraph. Cách xa cuộc phỏng vấn đầu tiên đủ hai thập niên, cuộc phỏng vấn này có vài tiến bộ. Giữa chúng ta không còn một thông dịch viên và khi nói, tôi không còn khoa tay, múa chân, ra dấu loạn xạ. Trong phòng khách nhà Wainscott hôm đó, vợ chồng tôi được dịp đua nhau khoe khoang một trận đã đời.

Rồi chúng ta kéo ra vườn sau để nhiếp ảnh gia Steve Smedley chụp hình.

Trong khi chờ đợi nhiếp ảnh gia Smedley làm việc, chúng ta tiếp tục nói chuyện. Gần chỗ đứng của chúng ta là một cái bàn nhỏ, chị Thủy, đang ngồi đó nhâm nhi ly la-de và tán dóc vui vẻ với một thanh niên Mỹ (tôi quên mất tên) khoảng trên 40 tuổi. Trong bóng mát của một cây phong dầy đặc lá xanh, họ nói cười rạng rỡ, thân thuộc, thoải mái như đã quen biết nhau tự nghìn đời.

Tôi bàng hoàng vì tức khắc biết rằng mình đang chứng kiến một cuộc tụ hội dị kỳ không kém gì cuộc gặp gỡ của tôi với Sáu Bê.

Xin nói một chút về chị Thủy để ông khỏi bỡ ngỡ. Chỉ không phải là một trong những người tị nạn đến Bloamington năm 1975. Và trong năm 1975, chị cũng không thuộc vào đám dân chúng miền Nam cuống quít tìm đường rời khỏi nước.

Chị Thủy đến với thế giới tự do chậm hơn tụi tôi cả một phần tư thế kỷ.

Năm 1954, cả đại gia đình di cư vào Nam,

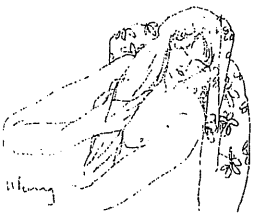

WISWALA SZYMBORSKA*

# NGỢI CA KHI CẢM THẤY MÌNH XẤU DỞ

**Chim ó không bao giờ nói nó đáng trách.**
**Con báo sẽ không hiểu thế nào là**
**ngại ngùng.**
**Khi bầy cá *piranha* tấn công,**
**chúng đâu biết xấu hổ.**
**Nếu loài rắn có tay, chúng sẽ bảo**
**là tay chúng sạch.**

**Con chó rừng không hiểu gì hối hận.**
**Sư tử và chấy rận không ngập ngừng**
**trên đường chúng lao tới.**
**Tại sao chúng phải ngập ngừng,**
**khi biết là chúng đúng đường?**

**Dù trái tim loài cá voi săn có thể**
**nặng một tấn,**
**nhưng ở mọi khía cạnh khjác chúng nhẹ cân.**

**Trên hành tinh thứ ba này của mặt trời**
**giữa những dấu hiệu của bản chất thú tính**
**một lương tâm trong sáng là Số Một.**

(Đ.H. dịch theo bản dịch Anh ngữ của Stanislaw Baranczak và Clarc Cavanagh, trong *Nhìn qua một hạt cát*, Nxb. Harcourt Brace & Co, 1995.)

* Tác giả là một nhà thơ Ba Lan, vừa được trao Giải Nobel Văn Chương 1996. Xem tin trong mục *Vòng Chân Trời VHNT*.

một mình chị kẹt lại miền Bắc. Có tuổi trẻ, học vấn, lòng nhiệt thành... chị được Nhà nước coi như một thành phần ưu tú của bộ máy tấn công miền Nam. Cuối thập niên 70, sau khi sống ở Sài Gòn vài năm, biết rõ sự xảo trá, độc ác của Cộng Sản rồi, chị mới dắt hai em liều chết vượt biển.

Và như thế, chị Thủy có mặt trong vườn lúc đó giữa chúng ta, vui tươi cùng chúng ta. Năm người. Ông, nhiếp ảnh gia Smedley, anh bạn Mỹ, chị Thủy và tôi trong khoảng khắc ấy đã tụ hội trong một mảnh sân cỏ, nếu quây lại bằng hình tròn thì đường kính không quá hai chục phít.

Nếu hôm đó không phải là ngày 2 tháng Bảy 1995 mà là ngày 1 tháng Bảy 1974, nếu khoảng không gian hình tròn đường kính hai chục phít đó không nằm trong vườn nhà Wainscott mà lại ở đâu đó trong rừng, núi Việt Nam... thì chuyện sẽ có ngay một màn "bắn chậm thì chết." Chị Thủy sẽ xả súng vào tôi và anh bạn "đồng minh" Mỹ. Về hai chúng tôi thì cũng quyết liệt nhắm chị mà bóp cò. Nhiếp ảnh gia Steve Smedley, ký giả James Keeran lọt vào cái thời gian, không gian khắc nghiệt ấy sẽ hóa ra những phóng viên chiến trường. Nếu may mắn thoát được nạn tên bay, đạn lạc thì hai ông sẽ đem về Mỹ một bài tường thuật với những tấm hình phơi bày ra cảnh chiến trường Việt Nam bi thương, thảm khốc.

Gặp gỡ nhau thời đó, chốn đó thì làm gì có cái mục đấu hót tưng bừng, nói cười toe toét.

Cũng như nếu Sáu Bê, cựu chiến binh Bob và tôi thay vì tụ hội ở một văn phòng thiện nguyện San Diego năm 1984 lại vô phúc gặp gỡ nhau sớm hơn! Một ngày trước tháng Tư năm 1975 ở ngoại ô Biên Hòa chẳng hạn!... Khó mà tránh được cảnh súng nổ, đạn bay. Làm gì còn cái khoản hồ hởi đưa nhau đi kiếm "giớp."

Gặp gỡ kiểu ấy là thứ tai họa mà người Mỹ vẫn gọi là "wrong place, wrong time."

James Keeran kính mến,

Sau buổi trưa hôm ấy, tôi bắt đầu thấy vụ gặp gỡ Sáu Bê bớt hẳn vẻ dị kỳ, độc đáo. Cũng hết luôn cái ảo tưởng là mình được Thượng Đế chiếu cố, biệt đãi.

Chỉ còn một chút băn khoăn, áy náy là mình loay hoay suy nghĩ, đoán mãi mà chẳng hiểu được ý Trời. Nếu mọi chuyện chỉ là những biến cố tình cờ, vô nghĩa thì khỏi nói. Chẳng may Ngài lại có ý gửi mình một sứ điệp, dạy dỗ, sai vặt một chuyện gì mà mình cứ u mê không hiểu thì nhầm quá.

Nghĩ tới, nghĩ lui rồi tôi cũng chỉ đoán đại được hai điều:

Một là Thượng Đế muốn khoe với tôi rằng nước Mỹ có rất nhiều "right place, right time." Hai là Ngài bảo tôi phải cẩn thận, chớ táy máy làm cái gì có thể khiến cho cõi đời này lại thêm một mớ những "wrong time, wrong place."

Ông thấy chưa? Rõ ràng toàn là chuyện đoán mò.

Cái khoản nước Mỹ nhiều"right place, right time" Ngài không nói tôi cũng biết, cần gì phải dàn xếp một thủ tục dạy dỗ rắc rối đến thế. Còn cái khoản thứ hai? Tôi tài gì mà tạo được thêm họa, phúc cho cõi đời này!

Tôi cũng thiết tha mong ước rằng bãi cỏ xanh, tàng cổ thụ bên chân dãy Trường Sơn là những nơi bình an, đẹp đẽ như vườn sau nhà ông bà Wainscott. Tôi cũng muốn những nơi đó muôn đời chỉ vang lên tiếng nói cười của đoàn người đi picnic, của những cuộc tụ họp thân nhân, bè bạn. Nhưng trước 75, nếu bị số mệnh đưa đẩy đến nơi chốn ấy thì tôi chẳng có chọn lựa nào khác hơn là biến nó thành "wrong place, wrong time" cho chị Thủy và đồng đội của chị. Chỉ có cách ấy giúp tôi khỏi bị cướp mất phần đất nước Tự do còn lại.

Mà chị Thủy lỡ có tấn công tôi thì cũng không phải do lòng chị độc ác gì. Có ông lãnh tụ già, được ngưỡng mộ như Thần Thánh ở Hà Nội, bảo chị làm như thế để giải phóng đồng bào chị, cứu vớt gia đình chị khỏi vòng kìm kẹp của Mỹ, Ngụy. Và chính ông già này thì cũng nghe lời dạy dỗ của một ông già khác ở tận bên Nga...

Nếu quả Thượng Đế có ý muốn dạy dỗ một điều như thế thì ngài phải thét lời vàng ngọc vào tai mấy ông già tai quái đó chứ, nhất là cái lão hứa hẹn đem đến cho nhân loại một thiên đường.

Không làm thế, không ngăn tai họa từ gốc thì ít nhất Thượng Đế cũng trang bị cho nhân loại cái khả năng nhận biết kịp thời và tẩy chay quyết liệt những thiên tài có sức lôi cuốn hàng triệu người nhưng rồi ra chỉ rải khắp mặt địa cầu muôn ngàn cái "wrong place, wrong time."

Như khắp mọi miền đất nước Việt Nam hai mươi năm trước.

Cả gan đoán mò ý muốn của Thượng Đế rồi lại gân cổ cãi cọ, chỉ trích phương pháp giáo khoa của Ngài, dựa trên những ý muốn do chính mình gán ghép, tôi thật đã đi quá xa, đã làm chuyện nhảm nhí.

Nhảm nhí từ căn bản: lấy lòng ao ước của mình ra mà đoán lòng Trời. Đã chắc gì đấng Chí Tôn cũng muốn thấy toàn thể địa cầu đẹp đẽ, thanh bình như vườn cỏ xanh sau nhà Wainscott!

Chắc gì những chuyện tôi vừa kể có mang một ý nghĩa, một sứ điệp này, nọ? Có thể, tất cả chỉ tình cờ như một hiện tượng thiên nhiên, một tiếng sét nổ ngang trời.

Tiếng sét chấn động không gian, khiến ta bàng hoàng, nhưng rồi chẳng nói, chẳng tiết lộ cùng ta một điều gì.■

* Hai người bạn đi dạo, thấy hai phụ nữ bên kia đường. Một người nói:

"Nhìn kìa! Tao không bao giờ tin được rằng vợ tao và bà bồ của tao có thể cùng đi chơi với nhau!"

Người kia lên tiếng:

"Tao cũng vừa định nói câu đó, mày lại mau miệng dành nói mất!"

# TRỜI MÙA MƯA SINGAPORE

NHUNG UYÊN

*(tiếp theo và hết)*

Hắn ở Myanmar. Và tôi tìm lại được thói quen mỗi ngày, sống thở một mình. Cô độc là hạnh phúc.

Tôi không viết xong monologue cho cành hoa lan cao quý của Miến Điện. Tôi sợ hãi cái tài nhỏ mọn của mình không đủ cho cành lan lên hương sắc, mà trái lại lan sẽ héo đi dưới ánh đèn sân khấu qua ngòi bút hạn hẹp của tôi, trong trường hợp đó tôi sẽ quỳ dưới chân nữ anh hùng Miến Điện khóc xin bà tha tội. Tôi là con chết nhát. Cho nên tôi không có gì gửi đi thi kịch nghệ. Vậy là năm 1996 không có thành tích chi cái sự nghiệp chưa đi lên mà đã xuống của tôi. Nhân viên ngân hàng thì lúc nào cũng soi bói, khó chịu, vì tôi đi làm mà dám mặc... minijupe! Tôi đếm từng ngày ngồi làm tượng trong ngân hàng mà thấy lồng ngực gần nổ tung.

Để đền bù lại, ông bầu bụng phệ Singapore của tôi kiếm được cho tôi một vai béo bở trong một vở kịch ngắn chỉ có mười phút. Diễn mất hai tuần ròng rã ở Jubilee Hall, mỗi đêm và trưa chủ nhật, matinée. Vở kịch ngắn chỉ có hai vai, tôi đóng vai nữ, một tên Ăng Lê trẻ tuổi, đẹp trai đóng vai nam. Vai trò thích hợp bản tính của tôi, làm tôi quên không nghĩ đến hắn, hay chuyến đi trước mặt.

Vở kịch được giải thưởng kịch rút ngắn của Hoa Kỳ, tả lại cuộc đối thoại rất tiếu lâm của một đôi tình nhân trẻ. Nhân vật nữ cố gắng làm cho người yêu chấp nhận tình yêu. Nhân vật nam thì "commitment-phobic": *"Tôi có yêu em bao giờ đâu???"* Hai nhân vật ngồi trên sofa, hôn nhau mùi mẫn. Trước khi mở màn, gã diễn viên Ăng Lê bao giờ cũng đưa cho tôi viên kẹo trái cây. Kẹo cao su "sugar free" có lẽ tốt hơn, nhưng chính phủ Singapore cấm nhai kẹo cao su. Cả một quốc gia không ai dám bán kẹo cao su.

Tôi chưa đóng nổi vai cành hoa lan không gãy của Miến Điện, chứ vai tình nhân nhõng nhẽo thì chắc chắn là nghề của tôi.

Đêm cuối cùng của series chỉ có lác đác vài khán giả. Ngoài trời mưa tầm tã. Tôi nhìn xuống sân khấu chỉ thấy một màu tối đen. Tuy nhiên tôi biết chỉ toàn những khuôn mặt xa lạ. Trong suốt mười mấy năm bôn ba trong cái nghề kiếm không ra tiền này, bao giờ tôi cũng buồn rơi, buồn rụng, trong buổi diễn cuối cùng. Sự mất mát. Như người rớt từ cường độ cao nhất của hạnh phúc xuống khoảng không vô định. Đêm cuối cùng là đêm vui chơi của ban kịch. "Cast Party." Để ông bầu, đạo diễn, nhân viên ánh sáng, người dựng cảnh, diễn viên, khen nhau túi bụi. Pha trò về lời phê bình của báo chí địa phương. Hay thì chấp nhận. Còn không hay thì... bỏ thùng rác.

Trong suốt mười mấy đi tạo dựng cái tên không ai biết đến của mình, chưa bao giờ tôi có can đảm dự "cast party" của đêm diễn cuối cùng. Tôi hay trốn về nhà. Có khi ôm mặt khóc. Tôi thấy trống rỗng. Vời vợi. Gần như đau thương. Như một thứ tâm bệnh không thể cắt nghĩa.

Trời mưa như trút nước. Tôi đi bộ từ Jubilee Hall ra trạm xe điện ngầm ở City Hall. Bước ra khỏi đường hầm, tôi đi bộ trên Orchard Road để về cao ốc. Tôi nhớ lại đêm gặp hắn lần đầu tiên. Cũng trên đoạn đường này. Bây giờ tóc tôi ướt sũng. Cái áo ngắn bó vào da thịt vì nước mưa. Mặt mũi rũ rượi không son phấn. Đêm nay tôi không nhún nhảy ốp a, không mang kính Jackie O. Trời tối đen, như đêm đó.

Đêm nay là đêm cuối cùng của vở kịch tôi đã

diễn. Tiền thù lao của tôi là 500 đồng Singapore trong hai tuần liên tiếp. Chỉ đủ tiền ăn sáng.

Hắn thì ở Myanmar. Nơi có cành hoa lan cao quý. Cành hoa lan mà không bao giờ tôi có thể trở thành. Tôi chỉ có thể là con chim hót trên những sân khấu không vĩ đại của thế giới vĩ đại này.

Tôi về căn phòng nhỏ của mình. Ngoài kia hình như trời sấm sét. Đêm nay, Chức Nữ không khóc Ngưu Lang, mà chắc là Ngọc Hoàng đang nổi cơn thịnh nộ vì hai đứa trẻ con này bày đặt yêu nhau vớ vẩn. Tôi lau khô tóc, để bụng đói, rồi nằm lỳ trong giường ngủ thiếp đi. Sự mệt mỏi căng thẳng của hai tuần liên tiếp ngày đi làm bàn giấy, tối về diễn kịch làm tôi đuối sức. Tôi thấy mình trôi ra, trôi vào, những mộng mị vô nghĩa, không hình dáng.

Tôi không biết rằng một cái điềm nữa, sắp sửa xảy đến. Trong đêm diễn cuối cùng, vở kịch cuối cùng tôi đã diễn, ở Singapore. Giữa mùa mưa.

*

Tôi đang mơ màng, trăn trở thì có tiếng gõ cửa. Cấp bách. Trong khi nửa tỉnh, nửa ngủ, trong tình trạng gần như khủng hoảng của tinh thần, tôi tưởng đó là tiếng búa nện đinh của một lữ lâu la trong nghĩa địa.

*"Đừng bỏ em một mình, cùng một lũ côn trùng rỉa rúc thân hình..."*

Tiếng gõ cửa tiếp tục. Như tiếng búa nện đinh mà bà Minh Đức Hoài Trinh đã tả. Tôi khoác vội cái robe de chambre. Mắt nhắm mắt mở lừ đừ bước ra cửa. Tim tôi đập thình thình. Những khi đang ngủ, bị gọi dậy, bao giờ tim tôi cũng đập thình thình. Như thể mình sắp té ngửa. Tôi nhìn qua cái lỗ hổng nhỏ ở cánh cửa. Thấy khuôn mặt hắn. Tôi dụi mắt. Tưởng mình nằm mơ. Đúng ra hắn phải ở Myanmar. Tôi nghe tiếng hắn gọi mơ hồ như từ một kiếp khác: *"Catherine, Catherine..."*

Cánh cửa vừa mở ra thì hắn đã bế thốc tôi lên, đôi môi ngậm lấy môi tôi như kẻ chết đói. Tôi không biết phản ứng. Tôi không thích trò này, bây giờ. Khi tâm hồn tôi đang rã rượi, tim tôi đang đập thình thình. Nguyên cả hai tuần nay, tối nào tôi cũng phải ăn kẹo trái cây để gã đồng nghiệp người Ang Lê ngậm lấy môi, khi thật khi giả. Gã có ngậm thật tôi cũng không có quyền phản đối. Mà giả thì cũng không được tủi thân. Đó là số phận của một nữ diễn viên. Cái nghề cái nghiệp của tôi. Như cái tên Trâm Kha muốn thuở đàn bà.

Tôi muốn môi tôi tối nay được để yên, để khô khan nứt nẻ, như cái tuổi đời vô vị của tôi vậy. Đêm nay, tôi không muốn nước miếng hắn thấm ướt cặp môi khô này.

Tôi giãy giụa. Nhưng hắn cao lớn gần như gấp đôi tôi. Hắn bế tôi gọn lỏn dễ dàng như một con búp bê.

Chân tôi mỏi, mắt tôi mờ, bụng trống rỗng tôi không có sức chống cự.

Tiếng búa nện đinh của Minh Đức Hoài Trinh không còn nữa. Bây giờ tôi phải đối phó với đôi chân cứng cáp, dài ngoẵng của gã đàn ông Bắc Âu. Người tình. Người quen. Người đã ăn nằm, đã hưởng thụ, đã ngậm chặt đầu vú, hút cặp môi, đã dang tay dang chân tôi, gập ngang gập ngửa người tôi không tiếc rẻ. Người mà cách mấy tuần trước đây, đã đóng bộ complet sửa soạn ra sân bay vẫn phải còn quay lại ngủ với tôi thêm một lần nữa. Rồi người ngã ngựa hai lần. Thất bại hai lần trong vòng nửa buổi. Bây giờ người quay lại trả thù cái thất bại của mình, để tự ái người đàn ông được ve vuốt. Tôi nói không, nói đừng, người cũng chẳng thèm nghe. Người, hay súc vật, đôi khi cũng như nhau.

Bụng tôi đói. Môi tôi khô. Đêm nay là Cast Party. Đêm nay là đêm cuối cùng sự nghiệp của tôi ở Singapore. Tôi đang mang tâm bệnh của một nữ diễn viên không thành công trong cái sự nghiệp dang dở, tiếc nuối giờ phút sau cùng trên sân khấu.

Hắn ném tôi lên giường. Giường của tôi chứ không phải giường của hắn. Trên giường của hắn, tôi đưa thân cho hắn là một sự tình nguyện. Trên giường của tôi, thế giới của tôi, hắn là kẻ vi phạm.

Hai chân tôi bị banh ra. Hắn ngồi lên bụng tôi, ghìm hai tay tôi xuống.

Tôi kinh hoàng nhận ra mình đang bị cưỡng hiếp.

Người tình của tôi đang cưỡng hiếp tôi.

Hình như tôi có kêu, có khóc.

Hình như tôi có chửi rủa, có cào cấu.

Hình như tất cả đều không đi đến đâu.

Cái gọi là cưỡng hiếp chỉ cần có đôi phút. Tách rời đôi chân người đàn bà. ghìm họ xuống. Vi phạm họ trong tích tắc. Là xong.

Lần này thì hắn không thất bại.

Tiếng hắn kêu bên tai tôi là tiếng của loài vật trong cường độ tận cùng của nhục dục.

Không phải tiếng của tình yêu. Đừng nói chi đến nhân bản. Đừng nói chi đến American feminism của Gloria Steineim, Germaine Greer. Người đàn bà có quyền lựa chọn. Đêm nay tôi mất quyền lựa chọn.

Hắn nằm im trên thân thể rã rời của tôi. Sức nặng như một hòn đá. Nặng hơn bao giờ hết. Khi tích tắc của sự vi phạm đã xong, tôi lại nghe thấy tiếng mưa rơi. Bây giờ là mùa mưa Singapore. Những trận mưa nhiệt đới. Đêm nay tôi sống lại những giây phút của hai mươi năm trước, cũng một khuôn mặt giống Peter O'Toole, một thân thể đàn ông xương xương vô cùng hung hãn. Thân thể của người đàn ông này đã có lần tôi mê đắm. Bây giờ nó là thủ phạm cái tội ác tôi sẽ không dám đi tố cáo với chính quyền. Tôi nhận ra căn bản của giống đực là một sự cưỡng hiếp.

"You just raped me," tôi nói lạnh lùng.

"No, I did not," hắn nói. Môi hắn tìm môi tôi. Tôi nhổ nước miếng vào mặt hắn. Hắn không phản ứng, rời người tôi, ngồi bên giường, lục túi quần tìm thuốc lá.

Và hắn ngồi ở chân giường tôi, hút điếu thuốc, thản nhiên. Hắn nói, "You enjoyed it as much as I did. I did this for you baby. I hadn't been able to stop thinking about you since that

day... I left Myanmar and came back here early for this. And seeing you kissing that actor on stage. It drove me wild... You're leaving, but not like the way it was before. And I have something to confess, too. My divorce, there has never been one. She is coming with the children... I'm sorry. I never meant to hurt you... But you used me too, so we're even..." Lời hắn vang bên tai tôi.

**Những con thạch sùng ở trần nhà...**

Tôi mở to mắt nhìn lên trần nhà...

Tôi nhớ đến một kỷ niệm thuở bé thơ. Tôi ngủ chung giường với mẹ tôi. Cổ mẹ tôi thơm thơm mùi băng phiến. Ở Đà Lạt, mẹ tôi hay bỏ băng phiến vào tủ áo len. Nếu không ôm cổ mẹ tôi, thì tôi hay nằm ngửa, nắm tay bà, nhìn lên trần nhà.

Tôi thấy những con thạch sùng chạy đuổi bắt nhau. Có những con đeo vào nhau. Tôi hỏi mẹ tôi chúng nó đang làm gì. Mẹ tôi che mắt tôi lại.

Có hôm, con thạch sùng đứt đuôi rớt xuống đầu tôi. Mẹ tôi không nói cho tôi biết, kẻo tôi sợ. Ba tôi lẳng lặng kêu chị người làm lên bắt con thạch sùng. Vì chính mẹ tôi cũng sợ con thạch sùng. Tôi không thấy con thạch sùng nằm trên đầu mình, nên không biết sợ.

*

Tôi mãi viết văn đóng kịch, không nhìn thấy cái thực chất của hắn. Tôi không nhìn thấy cuộc đời. Nên tôi không biết sợ. Bây giờ tôi phải chịu trách nhiệm cái vô tâm không biết sợ của mình.

*

Hắn vẫn ngồi hút thuốc điềm tĩnh, no nê. Đôi lông mày hơi nhíu. Tóc vẫn còn lấm tấm ướt nước mưa. Hoặc mồ hôi.

Tôi thương tiếc tuổi thơ. Đà Lạt và cái ngấn cổ thơm thơm, đôi tay che chở của mẹ tôi. Con thạch sùng ghê sợ nhất nào vừa mới rớt lên người tôi, làm tôi gây gây sốt. Nhưng mẹ tôi không có ở đây để gọi chị người làm bắt bỏ con thạch sùng đáng tởm đó.

Tôi tự hỏi, ngày xưa hai con thạch sùng đuổi nhau trên trần nhà, nếu con đực cưỡng hiếp con cái, con cái phải chạy đi đâu, làm gì? Hay buông tay rớt xuống khỏi trần nhà cho rảnh nợ. Tôi đứng dậy đi vào nhà tắm. Cái chất đàn ông của hắn còn ướt rịn hai bên khóe, chảy xuống đùi. Tôi mở tủ gương tìm lọ bath foam. Giật mình thoáng thấy cái diaphram vẫn còn nằm trong hộp. Và ớn lạnh cả người.

Tôi giội nước vào người, vào giữa hai đùi, vội vã, hoảng hốt, tôi kỳ cọ trong tuyệt vọng, cho cái chất đàn ông đáng sợ kia trôi khỏi người tôi, đừng để lại một giọt nào, đừng du hành vào tử cung, buồng trứng: Tôi là tấm nệm để gã đàn ông này đổ đầy chất độc. Chất độc đã thấm vào tôi.

Tôi có một tâm nguyện. Tôi không buộc lên giường với kẻ đã có vợ. Bố tôi ngoại tình làm mẹ tôi khổ. Dượng tôi ngoại tình làm cô tôi khổ. Ông ngoại, ông nội của tôi chia xẻ tình yêu với vợ bé làm bà tôi khổ. Tôi có thể yêu và cho tất cả đàn ông ngoại trừ những người đàn ông có vợ. Tôi khinh thường tất cả lời hứa hẹn ngoại trừ điều tâm nguyện này của tôi.

Tôi bôn ba khắp nước Mỹ, từ Nữu Ước đến Hồ Ly Vọng, qua bao cạm bẫy cuộc đời, mà tâm nguyện của tôi trước sau vẫn tròn trịa.

Cho đến giờ này.

Hắn đã lừa dối tôi.

Niềm giận dữ làm đầu tôi nhức như búa bổ. Nhìn mình trong gương, hai đầu vú vẫn đong đưa, phần dưới thân thể còn tê dại, tôi nghĩ đến đủ cách để làm hại hắn. Cho thân bại danh liệt. Viết thư cho vợ hắn. Viết thư cho chủ hắn. Viết một trăm lá thư rải cùng Singapore. Đi báo cảnh sát. Tôi nghĩ đến cuốn phim Fatal Attraction. Tôi nghĩ đến Glen Glose. Tôi muốn giống như Glen

HỒ TRƯỜNG AN

# NHÌN LẠI

**Và tôi đó, tim mềm như trái chín**
**Hồn ngát hương theo nhịp thở lặng thầm**
**Xe hạnh phúc vừa leo lên tuyệt đỉnh**
**Áng sương mù phủ xuống rét căm căm.**

**Bỗng nhìn lại trăm ngã đường phải tới**
**Nét quanh co như thân rắn uốn trườn**
**Ngày tháng cũ thành bóng hình dịu vợi**
**Tôi trói mình theo định mệnh chủ trương.**

**Nẻo đi tới cánh cửa đen khép kín**
**Bước chân lui, rừng bóng tối trùng trùng**
**Mầm ác hiểm, thói dối gian lừa phỉnh**
**Dệt phù kiều, huyễn ảnh giữa mông lung.**

**Ác mộng dài gấp trăm lần mơ đẹp**
**Mê chất chồng, chân lý phủ tro than**
**Tôi tung mình nhảy qua khung cửa hẹp**
**Bỗng rơi vào đêm thế kỷ lầm than.**

**Không mộng nữa dù dưới sâu địa ngục**
**Cũng nhận ra lối thoát hiểm không ngờ**
**Mắt thức tỉnh tìm thấy trong rã mục**
**Mầm tươi xanh sáng rực ý nguyên sơ.**

Close. Tôi muốn nổi điên cầm dao đâm hắn. Chỉ có máu đổ mới hết hận này.

Tôi cầm cái ly súc miệng, tay run lẩy bẩy. Tôi mở cửa phòng tắm, nghiến răng ném cái ly thủy tinh vào hắn...

Tiếng ly vỡ kêu lanh chao như một điệp khúc phẫn nộ, chen lẫn với tiếng trời mưa Singapore...

*

*Từ Phukett tới Đà Lạt...*

Tôi không muốn gặp hắn nữa. Hắn gọi tôi mỗi tối, giờ khuya khoắt. Tôi không nhấc điện thoại lên. Hắn để chuông kêu cả mấy chục lần.

Sự tức giận làm tôi nghẹt thở. Tôi đi đến trạm cảnh sát, làm biên bản lời khai. Và như một kẻ chết nhát, tôi không khai việc cưỡng hiếp. Học vấn không làm tôi cam đảm lên. Tôi xấu hổ như một phụ nữ Á Đông thường tình. Tôi trốn tránh không muốn nhìn sự thật. Tôi đổ tội cho mình. Thay vì cho hắn.

Tôi khai việc hắn gọi điện thoại làm phiền. Cảnh sát Singapore bảo đó là việc riêng giữa hai người. Nếu tôi có chứng cớ hắn quấy nhiễu tôi bằng điện thoại, thì tôi phải tìm cách khởi tố dân sự. Muốn trả thù hắn bằng cách này, tôi phải có chứng cớ.

Tôi quay trở về, mua vé máy bay đi Phukett, rồi thẳng đến Đà Lạt. Sau Đà Lạt, tôi sẽ từ giã Singapore cũng trong mùa mưa.

Trước đó, tôi phải tìm quên.

Kẻ xuẩn động nào bảo đàn bà thích được cưỡng hiếp, kẻ đó cần đem xử bắn.

*

Biển xanh Phukett và đảo Phiphi Island đẹp như giấc mộng đẹp nhất của cuộc đời, cho dù tim tôi bất định và lòng tôi rạn nứt. Tôi vẫn nghĩ đến chân tay cứng cáp của hắn. Người tôi gai ốc. Cho nên tôi sống hết mình vào biển xanh. *"Ngày mai em đi biển nhớ tên em gọi về..."* Tôi cảm ơn từng câu nhạc ngái ngủ của Trịnh Công Sơn. Tôi ngồi trên bãi biển cho đến khi da rạn nóng. Tôi chạy trên bãi biển cho đến khi chân nhức nhối. Tôi bơi trong nước biển cho đến khi tôi rã rượi, mắt tôi thu hết lấy đủ loại cá hiền lành, muôn màu trong nước xanh. Tay tôi cầm miếng bánh mì, lặn vào nước biển, cho cá ăn, bầy cá đủ màu sắc xán lại cắn vào tay tôi, những miếng cắn nhỏ nhỏ như kim châm kích thích da thịt. Tôi sợ da thịt lắm rồi. Nếu da thịt còn biết đau, biết sướng, biết khổ, thì xin cho tôi về làm bạn với cá trong nước biển triền miên. Giúp tôi quen cảnh mình bị làm nhục. Hết biển tôi vào rừng, tôi leo lên xe đạp, lên dốc xuống đồi, vừa đạp vừa làm thơ cho núi rừng Đông Nam Á. Xe hư thắng, hất tung tôi lên rễ cây, lên đất đỏ. Tay chân tôi trầy trụa. Tôi như con mọi gan góc liều mình. Như chỉ còn ngày hôm nay để sống.

Tôi nhìn những cặp tình nhân hạnh phúc mà lòng ganh tỵ. Những cô gái Á Châu thanh tao bên cạnh những chàng trai Âu Châu da hồng màu nắng. Tôi cũng có một chàng Âu Châu da hồng màu nắng. Kẻ bảnh trai, quen thói cưỡng hiếp tôi, tôi cứng họng không kể cho ai nghe. Tôi đi tìm quên một mình. Trên hòn đảo, vẫn có kẻ du khách hay người bản xứ thắc mắc tại sao tôi xinh như thế mà lại một mình. Có kẻ hỏi phải chăng chồng tôi ham chơi golf cho nên tôi phải lang thang tìm thú vui khác. Tôi gác tất cả ngoài tai. Tôi không có chồng nên tôi đùa với đời, để rồi chịu tai ương.

Tối đến, tôi lang thang vào Pa Tong Beach, tìm xem cabaret của những chàng trai giả gái múa trên sân khấu. Đa số các "nàng" đẹp lộng lẫy hơn tôi. Ngực họ vun đầy vì silicone, hấp dẫn hơn bầu ngực tôi đã trĩu xuống. Hai chân dài hơn chân tôi, hông đẹp như đùa cợt với mắt người. Có khoảng ba "nàng" xuất sắc, nhảy múa như nữ thần. Tôi nhìn lên sân khấu mà ngậm ngùi cho đam mê của mình. Sân khấu ơi xin đừng bỏ tôi, và xin cho tôi mãi mãi không từ bỏ nổi người. Tôi sẽ già, sẽ xấu, sẽ bị đào thải, trước khi ánh đèn cho tôi giây phút vinh quang. Nhưng tôi sẽ trọn đời yêu mê sân khấu. Chẳng có đàn ông nào thay thế được sân khấu trong tôi. Sân khấu là nữ tính, là Đông Phương nguồn cội. Còn cái nhà băng mà mỗi ngày tôi mặc đồ lớn màu đen, đến ngồi cạo giấy là nam tính khô khan. Tôi nhìn ba "nàng" xinh đẹp của cabaret trai giả gái, nhìn từng nét tay dịu dàng của Châu Á, từng khóe mắt trữ tình Đông Phương, tôi trố mắt quan sát làn da họ mịn màng. Ba"nàng" vừa đằm thắm Á Châu vừa đầy chất lửa nóng bỏng của "showgirls." Tôi nhận ra giây thân tình chị em chan chứa trong họ, như thể họ cùng giòng máu, tế bào với tôi. Họ đã từ bỏ nam tính trong mình để tìm cái nữ tính của tôi. Họ đã trở thành tôi. Họ không còn là giống đực xâm chiếm, ham muốn, cưỡng hiếp, đầy rẫy tự ái, ngạo mạn, và

swd

# MỘT NGÀY ĐÔNG

**Em đã thấm vào một ngày đông**
**mùi hương thu**
**vị nắng hạ**
**trong nhịp mưa xuân**
**ơn anh**
**ơn anh**

ngu xuẩn. Tôi nghĩ đến Beaudelaire một lần nữa: *"Mon enfant, ma soeur, aimer et mourir au pays qui te ressemble..."* My child, my sister... Loving and dying in a country that resembles you... Đây Châu Á rực rỡ. Tôi xin ôm lấy Châu Á trong vòng tay ân cần của phái nữa. Tôi xin tôn sùng ân sủng của nữa giới để mãi mãi không còn phải nghĩ đến chân tay cứng cáp của giống đực chỉ biết xuyên thủng tôi bằng bạo lực, bằng lòng ích kỷ, cũng chỉ vì tôi sinh ra cái kiếp chân yếu tay mềm. Biết thế tôi đã đi học võ, thật cừ, thật giỏi như Bruce Lee. Như Trịnh Phối Phối. Tôi sẽ đá văng cái giống đực tàn ác. Và tôi hiểu rồi. Bao nhiêu năm nay tôi làm đẹp, nhịn ăn cho eo nhỏ, lưng thanh, chẳng phải cho giống đực tàn ác, mà chính là tôi muốn giống chị em của tôi... Những người đẹp của phương Đông nguồn cội. Mảnh như liễu, mà dẻo như kẹo sữa, trong ngọc trắng ngà, hoặc sẫm màu đồng như nắng óng ánh của một ngày đẹp trời ở Phukett, ở Bali...

Tôi yêu tôi. Trong tận cùng nữ tính.

*

Từ Sheraton của Phukett huy hoàng tôi trở lại Đà Lạt ngày xưa, hôm nay đã cũ kỹ, tiêu điều. Nhưng tôi vẫn nhận ra lối vào Viện Đại Học. Ngày xưa bố mẹ tôi đã từng dẫn tôi đi qua những khuôn viên đầy hoa cúc trắng. Tôi đã từng mơ có ngày làm sinh viên ở đây. Tôi nhận ra thác Cam Ly, với cái lan can xanh xanh thuở trước. Tôi nhận ra những con đường mòn lắt léo, với dân bản thượng đế ngực trần nâu bóng, đeo vòng mọi, đeo gùi, có những đứa trẻ con trọc đầu, da sậm. Tôi nhận ra những mái biệt thực cổ xưa chứa đựng những hồn ma của trăm năm về trước, như Indochine của Katherine Deveuve, như thành quách của Bà Huyện Thanh Quan. Tôi đi vào ngõ hẻm nhìn lại những dĩa bánh cuốn nóng có ruồi bu, những trứng hột vịt lộn nóng hổi bọc trong giấy báo bẩn thỉu, những tô bún bò Huế cay nóng, những trái bơ mọng chín lán xẩy, những trái dâu, trái mận nhỏ xíu trong chợ nghèo nàn. Tôi nhận ra tầng cấp của chợ Hòa Bình ngày xưa, tôi đi tìm ngắm những tấm áo len đủ màu sắc trên những "sạp" chợ.

Đây Đà Lạt của tôi.

Tôi đứng bên sườn đồi nhìn xuống dòng nước chảy của thác Prenn. Tôi đứng bấp bênh. Trên kia là trời xanh, dưới kia là nước xiết. Đây quê hương chỗ nhau cắt rún. Đây nơi chốn chờ đợi chân tôi trở về. Đôi bàn chân bé nhỏ đã kích thích dục tình của một gã đàn ông đến từ xứ lạnh.

Tôi nghĩ đến con thạch sùng của căn phòng thơ ấu. Tôi muốn gọi tên mẹ tôi. Muốn đem bà tới đây. Để bà đỡ cho tôi trách nhiệm này. Vì tôi nghĩ đến việc buông tay, làm con thạch sùng đứt đuôi rớt vào khoảng không phía dưới... Phía dưới là cả một thế giới khác thường. Loài thạch sùng sống ngược với loài người, ngược với gravity, luật cuốn hút của trái đất. Đời tôi có phải là một sự thất vọng? Thân thể tôi là cái kiếp đọa đày của tôi, thân thể không ai làm chủ mà tôi cũng không giữ nổi. Cho nên tôi muốn buông tay...

*"Catherin, Catherin..."*

Có tiếng gọi, giọng đàn ông, mơ hồ, đứt quãng, âm vang gần giống như đêm nào tôi lẫn lộn trí óc, tưởng tượng ra cái búa nện đinh của Minh Đức Hoài Trinh.

Tôi nhìn xuống khoảng không phía dưới, hai bàn chân tôi di động...

*"Catherine, Catherine..."*

Tiếng gọi lại trỗi lên. Tôi dương mắt nhìn quanh. Tiếng suối reo. Trời xanh như vùng vẫy, như quay tròn. Phố xá Singapore, biển xanh Phukett, trời xanh Đà Lạt. Tôi còn lại một mình tôi.

*"Catherine, Catherine..."*

Ở đây tôi không phải là Catherine, tôi là con bé Trâm Kha tối nằm trong vòng tay mẹ nhìn ngắm con thạch sùng. Gọi tôi làm chi, tôi đâu phải là loại đi tự tử như những cặp tình nhân bên hồ Than Thở. Tôi chỉ muốn buông tay để nhảy múa trong không gian, để thân xác tan đi trong vũ trụ, để hóa thân, để trường tồn.

Tôi là nghệ sĩ đi giữa cuộc đời tìm cho mình sân khấu. Có những con đười ươi, như giống đực vô tình, vô cảm, cản chân tôi, biến sân khấu thành cuộc đời, đốn mạt...

Tôi chẳng cần Hollywood, New York City, hay Chicago vinh danh tôi trên vòm trời nghệ thuật... Tôi tự vinh danh mình bên cạnh thác Prenn.

*"Catherin, Catherin... Please don't jump!"*

Tôi nghe tiếng gọi. Lần này rõ mồn một. Giọng lơ lớ đặc sệt của gã đàn ông người Bắc Âu. Tôi quay lại nhìn. Dưới đó, bên kia đồi tôi nhìn thấy thân thể xương xương và khuôn mặt hao hao giống Peter O'Toole. Hắn đang trèo lên dốc.

Tôi với hắn đứng nhìn nhau, qua làn nước chảy.

*"Talk to me, Catherine!"*

Ở quá xa mà hình như tôi vẫn thấy đôi mắt màu xanh như trời Đà Lạt ngày hôm nay, tóc vàng như lúa mì. Đôi mắt vẫn đục dục vọng và tính ham muốn của loài vô trách nhiệm chỉ muốn đi chiếm đoạt nhất thời. Tôi hét lên:

"Đứng lại!"

Và tôi tiếp tục hét. Tôi hét to hơn những lần tập hát thở bằng bụng. Tôi ca lên cái điệp khúc của tôi. Khuôn mặt của Peter O'Toole ngày xưa hiện về, trước khi xe tăng lăn vào đường Thống Nhất, trước khi chiếc trực thăng cuối cùng rời tòa Đại sứ Mỹ. Chuyện của hai mươi năm về trước.

*

* Ngày nghỉ là một ngày mà người đàn ông ngưng làm những gì ông chủ muốn anh ta làm, và bắt đầu làm những gì vợ anh ta muốn.

* Không có gì đến trên đầu một người đàn bà nhanh hơn là một cái nón kiểu mới.

**Điệp Khúc...**

Điệp khúc bắt đầu, tiếng được tiếng mất. Tiếng tôi khàn trong cổ, dội qua phía bên kia đồi, bàng bạc vang vọng theo tiếng nước chảy. Tôi đón chào, khơi động quá khứ trở lại. Tôi hát bài hát quá khứ cho lòng vơi phẫn uất.

*

*Ngày 10 tháng 4 một chín bảy lăm, gia đình tôi chạy về Sài Gòn. Bố tôi bỏ viện Đại Học Đà Lạt. Ngày 21 tháng 4, bố tôi chạy cùng thành phố tìm người quen để đi thoát. Ngày 25 tháng 4, bố tôi đưa cho tôi miếng giấy viết tay và cái thẻ bài ngà trắng của ông cố tôi. Bố tôi bảo tôi vào khách sạn Continental tìm người bạn Mỹ của ông. Người bạn cũ học cùng Columbia với bố tôi. Tôi gọi là chú Cris. Chú Cris nhỏ hơn bố tôi gần 10 tuổi, vì bố tôi đã lớn tuổi mới được học bổng ở Columbia. Chú Cris cao gầy, đẹp trai như tài tử, mặt xương xương, mắt xanh. Mãi về sau qua Mỹ xem Pygmalion, tôi mới nhận ra chú Cris có nét giống Peter O'Toole. Người ta đồn chú Cris là CIA. Bố tôi bảo chú Cris chỉ là một ký giả.*

*Trên miếng giấy, bố tôi viết mấy chữ: "Dear Cris, it's a matter of life and death. We must leave Saigon. Please help us. Here is my grand father's ivory madanrin ID as a gesture of trust. If you cannot get all of us out, please take my daughter and help her through college." Tôi hiểu những dòng chữ ấy nói gì. Tôi hiểu thành phố đang lên cơn sốt và cuộc đổi đời sắp bắt đầu ngày mai. Bố tôi viết "A matter of life and death..." Có nghĩa là nếu bố tôi không đi thoát, ông sẽ chết. Tôi không muốn bố tôi chết. Tôi cầm miếng giấy đi vào khách sạn tìm chú Cris. Chú ấy bảo tôi về nhà đợi. Chú ấy không hứa sẽ giúp bố tôi.*

*Tôi gặp chị Liên bán bar ngoài cửa khách sạn Continental... Chị Liên chỉ cho tôi cách làm cho chú Cris phải hứa. Tôi quay lại phòng chú Cris. Tôi ngồi lỳ ở đó. Tôi mới 16 tuổi. Tôi bảo chú Cris lấy tôi đi để mang gia đình tôi đi thoát.*

*Tôi học trường Đầm đâu có đọc truyện Kiều cho kỹ. Tôi đâu cố tình bán thân để chuộc cha như nàng Kiều. Chung quy cũng vì ý kiến và sự bày vẽ của chị Liên. Tôi chỉ mong chú Cris làm hôn thú giả, tôi sẵn sàng khai man... Qua đến Mỹ thì lại chú cháu "như thường." "It's a matter of life and death." Dòng chữ của bố tôi còn rành rành ở đó.*

*Những ngày cuối cùng tháng tư một chín bảy lăm, nước Mỹ rộng lớn đã phản bội bố tôi. Bố tôi nào đâu biết người bạn cùng lớp ở Columbia cũng đã phản bội mình. Người đàn ông có khuôn mặt Peter O'Toole ngủ với đứa bé gái 16 tuổi con của bạn mình, cầm mảnh giấy, thẻ bài ngà của một ông quan An Nam đã chết và lòng tin của bạn, Cris ngủ với tôi trong khi chờ đợi tòa đại sứ Mỹ cho phát thanh bài "White Christmas."*

*Gia đình tôi lên chuyến trực thăng cuối cùng. Sau khi tôi đã học cách ngủ với đàn ông trong khách sạn Continental, nơi mà Graham Greene ngồi viết văn ca tụng nàng Phượng của ông. Tôi mang giọt máu của Cris đi vào trại tỵ nạn Pennsylvania. Tôi lẳng lặng vào nói chuyện với những người y tá làm từ thiện cho Red Cross. Tôi khai man tuổi. Tôi vào clinic một mình. Cris không biết gì hết. Cris trở về với hôn thê có tóc vàng, mắt xanh. Tôi ăn sinh nhật 17 ở Mỹ. Chuyện gì xảy ra trong khách sạn Continental trước khi chuyến trực thăng cuối cùng cất cánh, chỉ có mình tôi và Chris biết. Từ đó tôi nhớ mãi, vừa ghét vừa thương, những khuôn mặt hao hao nét của Peter O'Toole.*

*Từ đó tôi đi tìm sân khấu.*

*Từ đó tôi mang trong lòng một bí mật.*

*

Tôi ngừng hét.

Rồi tất cả trở về im lặng. Điệp khúc đã chấm dứt. Chỉ còn tiếng nước chảy dưới trời xanh. Thác Prenn vẫn là thác Prenn của thời thơ ấu. Của Couvent des Oiseaux ngày trước, khi tôi còn mắt sáng, môi hồng, chưa biết ngủ với trai. Chưa có khuôn mặt của Peter O'Toole.

Tôi đứng chơi vơi.

Quê hương ơi. Quá khứ ơi.

Hình như hắn đã leo hết con đồi. Phía bên kia, hắn đã biến mất. Phía bên này, hắn xuất hiện bên cạnh tôi. Hắn đưa tay giữ tôi lại, ôm tôi vào lòng.

Nước thác Prenn vẫn chảy. Peter O'Toole đón tôi về thực tại.

Tối đó trong trời lành lạnh của Đà Lạt xưa cũ, tôi nằm trong lòng kẻ đã lừa dối và cưỡng hiếp tôi. Đừng hỏi tại sao Patty Hearst đi yêu thương người bắt cóc mình. Tại sao tôi nằm trong lòng kẻ đã cưỡng hiếp mình, giờ phút này tôi không cần hiểu. Hắn im lìm ngồi dựa tường, vuốt đôi chân mày của tôi. Tôi ngủ thiếp đi những giấc ngủ ngắn. Khi mở mắt ra, trong ánh đèn mờ mờ của căn phòng khách sạn còn thiếu tiện nghi, của một Đà Lạt còn đang trở mình, tôi nhìn thấy nét mặt xương xương của Peter O'Toole.

Xin đổ tại trời Đà Lạt lạnh. Tại tôi cô độc. Tôi sợ già, sợ chết. Tôi cần vòng tay một gã đàn ông. Hoặc tốt hơn nữa, tiện lợi hơn nữa, xin đổ lỗi cho vòng xe lịch sử — cái sự kiện mà miền Nam, phía bên kia biển Thái Bình gọi là "Mất Nước," miền Bắc, phía bên này biển Thái Bình gọi là "Giải Phóng."

Xin đổ tất cả cho cái kiếp viễn du và tính lông bông của một người đàn bà có nhan sắc. Lại đa mang thêm cái đầu óc trĩu nặng sự nhạy cảm vô cùng của tính nữ.

Cái nhạy cảm ấy, sự bơ vơ cuồng nhiệt ấy, cái triền miên của trí tuệ sâu thẳm đòi hỏi yêu thương, còn trĩu nặng hơn cặp vú của tôi.

Hắn sẽ không bao giờ nhận hắn đã cưỡng hiếp tôi. Nhưng đêm đó ở Đà Lạt, hắn không vồ vập thiết tha. Tôi và hắn mặc nguyên quần áo. Hai đầu vú tôi không căng cứng. Bờ môi hắn không tham lam. Hắn ôm tôi trong lòng như mẹ tôi ôm tôi ngày còn bé. Tôi không còn muốn làm con thạch sùng đứt đuôi rớt cuống một vòm trời khác.

Và hình như hắn nói, *"My wife is coming, but I love you."*

MERDE!

*Bài Thơ Cuối Cùng...*

Phi trường Changi. Một ngày không nhớ rõ.

Phi trường này sạch, đẹp, trật tự, thuận tiện, vì chính phủ Singapore hết lòng lo cho dân. Chỉ không thích dân nói.

Tôi nhìn lại Singapore lần cuối. Hôm này trời không mưa. Nhưng khí hậu nhiệt đới bất thường. Gió mùa. Trời có thể mưa bất cứ lúc nào.

Tôi nhìn lên chỗ soát vé của hãng United. Dòng chữ hiện lên "Singapore-Los Angeles."

Cái điện thoại của hắn tặng tôi vẫn còn kêu reng, reng, bướng bỉnh. Tôi tắt nó đi, có phải hắn gọi tôi không. Tôi cóc cần biết. Chỉ ngày mai là hết đường dây.

Tôi nghĩ đến tờ khai ở trạm cảnh sát Tanglin, Singapore. Trên tờ khai đó, tôi báo cáo hắn phá rối, quấy nhiễu tôi trên điện thoại. Kẻ đã phá vỡ điều tâm nguyện của tôi. Con đàn bà độc ác trong tôi vẫn muốn làm Glen Close cho hắn thân tàn ma dại.

Máy bay cất cánh. Singapore ở lại sau tôi. Tôi thấy bùi ngùi. Lại thêm mấy tuổi đời đem cho một thành phố lớn.

Tôi ngồi trong ghế, đặt tay lên bụng. Có giọt máu nào ở đây không, từ buổi tối trời mưa sau khi tôi diễn kịch lần cuối cùng... Câu hỏi lớn lao nhất là tôi phải làm sao? Một nữ diễn viên không có việc làm, không nổi tiếng, một bắt đầu cuối cùng ở Los Angeles.

Lần trước từ bỏ Châu Á vì xe tăng của Nga lăn vào Sài Gòn, tôi xin đổ tại cái gọi là "Mất Nước" hoặc "Giải Phóng."

Lần này từ bỏ Châu Á, tôi xin đổ tại trời mùa mưa Singapore.

Tôi xin bỏ Peter O'Toole lại cho quá khứ. Thế nhưng nếu có giọt máu này. Đó là tương lai cho nên có giọt máu hay không, tôi vẫn thấy bình thản, yên tâm. Giọt máu, nếu có, là kết quả của việc tôi ăn mặc hở hang, tung tăng trên đường phố Orchard Road của Singapore. Ở đó, có người đàn ông đẹp trai đầy dục vọng và lòng ích kỷ đã chận đường khen dáng tôi đi hấp dẫn. Tôi bị một cú đau điếng. Một cái shock khá nặng kéo theo quá khứ trở về. Thế nhưng trong tương lai, nếu thích tôi vẫn ăn mặc hấp dẫn đi tung tăng trên đường phố như thường. Tôi nhớ đến những câu thơ của một phụ nữ người Mỹ, một feminist của thế kỷ 20:

*Đàn bà mặc áo đàn ông, đi họp đi hành*
*Đối xử với thư ký theo lối đàn ông*
*Đàn bà đi học đại học, tư tưởng đầy chất đực*
*Muốn điểm cao thì xin bắt chước cha mình*
*Đàn bà có chồng, cho không thân thể*
*Mang trên người ý muốn của chồng*
*Đàn bà cuồng tín, che đậy thân tội lỗi*
*Xin thương để tha thứ*
*Mà không biết rằng*
*Thượng đế tự tâm*

*

*Đó là lý do tại sao tôi yêu mến*
*Người phụ nữ béo phì vẫn mặc váy ngắn màu đỏ chói*
*Vì nàng yêu say đắm thân thể đàn bà của mình*
*Lý do tại sao người phụ nữ thông minh không đi học*
*Vì muốn mình giữ cho mình đầu óc độc lập*
*Lý do tại sao người tình không muốn cưới*
*Vì nàng biết rõ cái giá của hôn nhân*
*Bà phù thủy ở truồng*
*Vẫn đòi được yên thân*
*Bà già điên nhuộm tóc tím*
*Vì ai không thích màu tím mới đúng là điên*

*

*Thưa bà chúa, xin ban cho tôi lòng can đảm*
*Để ở truồng*
*không kể tuổi*
*Cứ mặc màu đỏ, màu tím*
*Cứ bê bối, không thiết làm mệnh phụ phu nhân*
*Tha hồ bị đàm tiếu*
*Bất kể chê bai*
*Cho đến giờ phút cuối...*

Tôi yêu bài thơ này. Và vì thế, khi về đến Los Angeles, tôi sẽ viết lại, chuyện tôi ngủ với người đàn ông xa lạ, người đàn ông chưa hề đọc văn tôi, người đàn ông đã cưỡng hiếp và lừa dối tôi, tôi sẽ kể cho độc giả yêu mến của tôi nghe, câu chuyện mà tôi sẽ dựng thành truyện...

Và tôi sẽ gọi nó là "Trời Mùa Mưa Singapore."■

*June 1996*

# NGẬM NGẢI TÌM TRẦM

## TRẦN DOÃN NHO

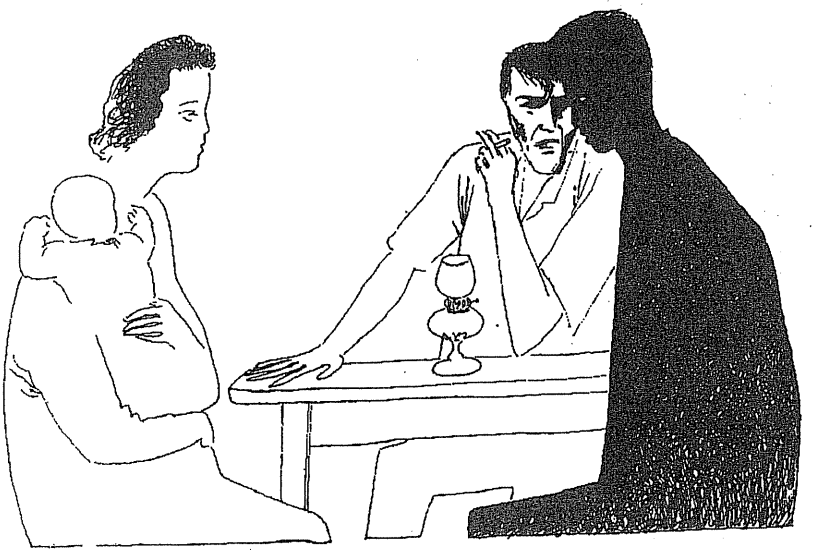

Tôi đạp xe đạp ra đi lúc trời còn tối. Sương sớm phủ mù không gian, khiến cho đêm như kéo dài thêm. Tôi chuẩn bị hành lý gọn nhẹ để giảm bớt sự chú ý của công an và thuế vụ rình rập khắp nơi, vì tôi mang theo trong người vàng và tiền. Vàng, tôi may vào gấu quần, và nhét vào trong quần lót. Tiền, một phần giấu trong các bịch đồ ăn, một phần bỏ vào hai cái đãy cột ở bắp vế. Hồi đó, (năm 1985), mang vàng cũng như tiền với số lượng lớn, cỡ từ 15,000 đồng (1) trở lên được xem như bất hợp pháp. Trong khi lục soát hàng hóa, nếu tìm thấy tiền và vàng, công an, thuế vụ có quyền làm biên bản giữ, để tịch thu hoặc để đóng thuế, nếu chủ nhân không chứng minh được nguồn gốc của nó.

Đến bến xe, thấy Hoàng đã đứng đợi ở đó. Tôi bỏ xe đạp lên trần, làm bộ như chẳng quen biết gì Hoàng, rồi tản ra phía xa, tránh con mắt dòm ngó của công an và thuế vụ... Đây là bến xe nội tỉnh. Đa phần hàng hóa đều cồng kềnh. Khách, thường là dân buôn thúng bán bưng và cán bộ đi công tác. Tôi nhìn quanh và bắt gặp rải rác đây đó có nhiều thanh niên, vai mang chiếc ba lô căng phồng với các đồ đạc lỉnh kỉnh khác cột kèm theo phía ngoài như rựa, dao, cột cắm trại... Chắc chắn họ là dân "đi cội." Đi cội là một tiếng lóng chỉ người đi tìm trầm. Họ không có vốn, chỉ bỏ công sức, băng rừng lội suối tìm cho ra cây "gió" để làm trầm. Làm trầm có nghĩa là đốn cây trầm xuống, rồi cưa, xẻ, đục, đẽo... để chọn lấy phần gỗ có dầu — tức là trầm — mang về. Giá trị trầm càng cao nếu phần gỗ càng đen, nghĩa là dầu trầm càng nhiều. Không phải tất cả cây gió đều có dầu. Thường thì cây non không có dầu. Nhưng nhiều cây già, thuộc loại cổ thụ, vẫn không có hoặc có rất ít dầu. Đôi khi người ta gặp một cây toàn dầu, nhưng hiếm hoi lắm. Thông thường thì những cây dầy dầy, khoác vừa vòng tay là có thể có dầu. Số lượng trầm lấy trong một cây không nhất định. Không ai, kể cả những người đi trầm lâu năm ước định được chính xác số lượng trầm trong cây, nếu chỉ nhìn bên ngoài. Kết quả cuối cùng chỉ có sau khi đã làm "thịt" hết cây, từ gốc trở lên, kể cả rễ. Công việc này đòi hỏi thời gian, sự kiên nhẫn và làm việc tập thể. Chính vì thế, những người đi trầm phải đi từng nhóm, mang theo đồ ăn dùng cho cả tháng, nếu đi xa. Họ băng rừng lội suối. Vừa để kiếm sống qua ngày, vừa hy vọng một cuộc đổi đời nếu may mắn gặp được một cây gió đầy dầu.

Đó là dân đi cội. Còn tôi và Hoàng gọi là dân "lái" (tức là lái buôn). Nói Hoàng là lái thì cũng không đúng. Anh ta không có vốn, nhưng có một ít kinh nghiệm về mua bán trầm. Anh ta vốn là công an kinh tế, chuyên môn đi bắt trầm và các loại hàng lậu khác. Anh ta bị đuổi khỏi ngành công an vì đã dùng giấy tờ và sắc phục công an, chuyển trầm lậu cho dân buôn. Điều quan trọng nhất mà tôi cần là anh ta là người địa phương huyện L.N. Theo quy định của cơ quan Thương

Nghiệp huyện này, chỉ có dân địa phương mới có quyền đăng ký làm đại lý nhập trầm cho huyện, nghĩa là mới có quyền đi thu mua trầm hay nói cho đúng hơn mới có quyền buôn lậu trầm "một cách hợp pháp." Tôi bỏ vốn, anh ta đứng tên xin phép. Nói một cách khác, tôi thuê anh ta đứng tên để hợp pháp hóa việc mua bán trầm.

Theo quy định của huyện L.N. (cũng như quy định của hầu hết các huyện thời đó) thì:

— Chỉ có những người được huyện cấp giấy phép làm đại lý trầm mới có quyền mang tiền và trầm trong địa bàn huyện.

— Tất cả trầm mua được, trên nguyên tắc, phải "nhập" (nghĩa là bán) cho Thương Nghiệp huyện. Thực tế thì, các đại lý chỉ bán cho huyện một số lượng quy định hàng tháng gọi là bán "nghĩa vụ." Làm trọn nghĩa vụ thì giấy phép mới được gia hạn. Phần còn lại thì tùy nghi, nghĩa là các đại lý bán chui. Thường thì hàng xấu đẩy cho thương nghiệp, hàng tốt dành bán lậu vì bán lậu được giá hơn nhiều.

*

Hoàng và tôi trọ tại nhà một người quen của Hoàng, kế bên chợ Tréo, tức chợ huyện L.N. Chủ nhà là một anh bộ đội phục viên tên Tuyển, em ruột người yêu cũ của Hoàng. Hoàng chọn chỗ trọ này ngoài việc ở gần chợ, gần Công Ty Ngoại Thương huyện, còn có một lý do khác: chủ nhà sẵn sàng chứa chấp cuộc tình vụng trộm giữa Hoàng và chị ruột mình. Hoàng cho tôi biết, chị ta và Hoàng yêu nhau khi còn đi học. Nhưng khi Hoàng có lệnh đi nghĩa vụ thì chị ta làm lơ và sau đó lấy một cán bộ huyện. Sau một thời gian đi bộ đội, Hoàng được chuyển công tác về ngành công an, rồi lấy vợ. Khi Hoàng bị đuổi khỏi công an, về quê đi buôn, hai người lại dan díu nhau và lấy ngôi nhà của Tuyển làm nơi hẹn hò. Sáng sáng, buồng ngủ của vợ chồng Tuyển biến thành nơi hú hí của đôi tình nhân. Thật đúng là một đôi gian phu dâm phụ, tôi nghĩ. Người đàn bà lấy cớ đi chợ, tạt vào thăm em, rồi ở lại với tình nhân đến trưa. Bọn họ cũng liều thật. Ở một nơi nhỏ bé như cái huyện lỵ này, nhất cử nhất động đều có thể bị phát hiện thế mà họ vẫn tỉnh bơ, tiếp tục cái trò hẹn hò bất chính như vậy. Đúng là điếc không sợ súng.

Huyện L.N. cũng như nhiều huyện khác thuộc địa phận QB, vào thời gian này đang rộn ràng vì phong trào đi trầm, mua bán trầm. Huyện lập thêm các đội Quản Lý Thị Trường (QLTT) với tính cơ động cao, thay nhau làm việc ngày đêm. Đội bao gồm chủ yếu là cán bộ thuế vụ, được tăng cường thêm công an và bộ đội địa phương. Tất cả có bốn đội hoạt động trên nhiều địa bàn khác nhau. Đó là chưa kể đến các cán bộ thuế và công an thuộc xã, thoắt biến thoắt hiện trên các chốt, bến xe, các ngã đường... Đàn ông, thanh niên thì "lên đường" đi cội, ruộng vườn giao khoán cho phụ nữ và ông già, bà lão. Quán xá mọc lên khắp nơi, đồng thời với những am miếu. Người ta nhậu nhẹt, tiệc tùng, cúng bái. Hương đèn, vàng bạc, tượng thần tài, tượng ông địa được dùng phổ biến, bất chấp các phong trào chống mê tín dị đoan của nhà nước. Nực cười ở chỗ, ngay cán bộ nhà nước đi bắt hàng lậu là các cán bộ công an thuế vụ cũng mê tín dị đoan. Trước khi lên đường đi rừng để bắt trầm, từ đội trưởng đến nhân viên, ai cũng chuẩn bị hương đèn và cúng kiến cẩn thận. Dừng lại đóng quân tại đâu, quý vị ấy cũng mang hương ra thắp cúng. Kẻ đi trầm và người đi bắt trầm đều cầu mong thần tài chiếu cố cho trúng mánh. Các giai thoại về đi trầm, bắt trầm, mua trầm... được phổ biến rộng rãi và mỗi ngày mỗi thêm phong phú, càng khiến cho lòng người thêm nao nức, tác động ngay đến những người bình tâm nhất.

Tôi ở lại huyện lỵ ba hôm, đợi Hoàng chuẩn bị vài việc, và thâu nhận thêm tin tức về nguồn hàng, rồi lên đường. Mới có một hôm, tiếng đồn đã vang um khắp huyện lỵ về việc làm ăn kiểu "mượn đầu heo nấu cháo" của tôi và Hoàng. Người ta biết Hoàng chỉ là lái giả. Tôi mới là lái thực. Ra đường, thấy ai cũng chỉ chỉ chỏ chỏ, tôi đâm lo. Hoàng nói:

"Anh không nên đi ra ngoài nhiều, tụi nó biết mặt, bất lợi."

Tụi nó đây là công an thuế vụ. Biết tôi mang vốn liếng từ Huế ra, chắc chắn là họ theo dõi sát nút, đợi có sơ hở là "vồ." Bởi thế, tôi đành hy sinh, suốt hai ngày sau nằm im trong nhà, lánh mặt.

*

Sáng hôm đó, chúng tôi dậy sớm ra đi. Tiền và vàng tôi giao hết cho Hoàng mang vì Hoàng có giấy phép. Tôi mang gạo cơm, mùng mền, đóng vai anh "tà lọt." Vòng qua chợ Tréo, chúng tôi đạp xe đi dọc con đường uốn quanh theo dòng sông nhỏ chảy ngang qua huyện. Đường đất đỏ. Mùa hè, đất cứng lại, phẳng phiu, nên tương đối dễ đi. Bên kia sông là làng Đợi, thuộc xã Đại Phong, quê hương của ông Ngô Đình Diệm. Bên này sông là làng An Xá, quê hương ông Võ Nguyên Giáp.

Đi một đoạn, Hoàng chỉ về phía trước:

"Ngôi nhà kia là nhà Đại tướng Giáp."

Đến gần ngôi nhà, tôi đạp chậm. Đó là một ngôi nhà ngói trông rất cũ xưa. Ngõ vào khá sâu. Cây rậm rì. Có cả cây cổ thụ, thân to, cành thấp. Mới sáng sớm, nhưng người trong sân tấp nập. Tôi hỏi:

"Sao người đông thế?"

"Hình như Ông mới vào hồi hôm để dự lễ kỷ niệm mười năm giải phóng Huế 26 tháng Ba."

Tôi à lên một tiếng. Hèn gì, khắp nơi cờ xí, khẩu hiệu treo đầy. Hoàng chặt lưỡi:

"Đáng tiếc! Năm nay Huế tổ chức lễ 26 tháng Ba lớn lắm. Dân ở đây ai cũng nao nức muốn vào Huế xem lễ. Có người bới cơm gạo vào định ở luôn đó mấy ngày. Tôi cũng định vào, nhưng vướng công tác này, đành chịu. Kiếm miếng ăn trước đã."

"Vậy người ta đâu có đi cội?"

"Anh đừng lo, dịp này họ lại càng tranh thủ đi vì cho là công an thuế vụ bận bịu."

Tôi im lặng, nhìn những câu khẩu hiệu, cờ xí treo đầy đường, lòng ngậm ngùi. Nỗi vui của

người này lại là nỗi cay đắng của người kia. Mười năm giải phóng, nghĩa là mười năm tủi hờn, nhục nhã, để rồi cuối cùng đẩy tôi trở thành một tay lái buôn bất đắc dĩ. Tuy vậy, đạp xe trên con đường này, nhìn thấy ngôi nhà của một nhân vật nổi tiếng, nhìn qua bên kia là quê hương của một người nổi tiếng khác, lòng đột nhiên cảm khái. Bên kia sông, dòng họ Ngô Đình khét tiếng với bao vinh quang và tan nát. Bên này sông, một nhân vật khét tiếng khác, cũng đầy vinh quang nhưng cuối đời thất sũng. Còn chúng tôi, một người là công an bị thải hồi, một người là nhân viên chế độ VNCH ở tù về, đang cùng nhau hợp tác làm ăn... một cách bất hợp pháp ngay trên quê hương XHCN.

Chúng tôi lặng lẽ đạp đi, Hoàng đi trước, tôi đi sau như không hề dính líu gì đến nhau. Đến ngã ba đường, hai nhân viên thuế vụ từ trong hẻm vọt ra chận lại. Họ lục soát người, túi xách. Không có gì bất hợp pháp vì chúng tôi đã chuẩn bị kỹ lưỡng.

Khi băng qua cánh đồng, tôi hỏi:

"Ai dại gì mang hàng mang tiền không có giấy phép mà lại đi khơi khơi như vậy cho họ bắt?"

"Bọn chúng muốn nhận diện anh và tôi đấy."

Chúng tôi phải băng qua bốn ngôi làng mới đến đường 25, con lộ chính dẫn lên vùng núi. Nói là đường lộ nhưng còn tệ hơn đường đất trong làng. Đường trải nhựa, nhưng quá hư hỏng, có lẽ vì không hề tu sửa. Toàn là ổ gà, hố lớn, hố nhỏ, đá tảng nằm ngổn ngang. Đây là con đường chính dẫn lên rừng nên dân đi trầm các nơi đều đổ về. Dọc đường, từng toán ba, bốn hoặc năm người, ba lô trên vai, tay cầm gậy, giày bố Mỹ, hoặc dép râu, bươn bả đi. Họ ra đi để tìm đường... cứu đói. Ruộng vườn bỏ lại, thành phố bỏ lại. Rừng vàng biển bạc mà! Trên đường, ngoài những kẻ hăm hở ra đi, không thiếu người lê lết "bò" về... Ba lô rỗng. Cả tháng trường lặn lội trong rừng sâu núi thẳm, chẳng gặp may. Đi không, hết cơm gạo lại phải trở về không.

Nhìn con đường nham nhở trước mặt, tôi đâm ớn. Đạp một đoạn rồi lại dắt bộ một đoạn, vì đường hư, vì dốc lên dốc xuống. Đi cả ngày chưa chắc đến.

"Đường này dẫn đến đâu?" Tôi hỏi.

"Đường 33. Đến đó rồi hẵn hay. Ở đó, có quán xá, có chỗ gửi xe."

"Đi kiểu này sao đi nổi."

"Cần thì cũng phải ráng. Nếu không, cứ ở đây đợi xe bộ đội. Đôi khi một hai ngày mới gặp được một chiếc đi công tác."

Tôi bần thần, không quyết. Nhưng may mắn, không lâu sau đó, có chiếc xe bộ đội trườn lên. Cả đám, lái cũng như dân đi cội reo hò mừng rỡ. Tôi cười rạng rỡ. Hoàng nói vội:

"Đỡ Àvả' thật đấy. Nhưng phiền cái đám đi cội này. Mình, dân lái, phải bao tiền xe hết cho bọn chúng đấy. Không thì chúng bảo Àlái kiết', đồn ầm lên thì rồi chẳng ma nào chịu bán hàng cho mình đâu. Thời đại trầm mà, gặp đâu Àmánh' được là Àmánh' ngay."

"Thì cũng đành chịu vậy chứ sao."

Xe chưa dừng, đám đi rừng đã đua nhau nhảy lên thùng xe. Tôi và Hoàng, vì là lái, người chi tiền nên được ưu tiên ngồi trước ca bin xe. Xe đạp được quyền cột sau xe. Xe mệt nhọc bò lên núi.

*

Hoàng chỉ con đường đất rộng, chạy ngoằn ngoèo theo sườn núi:

"Đường này gọi là đường 33. Ngã này dẫn về đồng bằng. Nếu anh theo hướng tây, leo qua con dốc cao kia, anh sẽ đến đường mòn Hồ Chí Minh. Còn lối đi nhỏ phía sau lưng là đường vào các bản Dân tộc (tức là bản Thượng). Nơi đây, hồi chiến tranh máy bay Mỹ đánh phá ác liệt lắm. Nhưng cũng rất vui. Mấy người bộ đội Trường Sơn bảo thế."

Đường 33 khá lớn, dễ đi, tốt hơn đường 25. Đây là một trong những con đường huyết mạch chuyển quân lương miền Nam thời chiến tranh. Ngã ba, nơi giao nhau giữa hai con đường 33 và 25 tạo thành một khu buôn bán đông đúc, được gọi là trạm 33. Kẻ lên, người về, bộ đội làm đường, dân đi củi, đi trầm, công an, thuế vụ, và tất nhiên không thể thiếu "mấy em." Dân đi trầm ở đây gọi mấy em là chị nuôi. Mấy em vừa bán đồ ăn, đồ uống, vừa bán thân, lại vừa mua bán trầm. Các em đến từ tứ xứ: Đà Nẵng, Nghệ An, Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, Huế, và cả "thổ sản" Quảng Bình... Có em lúc đầu lên đây học đòi mua, bán trầm, nhưng hoặc là không rành mua bán loại hàng đặc biệt này, hoặc là bị lừa phỉnh, hoặc bị bắt, bị đánh thuế, túng thế tạm thời... làm nghề chị em ta. Có em lúc đầu lên đây chủ định là bán thân, nhưng bắt đồ trúng mánh trầm, nên đổi nghề: từ "phạch," "phò" (tiếng lóng chỉ gái điếm) lên thương lái. Nhiều em, trong một thời gian ngắn, trúng "quả" vài ba "bận hàng" (lô hàng) là trở nên giàu sụ. Các em vừa chạy "cò," chạy "mánh" gỡ hàng giùm cho đi cội, và cả dân lái bị công an thuế vụ bắt, vì đội công an thuế vụ nào lên cũng đều có ghé đóng chốt ở đây. Các em tả xông hữu đột, lợi dụng đủ thứ quan hệ để thủ lợi. Thuế vụ bắt được hàng của con buôn, dúi cho mấy em trung gian bán giùm. Nhiều lúc mấy em bán dâm không thích lấy tiền, chỉ lấy hàng, tất nhiên hàng "cáp giá" (trả giá) rẻ. Lúc đầu các em chỉ mua bán hàng "xô" (hàng xấu), khi có vốn bắt đầu chạy hàng "xịn" (hàng đắt tiền thuộc loại 1, loại 2).

Núi rừng Trường Sơn rộn ràng ngày đêm như hội. Hàng chục, và có thể đến hàng trăm ngàn

* "Sao vậy! Toàn là zéro!" Cha của Toto la lên khi xem học bạ. "Mày sẽ giải thích thế nào đây?"

"Vâng, con gắng giải thích. Con đang băn khoăn giữa lý do huyết thống và môi trường gia đình..."

người ngược xuôi tiến quân đi phá rừng để... tìm trầm. Khe, suối, núi cao, rừng sâu, đường mòn, đường lớn... tất cả đều bị đoàn quân tìm trầm dẫm nát. Cây lớn, cây nhỏ, nếu cần, cứ tự do chặt phá. Trong nhiều trường hợp, để hạ được một cây gió lấy trầm, phải chặt thêm năm, bảy cây lớn ở chung quanh, vì chúng đan nhau, níu nhau thành một cái giàn. Có các đơn vị lâm nghiệp cũng như công an thuế vụ được tăng phái lên để bảo vệ rừng, nhưng rồi tiếng gọi của trầm xóa nhòa tất cả. Mục đích của tất cả mọi người là kiếm chác. Họ là những con buôn không cần vốn, chỉ cần bắt hàng để được hối lộ hoặc bắt hàng rồi bán hàng lại cho con buôn. Các biên bản chỉ là một mớ giấy lộn. Trầm là thứ quốc cấm, như rất nhiều thông báo của nhà nước, theo đó, giữ một kí lô trầm có thể bị kết án tù ba năm, nhưng nhân viên nhà nước và nhân dân cùng làm, cùng ăn, cùng buôn và tiếp tay nhau phá rừng.

Ăn uống xong, gửi xe ở một quán quen, chúng tôi đi về phía bản K., một bản người dân tộc, vốn là một nguồn trầm. Phải lội qua bốn khe lớn nhỏ, leo một hòn núi khá cao, nhiều nơi không có đường đi, phải đu dây chìu mà lên. Người dân ở đây cũng bỏ rẫy đi trầm. Nhà nào nhà nấy vắng hoe. Rừng đốt xong bỏ đó. Lúa vàng úa, không buồn lớn. Nhiều rẫy khoai, sắn bỏ bê, không ai thu hoạch. Tiếng gọi của trầm quá mạnh. Rừng là của họ, nhưng đến khi người kinh lên tìm trầm, họ mới biết giá trị của cây trầm. Theo lời họ kể, trước đây, khai phá rẫy, biết bao lần họ đốt những cây trầm cổ thụ. Có cây cháy ngún cả tháng mới tàn, hương trầm thơm nức không gian. Giờ đây thấy dân kinh nườm nượp tìm trầm, họ giật mình tỉnh giấc. Hóa ra, rừng của họ là rừng vàng, rừng tiền. Những miếng gỗ đen ấy là những suối tiền. Chỉ cần một miếng bằng bàn tay với dầu đặc, đủ cho họ sống nguyên năm, không cần làm rẫy. Bạn cứ thử tưởng tượng, ở nơi đèo heo hút gió này, vào nhà sàn của một người Thượng, bạn thấy nào radio đời mới, cassette Nhật, xe đạp Pegeot Pháp, xe đạp Phượng Hoàng Trung Quốc, và cả... Honda Nhật. Honda để làm gì? Để chơi, y như người ta chưng một bức tranh vậy. Thỉnh thoảng, chủ nhân lấy ra, chạy một vòng quanh bản, xuống suối, kỳ cọ sạch sẽ, rồi mang đặt lại chỗ cũ, lấy vải phủ lên. Ấy thế, tất cả đến từ trầm. Họ đi rừng rành rọt, thiện nghệ, đi tận bên Lào. Một trong những ưu thế khác của họ là họ không sợ các đội công an thuế vụ. Họ mang trầm đi nghênh ngang. Nếu có bị chận xét, họ bỏ gói trầm xuống, rồi chĩa súng hoặc rựa vào đó bảo:

"Đây là cuộc sống của Àmiền' (2). Ai đụng đến là Àmiền' bắn. Bác Hồ dạy ai cũng sẽ có cơm no áo ấm, ai cũng sẽ được học hành. Cái này cho Àmiền' cơm gạo, cho con Àmiền' cái viết, cái sách. Ai lấy của Àmiền' là quên lời Bác Hồ dạy..."

Cứng họng! Ai mà dám rờ đến. Có lẽ rờ đến, tịch thu cũng được. Nhưng núi rừng mênh mông là đất của họ. Muốn ăn yên, ở yên thì phải chịu. Quờ quạng, làm mất lòng họ, ai dám bảo còn mạng mà về.

Không những họ bảo vệ hàng của họ, mà họ còn bảo vệ hàng của người kinh. Ai cần mang giúp, họ sẵn sàng mang. Trong bản, họ giấu hàng. Lắm khi, dân đi cội, đi buôn, bị công an rượt đuổi, bí quá, chạy đại vào nhà đưa trầm, nhờ chủ nhà giúp. Chủ nhà ném lên "rầm," nơi thờ cúng thiêng liêng của họ, thế là công an thuế vụ đành chịu. Theo tục lệ, "rầm" là nơi bất khả xâm phạm. Chính quyền cộng sản, để lấy lòng người thiểu số, ra lệnh cán bộ không được quyền — dù bất cứ lý do gì — xâm nhập nơi cấm địa đó.

Tôi và Hoàng ở lại bản K. ba ngày. Đêm nhậu rượu Hà Nội (rượu cam, ngọt nhưng rất dễ say), ngày đi các nẻo suối lòng khe đón hàng. Nhưng chẳng gặp được "bận" hàng nào ra hồn. Lý do là vì trong vùng hiện có hai đội QLTT lên hoạt động ráo riết. Dân đi cội không dám đi

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC

# HƯ KHÔNG

**Gió tiễn mây về, khung trời biếc;**
**Mắt em lam ngọc biển đời xanh.**
**Hoàng hôn giăng núi tím,**
**Anh và em kết nụ môi hồng.**

**Buổi ấy xa rồi...**
**Tóc không còn là mây,**
**Da không còn là trứng.**
**Cảnh vật nhạt nhòa,**
**Bước chân sờ soạn.**
**Tay lả gối buông,**
**Chiếu chăn hờ hững.**
**Men chẳng say,**
**Theo đời mặn nhạt.**
**Mật không đủ ngọt,**
**Cho ong bướm lả lơi.**

**Nhưng em ơi!**
**Tình vẫn nồng**
**Và yêu em dù chỉ hư không.**

*San Diego - Mùa Thu 96*

đường suối, đường mòn thường, mà cắt đường băng rừng về đồng bằng. Đi như thế, rất tốn thời gian, lại vô cùng vất vả, nguy hiểm, nhưng họ quyết bảo vệ hàng bằng mọi giá. Chỉ có một ít toán, vì hết lương thực, hoặc ít hàng mới dám đi đường thường. Dọc đường, người lên kẻ về để dấu hiệu lại trên đường đi để báo cho những người đến sau biết hiện QLTT đang ở đâu mà tránh. Thật, tình trầm thấm thiết! Kẻ trốn, người săn liên tục ngày đêm. Những màn rượt đuổi căng thẳng thường xuyên xảy ra trong rừng.

*

Thấy không ra gì, chúng tôi quyết định chuyển đổi địa bàn. Đồng thời, theo như gợi ý của Hoàng, tôi đồng ý cho Tuyển, chủ nhà, nhập nhóm bằng cách góp thêm vốn và đi theo hỗ trợ chúng tôi. Tuyển vốn là thợ rừng, chuyên làm gỗ, kéo gỗ từ hồi còn nhỏ. Hoàng nhắn Tuyển mang theo thêm lương thực, thuê hai chiếc xe gắn máy để di chuyển cho tiện. Tuyển đáp ứng nhanh chóng. Anh ta bán đồ đạc, thuê ngay hai chiếc "xế nổ," một là Jawa — loại xe gắn máy Liên Sô, có phân khối cao, dùng để đi đường rừng khá tốt, dù rất hao xăng, — và một chiếc Honda 67 "xoáy nòng" — nạo lòng xi-lanh rộng thêm để chạy cho mạnh, từ 49 phân khối thành 65 phân khối. Tuyển bao xe bộ đội, chuyển tất cả lên Trạm 33. Ba chúng tôi thay nhau đèo đi về một địa bàn mới, bản An Bai.

Bản An Bai tương đối sầm uất và "văn minh" hơn bản K. Nơi đây, có đường để xe gắn máy chạy vào bản. Có cả cửa hàng. Dân trong bản biết trồng lúa nước, chịu chấp nhận đời sống định canh định cư. Khác với bản K., dân bản này ít đi rừng làm trầm. Họ chỉ lợi dụng vị trí thuận lợi của bản để buôn bán thức ăn, bia, rượu, thuốc, cho gửi xe. Một vài nhà còn biến nơi ở thành nhà trọ cho thuê.

Gửi xe, ăn uống và dò hỏi tình hình "an ninh" (tức là tình hình hoạt động của các đội Quản Lý Thị Trường) xong, chúng tôi đi ngay. Núi ở đây cao. Vùng này nổi tiếng với một cái dốc dài gọi là Dốc Sến. Đúng như cái tên, rừng ở đây không biết cơ man nào là vắt, đặc biệt nhiều dọc theo con dốc. Vắt cũng giống như đỉa, nhưng sống trên cạn, dân địa phương gọi là sên. Chúng tôi mặc quần dài, áo tay dài dùng cao su cột ống thật kỹ, và trùm đầu trùm tóc. Chưa tới dốc, tôi đã thấy chúng xuất hiện. Và suốt con dốc tưởng như dài bất tận, chỉ trừ những khoảng trống rất hiếm hoi, còn thì là vắt và vắt. Hết đợt này đến đợt khác, vừa nghe hơi người từ đằng xa, hàng ngàn, hàng vạn con — tôi có cảm giác như thế — đồng loạt dựng thân dậy, búng vào tay chân, áo quần, mặt mày. Âm thanh rào rào không dứt. Lúc đầu, tôi vô cùng khiếp đảm. Hoàng bảo:

"Mẹ kiếp chúng. Vừa đi vừa gỡ. Càng đứng chúng càng bám vào thêm."

Dần dần, tôi cũng quen. Được cái, như đỉa, chúng hút không đau. Mỗi lần gặp suối, chúng tôi tuột hết áo quần, gỡ vắt. Cột kỹ thế mà chúng cũng bò vào được đến háng, nách, tai, kẽ chân, kẽ tay để hút máu. Và cứ thế, đi một hồi cho chúng cắn, hút đã, chúng tôi dừng lại để gỡ, rồi đi tiếp. Rồi cũng xong.

Dọc đường, không thấy hàng ra, chỉ gặp toàn lái với dân đi cội trên đường vào, đang nghỉ ngơi, ăn uống. Định kiếm một chỗ để dừng lại "đóng quân," đợi hàng thì nghe phía trước có lái đón trước mình, lại vội bươn đi. Hóa ra, đợt này, lái tập trung về đây nhiều chỉ vì nghe tin phong thanh bắn ra từ trong "đung" (láng các người dựng tạm trong rừng sâu để ăn ở và làm trầm, làm gỗ) là có một toán đi trầm gặp được "cây trầm chết đứng," tức là cây gió đã chết khô lâu năm. Theo dân đi cội, gặp được cây này, xem như gặp được một kho vàng, vì những cây như thế toàn là dầu loại một từ gốc đến ngọn, trị giá có thể vài chục cây vàng. Một lý do nữa là, QLTT ăn nằm lâu nay ở vùng này, đột nhiên được lệnh rời đi chỗ khác. Điều đó khiến dân đi cội an tâm chuyển hàng ra hướng này.

Nghe nguồn tin có hàng "xịn," chúng tôi rất kích động, nên bất kể đường xa, cứ băng rừng, leo dốc, vượt suối đi tiếp. Hễ nghe phía trước mình có lái là tìm cách vượt qua. Các lái khác cũng làm như vậy. Thành thử ra, bọn lái chúng tôi, không thách nhau nhưng âm thầm làm một cuộc đua. Thông thường, lái chỉ cần nằm ở bìa rừng đón hàng. Lần này, cuộc đua dẫn lái gần như tiếp cận với "đung," nơi dân đi cội đóng quân. Một số lái không đủ sức đi, đành bỏ cuộc. Riêng ba chúng tôi, vì nhờ Tuyển là thợ rừng, biết cắt đường đi, nên cuối cùng bỏ đám lái lại đằng sau mà họ không hay biết. Cuộc đua tiêu tốn cả ngày rưỡi.

Yên tâm vì không có ai phía trước, nghĩa là chúng tôi có thể độc quyền mua hàng, nên chúng tôi dựng trại nằm chờ. Hàng về rất nhỏ giọt. Đã thế, lại toàn hàng xấu. Biết lái chực sẵn nhiều, nên đám đi cội cứ "neo" giá, nghĩa là đòi giá cao, không chịu bán. Ngày thứ tư, tin ở "đung" bắn ra hàng xịn sắp về. Chúng tôi chuẩn bị tinh thần. Nhưng đúng lúc đó, Hoàng mới phát hiện ra là giấy phép Đại lý sẽ hết hạn trong vòng hai ngày nữa. Bàn lui tính tới, không còn cách gì hơn là Hoàng phải về lại huyện để gia hạn giấy phép. Vì nếu có mua hàng được ngay lúc này, thì với thời gian hai ngày, chúng tôi không cách gì đủ thời gian chuyển hàng về huyện kịp. Các đội QLTT và công an thuế vụ ở bất cứ đâu trên đường đi, thường nắm rất vững hành tung của các đại lý, chỉ đợi sơ hở là "vồ" ngay. Thế là Hoàng về huyện, còn tôi và Tuyển nằm lại đợi hàng.

*

* Trong một trường tiểu học Mỹ, một cậu học trò nhỏ hỏi bạn:

"Không biết ngoài Washington và Lincoln thì còn vị tổng thống nào sinh vào ngày lễ nữa không nhỉ?"

Ngày hôm sau, hàng về tấp nập. Vì quan tâm đến số hàng xịn, nên chúng tôi chỉ mua đại khái, "bận" nào rẻ thì mua, "bận" nào cao thì bỏ, thả trôi. Cứ thế cho đến hơn cả ngày. Cuối cùng, tin chính xác cho hay, toán được "cây trầm chết đứng" đã phân tán hàng, cất rừng chuyển hướng để bảo đảm an toàn. Tin đến làm chúng tôi rã rời. Thực là công toi. Băng rừng lội suối chiếm thế thượng phong, đâm ra vô ích. Ai đi buôn trầm cũng muốn mua được một lô hàng xịn, vì ngoài chuyện bán cho lái Sài Gòn rất được giá, thường lời gấp rưỡi hoặc gấp đôi, hàng xịn còn có tác dụng "kéo" hàng loại dưới lên. Nghĩa là nếu bạn có một lô hàng trung bình hoặc xấu (loại 2,3,4,5...), mà bỏ chung vào một lô hàng xịn thì trị giá của loại hàng xấu tăng lên rất nhiều, trong lúc hàng xịn vẫn giữ nguyên giá.

Tuyển nản chí, muốn về. Nhưng tôi cương quyết ở lại, đợi mua hàng khác. Và rồi, trời không phụ lòng. Hàng tiếp tục ra. Như bù lại với những ngày trước, chúng tôi gần như mua hết hàng của dân đi cội, chỉ bỏ những lô nào quá tệ. Kết quả cuối cùng, chúng tôi mua được trên 40 kí lô hàng trị giá hơn bốn cây hai vàng (3). Chúng tôi chuyển hàng vào một khu vực sâu trong rừng cho an toàn, rồi bắt đầu lựa hàng, phân hàng, sắp xếp, gói kỹ trong những bịch ni lông. Tuyển mang hàng giấu vào trong một hốc đá, rồi ra suối nghỉ ngơi.

Lúc đầu, chúng tôi định trụ ở đây đợi Hoàng lên, nhưng sau khi bàn tính hơn thiệt, chúng tôi thay đổi ý kiến. Nếu hai người ở đây đợi, thì không đủ đồ ăn. Hơn nữa, nếu Hoàng lên, Hoàng không biết địa điểm, vì trong suốt quá trình mua hàng, chúng tôi đã tiến sâu hơn vào trong. Chúng tôi quyết định: Tuyển ở lại, mang hàng giấu ở trong "đung," nơi trước đây Tuyển đã từng ăn, ở để làm gỗ, còn tôi về huyện báo cho Hoàng và cùng trở lên với Hoàng. Chúng tôi thỏa thuận thời gian và địa điểm gặp nhau: ngã ba Long Đại, 10 giờ sáng, ba ngày sau đó.

Khi về gặp Hoàng tại huyện, tôi được biết các đội QLTT đã được báo động về việc tôi mua một số lượng hàng lớn, hiện giấu trong núi. Đội QLTT do một cán bộ thuế vụ tên Gái được lệnh trở lại An Bai để "săn" lô hàng. Đồng thời huyện còn cho tăng cường thêm một số cán bộ thuế khác tuần tra dọc sông và bìa rừng. Trong lúc đó, Ngoại thương huyện cố tình trì hoãn việc đóng dấu gia hạn cho Hoàng. May tôi về đúng lúc. Còn một ít tiền, tôi đưa cho Hoàng vào đấm mõm ngay viên cán bộ phụ trách giấy phép để được ký gấp. Lấy giấy phép rồi, không kịp tắm rửa, chúng tôi vù ngay trở lại An Bai.

Sáu giờ chiều hôm đó, chúng tôi đến lại An Bai. Vừa đến chúng tôi đã nghe thiên hạ bàn tán xôn xao về lô hàng của chúng tôi. Lô hàng đang trở thành câu chuyện hàng đầu trên môi mọi người. Hầu hết đều cho rằng chúng tôi đã "bốc" được một trong những phần của "cây trầm chết đứng." Cái gì không thấy thường được người ta phóng đại lên nhiều lần. Nhất là khi người ta được biết chủ lô hàng đó là một tay lái từ Huế ra, mượn tên Hoàng đứng giấy phép. Trong con mắt dân gian, lái Huế bao giờ cũng "ghê gớm" hơn lái địa phương.

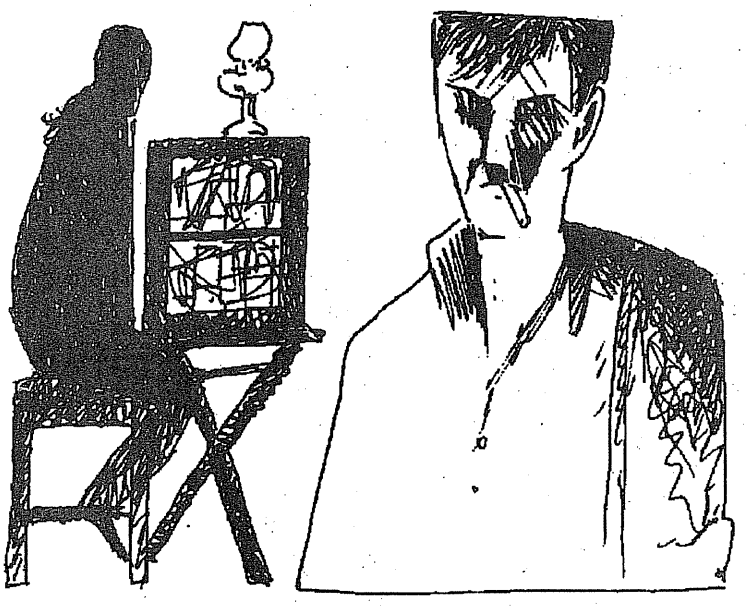

Qua dò hỏi, chúng tôi được tin đội QLTT của đội trưởng Gái đã vượt quá Dốc Sên và hiện đang đóng quân ở một nơi rất sâu trong rừng, đâu ở đoạn Hang Đá. Hoàng kinh hãi:

"Vậy là tụi nó quyết ăn thua đủ với lô hàng rồi. Có đời nào một đội QLTT dám leo Dốc Sên, nói chi đến chuyện vượt quá Dốc Sên một đoạn xa như thế! Tụi nó đến Hang Đá, tức là quyết vượt trước anh và tôi để chận hàng. Như thế tụi nó nắm rất vững nguồn tin, biết rõ đường đi nước bước của mình. Tôi nghi bọn lái bị mua hớt hàng nên tức giận báo cho QLTT săn đuổi. Nào, ăn xong, ta đi ngay. Không chừng trễ mất. Nội trong đêm nay mình phải vượt trước tụi nó."

Tôi đã đuối sức vì phải trải qua mấy ngày chạy lui chạy tới. Theo dự tính, chúng tôi ở lại An Bai đêm đó, nghỉ ngơi lấy sức rồi sáng ra dậy đi thật sớm. Không ngờ tình hình cấp bách đến vậy. Hoàng thì còn nguyên sức — vả lại anh ta còn trẻ. Còn tôi, viễn tượng bị mất trắng bốn cây vàng là quá ghê gớm vì đó là toàn bộ gia sản mà tôi có, trong đó có một phần vay mượn của bà con. Điều này khiến tôi bỗng nhiên quên hết mệt nhọc. Tôi quyết định cùng Hoàng đi xuyên rừng trong đêm. Mục tiêu là, bằng mọi giá, phải vượt qua đội QLTT. Chúng tôi ăn vội vàng cho xong.

Ăn mặc gọn nhẹ, chỉ mang theo một ít chai bia, một ít trứng lộn, hai cái gậy, cây đèn "pin", chúng tôi âm thầm ra đi. Hoàng nói:

"Tuyệt đối không để cho ai biết. Đa số không biết mình là ai đâu. Có ai hỏi cứ bảo là dân đi cội. Bọn đi cội nằm ngủ dọc đường, nên phải tránh gây tiếng động. Và phải để ý nơi nào có thể là chỗ QLTT đóng quân để tìm cách đi vòng."

Cũng may, đêm đó không trăng. Đường rừng tối như mực. Hai chúng tôi mày mò đi trong bóng tối. Thỉnh thoảng, Hoàng dọi đèn xuống đất để tìm đường sau khi đã dùng tay che chắn thật kỹ trước bóng đèn, chỉ để cho một tia sáng thoát ra. Mãi lo lắng, vội vã, tôi quên bẵng cả chuyện vắt cắn. Chúng tôi băng qua không biết bao nhiêu toán đi cội nằm ngủ dọc đường. Nơi nào thấy có người nằm, chúng tôi nín thở, rón rén vượt qua. Khoảng giữa đêm chúng tôi mới đến Hang Đá. Đến đây, chúng tôi đi thật chậm vì đoán là có thể đến gần chỗ QLTT đóng quân. Đi thêm một lúc khá lâu sau chúng tôi mới thấy có ánh đèn le lói. Nhờ ánh sáng phản chiếu từ một đoạn suối, tôi thấy có một lều nhỏ. Hoàng ghé tai tôi thì thầm:

"Đúng bọn nó rồi. Dân đi cội không ai che lều kỹ lưỡng thế. Có lẽ phải leo lên ngọn núi này để vượt qua bọn chúng, anh nghĩ sao?"

Tôi đồng ý, vì cái trại, có thể là do cố ý, đã được dựng ngay lối đi, khó có thể vượt qua một cách êm thấm được. Chúng tôi băng bụi bờ, bám cành cây leo lên núi. Gần suối, cây cối đâm ngang xỉa dọc, hết sức khó đi, nhất lại là trong đêm tối. Chưa kể vấn đề rắn rít đầy dẫy trong rừng. Đã thế, trong đêm thỉnh thoảng lại nghe tiếng hổ gầm. Chúng tôi bất chấp tất cả.

Hoàng hỏi:

"Anh có nghe tiếng gì không?"

"C..ó..ó..." Tôi run run đáp.

"Sợ không?"

"Ơn ơn."

"Nghe thế chứ xa lắm. Vùng này người ta đi lại hàng ngày, Àthiêng' không dám đến đâu."

Hoàng bắt chước dân đi rừng, kiêng kỵ chữ cọp, nên nói ra thành chữ thiêng. Dân đi cội thường dặn nhau: vào rừng đứa nào nói đến chữ cọp, là phải chịu bị đuổi về để bảo đảm an toàn cho cả nhóm. Mất hai tiếng đồng hồ, chúng tôi mới mò mẫm xuống trở lại được con suối. Tôi thở dài nhẹ nhõm, cảm thấy yên tâm vì đám QLTT "ác ôn" đã nằm phía sau mình. Đêm đó, không mền, áo quần ướt đẫm, bụng đói, xương núi xuống dầm dề, hai chúng tôi dựa gốc cây thiếp đi.

Thức giấc, thấy trời hưng hửng, tôi kêu Hoàng dậy đi ngay. Tôi sợ đội QLTT, vốn ăn no ngủ kỹ sẽ dậy sớm, đi trước chúng tôi. Trời sáng dần lên. Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện. Đến bây giờ, tôi mới có dịp diễn tả cho Hoàng nghe về tất cả các lô hàng mua được. Chúng tôi tính toán cách bán: phần nào "nhập nghĩa vụ," phần nào bán cho lái địa phương, phần nào mang đi Huế.

Lội qua một vũng khe rộng, nước sâu, trong vắt như cái hồ nhỏ, tôi thở phào, nói:

"Sắp đến ngã ba Long Đại rồi. Giờ là tám giờ. Chỉ còn hai tiếng nữa, Tuyển sẽ xuống. Mình kiếm một chỗ nào quanh đây, ngả lưng ngủ thêm một tí nữa."

"Đâu được." Hoàng nói, "Mình phải vượt qua chỗ hẹn để đón hàng. Cha Gái này khôn ranh lắm, biết đâu chừng, tụi nó sẽ mò lên đây."

Núi hai bên khá cao. Khe toàn những tảng đá lớn. Trước mặt chúng tôi là ngọn núi có tên là hòn Chẩn. Tuyển cho biết, vượt qua khỏi hòn Chẩn là tới địa phận Lào. Nhìn quanh, thấy núi rừng hùng vĩ, chim hót, khỉ leo, suối róc rách, lòng chợt phơi phới. Leo lên khỏi một cái thác nhỏ, ngã ba Long Đại đã thấy hiện trong tầm nhìn. Đó là nơi con suối tẻ ra làm hai nhánh, một nhánh là con suối chúng tôi đang

VĨNH HÒA HIỆP

## CHIỀU BÊN SÔNG CŨ

**Theo em về miệt Giồng Riềng**
**Thăm vườn mía ngọt, chuyện riêng chúng mình**
**Vườn cây ăn trái hữu tình,**
**Một đôi vấn vít, lung linh trăng rằm.**
**Trao nhau lời hẹn trăm năm,**
**Vun tay xây đắp hạt mầm nở hoa.**
**Chúc mừng hạnh phúc đôi ta**
**Mong sao hạnh phúc chan hòa tình yêu**
**Năm ba con cái yêu kiều,**
**Trăng thanh gió mát đìu hiu giấc nồng.**
**Mơ mai nên nghĩa vợ chồng**
**Dựng xây hạnh phúc, tình nồng ân sâu.**
**Ai ngờ một cuộc bể dâu,**
**Anh ôm mối hận, canh thâu nát lòng.**
**Nhà em rượu đỏ, pháo hồng**
**Là ngày Nhung bước sang sông theo chồng**
**Thạnh Hòa, trở lại bến sông**
**Nhà xưa còn đó người không thấy về**
**Tan rồi một mối tình quê**
**Sao em nỡ bỏ lời thề năm xưa**
**Đợi người một chuyến đò đưa**
**Chiều bên sông cũ nghe mưa nhớ người.**

lội, và nhánh kia chảy về hướng Long Đại. Đang định chỉ cho Hoàng điểm hẹn, thì Hoàng bỗng kéo tôi lùi lại, nấp sau một tảng đá:

"Có cái lều đàng kia, anh thấy không?"

Tôi giật mình. Qua tay Hoàng chỉ, tôi nhìn thấy một chiếc lều nhỏ màu rêu, dựng kế bìa rừng, trên một cụm đá tương đối phẳng phiu. Không thấy người. Hoàng nói:

"Chẳng lẽ có lái nào lên đây trước. Dân đi cội thì không dùng loại lều này vì cồng kềnh."

Tôi lắp bắp:

"Vậy thì ai? Chẳng lẽ là bọn QLTT lên tận đây. Hồi hôm mình đã vượt qua tụi nó rồi mà."

Chúng tôi im lặng suy nghĩ. Cuối cùng, Hoàng dứt khoát:

"Đằng nào thì cũng phải vượt qua thôi. Tôi không tin là cha Gái dám chịu khó dẫn quân lên đây."

Chúng tôi hồi hộp đi tiếp. Đến gần, tôi nghe tiếng người cười nói phát ra từ lều. Người khá đông. Nhìn thấy một người đang loay hoay nấu nướng gì bên gốc cây, Hoàng dừng lại, giọng nghe khô khốc:

"Thằng Xuân công an kìa. Thôi đúng là QLTT rồi. Đội cha Gái."

Tôi dừng lại, tay chân bủn rủn. Trong một thoáng, tôi có cảm giác như tất cả cơ đồ đều sụp đổ. Hết. Mất hết. Không còn gì. Bọn chúng chốt tại đây thì không có cách gì Tuyển đi lọt. Đây là tử điểm. Hai bên núi cao, rừng rậm. Suối thì đá lởm chởm, rong rêu bám đầy. Lều lại dựng khuất sau hai ngã rẻ. Từ trên kia mang hàng ra, dù có phát hiện ra có QLTT thì cũng dừng lại mà chịu trận.

Hoàng tiến tới. Một người đàn ông từ trong lều bước ra, cười lớn:

"Chào ông Hoàng, ông T. Bọn tôi đợi các ông và Tuyển từ hôm qua lận."

Đó là đội trưởng Gái, hung thần của dân đi trầm! Hoàng cười giả lả:

"Chào thủ trưởng. Thủ trưởng chịu khó lên tận đây thì quá ghê."

"Ô, công tác nhà nước, đâu cũng phải đi, dù khó khăn đến mấy. Nào! Tạt vào đây, ta dùng tí trà rồi có gì đó hãy tính sau. Ông T., vào đây ông. Nghe tên ông đã lâu, bây giờ mới gặp. Hà, đúng là một tay lái Huế thứ thiệt."

Hoàng cười:

"Cám ơn."

Tôi nhìn "hung thần" Gái khét tiếng. Ông ta cao, đen, môi dưới trề ra, dày. Cái miệng như lúc nào cũng chuẩn bị để cười. Đôi mắt nhỏ, tinh quái. Ông ta mặc đồ bốn túi, loại đại cán, trông rất "thủ trưởng." Thấy chúng tôi đứng tần ngần, ông ta rút gói 555 ra mời:

"Việc đâu có đó. Nào, làm một điếu cho bình tĩnh."

Tôi và Hoàng không từ chối, lấy thuốc châm hút. Tôi nhìn quanh, lòng ngán ngẫm, ruột gan hoàn toàn nẫu ra. Tôi đếm số người. Có tất cả mười người. Trừ ông Gái và người đang nấu nước, số còn lại đều ngồi trong lều chơi bài. Tôi im lặng, suy nghĩ lung tung. Ông Gái cười châm chọc:

"Không có cách gì thoát đâu, ông Hoàng, ông T. ạ. Bận hàng mấy chục kí xem như đi đong rồi. Nên tính cho lần đi khác là vừa."

Ông ta ném tàn thuốc xuống suối, giọng chợt nghiêm lại:

"Hai ông ạ, hai ông đã vi phạm nghiêm trọng pháp lệnh của nhà nước về nền kinh tế XHCN. Các ông gian dối, lợi dụng kẽ hở của Thương nghiệp XHCN để mưu lợi riêng, làm thiệt hại đến tài sản nhà nước và nhân dân. Riêng ông Hoàng, ông đã từng là công an nhân dân, nắm vững đường lối chủ trương của đảng, Huyện tin ông, cho ông làm đại lý, ông lại liên kết với gian thương làm điều bất chính."

Hoàng cười khẩy:

"Tôi làm gì mà bất chính. Tôi đi mua hàng có giấy phép đàng hoàng."

"Còn ông T. này thì sao?"

"Tôi đâu có dính líu gì đến anh ta. Anh ta đi mua hàng 'xô'."

Gái cười vang:

"Khéo dối. Ai mà chẳng biết chuyện làm ăn của hai ông. Chúng tôi biết cụ thể hai ông làm ăn như thế nào. Ông T. vốn chính, Tuyển góp thêm ba chỉ, còn ông thì chỉ có làm thuê thôi. Ông về gia hạn giấy phép, ông T. và Tuyển ở lại mua hàng cất giấu trên đung, đợi ông Hoàng lấy giấy lên chuyến hàng về. Hà... hà... Gái này dẫn anh em lên đây đâu phải chuyện đùa. Tôi biết các ông đi đêm đi hôm để vượt qua tôi. Dễ gì! Cái lều dưới Hang Đá, tôi cho dựng nên để đánh lừa các ông đấy. Chịu phục chưa?"

À ra thế! Thực quỷ quyệt. Nghĩ đến toàn bộ số vốn bay sạch, ruột tôi nóng như lửa đốt. Tôi hóng về hướng Tuyển về với một hy vọng vu vơ nào đó. Đột nhiên, trong cơn tuyệt vọng, đầu tôi bỗng nảy ra một quyết định. Một quyết định nóng bỏng. Tôi liếc mắt nhìn Hoàng. Chẳng hiểu Hoàng có hiểu ý định của tôi không, nhưng anh ta nháy mắt như tỏ dấu tán thành. Đợi ông Gái vào trong lều pha nước trà, tôi không một chút chần chờ, bỏ chạy vọt ngược lên phía trên. Sau đó, thôi thì bất kể nước nôi, bất kể đá rong rêu trơn trợt, tôi lội, trèo, chạy, nhảy... Toàn đội QLTT lập tức báo động, la ó rầm trời. Súng lên đạn lách cách. Một người nào đó chạy theo ngay sau lưng tôi, la lớn:

"Đứng lại, không ta bắn!"

Mặc. Tôi như điếc không sợ súng, cứ chạy, không thèm nhìn lui. Tôi tìm đường leo lên bờ suối để chạy cho dễ, nhưng bấu vào đá bị trợt, lại rớt tùm xuống suối. Tôi lóp ngóp bơi, bám lên tảng đá khác, tiếp tục chạy. Tay đi sau tôi, cũng không hơn gì tôi, thậm chí còn thua tôi.

* "Tôi nghe nói bạn của anh là một tài tử xi nê nổi tiếng. Thế cô ta đã lập gia đình chưa?"

"Thỉnh thoảng."

* Một nữ tài tử Hollywood luôn luôn nói về hai điều: hoặc về bức ảnh vừa chụp, hoặc về người chồng sắp cưới.

CỔ NGƯ

# BIỂN TRĂNG

**Hồn ta gẫy giữa đêm trăng mười bốn**
**Đổ ầm theo triền đá ngút hơi sương**
**Biển hoang đường**
**Cất tiếng nhân ngư**
**Níu tình lãng tử...**

**Cứ như nghìn năm cuộn trong ngực sóng**
**Phập phồng,**
**Phập phồng thở nhịp hôn mê,**
**Biển xuống lên,**
**Bãi cát dài tê liệt**
**Nở rộng hết châu thân**
**Mê mẩn đến ê chề...**

**Tựa những dấu chân trần vụng về trên cát ẩm**
**Mùa xuân đời trốn trong vỏ ốc**
**Mất tăm hơi**
**Ta nhớ quá, người ơi, trời đất cũ,**
**Ngửng vội đầu**
**Gào rú với trăng hoang.**

*Fos Sur Mer 19.08.94*

Anh ta trèo lên trợt xuống mấy lần đến nỗi tôi bỏ xa anh ta thêm một đoạn. Súng nổ. Mặc. Súng lại nổ. Mặc. Đến ngã ba suối, tôi tần ngần một chút vì chưa biết nên theo hướng nào. Tôi liếc nhìn lui, thấy có ba người chạy theo. Tôi nghĩ, kiểu này trước sau gì tôi cũng sẽ bị bọn họ theo kịp. Nếu tôi bị bắt trong tình huống này bọn họ sẽ tức giận, đánh đập tôi không thương tiếc. Vì thế, tôi rẽ đại về phía trái khi vừa khuất sau một chòm đá lớn. Rồi thay vì chạy dọc theo con suối, tôi lên phía đồi. Tôi đu cành và rễ leo lên, leo lên. Đến lưng chừng ngọn đồi, tôi ẩn mình sau gốc cây lớn, nhìn xuống. Đúng là bọn họ bị lừa. Họ vẫn nghĩ tôi chạy trước họ, nên cứ thế mà đuổi. Tôi yên tâm, dựa vào gốc cây, thở, lòng vừa lo vừa mừng. Liều thật! tôi đã cả gan chọc giận một đội quân hung ác, đang quyết tâm dận tôi xuống bùn. Tôi nhìn lại mình: một chiếc quần đùi, một chiếc áo. Tôi sờ túi. gói thuốc thấm nước, bấy chầy. Cái bật lửa bay đâu mất. Không có gì, không còn gì cả. Đói, lạnh, lo. Tôi nhìn núi rừng mênh mông, thở dài chán nản.

Một lát, tôi gượng dậy, lết đi tìm một nơi thuận tiện, nhìn xuống suối. Tôi nhận ra cái lều của đội QLTT. Một số người đi vào đi ra. Không thấy rõ mặt người nào. Cứ thế khá lâu sau, tôi thấy ba người đuổi theo tôi đã trở về. Sau khi quan sát kỹ, thấy đã đủ mười người, tôi trở xuống suối, đi lên phía trên, với hy vọng gặp ai để hỏi thăm. Đi một hồi lâu, không thấy ai, tôi trở về chỗ cũ. Tôi ngồi đó, nhìn xuống chiếc lều để xem động tịnh, thì thấy không còn gì ở đó cả. Tất cả đã dời đi.

Chừng ba giờ chiều, tôi tìm đường xuống suối để trở về. Đến Hang Đá, tôi thấy ở đó tập trung đủ mặt "văn võ bá quan." Hoàng, Tuyển, toàn đội QLTT và hai lái lạ mặt. Hoàng ra đón tôi trước, nháy mắt cười:

"Anh buôn hàng xô làm gì mà chạy dữ vậy? Ở đâu đến giờ mới về?"

Tôi im lặng, ngồi xuống thở. Tuyển nhìn tôi cười. Không nói ra, nhưng nhìn khung cảnh, tôi cũng đoán được chắc chắn lô hàng đã thoát. Trong lúc tôi chưa biết tính ra sao, đội trưởng Gái đứng dậy ra lệnh cho tay công an tăng phái đến còng tay tôi lại, đồng thời ra dấu cho Hoàng, Tuyển và các lái khác rời địa điểm. Hoàng nói với Tuyển, như để nhắn cho tôi biết:

"Mình về Dốc Sên nghỉ."

Suốt từ lúc đó cho đến khuya, toàn đội QLTT thay nhau hỏi cung tôi. Đi một chặng, hễ dừng lại nghỉ chân là mười người vây quanh tôi vừa dọa dẫm vừa dụ dỗ. Đội trưởng Gái nói:

"Anh nên nhớ rằng, vùng này là vùng biên phòng. Vào đây chỉ có thể là gián điệp, biệt kích xâm nhập hoặc là phỉ phản động. Theo luật, anh bị kết án rất nặng. Chúng tôi sẽ giải giao anh về huyện để xử lý. Nếu anh muốn khỏi tội, cách duy nhất là thừa nhận anh đã móc nối với đại lý để buôn gian bán lận hàng quốc cấm là trầm, đồng thời chỉ nơi cất giấu hàng để có biện pháp xử lý."

Đã kinh qua nhiều lần bị công an thẩm vấn trong trại cải tạo, trước sau như một, chỉ nói một điều: tôi đi buôn hàng xô và không dính líu với ai hết. Về câu hỏi tại sao lại bỏ chạy, tôi trả lời: tôi không hề bỏ chạy, tôi chỉ muốn tránh đội QLTT thôi, vì thực ra, tôi có bị bắt đâu mà bỏ chạy.

Tôi áp dụng biện pháp cù nhầy cù mài như thế cho đến nửa đêm. Thấy có tiếp tục cũng vô ích, đội trưởng Gái ra lệnh thả tôi. Bất chấp đêm khuya, tôi ra Dốc Sên gặp Hoàng và Tuyển. Hai người cho biết, hành động táo bạo của tôi khiến công an nổ súng đã vô tình báo cho Tuyển và toàn bộ dân đi cội biết sự có mặt của QLTT. Nhờ đó, tất cả đã kịp thời giấu hàng hoặc chuyển hướng đi.

Thực ra, chúng tôi vẫn chưa hoàn toàn yên ổn. Đội QLTT còn vây bận hàng thêm một tuần lễ nữa, bằng cách ngày đêm cho người phục kích các ngã: đường mòn, đường suối. Vô ích. Với kinh nghiệm, Tuyển chuyển hàng trên đỉnh núi và sau đó đưa hàng xuống một địa điểm vượt quá chỗ đóng quân của QLTT, trong lúc tôi và Hoàng luẩn quẩn quanh đó để đánh lạc hướng. Biết chắc hàng đã ra khỏi ổ phục kích, tôi và Hoàng mới nhờ một nhân viên trong đội làm

trung gian, dàn xếp với đội trưởng Gái, để Gái ký vào giấy tờ chuyển hàng về huyện. Hai phe bây giờ đụng nhau bằng một trận bia say ngất ngưởng. Khi chia tay, đội trưởng Gái "ác ôn" khen:

"Ông thực là một tay lái liều!"

Về huyện, bán hàng xong xuôi, tôi tổ chức một trận nhậu "tẩy trần" ngay tại chợ Tréo. Khi tất cả nâng ly đồng loạt, một lái địa phương đứng dậy nói:

"Chúc mừng một Àanh hùng' đã chiến thắng vẻ vang đội trưởng ác ôn Gái. Tôi tin là ông ta sẽ bay chức sau Àchiến công' này của anh."

Đội trưởng Gái không bay chức như lời tiên đoán. Ông ta chỉ bay chức sáu tháng sau đó, không phải vì thua lái mà vì hầu bao đã quá nặng, đủ để ông ta về xây nhà, sắm xe. Hơn nữa, đã đến lúc huyện cần thay ngựa, vì một chỗ béo bở như vậy để một người làm lâu quá đâm ra không hay.

Riêng tôi, sau lần đó, tôi không bao giờ ra lại huyện L.N. nữa.

*

Người xưa ngậm ngải tìm trầm. Ngày nay, tìm trầm không cần ngậm ngải và không thiếu gian nan. Xưa cũng như nay, khi đói, người ta thường tìm rừng: môn, khoai, cây, trái... Thiên nhiên hào phóng, lúc nào cũng sẵn sàng dâng hiến của cải cho con người. Nhưng con người tham lam, thô bạo. Rừng không còn thiêng, nước không còn độc. Núi rừng bây giờ toang hoác trước những đợt tiến công không thương tiếc của con người: bom, đạn, đào vàng, xẻ núi, đốn gỗ, lấy trầm... Riêng trầm hương, một loại cây quý hiếm của núi rừng Việt Nam, qua một thập niên bị đạo quân đói — hậu quả của nền kinh tế XHCN — tấn công tàn phá, có lẽ đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Khoảng từ năm 1983 đến 1993 — mà cao điểm là những năm từ 1984 đến 1990 — đạo quân cả trăm ngàn người đó gần như có mặt suốt dãy Trường Sơn, từ Việt Bắc đến Cao Nguyên miền Trung, để tìm trầm: *mọi cây gió gần như bị chặt trụi.* Có đi mới thấy, mới biết. Chẳng rõ có được bao nhiêu cây thoát khỏi búa rìu của con người. Họa chăng chỉ còn những cây non. Có thể cả trăm năm sau, với điều kiện môi sinh được bảo vệ thật tốt, may ra rừng núi Việt Nam mới thấy lại được cây trầm.

Dù sao, có cả triệu người sống qua được cái giai đoạn tàn khốc đó của lịch sử nhờ trầm: những người miền Nam thất cơ lỡ vận, những người miền Bắc nghèo khó, cán bộ, đảng viên, công an, thuế vụ, lâm nghiệp, ngoại thương... Người kể chuyện, trong cơn hoạn nạn, đã được cây trầm cứu vớt. Tuy không trực tiếp đụng đến cây trầm, hạ cây trầm ngả xuống và làm thịt cây trầm, nhưng cũng đã lắm đa đoan, nhọc nhằn... với vô số miếng trầm trên tay. Thành tích năm năm dính líu với trầm, lúc có lúc không, nhưng cũng kiếm được năm đồng ba trự nuôi vợ, nuôi con, và để "ngoe nguẩy" với đời, cho vơi bớt đi nỗi buồn người thất trận.

Xin cám ơn trầm!

Và cũng xin ngậm ngùi thắp nén hương lòng cầu nguyện cho cây trầm được tái sinh ở núi rừng Việt Nam, cho dù một trăm hay hai trăm năm nữa...!■

*tháng Tám, 96*

(1) tương đương khoảng 1/3 chỉ vàng, thời điểm 1985.
(2) miền, có nghĩa là mình, là tôi.
(3) một số vàng hết sức lớn vào thời điểm 1985.


**VAALA**

(714) 537-8352

Nghe chương trình phát thanh VNCR trên lưới:

http://kicon.com/VNCR

## THƯ MỤC CỦA NHÀ XUẤT BẢN THẾ KỶ

| Số | Tên sách | Tác giả | Giá |
|---|---|---|---|
| 9402. | Thơ Bùi Giáng | *(thơ, Bùi Giáng)* | $8.00 |
| 9403. | Hà Nội Trong Mắt Tôi | *(ký, Phạm Xuân Đài)* | $10.00 |
| 9503. | Câu Chuyện Của Lá Phong | *(truyện, Trần Mộng Tú)* | $10.00 |
| 9504. | Để Em Làm Gió | *(thơ, Trần Mộng Tú)* | $10.00 |
| 9506. | Vùng Đá Ngầm | *(truyện, Hà Kỳ Lam)* | $10.00 |
| 9507. | Hoa Vàng Cũ | *(kịch thơ Phạm Xuân Tích)* | $10.00 |
| 9508. | Những Ngày Xa Xưa Ấy | *(ký, Thu Tâm)* | $10.00 |
| 9509. | Đàn Bà | *(truyện, Phạm Văn Hải)* | $10.00 |
| 9510. | Thơ Tình | *(thơ, PVHải vàDĐHưng)* | $10.00 |

# NGƯỜI ĐƯỢC BẠC

## PHẠM NGUYÊN LƯƠNG

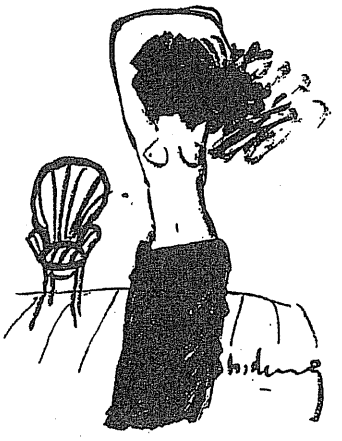

*(tiếp theo)*

Nicolle đã biết rằng Leon đã nói thật với Terry về việc nàng luôn mời Leon lên phòng ngủ với nàng. Nàng nhớ lại hai người đàn ông đang đe dọa nhau trước mặt nàng. Nàng đã quá mắc cỡ bị bắt quả tang đang ngoại tình, lại bị Leon nói ra cái bể bối của nàng. Nàng nhớ lại cảnh vác chiếc khăn lông lớn màu vàng mà Leon đã tặng nàng để chạy vào phòng tắm. Leon đã tình cờ tặng nàng chiếc khăn đó khi đi ở trong chỗ bán đồ ở sòng bài CAESAR, Nicolle đã dối Terry là nàng đã mua chiếc khăn đó. Để lấy lòng Leon, mỗi khi định mời hắn lên phòng, Nicolle đã trải tấm khăn lông lớn đó lên chiếc giường ngủ. Cô ta đã làm Leon cảm động khi được yêu nàng cuồng nhiệt trên chiếc khăn hắn đã mua tặng. Nicolle lại tính khác. Nàng không muốn mây mưa, ngoại tình của nàng để lại dấu vết gì làm Terry nghi ngờ. Chiếc khăn lông vàng đó, đã rất được việc.

Càng miên man về những chuyện mới xảy ra Nicolle càng thấy nàng đã quá phiêu lưu. Mối tình sôi nổi của cô ta và Terry đã kết cục một cách bi thảm. Nicolle tự trách đã gây ra cái chết của Terry. Thấy vậy, nếu Nicolle không đem Leon lên ngủ chung trong phòng của hai người, thì đâu đến nỗi. Nicolle lại tự bào chữa. Nàng cho rằng Terry đã quá đáng, đã làm quá. Tại sao anh ta lại đấm Leon, khi hắn ta đang ngoan ngoãn bước ra khỏi phòng? Dầu sao đã nhỏ con, đã bị lép vế rõ ràng, nhất là khi vật nhau trên sàn. Nicolle nhớ lại những cảnh Leon đã giúp nàng được bạc, nhớ lại những nụ cười hể hả của chính cô ta. Nhiều chuyện đã xảy ra. Nicolle nghĩ thầm: Theo Leon có thể cũng có những cái thú. Cứ mặc đi đến đâu hay đến đó. Nicolle vừa suy nghĩ, vừa thiu thiu ngủ. Chiếc xe Lincoln mầu đen của Leon vẫn lướt mau trên xa lộ. Những đồi, núi của vùng Los Angeles đang khuất dần ở phía sau. Trời mỗi lúc mỗi nắng lớn.

Nicolle chợt tỉnh dậy. Nàng thấy nàng đang nằm ngủ ngon lành bên cạnh Leon. Hắn nhìn nàng mỉn cười. Nicolle hỏi đây là đâu. Hắn cho biết xe đang tới gần San Francisco. Hắn đã lái xe gần sáu giờ đồng hồ liên tiếp, chỉ ngừng lại để đổ xăng và mua đồ ăn sáng. Nicolle hỏi:

"Anh định đi đâu?"

Leon chỉ mỉm cười chỉ về phía trước. Một tấm bảng chỉ đường cho biết San Francisco chỉ còn cách đó 13 dặm nữa. Nicolle như tỉnh ngủ. Nàng hỏi lại:

"Anh nhất định đến San Francisco hả?"

"Chắc là vậy."

"Tại sao? Em chưa đến đó bao giờ."

"Tại sao hả? Em có biết rằng San Francisco là một thành phố đẹp nhất nhì ở California không? Khí hậu ở đó mát quanh năm. Không giống như Oklahoma của em đâu."

"Vậy anh định thế nào?"

"O.K. Để anh nói rõ chương trình của anh: Anh sẽ để em sống ở một khách sạn mà anh đã có lần ở đó trước đây. Anh sẽ trả tiền trước cho em ở đó một mình trong ít lâu. Anh có việc phải đi riêng để giải quyết. Xong việc anh sẽ trở lại đón em. Anh sẽ vẫn liên lạc điện thoại với em hàng ngày vào buổi tối. Vậy đừng có lo gì cả."

Nicolle dẫy nẩy người:

"Trời đất. Tại sao anh lại để em ở một mình ở chỗ xa lạ đó? Em không chịu đâu. Em muốn đi với anh kia mà? Nhỡ cảnh sát bắt được em để điều tra thì làm sao?"

Leon vẫn từ tốn:

"Tại sao em lại cứ lo cảnh sát như vậy? Em

có làm gì sai luật đâu? Chính anh mới là kẻ giết Terry, nhưng cũng là để tự vệ. Chính mắt em đã thấy, như vậy thì đâu có sợ gì? Hơn nữa, cảnh sát chưa thể tìm ra em mau lẹ, để làm phiền em ngay đâu. Phải tự tin chứ cô bé? Đừng lo gì cả. Anh không bỏ em đâu. Anh hứa là mỗi tối sẽ điện thoại cho em, cho đến ngày anh trở lại đón em đó."

Nicolle cố đưa thêm lý do, cố lý luận để được đi theo Leon. Nhưng hắn đã quyết định. Canh bạc đã ngã ngũ. Hắn biết quân tẩy của hắn là tẩy gì. Nhưng hắn chỉ cho Nicolle biết như mọi lần, sau khi hắn đã dàn xếp xong mọi việc hắn cần làm. Chắc chắn Leon lại sẽ thành công như mọi lần, như hắn đã đánh bạc. Hắn đã bảo Nicolle đừng lo gì cả. Vậy thì cứ phải theo lời hắn thôi.

Leon đã nhanh nhẹn dàn xếp mọi chuyện. Hắn vác chiếc va-li của Nicolle để đưa cô ta lên phòng của khách sạn. Hắn đã trả trước tiền phòng hai tuần ở đấy cho cô gái. Hắn chỉ nàng cảnh đẹp chung quanh của khách sạn. Nơi đó vừa ở trên đồi, vừa trông được ra cây cầu nổi tiếng Golden Gate. Hắn nói:

"Cảnh đẹp hiếm hoi như thế này, mà em không tận hưởng thì về sau, đi chỗ khác, em sẽ tiếc lắm đó."

Leon ôm Nicolle hôn nhẹ lên môi. Nàng không chịu, kéo đầu hắn xuống lần nữa để hôn say đắm. Nàng thấy nhớ hắn hơn bao giờ. Cô nàng đang sợ bị ở đó một mình. Leon đẩy Nicolle ra. Hắn bước lên xe, rồ máy chạy ra khỏi khách sạn. Nicolle đứng đó, vẫy tay.

Cả ngày hôm sau Nicolle ủ rũ ở trong phòng. Cô nàng đi đi lại lại. Hết đến ngắm cây cầu Golden qua cửa sổ lại trở vào giường. Những chương trình truyền hình ở San Francisco đã khá hấp dẫn, nhưng nàng chỉ coi một lúc, rồi tắt đi. "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ." Nàng không thấy đói. Bữa ăn tối, Nicolle mới mò xuống phòng ăn của khách sạn ăn một mình. Chung quanh cô nàng toàn những bộ mặt vui vẻ. Họ đến San Francisco du lịch. Họ đi có đôi hoặc có cả đại gia đình nữa. Họ ngạc nhiên thấy cô gái trẻ và đẹp, lại ngồi ăn một mình.

Nicolle thấy buồn thêm. Nàng chẳng muốn đi quanh để tìm hiểu thành phố như Leon đã dặn. Nàng ở dịt trong phòng để chờ điện thoại của Leon. Tối đó nàng đã chờ đến 11 giờ đêm vẫn không thấy hắn gọi lại. Nàng chán nản. Cố ngủ mà không được. Nicolle nẩy ra ý định: nàng gọi về cho mẹ.

Bà Karen ngạc nhiên thấy con gái nói rằng đang ở San Francisco. Bà hỏi ông Terry đâu? Nicolle nói quanh, bảo rằng Terry đi làm đêm tối đó. Nicolle kể cho mẹ nghe những thú vui ở Las Vegas. Cô ta kể tên Leon nhiều lần. Cô ta còn bảo với mẹ rằng, dạo này cô ta đánh xì-phè có hạng rồi. Tất cả là nhờ Leon dạy cô ta. Bà Karen nghe con gái ít nhắc đến Terry, bà độ chừng rằng con gái đã chán Terry. Bà hơi ngạc nhiên, đoán chừng rằng Nicolle lại sắp sống với tay Leon này đó. Bà cho Nicolle biết, cháu của bà, Kathy, người vẫn chơi thân với Nicolle hồi nhỏ, hiện đang sinh sống ở San Francisco. Bố mẹ của Kathy sống ở Sacramento, nhưng Kathy thì đang theo học ngành y tá ở đại học U.C.S.F.

Kathy hơn Nicolle bốn tuổi. Bây giờ đang trọ một mình ở gần China-town để đi học. Bà Karen bảo rằng nếu Nicolle có rảnh, cứ lại chơi với Kathy. Nicolle mừng quá. Ở nơi lạ, lại bị bỏ bắt ở riêng, nay biết tin có người thân đang đang ở đó, thì còn gì hơn nữa. Cô ta xin địa chỉ và điện thoại của Kathy, định sẽ gọi ngay cho cô em họ sau khi nói chuyện với mẹ. Nhưng rồi, Nicolle nghĩ lại. Cô nghĩ rằng cô ta đã nói chuyện với mẹ cô quá lâu. Có thể Leon đang tìm cách gọi cho Nicolle lúc đó. Nếu nói chuyện với Kathy, Leon sẽ không thể chờ, và sẽ không gọi Nicolle nữa. Nicolle muốn biết rằng Leon lúc đó đang ở đâu? Hơn nữa, cô ta biết rằng, hoàn cảnh của cô ta rất tế nhị. Nicolle không muốn khai ra cho Kathy biết những chuyện gì đã xảy ra. Nicolle nhớ rằng cô em họ Kathy đó lớn tuổi hơn, lại rất thông minh. Vai vế là em họ, nhưng nhiều lúc, hồi trẻ, Kathy đã hành động như chị của Nicolle; mặc dù hai người đã rất thân thiết và thích chơi với nhau.

Nicolle đã chờ đợi liên tiếp mấy đêm liền mà cũng không thấy Leon gọi lại. Mấy ngày đầu, Nicolle còn tràn trề hy vọng. Cô ta nghĩ rằng Leon sẽ vì yêu cô mà gọi về. Càng chờ đợi, cô ta càng thấm thía. Nicolle dần chấp nhận sự thật. Cô ta nhớ lại rằng: ngay từ ngày đầu quen biết nhau, Leon đã không có những cử chỉ thương yêu cô ta như Terry vẫn thường làm. Hắn chỉ say mê cờ bạc. Giờ chắc hắn nghĩ "Đem mỡ dí miệng mèo," Nicolle có vuốt ve hắn ta, có mời hắn ta lên phòng riêng, Leon mới hăng hái làm tình và ngủ với nàng.

Chuyện hắn chở nàng đến San Francisco và bỏ nàng ở riêng trong khách sạn, có thể đã là một trong những toan tính của hắn. Nicolle nghĩ rằng chưa chắc vì Leon muốn có nàng ở gần để làm tình với nàng. Hắn đã luôn thụ động trong tình yêu. Vấn đề ân ái đều do Nicolle chủ động, để trả ơn và muốn để hắn tiếp tục dạy nàng đánh bạc nhiều hơn nữa. Cô nàng thêm tự ái thấy rõ là Leon đã coi cô ta chẳng ra gì. Nhất là có thể Leon thấy Nicolle không còn giúp hắn được bạc như hắn vẫn dị đoan. Có thể giờ phút đó Leon đang phiêu dạt ở chỗ sòng bài nào đó, và lại tìm ra những dị đoan khác để giúp hắn được bạc.

Nicolle lại đoán rằng Leon bỏ cô ta ở San Francisco để cảnh sát mất thêm thì giờ điều tra. Để khỏi làm rầy hắn. Với tính máu mê cờ bạc, Leon sẽ lại đi đánh bạc ở đâu đó. Vì tính tin dị đoan, việc xảy ra khiến hắn phải bắn chết Terry, có thể Leon đã nghĩ rằng Nicolle đã dự phần, đã làm hắn xui xẻo và hắn không muốn gần gũi Nicolle nữa. Vì vậy Leon đã thí cho nàng một ít tiền và hai tuần lễ ở khách sạn. Càng nghĩ đến những ngày hạnh phúc, khi Nicolle được người tình trung niên Terry dẫn đến Las Vegas, Nicolle càng tiếc nuối.

Nicolle biết rằng chính cô ta đã để cho Leon làm quen và chủ động lừa dối Terry. Cô ta đã

liên tiếp ngoại tình với Leon khi Terry đi làm. Những chuyện xảy ra đã quá kinh hoàng. Nicolle luôn mơ thấy cảnh Terry bị Leon bắn vào đầu và ngực. Đã giết Terry, người tình thân yêu của cô ta, giờ đây Leon lại bỏ Nicolle bơ vơ. Càng nghĩ, tình cảm của cô ta còn lại cho Leon cứ mất dần, tuy nhiên cô ta vẫn tự mâu thuẫn. Cô ta vẫn chờ điện thoại của chàng trai Leon, và biết rằng cô ta sẽ tha thứ hết, nếu Leon lại muốn cô ta đi với hắn.

Vào tối ngày thứ ba ở San Francisco, Kathy đột nhiên gọi lại cho Nicolle. Cô ta nói rằng mẹ Nicolle đã cho số điện thoại. Kathy trách Nicolle sao không gọi cho cô ta, làm Nicolle thêm ngượng ngùng. Nicolle tự nghĩ, cố tránh mà không được, hơn nữa, Nicolle cũng biết rằng sau hai tuần ở khách sạn đó, cô ta không biết sẽ ở đâu? Nicolle bèn tìm cách nói quanh. Cô ta cho Kathy biết là cô đang đợi một người bạn trai. Người bạn đang đi lo vấn đề sinh sống của hai người. Nếu anh ta trở lại Nicolle phải theo quyết định của anh ta. Trong khi chờ đợi, nếu Kathy không thấy gì trở ngại thì Nicolle sẽ dọn đến ở chung cho có người nói chuyện.

Kathy nghe chuyện biết rằng cô chị họ đang có chuyện gì đó. Cô ta nói rằng cô ta đi học suốt ngày, tối mới về nhà. Vì thế tính thực tế, Kathy thấy cách hay nhất là Nicolle cứ đến ở với cô ta để khỏi tốn tiền khách sạn. Thấy Kathy đã lo lắng cho mình, chàng Leon lại không hề gọi lại, Nicolle thấy lời mời của cô em họ thật hợp với hoàn cảnh của cô ta. Nicolle quyết định đến ở chung với cô em họ.

Trước khi rời khách sạn, Nicolle báo cho nhân viên ở đó biết địa chỉ và số điện thoại mới của cô ta. Nicolle vẫn hy vọng Leon sẽ gọi lại. Nhờ khách sạn trả lại số tiền vì không ở đó cả hai tuần, cộng thêm với tiền Leon đã đưa để ăn uống hàng ngày, Nicolle đã có một ít tiền khi về ở chung với Kathy. Hai chị em họ gặp lại nhau đã rất vui. Họ đã có nhiều kỷ niệm để nói với nhau. Nicolle vẫn giấu biệt những chuyện ghê gớm mà cô ta đã mục kích và tham dự. Đại khái cô chỉ cho Kathy biết là cô đang chờ đợi người bạn trai Leon.

Ngày lại ngày trôi qua trong nặng nề. Nicolle thấy rõ ràng Leon đã không hề gọi, hoặc trở lại San Francisco để tìm cô ta. Tuy nhiên, cô ta vẫn bào chữa cho Leon. Cô sợ rằng Leon đã gọi điện thoại nhưng vì nhân viên thay đổi giờ làm việc, hoặc họ để lộn địa chỉ của người đã ra khỏi khách sạn của họ đâu đó. Hoặc họ không có thì giờ lo cho người không còn là thân chủ của họ nữa. Vì thế, dù Leon có gọi lại, đã không có số điện thoại và địa chỉ mới của Nicolle. Vừa buồn, vừa hy vọng như vậy, Nicolle suốt ngày ra vào phòng trọ của Kathy. Cô ta chẳng thiết làm gì khác.

Ngày cuối tuần, Kathy có nhiều thì giờ để nói chuyện với cô chị họ. Thấy Nicolle vì không thấy bạn trai trở lại, đã âu sầu, khó chịu. Kathy đoán rằng cô chị đang gặp phường sở khanh. Chính Kathy cũng đã có nhiều chuyện đổ vỡ với các bạn trai của cô ta. Vì thế, Kathy rất thông cảm hoàn cảnh Nicolle bị dụ dỗ, rồi bị bỏ rơi ở khách sạn ở San Francisco. Kathy rủ cô chị họ đi chơi các nơi nổi tiếng của thành phố Cựu Kim Sơn cho khuây khỏa.

Những ngày cuối tuần Kathy đưa Nicolle đi thăm viện bảo tàng, thăm chỗ nuôi cá, có nhiều giống cá lạ. Thăm khu thương mại của người Tầu, người Nhật, người Ý... Dùng xe Bart, một loại xe điện ngầm tối tân, đi thăm khu Oakland, ngắm cầu Golden. Đi đâu Kathy cũng mang theo một khẩu súng nhỏ, giấu trong sắc tay. Kathy kể rằng ở San Francisco, và có thể ở bất cứ đô thị lớn nào khác, đều có nhiều tội ác, nhiều phường bất hảo, luôn tìm cách cướp của, hãm hiếp đàn bà, con gái.

Chính mắt Kathy đã thấy cảnh một bà Tầu, khoảng chừng 50 tuổi, đang đi mua bán trên đường Market ở San Francisco một mình. Khi bà ta vô tình đi gần lề đường, một xe hơi chở ba tên, hai mỹ đen, một mỹ trắng đã đi theo. Chúng dừng xe để hai tên ngồi ở băng sau chồm ra, đứa nắm tay, đứa bụm miệng bà Tầu, để kéo vào xe chúng. Bà Tầu đã chống cự, nhưng vì chúng quá mạnh, nên bị chúng lôi tuốt lên xe lái đi mất. Mọi người chung quanh đã chứng kiến từ đầu. Đám đông chưa ai làm gì được, thì chúng đã biến mất. Hai ngày sau, Kathy nghe đài phát thanh Cựu Kim Sơn loan báo đã tìm thấy xác một phụ nữ Á Đông ở một khe núi gần Sauselito. Khám nghiệm tử thi cho biết là bà Tầu đó đã bị hãm hiếp bởi nhiều người. Các hung thủ đang bị F.B.I. truy nã.

Từ đó Kathy quyết định mua một khẩu súng nhỏ để tự vệ. Nhìn khẩu súng của Kathy, Nicolle nhớ lại khẩu súng nhỏ của Leon vẫn giấu trong giầy ủng của hắn. Nicolle không thích nhìn khẩu súng đó, vì làm cô ta nhớ lại cảnh người yêu Terry của cô ta đã bị Leon bắn chết.

Thời gian qua mau. Hai tuần lễ ở với Kathy, Nicolle vẫn không được tin tức gì của Leon. Cô gái giờ đây mới tin chắc rằng Leon đã thực sự bỏ cô ta, không hề luyến tiếc hay thắc mắc gì cả. Cô ta càng thêm tự ái khi Kathy lâu lâu lại vô tình hỏi thăm về người bạn trai đó. Hết hy vọng gặp lại Leon, Nicolle thấy rằng cô ta phải đối phó với thực tế. Sống chung với Kathy, cô ta vẫn phải bỏ tiền ra mua đồ ăn chung. Muốn tiếp tục ở lại San Francisco, và muốn cho công bình với cô em họ, Nicolle phải thêm tế nhị. Cô ta phải tình nguyện trả một nửa tiền ăn và trọ ở đấy. Nicolle chưa muốn về lại Fort Supply để ở lại với bố mẹ. Cô ta không muốn gặp lại người tình cũ Steven ở đó, mặc dầu cô ta cho biết rằng Steven vẫn còn chờ cô.

Thật vậy, Nicolle không muốn trở lại với người tình cũ Steven. Những kỷ niệm đầu đời với người tình đó không làm cô ta hứng khởi chút nào. Sau bao tháng phiêu dạt, sống chung với những người đàn ông lịch lãm, có tài riêng, Nicolle thấy anh chàng người yêu cũ Steven đó đã quá quê mùa và non kém. Để ở lại San Francisco và tiếp tục hưởng những thú vui ở thành phố du lịch đó, Nicolle đã đi tìm việc làm. Nhờ sự trợ giúp của Kathy, nhất là nhờ có nhan sắc

cũng như có tính tình sắc sảo, nhờ những kinh nghiệm trong mấy tháng qua, Nicolle đã dễ dàng tìm được việc làm đứng bán hàng cho một tiệm bách hóa và bán xăng 7-11.

Theo lời khuyên của ông chủ tiệm, ông chủ mới của Nicolle, và nhất là thấy những tiệm bán bách hóa như vậy dễ bị bọn cướp thăm viếng vào những giờ khuya khoắt, Nicolle quyết định mua một khẩu súng nhỏ như của Kathy, để phòng thân. Ngay từ những tuần lễ đầu, Kathy đã dẫn Nicolle đi tập bắn ở những xạ trường của tư nhân. Loại để những người có súng nhỏ, có tầm phá hoại giới hạn, có thể tập bắn ngay trong thành phố. Nicolle đã học biết cách sử dụng súng rất mau. Chỉ một thời gian ngắn, cô ta có thể bắn rất mau và chính xác. Nicolle rất tự tin khi thi bắn với Kathy. Và cũng từ đó, đi làm hoặc đi những chỗ khả nghi, cô ta đều mang theo súng giấu trong bóp nhỏ của cô ta.

Những tháng sống chung với cô em họ Kathy đã thật vui. Ngoài những giờ phải đi làm hoặc đi học, hai cô gái luôn đi chơi hoặc giải trí với nhau. Cả hai đều có những kỷ niệm không mấy đẹp với đàn ông, nên tạm thời họ vui cùng người đồng phái. Tuy nhiên cả hai đều chê cách luyến ái của những người đồng tính luyến ái Lesbians. Họ vẫn ngủ giường riêng và giao thiệp vui vẻ với nhau một cách đứng đắn, như những chị em họ bình thường khác. Tuy nhiên Nicolle vẫn thầm mơ về Leon. Mỗi khi thấy có khách hàng nào đến mua hàng trông hao hao giống Leon, tim cô gái cũng thấy đập mạnh, đêm về lại không khỏi mơ lại chàng thầy dạy cô ta đánh bạc đó.

Nghĩ về Leon, Nicolle vẫn nửa thương, nửa giận. Tình cảm bộc lộ qua lời nói và cử chỉ. Chính Kathy cũng biết rằng, nếu lúc đó, đột nhiên chàng Leon xuất hiện và vui vẻ với Nicolle, cô gái trẻ trung này sẽ tha thứ hết, để sống lại với anh ta. Nhưng đó, có lẽ chỉ là giấc mơ của cô gái đang khao khát được yêu thương. Thực tế, vẫn chỉ hai chị em họ nay đi chỗ này, mai chơi chỗ khác.

Được cô em họ rủ đi Reno, Nicolle rất háo hức. Cô ta muốn thử lại xem những ngón nghề chơi bạc hồi Leon đã dạy, cô ta có còn nhớ và được bạc nữa hay không? Sau khi xin phép nghỉ một tuần, hai cô gái giúp nhau chuẩn bị mọi thứ cho buổi nghỉ hè xa nhà đó. Kathy đã đến Reno nhiều lần, vì vậy cô ta thảo sẵn chương trình. Ngoài thú đánh bạc, họ còn đi bơi thuyền, đi ngắm cảnh, đi săn, đi trượt tuyết v.v... Kathy không quên đem theo bản đồ, ống nhòm, các đồ leo núi... Cô ta bảo Nicolle rằng ở Reno còn có thú leo núi, ngắm thú rừng, cảnh đẹp... làm Nicolle rất hào hứng.

Họ đã rời nhà rất sớm hôm đó. Kathy lái xe hết sức cẩn thận. Xa lộ của California rất tốt và rõ ràng. Ngoài những lần sơn trắng kẻ rõ những lối đi như ở các tiểu bang khác, ở California lại có những hàng nắp kim loại không rỉ sét, đóng dọc theo các lối đi đó, để giúp người lái không chạy lộn sang lằn bên cạnh. Nicolle tha hồ ngắm cảnh đồi núi của California và Nevada. Đến El Reno, hai cô gái lập tức dọn đồ ngay vào phòng. Họ đã gọi để thuê trước phòng mà họ muốn chọn, vì vậy, chỗ ở đã sẵn sàng khi hai cô gái tới nơi.

Vừa chất đồ vào phòng xong xuôi, Kathy rủ Nicolle đi đánh bạc ngay. Cả mấy tháng chưa hết ngứa ngáy tay chân, Kathy có vẻ hăng và mau mắn, nhưng thực ra cô ta tính toán mọi thứ rất kỹ lưỡng. Cô ta biết khả năng tài chính của cô ta. Nên dù thích thử thời vận, Kathy vẫn tự giới hạn, chỉ dám bỏ mỗi ngày ra một số tiền để đánh bạc. Nếu được bạc, cô ta sẽ tiếp tục chơi. Bằng thua hết món tiền định chơi ngày hôm đó, Kahty sẽ ngừng lại, để giải trí những thú khác ở Reno. Hôm sau mới lại tiếp tục đánh bạc nữa, với số tiền cô ta đã quy định.

Nicolle thấy chương trình của Kathy có lý. Nicolle cũng chẳng để dành được bao nhiêu sau mấy tháng đi làm. Nicolle biết rằng cô ta không thể nào so được với ý chí mạnh mẽ của Kathy. Cô ta không thể học cao lên được như Kathy, và rất dễ bốc đồng đánh hết số tiền của cô ta đem theo vào ngay lần đụng trận đầu tiên. Tuy nhiên Nicolle lại tự tin ở tài được bạc, đã được Leon chỉ dẫn từ trước. Và quả vậy, mấy lần thử lửa đầu tiên Nicolle đã thắng dễ dàng. Kathy cũng hên không kém. Đống tiền thẻ trước mặt hai cô gái, đã cao dần. Cô nọ nhìn cô kia đầy hể hả.

Tối đầu tiên họ hăng say chơi tới gần sáng mới mò về phòng. Họ đã thua bớt đi, nhưng tính lại vẫn còn được bạc. Ngày hôm sau, được đà hai cô gái lại đi đánh bạc ngay. Nhưng rồi vận xui đã đến cho Nicolle. Cô ta thấy kỳ lạ là nhà cái luôn luôn trên chân cô ta. Nicolle có hai đôi, thì nhà cái lại có ba quân. Rút được ba quân, nhà cái lại "Toàn hàng" hoặc "Tứ quý" (Four of a kind).

Trong có hai tiếng đồng hồ, Nicolle đã chơi mất hết số tiền được bạc hôm trước. Hoảng hồn, cô gái vội dời sang bàn khác để đánh cho hên


# CHIA BUỒN

Được tin

**Cụ NGUYỄN NGÔ RIỄN**
**Tức thi sĩ TRÌNH XUYÊN**

Đã từ trần ngày 03 tháng Mười 1996
tại San Jose, California,
hưởng thọ 85 tuổi,
Chúng tôi xin thành thật chia buồn
cùng tang quyến, và cầu nguyện
linh hồn cố thi sĩ sớm siêu thoát.

*Tạp chí THẾ KỶ 21*

hơn. Nhưng rồi vẫn tiếp tục thua; cô ta hết sạch tiền. Cay cú, Nicolle định đi tìm Kathy để xin trợ vốn. Nhưng rồi, nhớ lại Kathy đã dặn trước: Cô ta cũng luôn dị đoan khi đánh bạc. Kathy không muốn cho ai vay số tiền cô ta đang được, vì số tiền còn lại sẽ theo đi luôn.

Vừa bối rối, vừa tức bực, không biết làm sao để có thêm tiền đánh bạc, Nicolle bèn đi lại khắp nơi trong sòng bạc, để mong gặp người quen nào đó. Đang đứng quan sát một bàn xì-phé ở lầu ba, đột nhiên có người bất chợt lấy tay bịt mắt Nicolle như có vẻ đùa cợt. Nicolle ngạc nhiên, nghĩ rằng Kathy đang đùa rỡn với cô ta. Không ngờ người bịt mắt Nicolle lại chính là Leon, người bạn trai cũng là ông thầy dạy đánh bạc cũ! Nicolle sững người nhìn người tình cũ. Cô ta chưa biết phải đối xử ra sao với người đã từng bỏ quên cô ta ở khách sạn của San Francisco. Anh chàng bảnh trai Leon này, trái lại, làm như không có chuyện gì đã xảy ra. Anh ta thân mật nắm tay cô gái, kéo cô ta sát lại, rồi nói nhỏ và tai cô gái:

"Nicolle. Anh nhớ em quá. Làm gì em lại bỏ khách sạn anh đã thuê cho em và đi đâu đó, không cho anh biết gì cả vậy?"

Nicolle ngạc nhiên. Cô ta cong cớn:

"Chứ không phải là anh đi biệt tích, vì anh chẳng muốn đem con bé xui xẻo này đi theo hay sao?"

Leon trí trá:

"Này. Này... Em chưa biết sự thật, thì khoan hãy trách móc anh chứ. Bộ khách sạn đó không báo cho em biết là anh đã gọi về tìm em bao nhiêu lần rồi hay sao?"

Nicolle đờ mặt. Cô ta không hiểu rằng Leon đang nói thật, hay đang đóng kịch nữa. Giọng cô ta rụt rè hẳn lại:

"Thật sao? Chẳng thấy ai nói là anh có gọi điện thoại gì cả. Hơn nữa ba ngày đầu em còn ở đó, có thấy anh gọi gì đâu?"

"Phải nói rằng năm bữa đầu đó, anh đã quá bận. Anh chỉ gọi cho em vào các ngày sau thôi... Mà này, bây giờ gặp lại nhau rồi. Bộ em lại muốn cứ đứng đây mà trách móc lẫn nhau hay sao đây hỡi cô thần tài, người đã bao lần đem lại may mắn cho tôi này!

Nicolle sìu mặt:

"Em vừa thua hết tiền rồi. Hôm nay xui quá. Chẳng bù bữa qua được như điên. Em vẫn áp dụng chiến thuật anh dạy em hồi trước đó."

Leon cũng tâm sự:

"Mình có lẽ cũng giống nhau thôi. Hôm nay anh cũng chẳng được gì. Từ sáng đến giờ, anh thua hoài ở sòng bên kia đường. Vừa định sang đây, để xem có hên hơn không, thì gặp em ở đây đó. Hay là sẵn có em ở đây, để anh thử thời vận xem sao?"

"OK... Em sẽ không đánh, chỉ nhìn bài anh thôi. Nếu anh được bạc thì cho em tiền. Muốn cho bao nhiêu thì cho, như ở Las Vegas đó."

"Sẵn sàng. Sẵn sàng. Cô thần tài à. Tụi mình sang bàn Xì-dách bên kia nghe."

Không biết vì có sự trùng hợp, hoặc run rủi nào đó, hoặc vì có người cùng ngắm bài, Leon đã đánh bạc thận trọng hơn. Những canh bạc xì-dách đó anh ta đã liên tiếp thắng đều. Giữ lời hứa, Nicolle chỉ ngồi giữ tiền cho Leon. Khi Kathy đến tìm, cô ta đã ngạc nhiên thấy Nicolle giới thiệu đó là người bạn trai đã để cô ta chờ hoài ở khách sạn hồi trước. Nicolle nói nhỏ vào tai Kathy, kể cho cô em họ biết lý do chính đáng, đã làm Leon không thể về đón Nicolle được. Cô đổ là tại khách sạn đã vất đi địa chỉ của cô ta, vì thấy cô ta không là khách hàng của họ nữa.

Nicolle đã úp mở cho Kathy biết là tối đó, cô ta sẽ đi theo Leon. Nhưng lại nhấn mạnh rằng hết năm ngày nghỉ hè, trừ trường hợp Leon có gì bảo đảm hẳn hoi để cô ta đi theo người bạn trai đó, nếu không, Nicolle vẫn theo Kathy về lại San Francisco, để tiếp tục đi làm ở đó. Nicolle vẫn còn nghi ngờ Leon và không muốn bị lỡ tàu như lần trước.

Những ngày còn lại, Kathy đột nhiên trở thành cô đơn. Cô ta mất cả hứng thú vì phải nghỉ hè ở đó một mình, trong khi Nicolle bám theo bạn trai đi đâu mất dạng. Đã thế Kathy lại liên tiếp thua bạc. Tính ra cô ta chỉ được tiền vào đêm đầu. Sau hai đêm liên tiếp bị thua, ở lẻ loi một mình, Kathy chán nản, đã tính về lại San Francisco một mình. Nhưng nhớ lại lời hẹn với Nicolle, cô ta cố ở lại để tiêu cho qua hai ngày nghỉ hè còn lại.

Trước hôm trả phòng để về lại Cựu Kim Sơn, Kathy lại nhận được điện thoại của Nicole báo rằng cô ta đã liên tiếp bàn thảo với Leon về cuộc tình của hai người, để xem hắn muốn giải quyết như thế nào. Nhưng Nicolle cho biết, Leon vẫn còn lừng khừng. Vì thế, Nicolle nói rằng, cô ta không muốn bị Leon coi thường cô ta như lần trước. Nicolle muốn về lại San Francisco với Kathy để tránh cảnh đi theo Leon, rồi lại bị bỏ rơi.

Sáng hôm đó, hết tiền đánh bạc, Kathy dùng tiền còn lại, định ra hồ Tahoe thuê xuồng đạp nước đi chơi một vòng để ngắm cảnh hồ trước khi về lại San Francisco. Đến bờ hồ, thấy nhiều cặp tình nhân đua nhau đạp nước vui vẻ, Kathy nhớ lại chàng bồ cũ cũng đã dẫn cô ta đến đạp xuồng nước ở đó. Kathy cảm thấy quá lẻ loi. Cô tủi thân. Không muốn thuê xuồng đạp nước một mình nữa, cô ta quyết định lái xe đi ngắm cảnh ở những thung lũng đầy cây cối, có thông, có suối nước và rừng cây bạt ngàn ở xa. Bên kia thung lũng lại có những đường mòn, hình như có người đang đi dạo nữa. Thấy vậy, Kathy liền đậu xe vào chỗ Parking ở gần đó đi bộ ra ngắm cảnh.

Kathy lấy chiếc ống nhòm ra coi. Từ chỗ Kathy đứng, ở bên này thung lũng, cô ta có thể nhìn rõ những đường mòn làm vòng quanh núi, giữa những rừng cây để du khách đi bộ quanh đó ngắm cảnh thiên nhiên. Nhiều cặp tình nhân đã theo những con đường đó để du ngoạn với nhau, hoặc ngồi trong chiếc chòi gỗ được làm sẵn ở mỏm đá để có thể ngắm cảnh ở thung lũng, ngắm những rừng cây, suối nước lửng lờ, róc rách.

Đang theo dõi một con nai nhỏ đang đến gần

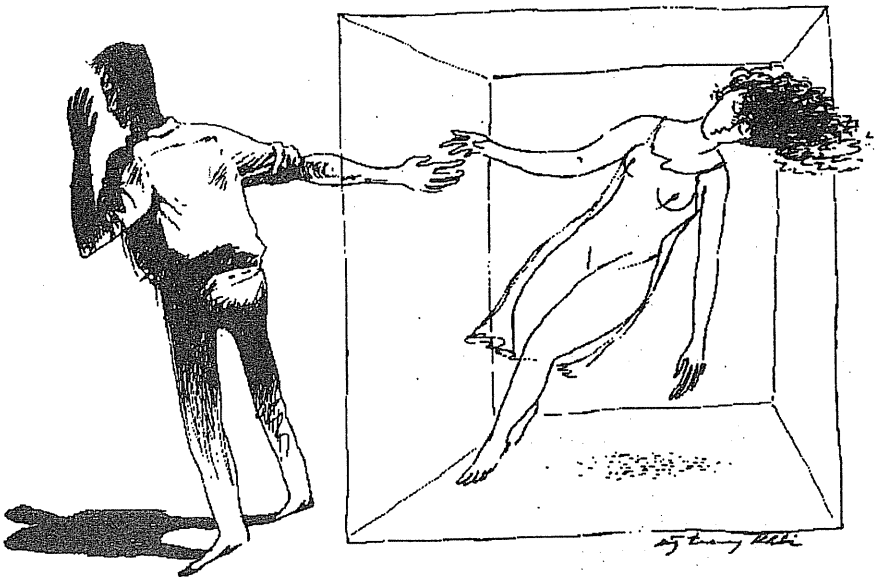

chỗ đường mòn, nơi mấy người leo núi vẫn đi qua, Kathy thấy một cặp trai gái, mặc đồ thể thao vừa từ trong rừng đi ra. Họ vừa đi vừa nói chuyện. Con nai thấy bóng người, vụt chạy mất. Kathy rõi ống nhòm nhìn theo cặp trai gái. Cô bỗng giật mình nhận ra cô gái chính là Nicolle và chàng trai mặc áo thung màu xanh nhạt, quần soóc trắng đi bên cạnh chính là Leon. Hôm đó Nicolle mặc áo thung trắng, quần ngắn màu nâu nhạt. Trông cô ta nhí nhảnh đầy nhựa sống. Nhưng nhìn kỹ, Kathy mới thấy hình như Nicolle đang vùng vằng, giận dữ chi đó. Cô ta vừa lắc qua lắc lại cái ví da, vừa ngoái cổ lại như có vẻ gây gỗ chi đó với Leon. Ở quá xa, nhờ ống nhòm, Kahty có thể thấy được hai người nhưng không sao nghe tiếng nói của họ được. Nhưng cử chỉ quen thuộc của Nicolle cho Kathy biết, cô gái đó đang gây với người bạn trai.

Thật vậy, bên kia thung lũng Nicolle đang hết sức tức giận Leon vì anh ta đã khăng khăng không cho Nicolle đi theo, chung sống với anh ta ở Reno. Nicolle cao giọng:

"Tại sao anh luôn nói rằng em đã đem đến sự hên cho anh. Hai ngày vừa qua, anh liên tiếp được bạc. Thế mà, anh lại từ chối không cho em chung sống với anh là tại làm sao?"

Leon vẫn chậm rãi:

"Anh đã cắt nghĩa cho em lần này là lần thứ mấy rồi? Không phải ngày nào anh cũng được bạc như vậy đâu, đành rằng có em thì anh hên hơn. Nhưng bao tháng qua, có ngày anh thua bạc đến không còn tiền để trả tiền khách sạn cho anh nữa. Vì thế, anh muốn có nhiều tiền trước đã. Sau khi mua được nhà và đầu tư vào một cơ sở làm ăn nào đó, khi có tiền ra vào thường trực như vậy, lúc đó anh sẽ liên lạc tìm em về ở với anh. Bây giờ em đang có việc làm tốt ở San Francisco, như em đã nói. Anh lại chưa qua được vận xui. Thua bạc liên tiếp mấy tuần nay, chỉ được bạc lại hai ngày nay... làm sao anh có thể bảo đảm cho em được. Vì thế, Nicolle à, em nên kiên nhẫn chờ thêm ít lâu nữa đi."

Nicolle vẫn cố nài nỉ:

"Em có thể chịu đựng được thiếu thốn. Em thực sự muốn ở với anh. Vạn bất đắc dĩ, em mới phải ở với người em họ đó. Em có thể đi làm ở đây để trả tiền ăn ở cho hai đứa mình. Anh cứ việc chơi bạc, được nhiều hay ít là của anh cả. Em không than phiền gì anh đâu. Em năn nỉ anh đó."

Leon giọng hơi sẵng:

"Đừng để anh nói những lời anh không muốn nói. Anh thật sự chưa sẵn sàng để ở với bất kỳ người đàn bà vào lúc này! Anh mê bài bạc hơn tất cả những thứ khác! Vì thế, xin em đừng nhắc chuyện đó nữa."

Nicolle vẫn cố vật nài:

"Nếu anh không muốn em sống vĩnh viễn với anh thì ít nhất cho em theo anh một thời gian, nhất là thời gian này. Khi nào em kiếm được việc làm ở đây, em sẽ tự lo cho em ở El Reno. Lúc đó tùy anh, muốn tiếp tục ở với em thì ở. Em phải xin anh như vậy, vì em không muốn về lại San Francisco. Em muốn tiếp tục sống trong không khí cờ bạc vui vẻ ở đây. Em cũng thích đánh bạc như anh vậy."

Leon vẫn cương quyết:

"Không. Không. Anh không muốn như vậy. Đừng nói về chuyện đó nữa."

Nicolle ngỡ ngàng nhìn vẻ mặt lạnh lùng của Leon. Nàng đã chơi ngón bài chót! Đã năn nỉ quá cả sự tưởng tượng của cô ta, vậy mà gã trai vẫn dửng dưng. Tự ái của Nicolle nổi dậy. Cô ta không ngờ rằng Leon có thể coi thường cô ta như vậy. Bao hy vọng sẽ tha thứ cho Leon để sống trở lại với chàng trai luôn được bạc đó đã tan thành mây khói. Nicolle đột nhiên nổi giận, nàng thêm luyến tiếc đã mất Terry người tình đã yêu nàng tha thiết. Nàng nhớ lại những cưu mang, những săn sóc, những vui thú khi được Terry dẫn đến Las Vegas hưởng những ngày "trăng mật"... tất cả những thú vui, những ngày đầm thắm đó đã mất hết vì tay Leon này. Nicolle nhớ lại cảnh hai người đàn ông vật lộn nhau trong khách sạn ở Las Vegas. Nàng nhớ lại những lời gay gắt của Leon khi anh ta lấy khẩu súng giấu ở trong giày ủng của anh ta ra. Hắn đã bắt Terry của nàng phải xin lỗi. Dù rằng chính Leon đã tích cực làm cho nàng ngoại tình, và làm cho Terry tức giận

lúc đó. Leon đã luôn tự cao, tự đại, bất kể tình cảm của người khác: hắn đã bỏ rơi Nicolle ở một khách sạn ở Cựu Kim Sơn. Ngay tức thời, hắn lại coi thường nàng. Coi nàng như một gánh nặng, hắn không muốn cho theo. Hắn không có sự thông cảm cũng như không có tình thương gì đối với Nicolle. Càng nghĩ, Nicolle càng giận Leon. Nàng muốn hắn phải thay đổi thái độ. Nàng muốn trừng trị hắn. Tay Nicolle mở mau chiếc ví đang cầm tay. Nàng móc ra khẩu súng nhỏ. Nicolle dừng lại, chĩa súng vào Leon đang đi đằng trước. Nàng lên đạn khẩu súng. Nicolle hét lên:

"Leon, hãy coi đây. Anh đã làm nhục tôi bao lần rồi? Tôi không thể tha thứ cho anh được nữa. Anh phải quì xuống và xin lỗi tôi ngay!"

Leon ngạc nhiên, nhìn Nicolle, hắn lừng khừng:

"Này, cô bé... Đừng đùa với đồ giết người đó. Bỏ súng vào ví trở lại đi."

Nicolle gầm lên:

"Không đời nào. Quì xuống mau. Xin lỗi tôi ngay. Tôi sẽ đếm đến ba mà anh không quì là tôi bắn."

"Hãy khoan. Nhớ rằng em sẽ bị tù vì giết người đó. Không biết vậy sao?"

"Tôi sẽ tố cáo là tôi phải bắn vì tự vệ. Vì anh muốn hiếp tôi... một... hai... ba..."

Leon chưa kịp phản ứng gì đã bị Nicolle bắn phát đầu vào ngay bắp chân phải. Hắn khuỵu xuống, tay ôm chân đang có máu chảy đầy bí tất và giày trắng. Hắn tái mặt, la lên:

"Trời đất, mày điên rồi. Mày bắn trúng chân tao rồi. Đau quá."

Nicolle giọng đanh thép, nói tiếp:


KHAI THUẾ VÀ KẾ TOÁN

VĨNH KHẢI

*Enrolled Agent*

Chuyên gia thuế vụ
Đại diện thân chủ trước các cơ quan thuế
Tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Mại (HEC) tại Pháp
BS Computer Science
Nguyên Giám đốc Kế toán (Controller) nhiều xí nghiệp Hoa Kỳ

**10872 Westminster Ave. #102, Garden Grove, CA 92843**
(Khu Vanco)

**Tel: (714) 530-0678**


"Bây giờ tôi sẽ bắn vào đầu anh: nếu anh không năn nỉ tôi tha mạng. Tôi muốn trả thù cho Terry, người yêu của tôi bị anh giết trước đây. Năn nỉ ngay, một... hai..."

"Trời đất... mày điên rồi..."

Leon vừa rên rỉ, vừa khập khiễng chạy lại chỗ chòi gỗ vẫn làm chỗ cho du khách đứng ngắm cảnh ở dưới thung lũng. Nicolle đuổi theo. Cô ta lạnh lùng bắn thêm hai phát: một vào ngực, một vào đùi của Leon. Người bị thương ngã gập về phía trước, giẫy nhẹ thêm vài cái, rồi yên lặng. Máu từ ngực, đầu và chân tiếp tục chảy dài trên cỏ và đường mòn. Hắn đã chết mà không có đôi ủng hắn vẫn đem theo khẩu súng nhỏ để tự vệ ở gần cạnh.

Nicolle vẫn đứng đó. Cô nhớ lại cảnh Terry bị giết trong khách sạn. Leon đã bắn anh ta ở ngực và đầu. Nicolle đã trả thù y hệt, chỉ khác là cô ta đã bắn Leon từ phía sau lưng. Nicolle run rẩy quăng khẩu súng xuống rừng cây ở thung lũng kế bên. Cô cúi xuống nhặt mau chiếc ví của cô ta. Nicolle dắt lại áo thung vào trong quần nâu của cô ta cho ngay ngắn rồi mau lẹ đi ngược lại con đường mòn. Nicolle không lấy chùm chìa khóa trong túi quần của xác chết. Cô ta không muốn lái chiếc xe Lincoln đen của hắn. Nicolle không muốn bị lộ tẩy quá sớm. Cô ta dự định sẽ trở lại chỗ đậu xe, gọi điện thoại, tìm taxi về lại khách sạn, để cùng về San Francisco với Kathy.

Trong khi đó, bên kia thung lũng, nấp sau những tàng cây lớn, Kathy dùng ống nhòm đã thấy từ đầu. Kathy đã thấy cảnh Nicolle cãi vã với Leon dù không nghe được tiếng nói. Cô ta thấy Nicolle rút súng ra, chĩa vào Leon, và bắn anh ta ba phát. Tiếng súng đã vang dội cả thung lũng, rừng cây.

Kathy bàng hoàng. Cô ta không thể ngờ cô chị họ có thể giết người dễ dàng như vậy. Kathy liên tưởng đến những lần cô ta đã dẫn Nicolle đi tập bắn ở San Francisco. Kathy rùng mình, nghĩ rằng cô ta đã có trách nhiệm vì đã dạy cho Nicolle bắn súng. Nicolle đã giết người chỉ vì cãi cọ chi đó. Kathy tự hỏi, nếu Nicolle không có súng, chuyện giết người trước mắt, chưa chắc đã xảy ra!! Kathy rung động cả người. Cô lảo đảo rời chỗ lùm cây, Kathy chạy đến chỗ cô ta đang đậu xe. Cô đã thấy có cột điện thoại công cộng ở gần đó. Kathy run rẩy gọi 911 để báo cho Cảnh sát.

Trong khi đó, trời vẫn cao, xanh ngát. Vài đám mây trắng lững lờ bay thấp ngang ngọn núi. Dưới thung lũng, rừng thông rì rào trong nắng. Xác của Leon nằm bất động gần chiếc chòi gỗ. Mặt hắn úp xuống con đường mòn. Máu từ đầu và ngực và chân phải chảy ướt đẫm cỏ và đất cát ở chung quanh. Từng đợt gió thổi tung những chiếc lá khô và bụi trên đường mòn. Một, rồi hai chiếc lá đã rơi trên áo thung xanh nhạt, lấm máu đỏ của Leon. Hắn đã thắng bao canh bạc lớn. Nhưng cuối cùng, đã chết tức tưởi, vì canh bạc tình.

Xa xa, tiếng còi của xe cảnh sát và xe cứu thương, đang hú còi chạy đến.■

(Trích *Những Mảnh Đời và Cố Vấn Tâm Lý*)

# Ý NIỆM TOÀN CẦU HÓA TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ

## TỪ NGUYÊN phỏng vấn GIÁO SƯ VŨ QUỐC THÚC

Trong thời gian gần đây, báo chí thường nhắc đến một ý niệm để mô tả tình trạng của thế giới hiện nay. Đó là tình trạng liên lập, hỗ tương, liên kết chặt chẽ hơn bao giờ hết giữa các công ty thương mãi, bằng những định chế, thỏa ước thương mãi, góp vốn hay mua đứt luôn để có một hoạt động mở rộng trên toàn cầu.

Phong cách đó đã chi phối tất cả hoạt động kinh tế tài chính hàng ngày của thế giới: đầu tư, cho vay, sản xuất, phân phối.. người Pháp dùng chữ *mondialisation* hay mới đây, *globalisation* mà ta dịch là *toàn cầu hóa* để chỉ ý niệm đó. Ý niệm mới mẻ này có ảnh hưởng thế nào đối với kinh tế thế giới và đối với kinh tế quốc gia, nhất là đối với kinh tế của các nước nhỏ?

Giáo sư Vũ Quốc Thúc, nguyên Giáo Sư Đại Học Paris-Nanterre, Đại Học Luật Khoa Saigon và từng tham gia điều hành guồng máy quốc gia trước 1975, dành cho TK cuộc phỏng vấn này:

**Hỏi:** Có phải rằng toàn cầu hóa là một ý niệm mới mẻ và quan trọng, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế không?

**Giáo Sư Vũ Quốc Thúc:** Trong kinh tế học, các ý niệm (*concepts*) luôn luôn gắn liền với các sự kiện (*faits*). Có thể khẳng định - không mấy sai lầm - là chính sự kiện sau khi nảy sinh đã tạo ra ý niệm.

Tất nhiên, có những lý thuyết gia đã mường tượng một vài ý niệm (thí dụ: ý niệm Cộng sản chủ nghĩa) rồi dùng ý chí để cải biên thực tế kinh tế theo đúng ý niệm họ đã mường tượng. Rút cục, cố gắng của họ đã thất bại vì một khi bải bỏ hoặc giảm bớt sự cưỡng bách của chính quyền, con người lại trở về với bản tính tự nhiên của mình...

Trở lại ý niệm toàn cầu hóa, quả thực đây là một ý niệm mới mẻ, chỉ thu hẹp trong một số sản phẩm thông dụng trong toàn thế giới (thí dụ: dầu hỏa, vàng...)

Như vậy, cái gì là mới? Chính là sự phổ biến hiện tượng toàn cầu hóa đối với nhiều loại sản phẩm, dịch vụ.

**Hỏi:** Xin Giáo Sư vài ví dụ để hiểu rõ thế nào là toàn cầu hóa trong lĩnh vực kinh tế?

**Giáo Sư Thúc:** Thị trường giá khoán (*bourse des valeurs*): các giá khoán có thể mua hay bán trong toàn thế giới, vào bất cứ lúc nào. Chẳng hạn, trái phiếu ngân khố Hoa Kỳ, bằng tiền đô la US, có thể bán hoặc mua ở Paris, Frankfurt, London, Tokyo, Hong Kong, Singapore v.v... bất cứ lúc nào.

Dịch vụ bảo hiểm: Nhờ kỹ thuật tin học, các hãng bảo hiểm không thể hoạt động riêng rẽ để cạnh tranh với nhau. Họ đã phải liên đới với nhau qua phương pháp tái bảo hiểm và dĩ nhiên, phải tìm cách đồng nhất hóa giá cả.

Ngay trong sự chế tạo một số kỹ nghệ phẩm quan trọng, thông dụng trên toàn thế giới như: máy truyền hình, xe hơi, máy tính điện tử v.v... Các hãng sản xuất có thể đặt cơ sở ở bất cứ nơi nào họ thấy có lợi, chứ không nhất thiết phải gắn liền với một vùng hay một nước nào đó.

**Hỏi:** Ảnh hưởng của nó lợi hại như thế nào đối với các nước, lớn như Thất cường G7, nhỏ như Việt Nam?

**Giáo Sư Thúc:** Đối với các nước lớn như Thất cường (G7) hiển nhiên, các nhóm tư bản của họ đã biến thành những lực lượng siêu quốc gia. Họ có thể chi phối trực tiếp hay gián tiếp các chính quyền. Ngược lại, chính quyền, dù là một siêu cường như Hoa Kỳ, chưa chắc gì đã nắm được họ. Ta còn có thể ngở rằng những nhóm tư bản của các đại cường đã liên lạc mật thiết với nhau để bảo vệ quyền lợi chung: "Tư Bản đã trở thành vô tổ quốc"!

Khỏi phải nói là các nước nhỏ bị dồn vào thế bị động: muốn được tư bản quốc tế chiếu cố (thí dụ: đầu tư hay cho vay) thì phải chấp nhận yêu sách của họ. Nếu muốn bảo vệ quyền tự chủ, chỉ còn cách tự túc, nghĩa là sống chật vật trong nhiều năm nữa, trong tình trạng nghèo túng, lạc hậu.

**Hỏi:** Biện pháp chống lại ảnh hưởng đó có phải là bế quan tỏa cảng hay không? Mà có bế quan tỏa cảng được không?

**Giáo Sư Thúc:** Bế quan tỏa cảng là một biện pháp không thể nào thực thi trong hoàn cảnh thế giới hiện thời - trừ khi mình chịu sống mãi trong tình trạng nghèo túng, lạc hậu.

**Hỏi:** Trước hoàn cảnh đó, làm thế nào để bảo vệ kinh tế quốc gia?

**Giáo Sư Thúc:** Muốn bảo vệ kinh tế quốc gia, cần có một sự chỉ huy của chính quyền; không phải chỉ huy chặt chẽ và toàn diện, mà chỉ huy uyển chuyển, theo một kế hoạch mềm dẻo. Không ai cần ta duy trì sự kiểm soát trong một số lãnh vực giới hạn, đối với một số sản phẩm hay dịch vụ nhất định...

**Hỏi:** Tình trạng toàn cầu hóa này, có sẽ dẫn đến một tình trạng nào khác, ở một trình độ bao quát và chặt chẽ hơn nữa không?

**Giáo Sư Thúc:** Tiên đoán tương lai xa xôi là một việc vô cùng khó khăn, riêng tôi xin chịu thua, không làm nổi.■

# THÁNG THÁI TUẤN

## LÊ ĐÌNH ĐIỂU ghi

Tháng Mười vừa qua, ở trụ sở báo *Thế Kỷ*, phải gọi là "tháng Thái Tuấn," vì đó là thời gian có cuộc triển lãm tranh Thái Tuấn, và nhiều khách đến tòa báo cũng là để xem tranh của "người họa sĩ tỉnh Orléans."

• **Thái Tuấn**, (xem tin trong mục Vòng Chân Trời VHNT) đến Washington DC tháng Chín đã gặp Ngọc Dũng. Đầu tháng Mười, ở quận Cam, ông đã gặp **Duy Thanh**. Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Duy Thanh là ba họa sĩ cột trụ trong nhóm *Sáng Tạo* ở Saigon những năm 1950 và 1960. Duy Thanh hiện cư ngụ tại San Francisco, và ông cho biết ông sắp về hưu. "Về hưu, có thì giờ rảnh nhiều, tôi sẽ vẽ lại," ông nói với TK 21.

Mai Thảo, Duy Thanh và Thái Tuấn (Ảnh Lê Tam Ca)

Còn **Mai Thảo**, từ đầu năm đến nay sức khỏe suy giảm, vì ông không ăn mà chỉ uống... rượu. Ông không còn đi đây đi đó để tham dự những cuộc họp mặt bạn bè văn nghệ ở khắp "bốn vùng chiến thuật." Nhưng hôm Thái Tuấn khai mạc phòng tranh và ra mắt sách ở trụ sở VAALA, cũng là tòa soạn TK 21, ông đã đến.

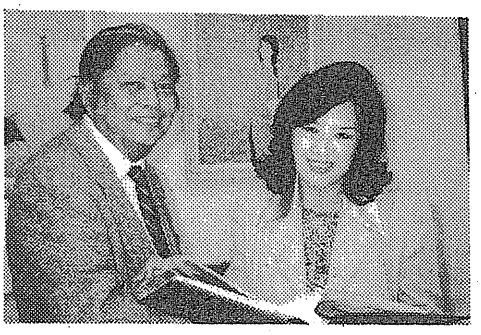

Giáo sư và bà Nguyễn Khắc Hoạch (Ảnh LTC)

• Giáo sư và Bà **Nguyễn Khắc Hoạch** đến xem tranh Thái Tuấn hơi muộn màng (khi người họa sĩ tỉnh Orléans đã rời khỏi quận Cam). Giáo sư Hoạch, nguyên khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon, cũng chính là nhà thơ **Trần Hồng Châu**, có thơ đăng trên TK 21 khá nhiều. Nhà xuất bản TK cũng đã in tập *Nhớ Đất Thương Trời* của ông năm qua. Ngoại trừ những bài lý luận và phê bình văn học, văn của Trần Hồng Châu cũng đầy chất thơ, như đã được minh chứng trong tập bút ký ông in khi mới ra hải ngoại ít lâu, *Thành Phố Trong Hồi Tưởng*.

Mary Yên-Lê (Ảnh LTC)

• **Mary Yên-Lê**, Tổng Thư Ký Tòa Soạn của tờ báo song ngữ *Viet Magnet*, xuất bản ở Portland, tiểu bang Oregon (tây bắc Hoa Kỳ). Đây là tờ báo của lớp người trẻ Việt Nam hải ngoại, với những tin và bài đưa ra cái nhìn phóng khoáng, nhưng cũng không kém ưu tư đối với tình hình đất nước. Báo có đại diện ở nhiều tiểu bang khác. Mary Yên-Lê xuống quận Cam nhân dịp có triển lãm tranh Thái Tuấn, nhưng cô cũng thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn cho tờ báo của cô, và cô hứa sẽ cộng tác với TK 21.

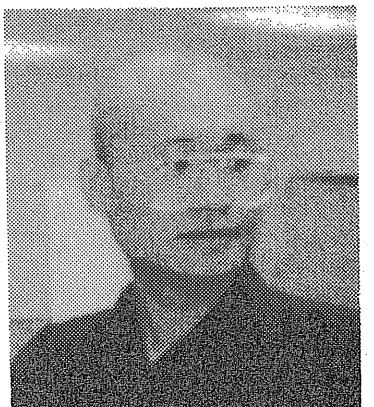

Đại Đức Thích Pháp Ấn (Ảnh TDL)

• Đại đức **Thích Pháp Ấn** đến thăm TK 21, và bị "bắt cóc" lên đài phát thanh VNCR nói chuyện với thính giả của đài. Bài nói chuyện ngẫu hứng này đã được thính giả yêu cầu cho phát lại nhiều lần. Điều đó chứng tỏ vị thiền giả trẻ này đã chinh phục được lòng tin của đồng đảo đồng bào, dù ông chỉ mới tu tập hơn bốn năm, sau khi đã tốt nghiệp tiến sĩ vật lý tại đại học Cal Tech ở California và làm việc tại đại học MIT ở Massachussetts, từ 1985 đến 1992.

• **Nguyễn Thị Ngọc Dung**, tác giả hai tập hồi ký đang được tìm đọc nhiều ở Mỹ và các nơi (xem VCT/VHNT, và Sách Báo Trong Tháng), đã đến thăm TK cùng với một nhóm bạn cựu nữ sinh Trưng Vương: **Thái Lan, Bích Huyền, Ngọc Loan và Minh Châu**. Nguyễn Thị Ngọc Dung cho biết bà không muốn trở thành nhà văn, nhưng cuốn sách đầu tay của bà (*Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội*) in 1,500 cuốn năm 1995 đã bán hết, và nhiều người khuyên bà nên tái bản, trước khi "người khác" in lại (dĩ nhiên là in lậu, không trả tiền tác quyền). Nghe một nhà văn dọa "văn chương là cõi vào thì dễ mà ra thì khó," Ngọc Dung le lưỡi sợ hãi. Nhưng có thể trong đầu của bà đã có bản phác thảo của một cuốn hồi ký thứ ba?!

(Đứng) NGuyễn Thị Ngọc Dung, Thái Lan. (Ngồi) Bích Huyền, Ngọc Loan, Minh Châu (Ảnh LTC)

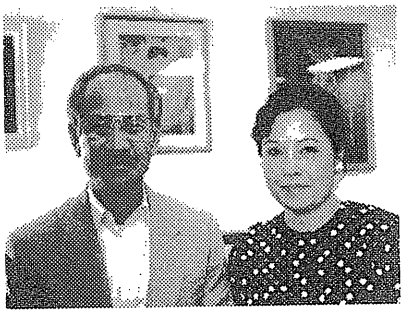

Ông Bà Nguyễn Công Khanh (Ảnh LTC)

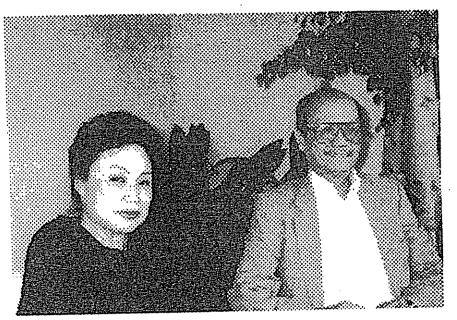

Ông Bà Trần Thiện Hiệp (Ảnh LTC)

•

Ông Bà **Nguyễn Công Khanh** từ Seattle "du giang nam" đã ghé thăm TK 21. Ông Khanh, tốt nghiệp trường Quốc Gia Hành Chánh và từng làm việc ở Phú Quốc. Từ 1975, ở vùng đất tây bắc Hoa Kỳ, ông đã làm việc cho một cơ quan lo cho người tị nạn, và hoạt động tích cực trong các sinh hoạt cộng đồng. Ông đã vận động thành công việc thành lập một khu "Little Saigon" ở Seattle — sẽ khánh thành nay mai. Trong các buổi sinh hoạt văn nghệ, Nguyễn Công Khanh thường đóng vai trò điều khiển chương trình (như trong buổi ra mắt sách của Trần Mộng Tú tháng vừa qua).

• Không hẹn mà nên, hai người khách khác từ Seattle đến thăm TK sau ông bà Nguyễn Công Khanh chừng nửa tiếng đồng hồ: Ông bà **Trần Thiện Hiệp**. Trần Thiện Hiệp là tác giả hai thi tập đã xuất bản, *Cây Lá Phận Người* và *Mặt Trời Lưu Vong*. Ông đã cộng tác với TK 21 từ lâu, nhưng ít có dịp "nam du" từ vùng tây bắc nhiều mưa hơn nắng. Đến thăm TK 21, Trần Thiện Hiệp rất khoái khung cảnh "rất Tây" của góc phố Acacia - Main, nơi tòa soạn thường tiếp khách ở... ngoài đường, dưới gốc một cây si (?) cành lá xum xuê và nắng Cali suốt ngày lấp lánh.

• **Vi Vi và Diễm Châu**: chàng, họa sĩ; nàng: ca sĩ. Giữa tháng Mười, Vi Vi triển lãm tranh (xem VCT/VHNT), trong khi Diễm Châu ra mắt CD nhạc, tại San Diego. Đến thăm TK 21, Vi Vi cho biết anh dự trù sau khi bế mạc phòng tranh ở San Diego, anh sẽ đưa tranh đi nhiều nơi khác trên nước Mỹ. Chắc chắn quận Cam sẽ là một nơi dừng chân của người họa sĩ (và người ca sĩ cùng đi trên đường đời với anh) một ngày gần đây.

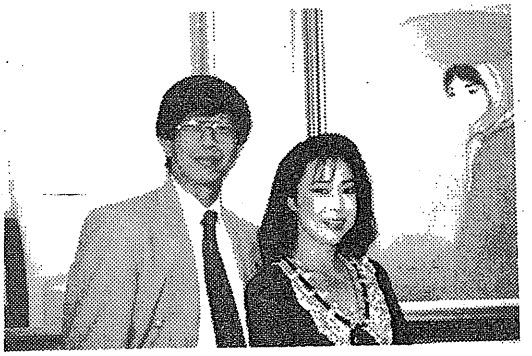

Họa sĩ Vi Vi và ca sĩ Diễm Châu (Ảnh LTC)

• Bác sĩ **Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm** được biết đến như một chuyên gia về bệnh tim mạch. Ông là người ở trong toán bác sĩ giải phẫu tim cho nhà văn Võ Phiến năm qua. Cuộc giải phẫu thành công mỹ mãn: nhà văn Võ Phiến kể lại rằng ông bị các bác sĩ lấy tim ra để một nơi, rồi cắt, xén, khâu, vá các mạch máu trong nhiều tiếng đồng hồ. Ông sống bằng một trái tim giả trong suốt thời gian giải

BS Nguyễn P.Vĩnh Khiêm

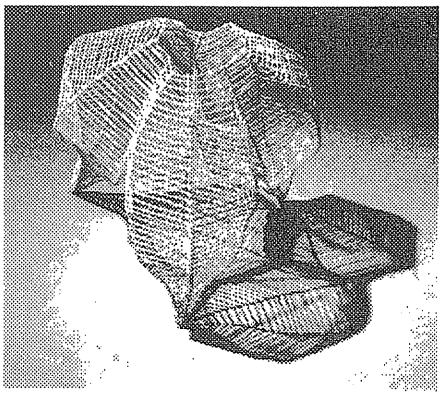

# TRIỂN LÃM HỘI HỌA
# của
# HOÀNG VŨ

□ "**New Wire Work**"
tại phòng vẽ của họa sĩ,
số 2100 N. Main St # A-11,
Los Angeles, California
Trong 2 ngày 26 và 27 tháng Mười
năm 1996
từ 11 giờ sáng đến 6 giờ chiều

□ "**Old Process, New Armatures**"
tại Pierce College,
6201 Winnetka Ave.,
Woodland Hills, California
từ 11 tháng Mười Một
đến 10 tháng Mười Hai 1996
Tiếp tân: thứ Hai
18 tháng Mười Một 1996

□ "**Skin and Bone**"
tại The Municipal Art Gallery,
4800 Hollywood Blvd.,
Los Angeles, California
từ 4 tháng Mười Hai 1996
đến 2 tháng Hai 1997
Tiếp tân:
Chủ Nhật 8 tháng Mười Hai 1996
từ 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều

■

Muốn biết thêm chi tiết xin gọi cho Hoàng Vũ
tại (213) 222-4100

phẫu. Và cuối cùng con tim (chân chính?) của ông lại được đưa vào chỗ của nó, và ông đã "sống" trở lại. Võ Phiến tiếp tục viết (bạn đọc nhớ đón coi TK 21 số Tết, có bài của Võ Phiến!) BS Vĩnh Khiêm cho biết ông không viết báo, nhưng ông không xa lạ gì với TK 21 vì thân phụ của ông đang cộng tác với TK: Giáo sư Nguyễn Phúc Bửu Tập, hiện ở Chicago, mới đến thăm TK tháng Tám vừa qua.

Hồng Khắc Kim Mai

• **Hồng Khắc Kim Mai**, cựu thành viên Ban Đại Diện Sinh Viên Văn Khoa Saigon, hiện định cư tại Seattle. Ít lâu nay, Kim Mai đến với độc giả TK qua những dòng thơ trữ tình, đôi khi táo bạo trong ngôn ngữ và phong cách. Cô dự trù sẽ in một tập thơ ngày gần đây, và hình như cô đã nhờ ông thầy cũ là giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch viết tựa.

Trần Thị Thức

• **Trần Thị Thức**, cựu Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Tổng Hội Sinh Viên Saigon những năm 1965-66, vợ của nhà tranh đấu cho tự do dân chủ ở Việt Nam, giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Ông Hoạt hiện vẫn bị cộng sản cầm tù ở trại Thanh Cẩm, tỉnh Thánh Hóa. Từ Minnesota về thăm Cali, bà Thức đến TK 21 và cho hay bà muốn về lại Việt Nam để có cơ hội đi thăm nuôi, săn sóc sức khỏe cho chồng, nhưng không được nhà cầm quyền Việt Nam cộng sản chấp thuận, với lý do là trong hai năm qua bà đã đi nhiều nơi trên thế giới lên tiếng tố cáo những vi phạm nhân quyền ở Việt Nam.■

DALAT
LANDSCAPING

**Design & Maintenance**
Lic. # 699783

P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683

**Call: Mr PHƯƠNG**
**(714) 539-1603 * (800) 200-9848**

LÊ TAM CA

QUẬN CAM

## Triển lãm tranh và ra mắt sách Thái Tuấn ở Quận Cam

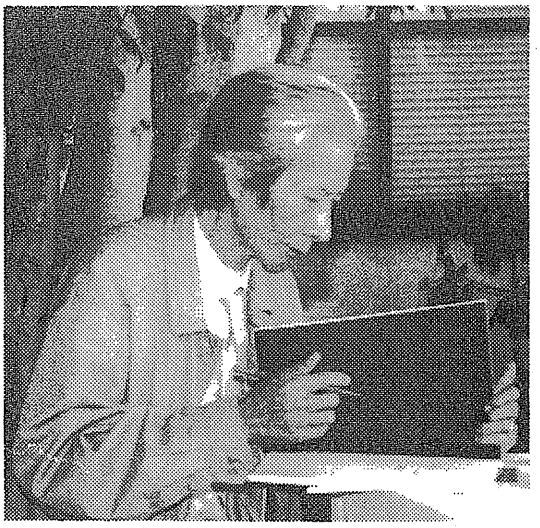

Họa sĩ Thái Tuấn ký lưu niệm trên sách. (Ảnh Nguyễn Châu)

"Tôi bị bệnh ở cổ, không nói được với quý vị, nhưng tranh của tôi xin nói thay" Đó là "bài diễn văn" ngắn nhất của một buổi khai mạc phòng triển lãm — của họa sĩ Thái Tuấn, khi ông được mời lên máy vi âm, nói với khoảng hơn 100 khách thưởng ngoạn đứng cả trong lẫn ngoài phòng triển lãm của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA), lúc 11 giờ sáng thứ Bảy mùng 5 tháng Mười 1996.

Thay mặt Hội VAALA, ông Lê Đình Điểu đã chào mừng tân khách và bằng hữu, giới thiệu ngắn gọn về "Dự Án Thái Tuấn" — tức các cuộc triển lãm tranh và các buổi ra mắt sách cho họa sĩ Thái Tuấn ở nhiều nơi, do Hội VAALA bảo trợ. Cuộc triển lãm đầu tiên đã diễn ra ở Washington DC giữa tháng Chín vừa qua.

Cuộc triển lãm ở Garden Grove chỉ có 12 bức tranh sơn dầu, khổ lớn (92cm x 73cm), phần lớn vẽ thiếu nữ Việt Nam với bối cảnh mơ hồ nhưng đầy không khí Việt Nam.

Trước khi họa sĩ Thái Tuấn nói, một khách đặc biệt là ông Erwan de Kerautem, Phó Tùy Viên Văn Hóa tòa Tổng Lãnh sự Pháp tại Los Angeles, đã đọc một bài mở đầu bằng những câu chào tiếng Việt, khiến cho cử tọa rất thích thú. Ông Kerautem tỏ ra vui mừng khi tham dự cuộc triển lãm của một cư dân nước Pháp (họa sĩ Thái Tuấn hiện cư ngụ tại Orléans, phía nam Paris). Ông Kerautem cũng chú ý tới việc họa sĩ Thái Tuấn đã từng triển lãm ở Hội Pháp Văn Đồng Minh (tức Alliance Francaise) ở Saigon trước năm 1975. Ông hy vọng các cộng đồng Việt ở khắp nơi sẽ tiếp tục có những quan hệ tốt với nước Pháp.

Về phía Mỹ, nghị viên thị xã Westminster, ông Frank Fry, nói với cử tọa rằng ông không xa lạ gì với cộng đồng Việt ở đây, và chính ông đã là hội viên của Hội VAALA từ sáu năm nay. Ông đã tham dự nhiều sinh hoạt, như triển lãm, hòa nhạc, họp mặt, tiệc gây quỹ của Hội này. Ông đã trao tặng họa sĩ Thái Tuấn một huy hiệu thị xã Westminster làm kỷ niệm.

Ngoài các khách Âu, Mỹ, buổi triển lãm và ra mắt sách còn có sự hiện diện của hầu hết những người làm văn học nghệ thuật ở miền Nam California, như các nhà văn Võ Phiến, Mai Thảo, Nguyễn Xuân Hoàng, các nhà thơ Du Tử Lê, Khế Iêm, các họa sĩ Ngô Bảo, Nguyên Khai, Hồ Thành Đức, Nguyễn Đồng..., đặc biệt, họa sĩ Duy Thanh từ San Francisco nghe tin Thái Tuấn tới Cali, đã bay xuống để gặp lại người bạn già đã từng làm việc chung trong nhóm Sáng Tạo những năm 1950-60 ở Saigon. Các nhạc sĩ Phạm Duy, Nguyễn Hiền, nữ tài tử Kiều Chinh, các giáo sư Nguyễn Sỹ Tế, Phạm Cao Dương, các nhà báo Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Lương Văn Tỷ, vân vân, đến để xem tranh, mua sách và chúc mừng người họa sĩ phương xa. Đặc biệt, ký giả Phạm Long của đài truyền hình Little Saigon đã

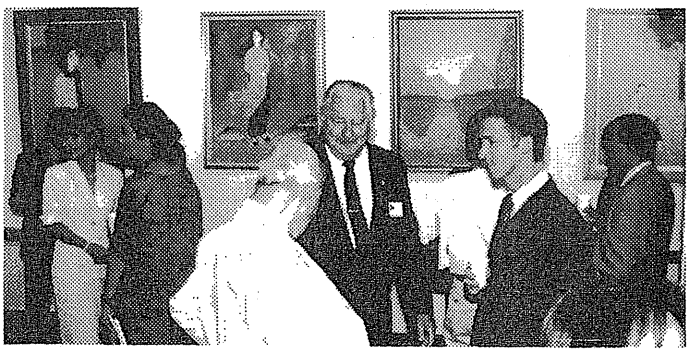

Ngày khai mạc phòng tranh, thứ Bảy mùng 5 tháng Mười. Một số khách và thân hữu (từ trái qua): Mỹ Sương, Kiều Chinh, Bill Kohlmann, Frank Fry, Erwan de Kerautem... (Ảnh Lý Kiến Trúc)

đến với cả một ê-kíp quay phim để thâu hình và phỏng vấn suốt hai tiếng đồng hồ.

Thái Tuấn triển lãm rất ít. Từ khi bắt đầu vẽ, năm 1940, cho tới nay, ông chỉ triển lãm sáu lần. Nhưng mỗi lần triển lãm, tranh ông đều để lại trong lòng người thưởng ngoạn những ấn tượng khó phai.

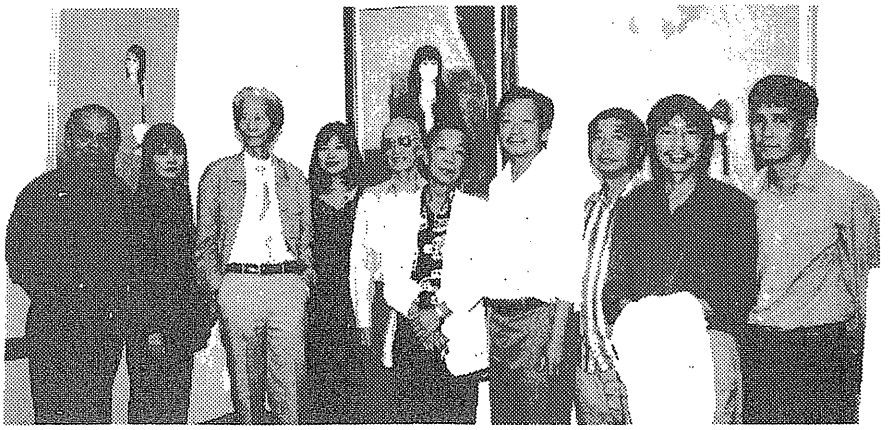

Một hội ngộ, tuy chưa đầy đủ, của các nghệ sĩ tạo hình nhân dịp họa sĩ Thái Tuấn từ Pháp qua Cali: Lương Văn Tỷ, Lê Chi, Thái Tuấn, Suzie Vương, Nguyễn Tùng, Đinh Hiển, Hồ Thành Đức, hai thân hữu và Nguyên Khai. (Ảnh Phạm Phú Minh)

Trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo Thế Kỷ 21 (số 90), Thái Tuấn cho biết ông không thuộc một trường phái hội họa nào, hiểu theo nghĩa phân tích và phê bình hội họa tây phương. Ông nói: "Cái chuyện trường phái là để tiện trong việc phê bình, viết lịch sử hội họa.. Tôi cho tôi chẳng thuộc trường phái nào Hay là trường phái tự do. Thành ra sáng tạo. Giống như thơ tự do vậy."

Quả thật, chỉ nhìn qua 12 bức tranh treo trên những mặt tường trắng, với ánh đèn rọi từ hai ba phía, người ta chỉ tìm thấy những nét lãng đãng, những hình tượng "không đường viền" (như nhận xét của Huỳnh Hữu Ủy), những khoảng trống mênh mông (theo lời Nguyễn Đồng), và những màu nhạt, chủ yếu là màu xanh... Nhưng người xem vẫn thấy tranh Thái Tuấn lung linh, khơi gợi đầy ắp những hồi tưởng.

Khách xem tranh tuy không được ngắm nhìn toàn bộ 30 bức trong loạt tranh mới (như trong cuộc triển lãm ở Washington DC), nhưng cũng bằng lòng với một phòng tranh nhỏ mà ấm cúng và đầy chất Thái Tuấn. Vả lại, bên cạnh cuộc triển lãm còn có việc ra mắt sách: cuốn tuyển tập Thái Tuấn in trang nhã, công phu, chứa đựng 20 bài tiểu luận về nghệ thuật và thưởng ngoạn nghệ thuật, cùng toàn bộ 30 bức tranh thu nhỏ — một "phòng triển lãm bỏ túi" theo lời nhà văn Phạm Xuân Đài.

Cuộc triển lãm tại Garden Grove bế mạc vào Chủ Nhật 13 tháng Mười. Được biết, tại Paris, Hội VAALA sẽ phối hợp với Hội Ái Hữu Bưởi - Chu Văn An và nhóm bạn của Thái Tuấn tại Pháp để tổ chức cho "người họa sĩ ở Orléans" (tên do Nguyễn Trung đặt) một buổi ra mắt sách, vào ngày Chủ Nhật 15 tháng Mười Hai 1996, tại quận 16.

CANADA

## Ra mắt "Thơ Tuyển Tô Thùy Yên"

Vào lúc 2 giờ chiều ngày Chủ Nhật 22 tháng Chín, tại Centre d'Essai của đại học Montréal, trên đường Edouard Montpetit, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Vùng Montréal phối hợp với Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Trung Tâm Québec, tổ chức buổi ra mắt thi phẩm "Thơ Tuyển Tô Thùy Yên."

Khoảng 200 khách yêu thơ, có người đến từ xa, đã tham dự một chương trình gồm hai phần: giới thiệu tác giả và tác phẩm, văn nghệ thân hữu.

Nhà thơ Lưu Nguyễn, mở đầu chương trình, cho biết tác giả Tô Thùy Yên đã làm thơ từ lâu, nhưng đây là lần đầu tiên ông in thành sách.

Bác sĩ Nguyễn Quang Bình, Chủ Tịch CĐNVQG vùng Montréal, chào mừng tân khách trước khi nhà thơ Hoàng Xuân Sơn giới thiệu tác giả.

Với tên trong khai sinh là Đinh Thành Tiên, nhà thơ Tô Thùy Yên sinh năm 1938 tại Gia Định. Ông có thơ đăng trên báo *Sáng Tạo* (chủ nhiệm Mai Thảo) từ năm ông 17 tuổi. Ông cũng viết truyện ngắn, và có lúc chủ trương một nhà xuất bản. Trong quân ngũ, ông phục vụ trong ngành Chiến Tranh Chính Trị, với cấp bậc sau cùng là Thiếu tá.

Tô Thùy Yên
(Ảnh Bùi Duy Thuyết)

Sau 1975, ông bị Cộng sản giam cầm 10 năm ở Bắc Thái. Sau đó ông bị bắt lại thêm hai lần nữa vì những tội vượt biên, và chống chế độ. Mãi đến năm 1992, nhờ sự can thiệp của nhiều cơ quan quốc tế như Hội Ân Xá và Văn Bút, ông được trả tự do, và đi định cư ở Mỹ năm 1993.

Các nhà văn, nhà giáo Lê Hữu Mục, Hoàng Chiều Nhân, và Trang Châu đã lần lượt nói về "người tù trong thơ Tô Thùy Yên," "nét đặc thù trong thơ Tô Thùy Yên," và "hình ảnh chiến tranh và người lính trong thơ Tô Thùy Yên."

Sau khi tác giả "Thơ Tuyển" ngỏ lời cám ơn

bằng hữu, chương trình văn nghệ phong phú đã tiếp nối, với những giọng ca, ngâm của các nghệ sĩ chuyên nghiệp và tài tử: Đào Trọng Quyền, Nguyên Ngọc, Vũ Đình Lục, Mai Thy, Đắc Thịnh, Bùi Xuân Huy, Bùi Xuân Hoàng, Lại Vũ Hán Dương, Tiểu Thu, Thy Hiền, Trương Trí Tuấn, Lê Văn Cát, Hoàng Xuân Sơn, với sự điều hợp của chị Quách Kim Lân và anh Hoàng Chiều Nhân.

OKLAHOMA

## Chi Hội VAALA/OKC tổ chức thi kể chuyện

(Từ trái) Hoàng Kim Hương, giải nhất; Nguyễn Tú Anh, giải nhì; Quách Thị Tường Giang, giải ba - cuộc thi kể chuyện do Hội VAALA Oklahoma City tổ chức. (Ảnh của báo *Thế Giới Ngày Nay*, Wichita)

Ngày thứ Bảy 21 tháng Chín, Chi Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) ở Oklahoma City đã tổ chức một cuộc thi kể chuyện bằng tiếng Việt dành cho các thiếu niên tuổi từ 12 đến 14, tại trụ sở Hội Việt Mỹ.

Ban giám khảo có các ông Chiêu Đăng (nhà thơ), Lê Hồng Long (chủ nhiệm, chủ bút tạp chí *Thế Giới Ngày Nay* tại Wichita), và Đặng Hải (nhà giáo).

Cuộc thi đã diễn ra sôi nổi, với số cử tọa đông đảo gần 100 người theo dõi, cổ võ. Kết quả năm em đoạt giải như sau:

— Hoàng Kim Hương, 13 tuổi, giải nhất (150 mỹ kim và một bảng lưu niệm).

— Nguyễn Tú Anh, 12 tuổi, giải nhì (100 mỹ kim và một bảng lưu niệm).

— Quách Thị Tường Giang, 14 tuổi, giải ba (50 mỹ kim và một bảng lưu niệm).

— Ngô Đức Hoàng Phú, 12 tuổi, giải khuyến khích (một bảng lưu niệm và một số học cụ).

— Nguyễn Phạm Anh Thu, 14 tuổi, giải khuyến khích (một bảng lưu niệm và một số học cụ).

Tất cả các em dự thi, dù không đoạt giải, đều được một hộp quà tưởng thưởng tinh thần tham dự cuộc thi.

Chi Hội VAALA/OKC mới được thành lập từ cuối năm 1995, nhưng đã có nhiều sinh hoạt, như ra mắt sách của Thái Chinh Lưu Kim Loan, nhạc du ca với Nguyễn Thanh, Ngô Mạnh Thu và Nguyễn Đức Quang, nói chuyện văn học với giáo sư Lê Hữu Mục...

Vào ngày 26 tháng Mười, Chi Hội VAALA/OKC tổ chức "Đêm Thơ Nhạc Hà Huyền Chi." (Theo *Nguyễn Văn Cường*)

QUẬN CAM

## Ngày Điện Ảnh Việt Nam kỳ X

Hội Điện Ảnh và Truyền Hình Việt Nam Hải Ngoại tổ chức một chương trình trình chiếu phim và video kéo dài 10 ngày, từ 25 tháng Mười đến mùng 3 tháng Mười Một, để kỷ niệm *Ngày Điện Ảnh Việt Nam kỳ X*, tại rạp chiếu bóng Thủ Đô, trên đường Westminster, thị xã Garden Grove.

Khán giả miền Nam Cali có cơ hội thưởng thức các cuốn phim mới như "Tuổi Trẻ Thiếu Tình Thương" của Đỗ Phúc Lộc, "Huyền Thoại Một Cuộc Tình" của Trịnh Thị Minh Hà, "Thời Hùng Vương 18" của Charlie Nguyễn, và "Mùi Đu Đủ Xanh" của Trần Anh Hùng.

Một số tác phẩm đã thực hiện từ trước 1975 ở Việt Nam, nhưng chưa kịp trình chiếu thì đã "đứt phim," như "Lệ Đá" của Võ Doãn Châu, "Người Cô Đơn" của Hoàng Thi Thơ, "Nhà Tôi" của Lê Dân, và "Đất Khổ" của Hà Thúc Cần, tuy không thể so sánh về phẩm chất kỹ thuật với các tác phẩm hiện đại, nhưng cũng là những tác phẩm thành công đánh dấu những cố gắng đáng kể của điện ảnh thời Việt Nam Cộng Hòa.

QUẬN CAM

## Đêm Dân Ca Dân Nhạc "Nắng Mới"

"Chúng tôi cám ơn các anh chị em đã tổ chức và trình diễn chương trình dân ca, dân nhạc hôm nay. Nhờ có những buổi như thế này chúng tôi có dịp đem các con đến để nghe những điệu hát điệu hò của dân tộc mình." Đó là phát biểu của một phụ huynh dẫn theo hai đứa con dưới 10 tuổi, tham dự buổi sinh hoạt "Dân Ca Dân Nhạc

Hồ Văn Sinh và BS Lê Búp (Ảnh LNP)

Việt Nam" do Đoàn Nắng Mới phụ trách, tổ chức vào hồi 8 giờ tối thứ Sáu 27 tháng Chín, tại phòng sinh hoạt Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA).

Đây là sinh hoạt thường lệ vào tối thứ Sáu cuối tháng của Ủy Ban Thanh Niên Hội VAALA, với sự đóng góp của nhiều đoàn thể thanh niên khác. Đoàn Nắng Mới là một tổ chức thanh niên sinh viên học sinh, được anh Hồ Văn Sinh sáng lập và phát triển, khởi đầu ở vùng Quận Cam, nay đã có nhiều chi đoàn ở các tiểu bang khác trên nước Mỹ, và Canada nữa.

Đắm Dân Ca Dân Nhạc có nhiều khuôn mặt quen thuộc trong sinh hoạt văn nghệ góp phần trình diễn như Mỹ Thúy, Lê Búp, Bích Thuận... Các làn điệu dân ca ba miền như Quan Họ Bắc Ninh, Hò Mái Nhì, Lý Ngựa Ô, v.v... đã được các nghệ sĩ trình diễn và được cử tọa hát chung rất vui. (LNP)

QUẬN CAM

## Đêm tưởng niệm nhạc sĩ Lê Thương

Tối thứ Sáu mùng 4 tháng Mười, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt trên đường Moran, thị xã Westmisnter, buổi sinh hoạt tưởng niệm nhạc sĩ Lê Thương, do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ VAALA) tổ chức, diễn ra trong không khí ấm cúng và cảm động, với sự tham dự của hơn 100 văn nghệ sĩ và thân hữu.

Lê Thương là bút hiệu khi viết nhạc của nhà giáo Ngô Đình Hộ. Ông sinh năm 1914, và sống bằng nghề dạy học: sử học và âm nhạc. Ông là một trong số những người đầu tiên dựng nên phong trào nhạc cải cách (bây giờ gọi là tân nhạc).

Các nhạc sĩ cùng thời với Lê Thương, như Nguyễn Hiền, Thu Hồ, Hoàng thi Thơ, Phạm Duy, đã kể lại những kỷ niệm trong đời sống cũng như trong sinh hoạt âm nhạc với ông. Các nhạc sĩ thuộc thế hệ sau như Nguyễn Đức Quang, Quỳnh Giao cũng nói về những nét dân tộc trong nhạc Lê Thương và con người giáo dục nặng tình quê hương của ông.

Nhiều bài hát do ông viết đã trở thành phổ thông đến độ người ta quên tên tác giả, như "Thằng Cuội," "Học Sinh Hành Khúc"... Ông cũng là người đầu tiên soạn *trường ca*, và rất thành công — với bài *Hòn Vọng Phu* gồm ba phần.

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu, Trưởng Ban Nghệ Thuật Trình Diễn của Hội VAALA, giới thiệu chương trình, và đã bắt giọng cho cử tọa hát chung nhiều bài của Lê Thương.

SAN DIEGO

## ViVi: thế giới của tuổi thơ

Hồi 3 giờ chiều thứ Bảy 12 tháng Mười, họa sĩ ViVi đã khai mạc phòng tranh của anh tại Hội Trường Cộng Đồng trên đường Linda Vista. Hiệp Hội Người Việt San Diego và Tuần Báo *Người Việt Tự Do* đã đứng ra tổ chức cuộc triển lãm này — mở cửa các ngày 12, 13, 19 và 20 tháng Mười.

Vi Vi (Ảnh LTC)

Họa sĩ ViVi có tên khai sinh là Võ Hùng Kiệt, sinh năm 1945 tại Saigon. Tốt nghiệp trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật tại Saigon năm 1968, anh phải nhập ngũ năm 1969, và làm việc tại Phòng 7 Tổng Tham Mưu, phụ trách về phim và nhiếp ảnh, cho đến tháng Tư 1975. Vượt biên năm 1981, và định cư tại Canada từ 1982.

ViVi đã tham dự nhiều triển lãm ở Việt Nam, Thái Lan, Lào, Nhật Bản, Mã Lai, Canada và Hoa Kỳ. Cho đến nay, anh đã vẽ khoảng 300 bức sơn dầu và hàng ngàn bức màu nước. Anh đã nhiều lần đoạt giải vẽ tem thư. Và anh nổi tiếng với những tranh bìa cho sách, báo, băng nhạc.

Sau cuộc triển lãm ở San Diego, ViVi dự trù sẽ đi bày tranh ở nhiều nơi khác trên nước Mỹ.

HÒA LAN

## NXB Cái Đình ra mắt hai cuốn sách

Vào ngày 29 tháng Chín, nhóm Cái Đình đã cho ra mắt hai tác phẩm: "Câu Chuyện Giữa Đường" và "Vàng," trong một bầu không khí trang trọng với sự tham dự của gần 100 văn thi hữu người Việt và Hòa Lan.

"Câu Chuyện Giữa Đường" là một tuyển tập gồm 13 truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Hiền (trùng tên với nhạc sĩ Nguyễn Hiền, tác giả nhiều ca khúc nổi tiếng như *Anh Cho Em Mùa Xuân*..., hiện cư ngụ tại quận Cam, Cali). Tại Hòa Lan, nhà văn Nguyễn Hiền đã đóng góp rất nhiều trong các hoạt động văn hóa. Sáng tác của anh đã được đăng trên các tạp chí trong và ngoài Hòa Lan (TK 21, số 84, có truyện ngắn "Kẻ Vô Danh" của anh).

"Câu Chuyện Giữa Đường" được tác giả viết trong chủ đề tâm hồn con người với những ẩn giấu sâu kín nhất. Bằng nhân vật *tôi*, nhưng không bằng thể văn hồi ký hay ký sự, tác giả đã vẽ nên một thế giới Việt khắp nơi trên thế giới, phức tạp nhưng cũng rất phong phú.

Tập thơ "Vàng" của Cao Xuân Tứ gồm trên 50 bài, bằng ba thứ tiếng: Việt, Anh, Pháp. Một số bài thơ trong tập đã được đăng trên các tạp chí văn học tại Hòa Lan, Mỹ và Úc. Bài *Stars* (đã đăng trên TK 21, số 70) được trao giải thơ năm 1995 trong tuần lễ hội thơ quốc tế thường niên được tổ chức tại Rotterdam (Hòa Lan). Được biết tập truyện ngắn đầu tay của anh cũng vừa được một nhà xuất bản lớn tại Hòa Lan ấn hành (*En traag vloeit de rivier* — Và Dòng Sông Lờ Trôi).

Buổi ra mắt sách còn có thêm chương trình văn nghệ do nhạc sĩ Võ Đức Tiến đảm trách, với những bài độc tấu dương cầm và một số bài hát. Cho tới nay, nhóm Cái Đình đã xuất bản bốn tựa sách của các nhà văn đang sống tại Hòa Lan. (Theo *Cái Đình*)

SAN FRANCISCO

## Nhạc thính phòng nhân dịp ra mắt CD "Dạ Khúc"

Nguyễn Thành Vân

Chiều ngày Chủ Nhật 13 tháng Mười, Hội Bạn Âm Nhạc Vùng Vịnh San Francisco (*Bay Area Friends of Music*) và Hội Ái Hữu Quốc Gia Âm Nhạc Saigon đã phối hợp thực hiện một chương trình thi ca nhạc thính phòng và nhạc dân gian, nhân dịp ra mắt dĩa nhạc mới "Dạ Khúc" của ca sĩ Nguyễn Thành Vân, một thành viên của Hội.

Khoảng 120 thân hữu đã đến hội trường Brunello của Mountain View School for Music and Art, để nghe các nghệ sĩ quen thuộc của miền Bắc California như Thu Hà, Kiều Loan, Lệ Thủy, Quỳnh Hương, Thu Tâm, Phan Hằng, Lam Thông, Quốc Chính, Việt Khải, Đặng Hoàng Xa, và các nhạc sĩ Lê Ngọc Chân, Lư Long Sơn, Vũ Trụ, Vũ Hân, Phan Hữu Tâm, Trần Tuyết Lan trình bày các thi phẩm và ca khúc Việt Nam chọn lọc, cùng các tác phẩm độc tấu và hòa tấu cổ điển Tây Phương. Ca sĩ Thu Hà và nhạc sĩ Lê Ngọc Chân giới thiệu chương trình trong một phong cách thân mật và dí dỏm, tạo cho buổi sinh hoạt một bầu không khí gần gũi, thoải mái, mặc dầu hội trường khá chật và nóng.

Nguyễn Thành Vân kết thúc chương trình với bài dân ca Quan Họ "Còn Duyên Kẻ Đón Người Đưa," với những đoạn điệp khúc được toàn thể khán giả hát theo thật vui.

Buổi họp mặt chấm dứt bằng bữa tiệc thân mật gồm các món ăn ngon, nhẹ và rượu champagne do Ngô Minh (Le Jasmin Caterer) trình bày rất đẹp mắt và trang nhã. (Theo *VTN*)

QUỐC TẾ

## Nhà thơ nữ Ba Lan được trao giải Nobel Văn Chương 1996

Bà Wislawa Szymborska, làm thơ và viết phê bình văn học ở Ba Lan, vừa được Hàn lâm viện Thụy Điển trao giải Nobel Văn Chương năm 1996. Bà Szymborska năm nay 73 tuổi và hiện sống tại tỉnh Krakow.

Theo báo *The New York Times*, một người bạn của bà, Jan Pieszczachowicz, chủ tịch Hội Nhà Văn Ba Lan, chi nhánh Krakow, nhận định rằng thơ bà có tính cách "mềm mại" và "nhậy cảm," và "có một trí hài hước kỳ diệu." Vị này còn nói: "Trong thơ bà có chút gì buồn buồn, và luyến tiếc, và một nỗi sợ hãi văn minh nói chung và khủng hoảng về những giá trị. Nhưng trái với các nhà thơ khác, Szymborska nói rằng ta vẫn có thể sống một cách quý phái. Trong các bài thơ của bà, bà nói tới những sự vật thông thường, hàng ngày; những sự vật này, theo bà có các cuộc đời riêng biệt của chúng."

Được hỏi là Giải Nobel sẽ có làm bà thay đổi gì không, bà đáp: "Tôi không có cái cơ chế bảo vệ. Tôi là một con người riêng tư. Điều khó nhất là viết một bài diễn văn. Tôi sẽ viết nó trong cả tháng. Tôi không biết sẽ nói cái gì, nhưng có lẽ tôi sẽ nói về quý vị."

Bà Wislawa Szymborska là người Ba Lan thứ năm được trao giải trong lịch sử Giải Nobel Văn Chương. (Theo *ĐH*)

WASINGTON DC

## Ra mắt sách "Saigon Nắng Nhớ Mưa Thương"

Hồi 2 giờ 30 chiều Chủ Nhật 22 tháng Chín, buổi ra mắt tiểu thuyết tự truyện "Saigon Nắng Nhớ Mưa Thương" của Nguyễn Thị Ngọc Dung đã được tổ chức tại trường Luật George Mason, thành phố Fairfax, tiểu bang Virginia, do sự bảo trợ của Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông và Nhóm Bạn Trưng Vương, với sự hợp tác của Nhóm Duyên Văn đến từ Philadelphia.

Buổi ra mắt quy tụ trên 150 khách yêu văn và thân hữu. Ngoài phần giới thiệu tác giả của Hồng Thủy, có ba diễn giả nói về tác phẩm. Nhà văn Hà Kỳ Lam nhận xét khái quát về nội dung cuốn sách, trong khi nhà văn Trần Quán Niệm đề cập dấu ấn thời đại qua tác phẩm: đó là quan niệm về hạnh phúc gia đình, vấn đề li dị, và cung cách ghen tuông của phụ nữ biến chuyển theo thời gian trong 50 năm qua.

Nhà văn Trương Anh Thụy phân tách khía cạnh văn chuong của thể tự truyện. Nhà biên

Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung và các bạn cựu nữ sinh Trưng Vương, cùng Nhóm Duyên Văn, trong buổi ra mắt sách ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. (Ảnh Trần Quán Niệm)

khảo Lê Văn Lân cũng có những nhận xét ngắn gọn về tính cách gợi tình của truyện, và ông cho rằng bút pháp Nguyễn Thị Ngọc Dung cũng "bạo" không thua George Sand.

Sự tham dự đông đảo của khách yêu văn, và sự yểm trợ hùng hậu của nhóm Duyên Văn đã góp phần vào sự thành công của buổi ra mắt sách. (theo *Trần Quán Niệm*)

QUẬN CAM

## Sàigòn Nắng Nhớ Mưa Thương đến Cali

Tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, thị xã Westminster, lúc 2 giờ chiều thứ Bảy 20 tháng Mười, hơn 100 người đã đến tham dự buổi ra mắt cuốn hồi ký "Sàigòn Nắng Nhớ Mưa Thương" của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung từ Washington DC đến. Trong số khách tham dự, người ta nhận thấy một số nhà văn, nhà báo, nhà thơ như Nhật Tiến, Duy Lam, Hồng Dương, Hoàng Khởi Phong, Lam Thùy Giang, Hà Linh Bảo, Trần Thiện Hiệp, Hoàng Dược Thảo, Nguyễn Tà Cúc, v.v... và một số đông các cựu học sinh Trưng Vương, bạn của tác giả.

Đại diện Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ đứng ra tổ chức buổi ra mắt sách này, ông Lê Đình Điểu, đã giới thiệu tổng quát sinh hoạt của Hội, đồng thời điều khiển chương trình. Nhà thơ Cao My Nhân được mời phát biểu trước tiên, đã giới thiệu những nét chính về tác giả. Lời giới thiệu là tâm tình của những người bạn lâu ngày xa cách, vì phần lớn khách tham dự đều là bạn cùng lứa, đã cùng tác giả học ở trường Trưng Vương Hà Nội trước khi di cư vào Sài Gòn. Thi sĩ họ Cao đã tạo một không khí hồi tưởng xôn xao khi nhắc đến từng người từng việc liên quan đến tác giả Sàigòn Nắng Nhớ Mưa Thương và các bạn cũ.

Nguyễn Thị Ngọc Dung, tại đài phát thanh VNCR (Ảnh LTC)

Nhà văn Bích Huyền đã trình bày một bài nói đầy tình cảm khi làm công việc giới thiệu tác phẩm. Bích Huyền cũng là một nữ sinh Trưng Vương, nên đồng cảm với rất nhiều điều tác giả viết trong sách, từ những kỷ niệm thời còn bé tại Hà Nội đến những ngày sống cuộc đời mới tại miền Nam. Và với tư cách một người bạn gái, Bích Huyền không thể không để ý phân tích và chia sẻ những nỗi khổ mà tác giả đã phải chịu trong đời sống gia đình sau khi đi lấy chồng. Bích Huyền thấy rằng *thời xưa hay thời nay thì cũng thế thôi, vẫn có những người phải chịu đựng, phải bơi trong cái bể trầm luân như vậy.* Theo diễn giả, cuốn Sàigòn Nắng Nhớ Mưa Thương nên được xem như một thông điệp gửi đến các ông chồng, rằng phải yêu thương vợ chứ đừng quá bay bướm, đừng theo con đường cũ xưa "chồng chúa vợ tôi" đã lỗi thời gây khổ cho vợ, và lại có nguy cơ đưa gia đình đến chỗ tan vỡ.

Phạm Xuân Đài, diễn giả thứ ba, chỉ nói về một đề tài mà cuốn sách mang lại cho ông, là thân phận người đàn bà. Nhân đọc thấy cái khổ triền miên mà một phụ nữ hiền dịu thiết tha với đời sống gia đình như Ngọc Dung đã phải cam chịu suốt bảy năm trong đời sống hôn nhân, ông đã nhìn rộng ra, và bàn về nguyên nhân nỗi khổ của người đàn bà nói chung, và thấy đó là do sự áp chế của thế giới đàn ông vẫn còn, hoặc đã biến dạng thành hình thức này hay hình thức khác. Diễn giả đồng tình với sự vùng vẫy thoát ra nỗi khổ của tác giả Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương để tìm cho mình một đời sống có hạnh phúc đích thực.

Nhà văn Duy Lam đã được mời phát biểu ý kiến như một người viết văn đã lâu năm ngỏ lời về một tác phẩm và một tác giả còn mới. Ông cho rằng nhận xét một tác phẩm văn học không phải là đưa ra những vấn đề như là bàn về thân phận người phụ nữ, mà phải phân tích thẳng vào tác phẩm. Theo ông phụ nữ vốn ít viết hồi ký, và Sàigòn Nắng Nhớ Mưa Thương có lẽ là cuốn hồi

ký đầu tiên của một phụ nữ Việt Nam viết về chính cuộc đời mình, và viết một cách can đảm. Tuy nhiên ông thấy rằng tác giả chưa đi đến cùng của sự chân thật, vì một lẽ dễ hiểu là khi viết về mình, người ta, nhất là phụ nữ, không có can đảm nói hết mọi điều. Vì thế ông đề nghị tác giả nên viết truyện, khi hư cấu nên một nhân vật thì ta có thể mổ xẻ nhân vật ấy sâu xa đến đâu cũng được, chứ không "chùn tay" như khi ta mổ xẻ chính ta.

Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung lên diễn đàn sau cùng để cám ơn các vị khách và bằng hữu đã đến dự buổi ra mắt sách, cám ơn VAALA và các diễn giả đã tổ chức nên một buổi ra mắt sách phong phú về hình thức và nội dung. Dịp này bà cũng minh định thái độ của mình trong việc viết lách: bà không có tham vọng trở thành nhà văn, hai cuốn hồi ký vừa rồi bà viết do sự thôi thúc muốn giãi bày cuộc đời của mình, bà đã hoàn tất nó với tất cả ý tình và sự thành thật, và thấy như thế là đủ. Bà không có ý định sẽ đi xa hơn nữa trên con đường văn chương.

Trong buổi ra mắt sách, một số tiết mục văn nghệ xen kẽ vào chương trình, gồm ca hát và ngâm thơ, do các thân hữu Trần Thiện Hiệp (đến từ Seattle), Mỹ Thúy, Lệ Giang, Hà Linh Bảo trình bày, tạo nên một không khí thơ mộng và thân mật vừa đủ để hương vị của Sàigòn Nắng Nhớ Mưa Thương thêm đậm đà.

LOS ANGELES

## Brewery Art Walk: ngày mở cửa của Làng Nghệ Sĩ

Trong hai ngày liên tiếp, thứ Bảy 25 và Chủ Nhật 26 tháng Mười, hơn 100 họa sĩ, nhà điêu khắc, nhiếp ảnh, thiết kế mỹ thuật ở trong khu Brewery Art Complex, Los Angeles, cùng mở cửa họa thất và xưởng làm việc của họ cho công chúng. Đây là năm thứ 14 của sinh hoạt nghệ thuật thường niên "Brewery Art Walk" trong khu này.

Gọi là "Làng Nghệ Sĩ," vì khu Brewery này, với những kiến trúc bằng gạch đất nung đỏ, với tòa nhà có ống khói cao trông giống như hãng rượu, là một khu vừa để cư trú vừa để làm việc, dành riêng cho giới nghệ sĩ tạo hình: hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh, kiến trúc, mỹ thuật thực dụng.

Với số lượng hơn 450 nghệ sĩ, có thể nói khu Brewery là một khu nghệ thuật vào hạng lớn nhất trên thế giới, với những sự thuận tiện nhờ địa điểm nằm ngay trung tâm đô thị Los Angeles và chỗ đậu xe rộng rãi miễn phí.

Trước kia là cơ xưởng của hãng Pabst Blue

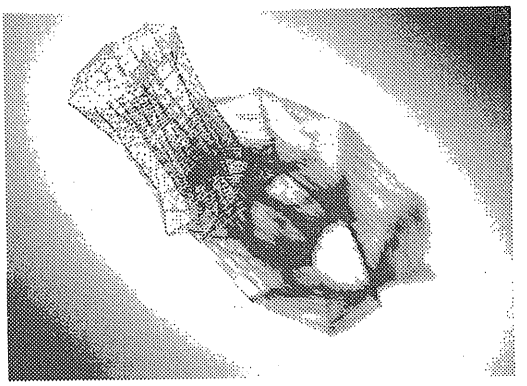

Tác phẩm của Hoàng Vũ ở Làng Nghệ Sĩ

Ribbon, khu Brewery từng được dùng làm cảnh nền cho nhiều sản phẩm điện ảnh Hollywood, trong đó có *True Lies, Color of Night* và *Predator 2*.

Trong ngày mở cửa, khu này đón nhận rất đông du khách, những người yêu mỹ thuật và những nhà sưu tập. Không khí rất văn nghệ, với quán cà phê Berlin và tác phẩm mỹ thuật đa dạng, phong phú, ở khắp mọi nơi. Trong số những nghệ sĩ "chủ nhà", có Hoàng Vũ, số A11. (Xem thông báo Triển Lãm của Hoàng Vũ trong số này, trang 86).■

VNCR

Bạn đã đọc "Vài Chuyện Rất Thường" của Lê Tất Điều (trích Trường Sơn Lê Xuân Nhị), viết về một "Alamo Việt Nam," (*trên TK 21 số 83, tháng Ba 1996*), bạn không thể không tìm nghe băng đọc truyện do Lê Tam Ca và Hoàng Trọng Thụy thực hiện ---- nghe để khóc cho những "người đi không về."
*Băng do Đài Phát Thanh VNCR biếu bạn đọc TK 21.*

Muốn có băng xin liên lạc
cô **Phan Mỹ Sương (714) 534-9430; FAX (714) 534-9433.**

Có nhiều băng khác ghi lại các cuộc phỏng vấn "nổ như tạc đạn," các vở kịch và các truyện ngắn được đọc bởi các xướng ngôn viên mà thính giả yêu mến như Hồng Đào, Y Sa, Hồng Nga, Hoàng Trọng Thụy, Ngô Mạnh Thu, Lê Tam Ca, Đinh Quang Anh Thái, v.v... (phí tổn sang băng và đóng gói gửi $5.00/1 truyện).

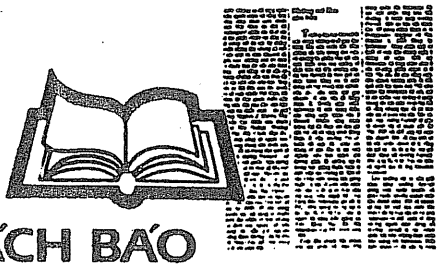

# SÁCH BÁO TRONG THÁNG

## Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương

tiểu thuyết tự truyện của **Nguyễn Thị Ngọc Dung**, do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản, 354 trang, giá US$16.00, ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Nguyễn Thị Ngọc Dung, 11623 Chapel Cross Way, Reston, VA 20194. Tel: (703) 471-1271.

Đây là tập tự truyện thứ hai, tiếp nối Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội, xuất bản năm 1995.

Sách chia ba phần rõ rệt. Trên 100 trang đầu tiên, chúng ta bắt gặp lối hành văn tỉ mỉ, lưu loát, trong sáng của Nguyễn Thị Ngọc Dung về cuộc đời của người nữ sinh Bắc Kỳ di cư từ Hà Nội vào Sài Gòn, tiếp tục học hành và chớm vào tuổi biết yêu. Qua những chuyến đi chơi của tuổi học sinh, Ngọc Dung dẫn dắt chúng ta đến những vùng đất của Miền Nam, những hình ảnh của miền đất mưa nắng hai mùa, dễ thương và chân chất. Thỉnh thoảng, tác giả không quên lồng vào một số sự kiện lịch sử, xã hội của miền Nam, khiến người đọc có cảm tưởng như được chia xẻ cùng một dĩ vãng với người trong truyện.

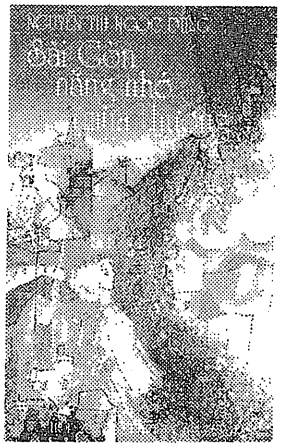

Phần thứ hai và ba là cảnh gia đình sóng gió và những cố gắng của tác giả trong cuộc sống tự lập về mặt kinh tế và tình cảm. Sau thời gian đau khổ bảy năm làm vợ một người đàn ông luôn luôn ngoại tình, tác giả đã đi đến quyết định li dị, để dần dà chuyển sang một giai đoạn mới, là việc chắp nối cùng một người đàn ông khác chủng tộc, và theo chồng sang Hoa Kỳ. Chính trong hai phần này của cuốn sách mà người đọc được biết thêm về tâm lý và quan niệm hạnh phúc của một lớp phụ nữ, lớn lên trong khoảng cuối thập niên 50, qua suy nghĩ và hành động của tác giả, được tác giả thuật lại một cách thành thực.

Tương tự Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội, *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* vừa là một hồi ký với nhiều sự kiện trung thực, lại được viết với một giọng văn chân thành nhưng hấp dẫn, khiến người đọc bị lôi cuốn theo dõi một cách thú vị, nên có thể gọi đây là một cuốn *tiểu thuyết tự truyện*. (Trần Quán Niệm)

## Võ Phiến

sách phê bình văn học của **Nguyễn Hưng Quốc**, Văn Nghệ xuất bản 1996, 218 trang, giá US$12.00, ngoài nước Mỹ $14.00. Liên lạc: P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Đọc phê bình văn học của Nguyễn Hưng Quốc là một điều rất thú vị, không kém khi đọc các tác phẩm văn học thực thụ. Trong một số trường hợp có thể nói là thú vị hơn, vì cái nhìn, cái khám phá của ông về các tác phẩm văn học ấy cũng mang tính chất tinh tế, tài tình không kém tài năng của người sáng tác văn học; người đọc được hưởng đến hai lần sự tinh tế, tầng đầu của tác giả văn học, tầng hai của người phê bình.

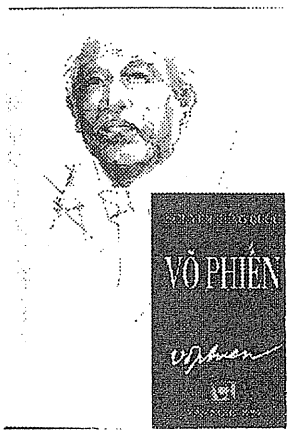


Ông viết về Võ Phiến như viết về một người tri kỷ, những điều ông "nhìn ra" từ con người và tác phẩm Võ Phiến là của một người vừa say mê yêu mến nhà văn, vừa với con mắt phê bình chuyên nghiệp, đủ thẩm quyền và cũng đủ sự nghiêm khắc. Dù ông tự đặt cho mình một giới hạn là chỉ *phác thảo diện mạo văn chương Võ Phiến* thôi, qua trên hai trăm trang sách, chúng ta đã có một diện mạo Võ Phiến rất rõ nét, có lẽ đó là bức ảnh rõ nhất, và cũng đẹp nhất, đủ nhất từ trước đến nay của nhà văn này do một nhà phê bình văn học vẽ nên. Ông đã xem xét phong cách và niềm trăn trở của Võ Phiến, xem xét Võ Phiến trong tư cách một nhà lý luận văn học, nhà phê bình văn học, nhà tạp luận, nhà tùy bút, người viết truyện. Ông đã lập một niên biểu Võ Phiến, lập danh sách tác phẩm của Võ Phiến, sưu tầm một thư mục tài liệu tham khảo về Võ Phiến.

Có lẽ đây là lần đầu tiên một tác giả hiện đại được nghiên cứu tường tận, được tìm hiểu vừa với tình cảm tha thiết vừa với kiến thức uyên thâm, được hỗ trợ bởi nguồn tài liệu đầy đủ được khai thác có phương pháp.

## Mặt Trận Ở Sài Gòn

tuyển tập truyện ngắn của **Ngô Thế Vinh**, Văn Nghệ xuất bản 1996, 202 trang, giá US$12.00, ngoài Hoa Kỳ $14.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Riêng truyện *Mặt Trận Ở Sài Gòn* đã một thời làm xôn xao dư luận và cũng gần như tạo nên

một mặt trận tại Sài Gòn, vì tác giả bị đưa ra tòa sau khi đăng truyện ấy trên tạp chí Trình Bày vào năm 1971. Chính quyền miền Nam thời ấy đã đưa tác giả ra tòa vì cho rằng truyện Mặt Trận Ở Sài Gòn có "luận điệu phương hại trật tự công cộng và làm suy giảm kỷ luật, tinh thần chiến đấu của quân đội," trong khi chỉ mấy tháng trước đó vừa trao cho tác giả giải thưởng bộ môn Văn trong Giải Văn Học Nghệ Thuật với tác phẩm Vòng Đai Xanh. Mặt Trận Ở Sài Gòn là một bút ký ngắn ghi lại "cuộc hành trình ý thức của một người lính chấp nhận cuộc hy sinh chiến đấu gian khổ hiện tại, đồng thời cũng có những mơ ước về một xã hội tốt đẹp hơn trong tương lai." Mơ ước ấy nẩy sinh khi đối diện với một Sài Gòn "lộng lẫy sáng choang và thản nhiên hạnh phúc ... ngào ngạt hương thơm và những hưởng thụ thừa mứa ... của một đám người kêu gào chiến tranh nhưng lúc nào cũng ở trên và đứng ngoài cuộc chiến ấy," Sài Gòn tồn tại giữa một đất nước đang chiến tranh mà như "một con thuyền xa hoa ngao du trên dòng sông loang máu, nổi trôi đầy những xác chết đồng loại."

Ngô Thế Vinh là như thế, luôn luôn cầm bút với một cái tâm tỉnh thức để nhìn ra và can đảm nói lên những vấn đề trầm trọng của xã hội mình đang sống. Tập gồm 12 truyện, sáu truyện viết từ trước 1975, đều liên quan đến cuộc chiến, sáu truyện viết trên đất Mỹ, cũng mang nhiều "vấn đề" đối với cuộc sống mới. Nhưng khác với ở Việt Nam trước kia, cuộc sống ở đây loãng hơn, những điều ông nhìn thấy và nói lên bây giờ có lẽ chỉ được quan tâm một cách vừa phải, rời rạc trong một giới nào đó. Nhưng đó là do hoàn cảnh mới chứ không phải do tác giả, một người lúc nào cũng thiết tha muốn đem lại cái gì đẹp hơn, luôn luôn đưa mắt dõi theo cuộc sống chung quanh, và dùng văn chương "đặt vấn đề" một cách đầy nhân hậu.

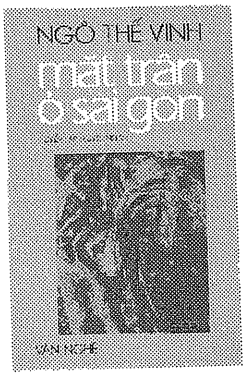


## Trung Kỳ Dân Biến 1908

biên khảo của Trần Gia Phụng, tác giả xuất bản 1996, 190 trang, giá $12.00. Liên lạc: Trần Gia Phụng, 69 Mc Farland Ave. Toronto, Ont. M6H - 3M9 Canada.

Tác giả, ông Trần Gia Phụng, tốt nghiệp Đại học Huế môn Sử, trước 1975 là giáo sư môn này tại trường trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng. Ông viết xong cuốn *Trung Kỳ Dân Biến 1908* tại Đà Nẵng trước biến cố 75 nhưng chưa kịp in. Sau bao nhiêu thăng trầm ông vẫn giữ được bản thảo và mang theo qua Canada cách đây hai năm, và đây là lần đầu tiên in thành sách.

Vụ dân biến tại Trung Kỳ năm 1908, thường gọi là vụ xin xâu hay kháng thuế, là một biến cố đặc biệt trong công cuộc đấu tranh với thực dân Pháp, sau các hoạt động Cần Vương. Do phải chịu một chế độ sưu và thuế quá nặng, đến độ không sống nổi, dân chúng tự động tổ chức biểu tình bất bạo động để xin giảm sưu thuế, bắt đầu bùng nổ tại Quảng Nam rồi lan ra nhiều tỉnh Trung Kỳ trong suốt ba tháng mùa xuân năm 1908.

Tác giả Trần Gia Phụng đã trình bày vụ biến động trên một cách khá đầy đủ trong cuốn sách của ông, từ hoàn cảnh lịch sử và động lực của cuộc dân biến, đến biến cố xảy ra và lan rộng, và sau cùng là xét đến hậu quả. Ưu điểm rõ rệt của cuốn sách là tác giả, ngoài việc sử dụng các sử liệu chính thức, đã bỏ công đi phỏng vấn, tìm hiểu nơi những vị lớn tuổi ở Quảng Nam có hiểu biết hoặc có liên quan đến biến cố ấy, và đã có được những tài liệu quý giá. Ví dụ, mọi việc bắt đầu từ cuộc chuyện trò bàn bạc thời sự trong một đám giỗ tại nhà họ Trương huyện Đại Lộc, từ đó mới nảy ý kiến làm một bức thư lấy chữ ký rộng rãi trao chính quyền xin giảm sưu thuế, chứ không phải được trực tiếp hoạch định và tổ chức bởi những nhân vật hoạt động nổi tiếng lúc bấy giờ như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, như nhiều người vẫn tưởng.

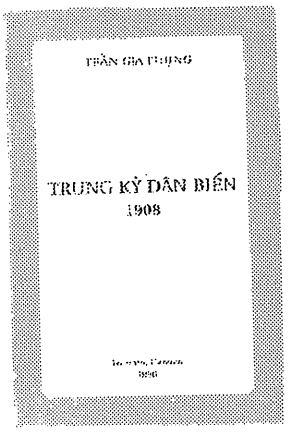


Ông Trần Gia Phụng có nhiều thuận lợi trong việc soạn cuốn sách này. Trước hết ông thích môn Sử và đã được đào tạo về môn ấy, ông lại thiết tha muốn dựng lại một trang sử cận đại đặc biệt của đất Quảng Nam là quê hương ông, và ông đã quyết định bắt đầu việc ấy cách đây khoảng ba mươi năm, vào một thời điểm còn có thể gặp gỡ hỏi han một số nhân chứng liên quan đến biến cố. Sau hết, qua những xáo trộn từ năm 1975, như nhiều người khác, ông đã mất mát nhiều thứ, nhưng ông đã cố gắng không để mất tập bản thảo quý giá này. Nhờ thế hôm nay cuốn *Trung Kỳ Dân Biến 1908* mới có dịp đến với chúng ta.

## Tiếng Sông Hương

giai phẩm kỷ niệm 100 năm trường Quốc Học (1896 - 1996) do tập san Tiếng Sông Hương ở Dallas chủ trương, 254 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: 6730 Stichter St., Dallas, TX 75230, USA.

Năm nay nhân kỷ niệm 100 năm Quốc học, Tiếng Sông Hương một lần nữa cho thấy thế mạnh của mình về phương diện tài liệu. Có lẽ chưa có dịp nào tài liệu về trường Quốc học được tập trung nhiều đến thế, từ sắc dụ thành lập trường của vua Thành Thái đến những bài ký,

bài hồi ức của những giáo sư, học sinh lão thành, từ những bức ảnh của vua Thành Thái và những vị Thượng thư thời cuối thế kỷ trước cho đến những bức chụp thầy trò tại trường vào những năm 30, 40, 50...

Bên cạnh còn có các biên khảo và sáng tác văn nghệ của những văn hữu nặng tình với Huế.

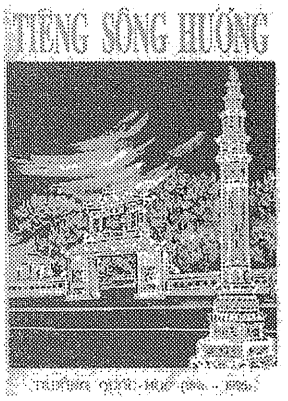


Tiếng Sông Hương là tiếng nói và hình ảnh của quá khứ, là mảnh đất của hoài niệm. Đó có thể là môi trường của khảo cứu, có thể là nơi để tâm hồn tìm về lối xưa. Nhưng chuyện xưa không phải không có tác dụng đến ngày nay: chẳng có quá khứ nào mà không liên quan đến hiện tại và tương lai, người ta không thể làm ngơ với quá khứ mà có thể có những bước chân vững chắc về phía trước được. Miễn đó là một thứ quá khứ có tầm vóc, mang trong mình nó những tấm gương soi rọi được cho nhiều thế hệ về sau. Tòa soạn Tiếng Sông Hương đã viết rằng: "Kỷ niệm 100 trường Quốc Học, cũng là cơ hội học hỏi kinh nghiệm quá khứ, để rồi khởi đi từ quá khứ ấy và trên căn bản văn hóa cổ truyền dân tộc, tìm một hướng đi mới..."

## Quảng Đà

đặc san biên khảo văn học nghệ thuật, do Ái Cầm và Thái Tú Hạp chủ trương, 431 trang, giá trong ước Mỹ US$12.00; ngoài nước Mỹ thêm cước phí. Liên lạc: P.O. Box 428 Rosemead CA 91770, USA. Tel: (818) 286-9798.

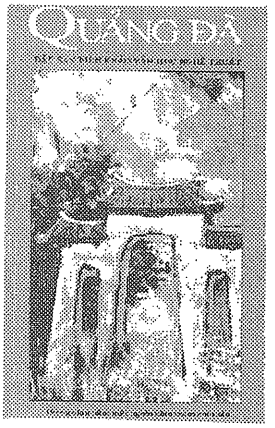


Đặc san gồm bài của những cây bút thuộc đất Quảng Nam Đà Nẵng và thân hữu, và giống như các đặc san cùng loại, bài viết phong phú thuộc nhiều đề tài, nhiều thể loại, nhiều tính cách, và dĩ nhiên, của nhiều tác giả. Các loại đặc san thuộc về một địa phương hiện nay xuất hiện nhiều, hầu như mỗi tỉnh thuộc Việt Nam Cộng Hòa trước kia bây giờ đều có đặc san ở hải ngoại. Đó là một nhu cầu tình cảm. Nhưng những món ăn tình cảm dựa mãi vào những mảnh hoài niệm rời rạc rất riêng tư đến một lúc sẽ bão hòa. Con đường mới khai phá lúc đầu dần dần thành lối mòn, đi mãi phát chán. Người ta đòi hỏi nghệ thuật. Đòi hỏi sự khảo cứu nghiêm túc có đường hướng. Chứ không chỉ là chỗ tập hợp một số tên tác giả, dù là tác giả tên tuổi.

Đặc san Quảng Đà xem ra đang cố tránh con đường cũ để xây dựng một tuyển tập định kỳ có giá trị hơn là một chỗ chỉ chứa đựng những thù tạc văn nghệ. Dĩ nhiên mọi chuyện không thể một lần là xong, mà còn cần cố gắng nhiều. Điều quan trọng là có một ý hướng nghiêm chỉnh nơi những người chủ trương và những người cộng tác.

## Chiều về trên sông

CD Tiếng Hát Quỳnh Giao. Quỳnh Giao Productions sản xuất phát hành 1996. Liên lạc Doan Trang Nguyễn P.O.Box 1445 Tustin CA, 92781 USA.

Đây là CD thứ ba Quỳnh Giao tự thực hiện liên tiếp trong những năm gần đây. Ca khúc Chiều Về Trên Sông của Phạm Duy là bài hát mở đầu chương trình được dùng làm tiêu đề chung cho CD ca hát này. Những ca khúc khác hầu hết của các nhạc sĩ, thường được xếp và lớp Tiền Chiến, như Nguyễn Văn Quý, Dương Thiệu Tước... Nghe Chiều Về Trên Sông để thấy giọng ca Quỳnh Giao vẫn còn nguyên những đặc tính riêng: mong manh ngọt ngào, thoáng pha hoài niệm. Những ca khúc như Dạ khúc (Nguyễn Văn Quý) Chiều Về Trên Sông, Nương Chiều (Phạm Duy), Quỳnh Giao lựa chọn rất khéo phù hợp với giọng hát của cô. Quỳnh Giao cũng đưa người nghe vào thế giới ảo huyền, chập chờn, u hoài nỗi nhớ với một ca khúc của Tuấn Khanh: Từ Đó Khôn Nguôi. Nghe Chiều Về Trên Sông để có được những giây phút thả hồn về với dĩ vãng nhẹ nhàng, êm ả quên đi bao tần thúc của cuộc sống vốn bủa vây từng phút từng giây.

## Môi nào hãy còn thơm

CD đầu tay của Diamond Bích Ngọc. Việt Productions phát hành. Liên lạc 14311 Flower Street Garden Grove CA 92843 USA Tel: (714) 839-6517

Diamond Bích Ngọc cùng hát với Việt Dzũng và Anh Dũng. (6/10 ca khúc). 10 bài hát của các nhạc sĩ thành danh trước 1975 ở quốc nội như Trịnh Công Sơn, Vũ Thành An, Vũ Đức Sao Biển và Nguyễn Trung Cang và sau 1975 ở hải ngoại như Nam Lộc, Hoàng Thanh Tâm, được

trình bày tròn trịa. Phần hòa âm phối khí do các nhạc sĩ trẻ Tuấn Đức, Anh Tuấn, Nhật Tâm chăm sóc, đã đem đến cho Môi Nào Hãy Còn Thơm một màu sắc riêng của tình yêu, tuổi trẻ nguyên khôi. Dù Diamond Bích Ngọc không phải là ca sĩ chuyên nghiệp. Nhưng giọng hát cô phiêu bồng mà tha thiết của một người yêu nhạc, yêu hát như yêu cuộc đời. Người nghe sẽ dễ dàng nhận thấy niềm thiết tha đó qua giọng hát nhiều cảm xúc của Diamond Bích Ngọc cùng Anh Dũng, Việt Dzũng qua CD Môi Nào Hãy Còn Thơm.

## Tình Ca Học Trò

CD và cassette, Hiếu Anh thực hiện và tự phát hành. Liên lạc: 5405 Tupelo Pass, Louisville, HY 40213, USA. Tel: (502) 964-2472.

Hiếu Anh là giáo sư âm nhạc các trường trung học ở Sài Gòn. Ông cũng là một quân nhạc trưởng. Âm nhạc đã nhập với ông là một. Vì vậy sau khi định cư tại Hoa Kỳ mới một thời gian ngắn Hiếu Anh đã gửi tới người nghe một chương trình ca nhạc gồm 10 sáng tác của mình. Tiêu đề Tình Ca Học Trò đã nói lên đầy đủ nội dung của cuốn băng 10 bài hát viết về cả một quãng đời tươi tắn hạnh phúc nhất của mỗi con người, được trình bày bởi những giọng ca học trò thuần khiết. *Kỷ Niệm Xưa, Qua Trường Cũ, Giòng Lưu Bút, Một Thoáng Buồn Vui...* những bài hát khiến bùi ngùi người hát cũng như người nghe. *Mùa Phượng Thắm* hay *Ca Hè Về* mang mang chút buồn vu vơ nhưng tiết điệu nhí nhảnh hồn nhiên. Để tìm được một băng ca nhạc đậm nét của đời học sinh như Tình Ca Học Trò thật không phải là dễ, nhất là với thị trường ca nhạc hải ngoại đã bị cuốn vào cơn lốc kinh doanh. Việc làm của nhạc sĩ Hiếu Anh có thể suy ra: hoặc là thiếu thực tế, hoặc là lý tưởng. Nhưng, Hiếu Anh vốn là thày giáo. Mà thày giáo thì lúc nào cũng nhìn về phía các thế hệ trẻ hơn mình. ■

THÁI TUẤN
Tuyển tập tranh và tiểu luận

100 trang giấy trắng mịn, khổ 9" x 12", với 30 tranh mới nhất và 20 bài tiểu luận về nghệ thuật tạo hình (trong đó có năm bài do Nguyễn Ngọc Bích dịch sang Anh ngữ) của Thái Tuấn, cùng các bài nhận định, giới thiệu, đề tặng của Huỳnh Hữu Ủy, Nguyễn Đồng, Võ Phiến, Lê Uyên Phương.

"*Khuôn mặt của Thái Tuấn nổi bật giữa nền nghệ thuật đương đại, giữa những chân dung khác như Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Trung, Nguyễn Phước, Trịnh Cung, Nguyễn Gia Trí... Thái Tuấn là một họa sĩ đam mê nghề vẽ của mình, đã hiến hết đời mình cho thế giới của cái đẹp một cách vô cùng trân trọng.*" (Huỳnh Hữu Ủy, "Ghi Chú Thêm Về Thái Tuấn")

Giá: US$32.00 (thêm US$1.50 cước phí: trong nước Mỹ, hạng tư; ngoài nước Mỹ, tàu thủy). Ngân phiếu đề trả cho "VAALA."

***PHIẾU ĐẶT MUA SÁCH THÁI TUẤN***

Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....
Đính kèm chi phiếu / lệnh phiếu US$..... trả cho "VAALA."

*Liên lạc:*
VAALA, 11022 Acacia Pky #A, Garden Grove CA 92840 USA
ĐT (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944

# PERPENDICULAR STYLE IN NGUYEN DU

## A PHENOMENOLOGICAL APPROACH
## A SEQUEL TO ANALYTIC AESTHETICS

By DR. NGUYEN QUYNH

**A. What is perpendicular style?**

Any artistic expression showing conceptualized vertical structure is called Perpendicular Style.

Using methodology of the regional ontologies for the analysis of such a style, this writer will reveal just two superbly crafted lines in Nguyen Du's rich and profound Romanticist recueil, *The Tale of Kieu.*

**B. The text**

*Ngon trieu non bac trung trung,*
*Voi trong con tuong canh hong luc gieo.*

**C. The diagram**

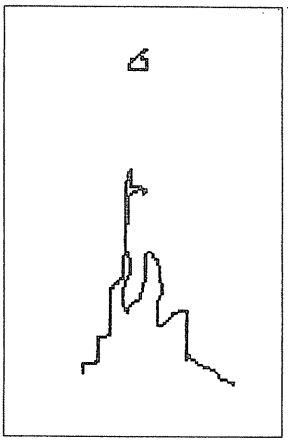

To understand the above diagram let us begin with the text:

*Ngon trieu* (the crests of tidal wave) *non bac* (the snow peaks of mountain) *trung trung* (undulating or rolling incessantly),

*Voi trong* (to gaze at) *con tuong* (still imagine) *canh hong* (a rose petal) *luc* (moment) *gieo* (to fall down, to drop).

The analysis of these *prima facie* images should cover symbolic expressions of poetic language, the linguistic formation and transformation. It should also include historical, cultural, social, political and even geographical realities. Of these tasks the following elements, in regard of Nguyen Du's text, deserve a great deal of argument.

*1. Analysis of the First Line*

*Ngon trieu non bac trung trung*

The first images, *ngon trieu* (the crests of tidal wave) and *non bac* (the snow peaks of mountain) have been accepted by many readers as the two different elements composing the landscape near Hang Chow. In fact as shown in a Victor Dove's photograph the landscape is hilly with some green mountains. (Dove, 1995, p.105). (Fig.1) As such the principle image is the poet's reflective perception: *ngon trieu* (the crests of tidal waves) while *non bac* (the snow peaks of mountain) is syntactically a metaphor and grammatically an epithet attributive to *ngon trieu,* such as in *Abraham Lincoln the Great Emancipator, in Catherin the Great,* and in *Dennis the Menace...* Although excellently associated for good poetic vision in the original Vietnamese text these two noun-phrases *Ngon trieu* and *Non bac* are grammatically ambiguous because of the poet's reflective perception and because of its lack of conventional status. As a fact the signifiet/epithet *non bac* having its certain mode of being (Seinsweise) or the sense of being "meant as" should be perceived by the reader, by way of the eidetic reduction, a method reducing facts to essences (Strocker, 1987, p.6). The intersubjectivity of *ngon trieu and non bac* reveals to the reader an implied conjunction NHU (LIKE in English). As such the conjunciton NHU behaves as an indicator that signalizes a simile. In French language the conjunction COMME, and indispensable comparative also balances out the two givennesses rhythmically:

*Ils furent ce que nous sommes, Poussière, jouet du vent, Fragiles COMME des hommes,*
*Faibles COMME le néant.* (Lamartine, 1934, p. 40)

In German language the conjunction WIE, the equivalent form of NHU and COMME equally manifests its charm and vitality, as in Holderline's poetry.

*... nun aber nennt er sein Liebstes, Nun, nun mussen dafur Worte, WIE blumen, entstehen.* de Man, 1984, p. 2)

The Vietnamese reader would feel the com-

pelling force of the conjunction NHU in Vietnamese literary and vernacular language, probably due to the sound NH. This consonant consists of two elements, the complete nasal consonant N, and the glottal consonant H. Since the sound effect consonant H like a sigh or a whisper, reinforced by its antecedent N consonant, is only audible when preceding a vowel, which is the Vietnamese U in NHU that is softly pronounced with the very small opened mouth, and with almost non-vibrating tongue that can be felt by the gentle air flow forwards. The delicate sound of NHU not only helps compare the two linguistic entities motaphorically, but it also poetically generates meaning and mood without necessarily brassy and rigidly rational expression. Here are a few examples from the classical Vietnamese literature:

*Mot vung NHU the cay quynh canh dao (Nguyen Du)*

*Tieng khoan NHU gio thoang ngoai,*

*Tieng mau sam sap NHU troi do mua (Nguyen Du)*

*Lo mo nhan anh NHU nguoi di dem. (Nguyen Gia Thieu)*

*Vuon ai muot qua xanh NHU ngoc (Han Mac Tu)*

*Me tha coi NHU chiec la bay*
*Chi tha coi NHU la hat bui*
*Em tha coi NHU men ruou cay*
(Tham Tam)

Returning to Nguyen's poetry we feel the implied (or tacit) conjunction NHU so strong that the role of epithet becomes less prevalent. Following this analysis it is recommended that the plain English translation should look as follows:

*Like snow peaks of mountains the crests of tidal waves rise and roll incessantly.*

Nguyen's conceptualization of the waves as snow mountains marvelously visualizes the climactic drama realistically and with patho. As a Vietnamese Ambassador to Bejing Nguyen was fortunated to see the magnificient, and artistically inspiring landscapes below the Ch'ang Chiang or Yangtze River. From the boat that carried him up on the 1300-mile long Grand Canal to the point where meets the Canal with the Ch'ang Chiang, he was certainly amazed by the great tidal waves rising up and crashing down. In his text this meeting point is called Tien Duong. Literally Tien Duong is a vestibule or a corridor, as in:

*Tieng duong tac da nhat chi mai.*

*Early in the morning one was surprised by an apricot blossom in front of the vestibule.*

To be exact Tien Duong is a junction where two currents meet and cause huge volumes of water crash against each other noisily.

*Trieu dau noi tieng dung dung,*

*Suddenly she heard the thundering sounds of tidal waves...*

This is precisely a section of the Ch'ang Chiang, the largest and longest river in Asia, as it is clearly described in Nguyen's text:

*Dem minh gieo xuong giua giong Truong Giang*

*She jumped into the Ch'ang Chiang*

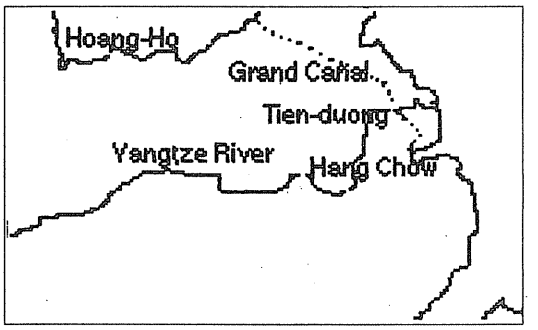


The thundering sound *dung dung* is magically similar to that of *trung trung* (rolling incessantly) although the latter denotes image. The unvoiced consonant T preceeding the strong voiced consonant R intensifies the later's tonal action. Nguyen's linguistic intuition has transformed the silent description into terrific sound and carried the awsome aspects of the river throughout the story successfully.

Nguyen's description of Tien Duong also involves another coloquial expression "BE," as in:

*Trong voi troi Be menh mong,*

*Dem minh gieo xuong giua giong Truong Giang.*

*Looking at the immensity of the sky and SEA*
*She jumped into the Ch'ang Chiang.*

Despite an almost two thousand-mile long coastal line the Vietnamese agricultural culture has been mainly concentrated on the lowland. This civilization concept had produced a language without terminology such as "DAI DUONG" or "ocean' and "BIEN" or "sea" until the modern times. The word "BE" meaning "Great lake" has easily been confused with "BIEN." In fact it also means "the river mouth, as in the proverbial expression: "Ra BE vao NGUON" or "Moving toward the river mouth, returning back to the origin." When the word "BE" paired with its modifier "KHOI," the compound noun BE KHOI is created to denote "an immense great lake" or "vast river mouth." In light of this, we should modify the English translation, replacing SEA by WATER:

*Looking at the immensity of the sky and WATER.*

*2. Analysis of the Second Line*

*Ngui trong con tuong canh hong luc gieo*

As the first line depicts the dramatic rise of tidal waves of the Ch'ang Chiang the second line completes the vertical order with the falling rose *(canh hong)*. Now we have the opportunity to unveil the meaning of *canh hong* in terms of shape, color, and time.

a. SHAPE: Canh: 1. Wing (bird), 2. Petal (flower), 3. Party (organization), 4. Panel (door),

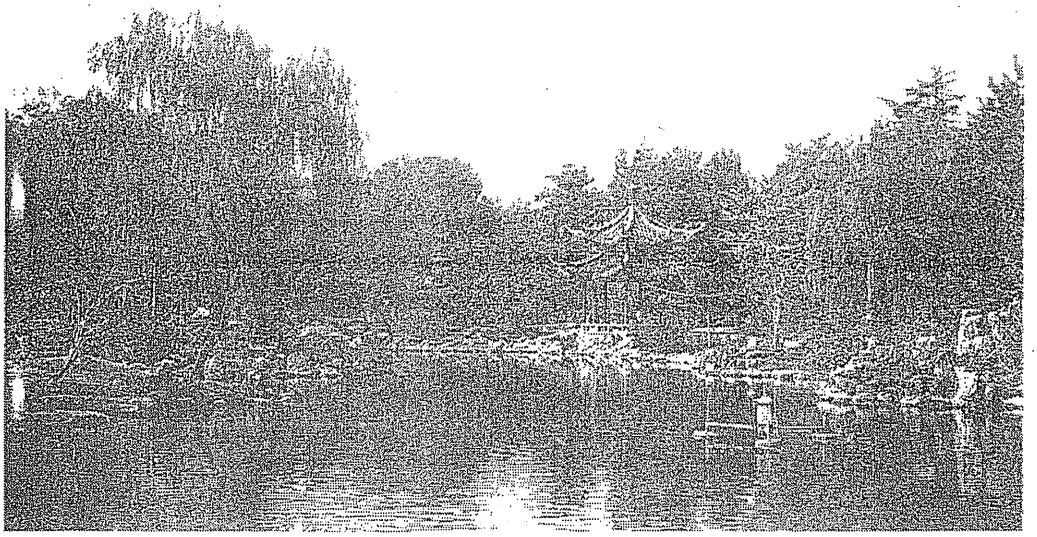

Fig. 1. The West Lake at Hang Chow with mountain in the background.
Photograph by Victor Dove (1995)

5. Arm (Human)

b. COLOR: Hong: 1. Rose (flower), 2. Pink (bright carmine: hong dieu), 4. Rose (woman), 5. Pink (dust or earthly domain)

c. TIME: Hong: 1. Prehistoric, Ancient (Hong hoang)

As a bird *canh hong* means a sort of crane whose image was engraved on the surface of the bronze drums of Dong Son (Hongshan) culture, about 3500 B.C. (Keverne, 1995, p.60). (Fig. 2) Nguyen Du is the first Vietnamese poet to have used this symbolic image *canh hong* as a metaphor in his *The Tale of Kieu:*

*Canh hong bay bong tuyet voi*
*The crane has taken off aloft wonderfully*

But *canh hong* concerning the second line is a different givenness in metaphorical form and is reduced eidetically to the essence which stands for Kieu, the ill-fated and beautiful woman. As such, the second line should read as follows:

*Sadly one could imagine the moment she jumped into the river.*

The final structural touch that generates the Perpendicular perception is the verb *gieo,* which means to *fall* effortlessly. To impress a perception and sensation of a falling object on the viewer's mind many film-makers have customarily used the technique of slow motion. The verb *gieo,* pictorially and phonetically captures such a feeling. Unlike the voiced tongue-back plosive

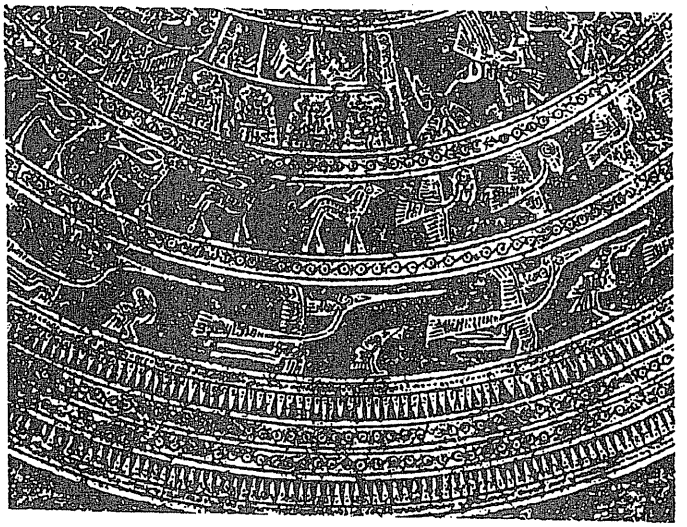

Fig. 2. Flying Hongs (a sort of crane) engraved on Ngoc-lu Bronze Drum
From *My-Thuat Co-Truyen* by Nguyen Khac Ngu (1981)

consonant "G" in English language, the Vietnamese "G" sounds like "Z" for the ending "S" as in "GOODS" to pronounce the gentle, effortless, melodic, almost whipering sound of *gieo*.

As the sound diagram has created shape for this conceptual and perpendicular structure, the role of color is of no less vital in the intersubjectivity of cultural-linguistic facts; hence the richer dimension of a work of art. For the Vietnamese people the color *hong* has indeed become a cultural concept. The equivocal color *hong* (pink) examplified by Vietnamese art and craft objects differs from the universal (general or eidos) one. (Husserl, 1970, p.292, 1979, p.262) The consonant *hong*, no matter whatever it modifies, together with its color connotations is immediately present in the Vietnamese mind in all regional ontologies, and in plurality of objects (Husserl, 1979, pp. 246, 356-358). The fuzziness of this plurality, never acceptable in favor of the clarity of language (reason versus reality knowledge), is an irrefutable ontology. In fact literature or art appreciation is an act of culture, of history, and of one's reflective mind. This means one's imagination cannot escape historicity. Yet, there is neither an arbitrary act in art and literature criticism, nor a scientific methodology capable of reducing the creative facts to essences. There are only projects in the sense of probabilism (Husserl, 1970, pp.101, 345).

*D. Conclusion*

The diagram shows two abstract configuraitons: the rising tidal waves without snow-caped mountains, and the peculiar rose instead of the picture of Kieu. Such configurations represent the essence of thought rather than mere illustrations, that are non-conceptual.

## References


1. De Lamartine, A. *Harmonies Poetiques et Religieuses,* Classiques, Larousse, 1934.
2. De Man, Paul, *The Rhetoric of Romanticism,* Columbia University Press, 1984.
3. Dove, Victor, "Searching for LI KERAN and the Eight Eccentrics," *Arts of Asia,* November-December, 1995.
4. Husserl, Edmund, *Logical Investigations, Vol. 1,* University Printing House, Cambridge, England, 1970
5. Husserl, Edmund, *Experience and Judgment,* Northwestern University, Evanston, 1979
6. Keverne, Roger, "Chinese Jade from the Neolithic to the Qing," British Museum, London. *Arts of Asia,* November-December 1995
7. Strocker, Elizabeth, *The Husserlian Foundations of Sciences,* Current Continental Research 209. Center for Advanced Research in Phenomenology and University Press of America, Washington D.C. 1987. ■



ASIA BOOKS 720 Teresita Boulevard, San Francisco, CA 94127 - USA. Tel: (415) 584-0498

Order these basic tittles by Nguyễn Đình Hòa:
1. **Say it in Vietnamese.** A practical phrase book. 1993 reprint. $12.00
2. **Language in Vietnamese Society.**
Articles on Vietnamese language and society. 1991 reprint. $15.00
3. **Nhất Thiên Tự. The Book of One Thousand Characters.**
Chinese characters with Vietnamese equivalents. Asia Books, 1989. $10.00
4. **Speak Vietnamese.** The out-of-print beginning textbook. Only xerox copy.
5. **Colloquial Vietnamese.** The popular intermediate (second year) textbook. 1994 reprint. $23.00
6. **Vietnamese-English Dictionary. Từ Điển Việt-Anh.**
The popular tool. 1991 Charles E. Tuttle. $19.95
7. **Essential English-Vietnamese Dictionary.**
A concise interpreter. 1991 Charles E. Tuttle. $18.95
8. **Beginning English for Vietnamese Speakers. Học Tiếng Anh, Cấp 1.**
Charles E. Tuttle. $27.50
9. **Intermediate English for Vietnamese Speakers. Học Tiếng Anh, Cấp 2.**
Charles E. Tuttle. $22.00
10. ***201 Vietnamese Verbs.** 1979, Barrons' Educational Series. $12.00
11. ****Vietnamese Literature; A Brief Survey. Lược Sử Văn Học Việt Nam.**
Đại học San Diego State University xuất bản 1994. $12.00
12. *****NTC's Vietnamese-English Dictionary.**
Latest, augmented edition of **Vietnamese-English Student Dictionary.**
Bản tăng đính cập nhật với nhiều thuật ngữ khoa học kỹ thuật, Công ti Sách Giáo khoa National Textbook Co., Lincolnwood, Il., xuất bản 1995. $24.95 hb, bìa cứng. $17.95 pb, bìa mềm.
*Order from Barron's Educational Series, Inc.,
250 Wireless Boulevard, Hauppage, NY 11788. Phone: (615) 434-3311.
**Order this item from Multifunctional Resource Center, San Diego State U., Attn: Mr. Trần Cảnh Xuân, 9518 Vervain Street, San Diego, CA 92129. Phone: (619) 484-4102 or 594-5193.
***Order this item from Sales Department, National Textbook Co.,
4255 West Touhy Avenue, Lincolnwood, Illinois 60646. Phone: (708) 679-5500.

# THAI TUAN'S ESSAYS

**Excerpts from the book "Thai Tuan, Selected Essays and Recent Paintings"**

Translated from Vietnamese by NGUYEN NGOC BICH

## Art Appreciation

Standing in front of a painting, a viewer has two choices: either he likes it and stays to appreciate it or he is indifferent, turns around and leaves. Neither of the two reactions can be said to be either right or wrong. The artist paints or draws for himself in the first place, and so views the viewer — for himself. Only chance will decide whether the two dreams will meet in the work.

I have been told an anecdote related to the viewing of a painting. A viewer once stood, so the story goes, in front of a landscape painting, he was so wrapped up in his dream that he was oblivious to all the noisy comments and remarks made by people around him. Suddenly he exclaimed: "I wish I had a small skiff so that I could go and visit my old home." Nearby was an old man of unusual features looking more like an immortal than a regular person. He slowly stepped up to the painting and pressed a bamboo leaf that he held in hand onto the painting. The viewer was mystified by the leaf and suddenly felt that he was being carried away on a small skiff that was barely negotiating the river. His features started showing various moods, at times happy and at other annoyed. Finally, he awoke as if coming back from a long trip. He turned around, bowed low to the old immortal and said: "Thank you for helping me go and visit my old village."

The painting had given the viewer the vicarious pleasure, for a couple of minutes, to be as happy as he could be. In my view, there could not be a higher calling than that for the place of art in our lives.

Colors or lines all have their role to play in a painting, but it seems that beyond the interplay of beautiful and fresh colors there must also be something more, something beyond thought, beyond our capacity to understand, beyond the knowledge that we accumulate in our head (as a library stores books or as people collect ancient coins to form a treasured collection). But if one merely collects then over time even words will change in meaning and the ancient coins after a while become useless. Even yesterday's knowledge will be replaced by today's. Only feelings and emotions remain the same, we do not have anything going beyond love and hate, anger or pleasure, joy or annoyance.

All the isms and various schools of art, all the technical and technological discoveries that mankind has come up with, and the various styles one uses to create blocs of color and form, all of these things are no more than experiments that must change time and again — never going beyond the preferences of one person or at most of a period.

How does one come up with new values in art? Or are we condemned to (re)discover values that are already known in art?

And what is the value of all values?

Everybody can feel that attachment to things or another person is real enough, it could not be just an invention. It is as a light that pierces through this dark universe. Without light there cannot be any form or color or hue and in actuality, there cannot be anything visible. But light will also need a speck of dust in order to reflect itself on it. An art work is like one of these dust specks, at the same time it sheds a little light so we can see. And if asked the ultimate question, the artist will give you a clear answer: "I do something that I like."

So forever there will be children dreaming of being carried away on a paper skiff so that they can drift along a deserted stream.

*Orléans 1991*

## Artistic Creation

Long ago I was told of the story of a Zen master who spent nine years in total silence contemplating a wall. That was all there is to the story yet the comments and explanations that went with it filled hundreds of volumes.

In artistic creation the artist does not utilize forms and colors the way a writer uses language. Not being conventional signs, forms and colors do not communicate precisely the same way that words do. Furthermore, the function of art is neither "to illustrate a thought" nor is it concerned with "carrying an ethical message" as in the case of literature.

When facing a white canvas the artist aims at going beyond the world contained in language. For a moment at least, he forgets about the name

of things in order to walk into the world of pure form and color, where things no longer appear in the familiar shapes or meanings. His sole concern is to find ways to combine colors and forms under the guidance of some aesthetic impulse and reach a certain equilibrium. Thrown into the vortex of creation, the artist is no longer concerned with content or formalism.

That is the active, positive aspect of creation. On the other hand, irrespective of his will, in the process of creation the colors and lines will call out and awake thoughts and confidences as well as all other influences that the artist necessarily receives from life. All these things necessarily leave their imprint on the artist's choice of colors and forms, and his style is but the automatic working out of these things — it is not at all unusual that these automatic reactions sometimes go beyond the intent of the artist. It is through these traces that people sometimes find different values having to do with history, documentation, morality, politics and so on.

Thai Tuan - self portrait, oil on canvas, 30 x 40ins., 1996

Now that is the passive, negative aspect of artistic creation. In the twentieth century I have heard that the famous artist Malevich did a painting entitled, *White Square on White Background* (currently part of the collection at the Museum of Modern Art, New York). Actually he didn't do a thing, just let the whiteness of the canvas speak for itself. It could be that he had wanted to erase every trace of himself. Wise art critics have all been ecstatic about the work. As for the mass of viewers they could only be respectful and speechless in front of the work, not unlike the Zen master contemplating the cliff on top of the mountain.

In the discourse about art sometimes an idea leads to words but at other times a word can also lead to an idea.

*Orléans 1991*

# Random Thoughts on Viewing Tet Woodblock Prints

While a child I had a terrible fear of mice and toads. The fear came from nowhere, it seems, and I wasn't sure when it started, All I knew was that I had it, a clinging fear that did not leave me. No amount of concrete reasoning or wise explanation could help me get rid of the feeling.

One day near Tet, my mother brought home from the fair some New Year woodblock prints to decorate our home. Among them I found one that depicted a mouse wedding and another showing a toad scholar teaching his class. When I saw the mice blowing on trumpets and others riding horses, then homey frogs brewing tea and some even getting flogged possibly because they did not do their homework, suddenly I burst out laughing. From then on I found mice and toads to be lovable and my fear was gone.

When one fears something it's hard to like it; and when one doesn't like something it's hard to find it beautiful. Such a reasoning left me with some unanswered questions. Is beauty an intrinsic quality of things or is it "in the eyes of the beholder?"

Could it be that the colors and forms found in the Tet prints had a magical effect on me, demystifying my fear? Or was it the personification of the animals that led me to feel them close to me, to a human situation, that helped foster in me an empathy nurturing a universal sense of beauty?

In the visual arts the choices by an artist of colors and forms or subjects, whether made con-

sciously or not, are not simply fortuitous. That choice is first of all determined by his/her love of specific colors and forms and specific things that are close to the artist. Cézanne picked apples to draw his famous masterpieces, Utrillo succeeded brilliantly with his Paris street scenes and Modigliani chose to sing of the beauty of western women in his works. Born out of a passionate link to familiar sights and scenes of a society in which one was born and grew up, these choices have helped the artist see the myriad splendors and beautiful things surrounding him/her. But it was the human/e quality of the work that draws people together.

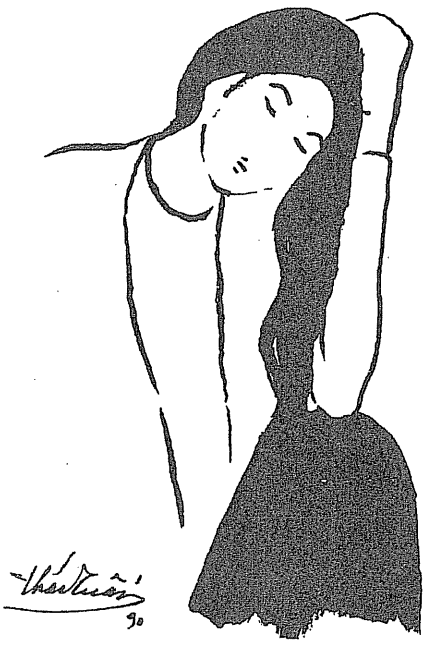

Normally the love of artists is a boundless kind that admits of little discrimination. But this is natural since his/her confidences can only be metaphorized through familiar everyday objects such as the long tunics ("áo dài") of women, banana or bamboo clumps, rural paths or back alleys that have evoked so much emotion in the viewers and inspired many a Vietnamese writer, poet or artist. It is natural because it has always been the ambition of artists to promote and express the characteristic features of their people and nation.

A new look at the Tet woodblock prints, which belong to the tradition of popular painting in Vietnam, shows that they share with the popular paintings of many other nations such characteristics as a certain naturalness, a certain awkwardness born of the fact that their authors did not belong to a certain school or were indebted to certain models. Any nation, of course, would have its own popular painting tradition but the Vietnamese woodblock prints are characterized by widespread popularity among every class in society, irrespective of whether they are rich or poor, noble or commoner, intellectual or working class. This is something that not all art works can claim to enjoy.

It is precisely this vast popularity of the Tet prints which led non-Vietnamese art historians to pay attention to them. And their studies have brought out many of the prints' characteristics such as colors and forms, including the Vietnamese aesthetic sense.

When discussing the history of Vietnamese painting, therefore, it is impossible not to mention the role of popular woodblock prints as part of the tradition in which we have had a hand in building — through its best artistic samples.

An explanation of what is considered beautiful can only be found in the art works themselves.

*1994*

# Ships Anchored at Delft

That afternoon as I was making my way through the crowd of viewers at the Rijksmuseum in The Hague my eyes caught sight of a landscape painting. Around me people were milling in great numbers but the landscape in the painting had set me dreaming. A large panorama filled with clouds and water, a corner of a city, a few palatial towers and churches. A few trees reaching out from behind wet walls. And the morning sun is weakly reflected on the buildings and things standing on the bank, themselves reflected in the glistening waters of the canal. The spring, it seems, had just been around. The ships resting at port had their sails rolled up. The scene, so peaceful, nonetheless had got the viewer to dream of a faraway voyage towards unknown lands.

The painting was the work of the famous Dutch artist Jan Vermeer. There was truly nothing more than one can add to the painting, to that *View of Delft.*

Standing in front of that painting, some viewers will look at it as if they stand in front of a beautiful landscape, others will be intrigued by the lines and colors of the work but lucky is he, whom chance had so placed that he felt himself echoing the confidence that Vermeer had entrusted in his work.

In the days that followed I had a chance to visit Delft. It was the same sky and the same canal that I had seen in the painting; but Delft itself had changed tremendously, had in fact rejuvenated. The image of a quiet little town has given place to youthful and modern lines and traits. Today's Delft clearly is no longer the Delft of the seventeenth century. I suddenly recalled two verses by the poet Vu Dinh Lien:

*O men of yesteryear*
*Where are you now?*

Men grow old inevitably, but nature remains the same and life keeps renewing itself. I was a mere traveler passing by yet I still felt something. It seems that man has an insatiable need to

look back, to yearn after things that have gone by; it seems that we see even better those that are no more than things that stand in front of our eyes.

I stand in the middle of this lively city yet my mind is still drawn to things past.

I kept wondering: When Vermeer started painting this work, was he really trying to copy what he saw at the time, or was it only a pretext for him to speak about a city that he knew since childhood, a city that concealed many of his cherished memories, a city that had seen him grow together with it, every minute of every day. For there cannot be a city that is built in only one day, including a city found in a work of art. A landscape is made up of the most intimate thoughts of an artist, it is not a specific moment whether it is yesterday, today or tomorrow. When art is attached to a present then time will help erase it. When time mediates between an image and the artist's vision what remains will only be graphics of a certain time.

Vermeer's Delft does not lie in a time period measurable as a short human lifespan on earth, from the moment of birth till the moment of death. It is not the time it takes for the earth to revolve around the sun, it has gone out of orbit in order to reach the immensity of the universe.

That kind of time is felt more often in the paintings of the Far East. The mountain peaks and rivers, the humans and things found in the paintings of the Tang and Song dynasties to this day can be said to be beyond change, in the very spirit typical of Eastern painting.

Vermeer has liberated the images of things that he saw, removing them from the time dimensions that can be affected by movement and displacement, from the time of destruction and decay which leaves nothing but ruins and waste, so that Delft can live on in the seamless time of that thing called art.

*Orléans 1988*

# A Dream of Origins

Truly, the search for beauty is a demanding quest.

Beauty cannot be found simply in what is called beautiful. Ask nature and nature will show its bewildering variety of forms while the natural forms themselves simply keep their silence. Ask man and he will say: "When one is sad, can the sight be cheerful? What makes something cheerful or beautiful, no matter from which angle one wishes to look at it, can at best be felt only — something inexpressible. Beauty is thus an expression depending on whether one is subject or object, agent or patient: "When the sight is sad, can man be cheerful?"

Beauty can be an expression of joy on a person's lips but it can also be sadness in someone's eyes. And if beauty exists so must its nemesis, ugliness. That division starts with man's first word since human progress is predicated on discrimination.

Since then, knowledge rules through words — its tools.

Did not the Buddha, after he was exhausted expounding his thought, say: "I did not say a word." After which he proceeded with a million more.

Thus the artist chose not to say a word in his quest for the beautiful; and his simplest wish is merely to find something "tangibly beautiful." But it is no easy task looking for something one does not even know. With such vague goal in mind the artist still has to start out, leaning on a wisdom cane and supported by some rules, techniques, and accumulated experiences. The work of art may be finished, like a blind man figuring out an elephant he is still full of doubt and asks a passer-by: "Pray tell, is this beautiful?"

The answers he gets, whether sincere or scholastic, are just like so many flickering oil lamps yielding a little light at a time. Expertise or naturalness, knowledge or emotions, seriousness or wit, it seems that they all add to the lingering doubt. He looks West and sees a world of colors; looking East, he sees soft lines; both are extremely seductive. His starting out becomes an endless adventure kept going by indeterminate steps. He no longer has the luck of the old masters, blessed with long days and vast months, blessed with the quiet of boundless fields stretching to the horizon, and blessed with the purity that comes with a simple way of life.

Nowadays, the highways are huge and asphalted but there is too much traffic; in the middle of the multitude he finds himself a solitary man; and palaces have now replaced the hills and woods, the plants and trees.

Wisdom confines one's freedom within the bounds of morality. All doctrines and isms, which may actually contradict one another, are now walking side by side on this evolutionary road. Only an individual's dream is still directed at long rivers and vast oceans — a weekend dream. But even this kind of temporary escape is filled with nostalgia, hence the deserted beach and unattended rivers.

Today's paintings are indeed true mirrors; the viewer suddenly sees his pained and distorted face in them. Uncertainties and coresponsibilities that are left unresolved. Tears that are no longer gems and pearls, and the cry, the shout of anger have replaced the song and the melody. Suffering, naked and shameless, brings along with it uncounted bitternesses. And the higher the techniques the more terrible the fettering. And the beautiful becomes mere adornments of knowledge.

The one going in quest of beauty no longer seeks it in knowledge or in emotions. His baggage is light, just a little purity of heart, enough to light the way for him so that he can identify what is beautiful in the long and endless night.■

*Orléans, France, March 1987*

# ON QUANTUM PHYSICS AND OTHER NOTIONS

NGUYEN HUNG VU

An article written by Pham Ngoc Khoi in this month's issue caught my eyes. The article was titled, "Stephen Hawking and his disbelief in god."

It is a well written article, apparently by a Vietnamese who reads science. And I enjoyed reading it. In it, Mr. Khoi criticized Stephen Hawking on certain subjects, especially God and the limits of science in dealing with subjects that are beyond the realm of science. However, as I scrutinized his arguments, I detected several not-so-obvious flaws that are worth mentioning here.

The first flaw is the misunderstanding of Mr. Khoi concerning Stephen Hawking's belief in the power of quantum physics. Quantum physics operates on a level that is far below the level in which complex living organisms interact with nature. Quantum theory is the theory of the subatomic world where the direction of time becomes meaningless and the duality of nature becomes important. Mr. Hawking, in his book, only stressed the encompassing coverage of quantum mechanics and believed it to be the foundation of all sciences because of its fundamental level. To be an expert in other fields, especially the ones involve complex molecules. A person can learn everything about music or knows everything about the Latin alphabets, but that does not necessarily make him a musician or a novelist.

The second flaw was Mr. Khoi's argument on the subject of entropy where he cited the photosynthesis process of the plant kingdom where reverse entropies seem to take place. As any science student knows all along, entropy is simply the measurement of the disorder of a closed system. In a closed system, we CAN, with proper modern equipments, DECREASE (or reverse) the entropy of that system, but the ENTIRE entropy of the universe ALWAYS increases. This in dictated by the laws of thermodynamics and entropy is merely the second part of it. If Mr. Khoi has doubt about his argument, I suggest that he reads page 230 of the book "One two, three... Infinity" written more than 40 years ago by one of the founding father of quantum physics, George Gamow, to have a clear explanation on this.

Mr. Khoi went on further to argue about how life forms in this universe. He mentioned the irregularities vs. the regularities resulting in our universe. I am afraid I do no understand this point of argument eventhough I have read *A Brief History of Time* more than once. I know that us humans have existed on earth for a mere several million year compared to the span of the solar system of some 5 billion years. It takes a lot of good chance for us to be here, and somehow the laws of probability, together with the law of gravity and other forces, have worked in our favor. Quantum physics, as I said earlier, operates on a completely different plane which does not interact directly with the living world. I believe that Hawking knows this but perhaps failed to convey his thoughts property resulting in Mr. Khoi's confusion.

The last half of the article in which Mr. Khoi mentioned about Einstein's God and the concept of Yin an Yang made me surprise. Mr. Khoi wrote about Einstein: "...he had a belief in God because he recognized the limitations of science." To me, the notion of God should be understood and agreed upon before we even try to use it in any essay. To Einstein or to Spinoza, God means something so much different from that of a devout Christian. To an atheist such as the French astronomer Laplace, God is simply a hypothesis not worth mentioning in his book. The Nobel laureate Steve Weinberg had some interesting notions about God in his book that I agree with. Understandably, it is very ambiguous to read about things like that because the writer and the reader may differ widely on so recondite a concept such as God. When Hawking said he does not believe in God in the 4-dimensioned universe, it is very important to understand what Hawking means by God before even trying to dispute with him. I feel that Mr. Khoi took side with Einstein simply because Einstein believed that God didn't play dice with the universe. However, a locally effective God who readily intervene divinely with human affairs somehow lowers the notion of an almighty God.

The last item that I would like to mention is the concept of Yin and Yang. Here, Mr. Khoi erred again when he talked about the law of destruction and creation. The concept of Yin/Yang is a very archaic concept created several thousand years ago by ancient Chinese in a futile attempt to understand nature and should be discarded. At that time, the Chinese observed nature with only naked eyes and a few crude tools to poke around. For example, when they saw a star appeared very brightly during day-

light, they were awe-struck and did not know what it was. For us, it was the Crab nebulae, a remnant of a common event called supernovae. The ancient Chinese also used to believe in forces such as wind, fires, etc... and the five elements of nature (metal, wood, water, fire, earth). For modern chemistry and physics, it ain't so anymore. We also discovered the 4 fundamental forces of nature that govern the entire observable universe. We also discovered a deeper level of nature based on the powerful concept of summetry breaking. We even went on further and suggested that this entire universe is consisted of vibrating strings and the vibrations of these strings create the quarks and pre-quarks which are the fundamental building blocks of matter. The law of destruction mentioned by Mr. Khoi is simply either the manifestation of the electromagnetic force being released when a pack of dynamite is heated, or the release of the nuclear force when a nuclear bomb is exploded, in which the strong nuclear locked deep within the quarks is freed, resulting in nuclear blast. But in these processes, absolutely nothing is "destroyed." On the other hand, the law of creation is carried within each of us. A person does not have to go to a lab to create a living thing, all he or she needs is another person of opposite sex and a bed, and together they can perform the law of creation beautifully. When living things first appeared on earth eons ago, the law of creation and the law of destruction are inborn in each of us and we simply, and will eventually die. The law of creation and destruction have been in corporated into each living cell already. We were born, we grow up, multiply, and destruction are inborn in each of us and we simply perpetuate a game that nature has given us in the very beginning. Therefore, to relate the law or destruction (Yin) with weapons and the law of creation (yang) with making an earthworm in the lab is simply incorrect.

In conclusion, I would like to say that myself particularly do not like Hawking's theory on baby-universes and I always consider him a second rate scientist eventhough many people call him the smartest. For example, he lost a famous bet about black hole to another scientist, Kip Thorne, who is a talented scientist at Caltech, and is the author of an excellent book about Black Holes. Stephen Hawking also erred when he considered that some day in the far distant future, when the universe collapses into a cataclysmic Big Crunch, time will reverse itself. This idea was so wrong it raised questions in other scientists' minds as whether Hawking is normal in his thinking. He later changed his mind about this. These 2 errors have shown that Hawking, however smart he is, is not in the same league as other giants in the world of particle physics such as Steve Weinberg, P.M Dirac, Sheldon Glashow, John Wheeler, or Richard Feynman, to name a few... the distinction between Stephen is completely disabled and was forced to calculate difficult strings of complex tensor mathematics in his head only. This debilitating disease slowly destroys him but nevertheless made him famous.

To me, the belief or disbelief in a Creator depends very much on what we mean by Creator. A clear definition must be set. The astronomer Carl Sagan has repeatedly mentioned this to people who engage in theological conversations and he has written numerous articles about God. Without a clear idea what we are searching for or trying to prove, we may never be able to find it or to prove or disprove it.

However, Mr. Khoi's article is a good example of science writing and I am looking forward to seeing more of his articles.■

*Chino Hills.*

LE DUC VUONG MINH

# LIKE PINEWIND SINGING

*I sip every word of your voice*
*Your real and gentle word*
*I kiss your nice and pretty heart*
*The heart of zest and love*

*I hear your tone resounded*
*The tone you sing sweetly*
*Your tone has young and gold pitch*
*Can reach the Zenith and the Milky*

*Your soul is great like the sea*
*Is high like the Heaven Tree*
*Your mind is wide and large*
*That embraces the cloud and the breeze*

*Why do you cease talking my love?*
*This puts me into deep sorrow*
*Tonight the warm fire is exhausted*
*I stay cold and look for you*

*I come to see you as you wish*
*In a pure and clear shining day*
*I feel happy at your first look*
*Then sad deeply on returning way*

*How delighted at your fresh meeting!*
*And that becomes the last greeting*
*But in me your voice still existed*
*Soft and sound like pinewind singing*

*Điều chúng ta cần nhất hiện nay cho nghệ thuật là sự cao quý...*
*và đĩa nhạc Chiều Về Trên Sông là một tác phẩm cao quý vì những ca khúc được chọn lựa, cách hòa âm, và nhất là vì tiếng hát cao quý của Quỳnh Giao.*

PHẠM DUY

Hãy tìm mua

## Chiều Về Trên Sông

với tiếng hát

## Quỳnh Giao

**và hòa âm đặc sắc của DUY CƯỜNG**

● **Chiều Về Trên Sông** *Phạm Duy* ● **Từ Đó Khôn Nguôi** *Tuấn Khanh* ● **Khi Cuộc Tình Đã Chết** *Phạm Đình Chương - Du Tử Lê* ● **Dạ Khúc** *Nguyễn Văn Quỳ* ● **Nương Chiều** *Phạm Duy* ● **Dốc Mơ** *Ngô Thụy Miên* ● **Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi** *Phạm Duy* ● **Thuyền Mơ** *Dương Thiệu Tước* ● **Đêm Thấy Ta Là Thác Đổ** *Trịnh Công Sơn* ● **Người Về** *Phạm Duy*

Xin Quý Vị liên lạc thư từ và chi phiếu tại địa chỉ
**Doantrang Nguyen**
**P.O.Box 1445 Tustin, CA 92781-1445**
**Tel & Fax: (714) 733-2025**

Có Bán Tại Những Nhà Sách và Trung Tâm Băng Nhạc Uy Tín hoặc được gửi tận nhà với giá biểu 15 Mỹ kim, kể cả bưu phí.

---

## Quý đồng hương và thân hữu đã từng yêu thương Quảng Nam - Đà Nẵng Không thể nào bỏ qua Đặc San Quảng Đà. . Đã phát hành khắp nơi

***Nội dung phong phú với sự cộng tác của các tên tuổi quen thuộc:***

*Lê Văn Bá . Nguyễn Tường Bách . Lê Cát Bình . Hứa Văn Bân . Nguyễn Đức Sao Biển . Ái Cầm . Lê Tống Củng . Trương Duy Cường . Phong Diệp . Hồ Minh Dũng . Cung Diễm . Lê Công Đa . Lê Hồng Đa . Phạm Xuân Đài . Trần Trung Đạo . Phạm Hữu Đăng Đạt . Hồ Thành Đức . BS Bùi Minh Đức . Vũ Hữu Định . Nguyễn Tường Giang . Nguyễn Đông Giang . Thái Tú Hạp . Hà Quốc Huy . Vũ Hối . Phan Huy . Trần Yên Hòa . Luân Hoán . Trương Duy Hy . Tống Nữ Mộng Hoa . Đặng Hiền . Trọng Hiền . Duy Lam . Nguyễn Thiệu Lâu . Hoàng Lộc . Trần Vấn Lệ . Võ Văn Lượng . Vương Ngọc Long . Tường Linh . Lê Thứ Lang . Nguyễn Trọng Linh . Hà Kỳ Lam . Trần Lư Nguyên Khanh . Vũ Ký . Dư Mỹ . Phạm Tường Mây . Nguyễn Hương Nhân . Thảo Nguyên . Cao Mỵ Nhân . Lưu Nguyễn . Huỳnh Liễu Ngạn . Lê Văn Nghĩa . Vũ Khắc Nghiêm . Huỳnh Nhâm . Phan Nhật Nam . Đoàn Ngọc Nam . Lưu Công Nhân . Hồ Xuân Ngọc . Nguyễn Xuân Phi . Nguyễn Xuân Quang . Hoàng Quy . Võ Quê . Nguyễn Kim Sắc . Võ Thành Sơn . Nguyễn Phước Tương . Huy Tưởng . Hà Nguyên Thạch . Toàn Trọng . Hồ Ngọc Thạch . Thành Tôn . Khánh Trường . Nguyễn Phúc Vĩnh Tung . Nguyễn Miên Thượng . Phan Quang Tuệ . Trần Hoài Thư. Nguyễn Xuân Tính . Phương Vân . Đằng Vân . . Bìa tranh của Khánh Trường*

**Dày trên 450 trang - 12 đô la gồm cước phí.**

*Mọi chi tiết xin liên lạc về:*
**ÁI CẦM - THÁI TỬ HẠP**
**P.O. Box 428 Rosemead, CA 91770**
**Điện thoại: (818) 286-1239/(818) 286-9798**
**Fax: (818) 286-3293**

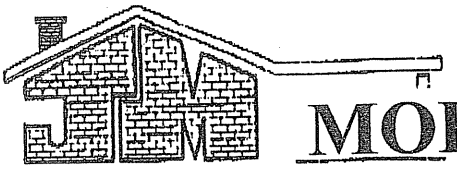

# MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
17802 IRVINE BLV. #125, TUSTIN, CA 92680
PHONE: 714-544-5009 * FAX: 714-544-5677

## HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:

Bạn có thể mượn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

## NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: * Giá trị nhà thấp hơn nợ cũ * Tiền trả hàng tháng cao quá * Bệnh nặng hoặc chết chóc * Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA**, **VA**, Conv (trên toàn Hoa Kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

***Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down***

"Lead" prvided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

Đấu giá (BID) nhà của chính phủ hoặc ngân hàng ở những vùng Irvine, Mission Viejo, Fountain Valley, Huntington Beach.

**e-mail: jm-mtg-cor@apc.net**

***Kha John (Pager: 714-571-6885)***



# Phở Cali

* Ngon mà lại rẻ
*Không bột ngọt
*Ngò gai rau quế bốn mùa

**Chè Cali**
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556



# DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
*(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)*

**TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074**

## Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
## Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

**CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:**

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

**BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:**

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...**

**MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN**
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

# Lá Lành Đùm Lá Rách

**SAP-VN** là một hội thiện nguyện hợp pháp (thành lập năm 1992) được hưởng qui chế miễn thuế của tiểu bang California và liên bang Hoa kỳ theo điều luật 501(c)3 của IRS.

**Mục đích** — Trợ giúp về y tế, giáo dục và xã hội cho các trẻ em nghèo, khuyết tật, và đồng bào kém may mắn ở Việt Nam.

**Ngân quỹ hoạt động** — Do sự đóng góp tài chánh của mạnh thường quân và sự nỗ lực gây quỹ của hội.

Ngân khoản trợ giúp hằng năm trung bình khoảng $50,000 mỹ kim; dụng cụ và vật liệu y tế trị giá khoảng $100,000 - $500,000 mỗi năm.

**Bản tin Green Cross** phát hành miễn phí mỗi tam cá nguyệt để tường trình về hoạt động của SAP-VN ở Hoa kỳ và Việt Nam.

## *HOẠT ĐỘNG CỦA SAP-VN*

- **Tài trợ hoạt động khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình, vá môi và hở hàm ếch cho trẻ em khuyết tật gia đình nghèo.**
- **Bảo trợ Quỹ Khuyến Học cho Giáo sinh Sư phạm ở các tỉnh.**
- **Chuyển tặng trang thiết bị, vật liệu y khoa cho các bệnh viện, đại học.**
- **Tài trợ Quỹ Ẩm Thực cho Trường Nuôi Dạy Trẻ Khuyết Tật Nhà Bè.**
- **Trợ giúp nạn nhân thiên tai, bão lụt (khi điều kiện ngân quỹ cho phép).**

*Mọi đóng góp ý kiến, công sức và tài chánh xin liên lạc về:*

**10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, California 92643**

**Phone & Fax (714) 537-4877**

***Giờ mở cửa văn phòng: Từ 10 giờ sáng - 5 giờ chiều mỗi Thứ Bảy.***

*XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!*

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

# ADVANCE BUSINESS COPIERS

COPY FAX

LASER PRINTERS

TONER CATRIDGES

FREE IN-SHOP ESTIMATE

BÁN & SỬA CHỮA

THUÊ & LEASE

HỢP ĐỒNG BẢO TRÌ

NHẬN ĐẾN MỌI NƠI

ORANGE-LOS ANGELES-RIVERSIDE-SOUTH BAY

ĐẶC BIỆT : $39.95 & UP

REMANUFACTURED CATRIDGES WITH EXCHANGE

NHÂN VIÊN VIỆT NAM * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

LÀM VIỆC KỸ LƯỠNG & CÓ BẢO ĐẢM TRÊN GIẤY TỜ

15107 MORAN STREET. WESTMINSTER, CA 92683 714-894-2655

1-800-513-COPY

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

# HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

- Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

## Phiếu Mua Báo Dài Hạn

*(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)*

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ___. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không)
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

Bánh Mì Cali

$1.35/1 Ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo
vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

# Quỹ Cứu trợ Bão Lụt cho Việt Nam
# Flood Relief Fund for Vietnam (FRF/VN)

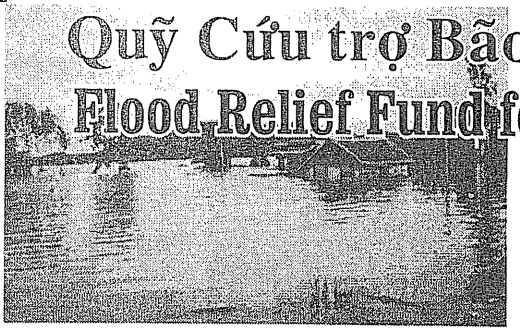

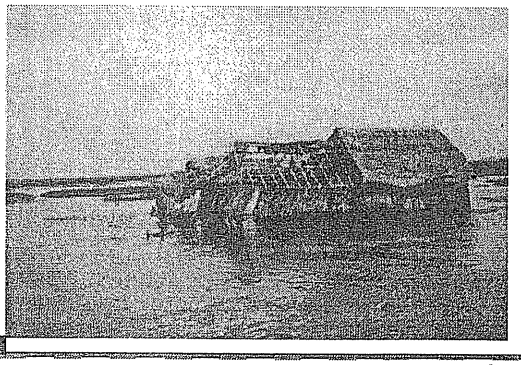

***Với sự phối hợp của 4 đoàn thể trẻ:***

- **Hội thiện nguyện SAP-VN** (Green Cross)
  *Đại diện: Nguyễn Ngọc Thành*
- **Hội Ái Hữu Sinh Viên Việt Nam**
  *Đại diện: Đinh Ngọc Lệ Hồng*
- **Liên đoàn Thanh Niên, Sinh Viên, Học Sinh Việt Nam**
  *Đại diện: Vũ Quốc Phong*
- **V.I.E.T. Foundation**
  *Đại diện: Nguyễn Công Bằng*

**... và một số thân hữu.**

## *Chủ trương:*

**TRỢ GIÚP TẬN TAY ĐỒNG BÀO NẠN NHÂN THIÊN TAI, BÃO LỤT.**

## *Địa chỉ liên lạc:*


**Flood Relief Fund for Vietnam**
***622 So. Harbor Blvd.***
***Santa Ana, CA 92704-1340***

Phone/Fax: (714) 775-9528
email: floodSOS@aol.com


***Xin quí đồng hương vui lòng liên lạc với FRF/VN để biết thêm chi tiết.***

---

***Ảnh từ trên xuống:***

- Một cảnh lụt ở Thanh Hóa ('96)
- Một buổi phân phối quà cứu trợ ở Kiên An (Kiên Giang, '94).
- Thăm viếng và cứu trợ đồng bào ở Sơn Hòa (Phú Yên, '93)
- Một cảnh lụt ở Châu Đốc ('95).

## PHIẾU ỦNG HỘ

Họ và Tên: _____

Địa chỉ: _____

Thành phố: _____ Tiểu bang & Zip: _____

Điện thoại: _____

**Số tiền ủng hộ: $**_____

** Tax Deductible Receipt issued by SAP-VN*
*CA Non-profit ◦ Federal ID #33-0539755*

*Chi phiếu và ngân phiếu xin đề tên:*

**Flood Relief Fund for Vietnam -FRF/VN**
**622 So. Harbor Blvd., Santa Ana, CA 92704**
**Phone/Fax (714) 775-9528**

*Xin giúp FRF/VN bằng cách sao lại bản này và gửi đến các thân hữu hảo tâm. Rất cảm ơn.*

# NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

# VANCO FOODS * LITTLE SAIGON

SUPERMARKET

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92843
TEL.: **(714) 530-2999**

SUPERMARKET

9822 BOLSA AVE., WESTMISTER, CA 92683
TEL.: **(714) 531-7272**

## ĐÁP LẠI SỰ ỦNG HỘ CỦA QUÝ KHÁCH, TỪ THÁNG 8/1996, SALE VÀ TẶNG THƯỞNG ĐẶC BIỆT NHIỀU LÔ TRÚNG $1000 - $500 - $100 - $50 V.V... VÀ 1 XE TOYOTA CAMRY 96

***ĐẶC BIỆT: XỔ SỐ - TẶNG QUÀ ĐEM ĐẾN CHO QUÝ KHÁCH:***

Chương trình sổ số đặc biệt của chúng tôi là một món quà để chân thành cám ơn quý vị đã chọn LITTLE SAIGON VÀ VANCO FOODS là ngôi chợ của gia đình.

- **Mọi vé số tặng đều bảo đảm được trúng thưởng và lãnh bằng tiền mặt tại chỗ TỪ $1 ĐẾN $1,000.**
- **Hoặc trúng quà và 1 xe hơi Toyota Camry 1996**

- Chúng tôi cũng thay lời cám ơn quý khách bằng những quà tặng thật giá trị cho mỗi lần đi chợ.
- Quý vị có thể nhận lời cám ơn của Công Ty bằng vé số, quà tặng kết hợp cả hai món quà trên.

**Hàng Sale từ 08-08 đến 08-14, 1996**

| | |
|---|---|
| - Rau muống | 39¢/Lb |
| - Sầu riêng trái | $1.49/Lb |
| - Nho xanh, đỏ | 59¢/Lb |
| - Bún quế lâm | 59¢/gói |
| - Mì tô Đại Hàn | $2.99/thùng |
| - Cá Bông Lau | $1.39/Lb |
| - Đùi gà vàng | 55 /Lb |
| - Nạc đùi heo | $1.49/Lb |

79¢/EA

**và còn nhiều mặt hàng SALE khác tại chợ**

# ĐẶC BIỆT

## *Chiên Cá, Hấp Tôm Cua tại chợ.*

**Quý khách hàng đã biết rõ về giá hạ cũng như phẩm chất luôn luôn tươi tốt của chợ chúng tôi, không nơi nào bằng.**

VISA | MasterCard | DISCOVER | ATM

Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

# CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn **NHẤT**
- Hàng nhiều **NHẤT**
- Thịt, cá, rau tươi **NHẤT**
- Đủ loại hàng thực dụng **NHẤT**
- Giá cả các loại hàng hạ **NHẤT**
- Đã có tặng phẩm nhiều **NHẤT**
- Tiếp đãi ân cần **NHẤT**
- Địa điểm thuận lợi **NHẤT**
- Bãi đậu xe an toàn **NHẤT**
- Và đã được mọi người ưa thích **NHẤT**

MỞ CỬA
7 NGÀY TỪ
8:30AM-9:00PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

# Dạ Khúc
## SERENADE

NGUYỄN THÀNH VÂN

với

LÊ NGỌC CHÂN
*piano*

Người ơi! Người ở đừng về *(Dân ca Quan Họ)* • Bóng em *(Dân ca Chàm)* • Tuổi đá buồn *(Trịnh Công Sơn)* • Chiều ngoại ô *(V. Solovyov-Sedoy & Vương Thịnh)* • Tại vắng anh *(Tuấn Khanh)* • Tìm nhau *(Phạm Duy)* • Ngồi tựa mạn thuyền *(Dân ca Quan Họ)* • Mộng lành *(Hoàng Trọng)* • Nửa hồn thương đau *(Phạm Đình Chương)* • Dạ khúc *(Franz Schubert & Phạm Duy)*

Âm nhạc: MARK KNOX & LÊ NGỌC CHÂN
Thân thanh tại NEWSOUND (Philadelphia, PA) & FANTASY STUDIOS (Berkeley, CA)
Ảnh: ĐOÀN KHOA
Trình bày: NGUYỄN ĐÔNG
Ấn loát tại PRECISION (City of Industry, CA)

VAN NGUYEN

14265 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92843; Tel.: 714/531-2773
42 Caspro Street #6, San Francisco, CA 94114; Tel.: 415/621-3215
E-mail: vann@cgl.ucsf.edu

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim